

HIẾU CỎ ĐẶC SẢN

Vương-hồng-Sễn

THÚ CHƠI CỎ NGOẠN

- *Bài luận*
- *Con voi già*
- *Văn-Nhược-Hư*
- *Thu-Tiên*
- *Đổ-Thập-Nương*
- *Mãi-Du-Lang*
- *Bá-Nha – Tử-Kỳ*
- *Châu-Du – Gia-cát-Lượng*



Số 3

1 - 1971

HIẾU CỎ ĐẶC SAN

Vương - hồng - Sển

THÚ CHƠI
CỎ NGOẠN

TỰ

HIẾU CỒ ĐẶC SAN ra được hai số, thử đánh dấu đường đi: tưởng đâu thợ trường, nào ngờ không sai không đen, chút nữa chết non. Mấy lời nghe được, sau khi gửi tập 2, thiệt không chút nào khích lệ:

— thời buổi này mà sách in không có hình, ai dư công đọc?

— một cây viết máy, giá trị còn hơn!

Thiệt là: cây không ngã vì sét đánh, mà ngã vì gió, đá không sợ sức nặng đè, mà sợ giọt nước rỉ rả chảy mòn.

Tội nghiệp chúng tôi: tâm huyết có thừa, tài chánh sẵn người tốt giúp, tài liệu thâu thập còn dư, viết bốn năm tập nữa chưa phỉ, thế mà muốn buông gánh nửa đường.

Đang khi thối chí, kịp nhớ lại: lời nói vô căn không đủ nản lòng. Mình chỉ còn sống không trọn một mùa đông (tuổi đã 70), cũng phải quét tuyết dọn đường, sau này có ra đi vĩnh viễn, cũng còn lại chút gì ty tiện.

Vì lẽ ấy, chúng tôi lại tiếp tục cho ra tập 3.

Nhưng đổi ý khác. Nơi sau bìa tập 2, có nói: tập 3 sẽ là: « *TỪ SỬ QUA TRUYỀN TÀU* ». Xét lại đề này có thể tạm gác qua một dịp sau, đề có thì giờ gói ghém thêm kỹ nữa, và trở lại lời cam kết ghi trong phi lộ ở tập 1, nay xin nói về: « *THÚ CHƠI CỒ NGOẠN* ».

Tài hèn sức ít, biết bao nhiêu viết bấy nhiêu, nhưng giấy nếp giữ lề, luôn luôn sẵn lòng thỉnh giáo.

Cần tự,

Gia-định, viết từ 19-9-1970 đến 19-2-1971.

Nhà đòi số mới, 11 đường Nguyễn Thiện Thuật (Gia định)

Vôn đường phủ, Đạt cồ trai

V.H.S.

1. — Thú chơi cở ngoạn

Trong bộ « Cở học tinh hoa » của Nguyễn văn Ngọc và Trần lê Nhân soạn, bản 1933 nhà Vĩnh Hưng Long Hà nội in, quyền nhất, trang 149, ông Âu dương Tu có kể chuyện này, nay xin lấy ra làm tỷ dụ :

« Có tích ông Trần Nghiêu Tư, người đời Tống, bắn
« cung giỏi có danh, thường coi thiên hạ không ai hơn
« mình. Một hôm, nhơn tập duợt trong sân nhà, có lão bán
« dầu gánh gánh đi qua, thấy ông giương cung, bèn đứng
« lại ngắm nghia xem mãi.

« Nghiêu Tư bắn mười phát, trúng được tám chín, ông
« lão bán dầu gật gù mỉm miệng cười.

« Nghiêu Tư gọi vào hỏi : « Nhà ngươi cũng biết bắn
« à ? Ta bắn chưa được giỏi hay sao ?

« Lão bán dầu nói : « Thừa ông, theo tôi tưởng chẳng
« phải giỏi gì cả, chẳng qua quen tay thôi.

« Nghiêu Tư giận bảo : « Nhà ngươi dám khinh ta bắn
« không giỏi à ? »

« Lão bán dầu nói : « Cứ xem tôi rót dầu đây. »

« Nói rồi bèn lấy một cái bầu đặt xuống, để đồng tiền
« diều lên miệng bầu, từ từ rót dầu qua lỗ đồng tiền : tay
« không run, hơi thở đều đều, ông lão rót ra một giọt
« dầu nhỏ như tim bắc, thẳng như nét mực tàu, dầu riu riu
« xuyên qua lỗ chun tót vào êm ái, tự nhiên không một
« nhều rớt rơi, không một điểm vấy vá ; và đồng tiền lúc
« dầu đến lúc chót, sạch như trong túi mới lấy ra !

« Đoạn cất gánh lên vai, ông lão từ tạ chủ nhà, chầm

«rãi nói : « Như vậy cũng chẳng phải giỏi gì, chỉ lâu ngày quen tay mà thôi ».

(Âu dương Tu, trong Cổ học tinh hoa)

Nay ta thử xem anh bán hàng thịt ngoài chợ, lại mấy học khoa giải phẫu, thế mà khi ra thịt, tránh từ khớp xương thớ nạc, chặt mạnh sả đều, thái thịt như sẵn ni tắc trong tay, miếng nào liệng lên cân là không xê xích ý muốn, không vụn không nát, ngày này qua tháng nọ, dao không mẻ không khờn, ấy mới lành nghề !

Đừng nói đâu xa, mấy bà mấy cô sắm kim cương, lựa hột xoàn, tý vết không lọt khỏi mắt, chỉ ngó thoáng qua là biết hột nặng mấy ca ra,¹ hột có kinh nứt, hột có ần than trong kẹt, hột nước dầu hôi hay nước lòi, hà tất theo đuổi trường chuyên môn nào ?

Vậy cho biết, trăm hay không bằng tay quen, mình tinh nghề mình, người chuyên nghề người, thế thôi.

Bây giờ trở lại vấn đề : « *Thú chơi cổ ngoạn* ».

Tôi không dám lớn tiếng khoe biết coi đồ cổ rành nghề. Sự thật tôi chỉ muốn cống hiến quý vị phần kinh nghiệm của tôi thâu thập đã trên năm mươi năm đăng đẳng. Nay thử lấy những chỗ nghe thấy hiểu biết riêng đem trình bày ra đây, gọi để giúp trong muôn một, những bạn nào muốn tự học, có một nghề riêng biệt. Nhà văn hào Pascal đã nói : « *Cái tôi là cái đáng ghét* ». Nhưng như đã nói trên, đây là tôi dốc lòng muốn lấy bản thân mình ra làm tỷ dụ,

1. *Cara* : do chữ « *carat* » của Pháp. Trước Pháp mượn của Ý, và nước Ý mượn của Ả rập. Có hai thứ carat :

a) để đo tuổi vàng, « *carat* » là $1/24$ của « *denier* ».

Vàng 24 carats là vàng y, vàng ròng không pha.

Khi nói vàng tuổi 23 carats, tức là vàng có pha $1/24$ chất kim khác với $23/24$ chất vàng ; còn vàng tuổi 10 carats, tức là vàng thấp, có $10/24$ vàng, và $14/24$ một chất kim khi khác.

b) để đo sức nặng của bảo vật như kim cương, hột ngọc trai, v.v... thì 1 carat là sức nặng gần bằng 20 centigrammes, hay 2 déci-grammes gọi là carat métrique.

nêu những lỗi lầm đã vấp từ trước cho các bạn biết mà tránh sau này : xin các bạn lượng xét cho tôi chỗ đó. Nếu tôi nói đúng, các bạn hãy nhìn nhận cho tôi mừng, để tiếp tục nghiên cứu tới ; nếu tôi đi sai đường, xin các bạn vui lòng chỉ giáo. Nhiều cây gộp thành rừng, nhiều tay vỗ nên bộp. Về sau, khi chúng ta hiệp sức nhau, giúp được chút nào cho các bạn tương lai khỏi gặp những cái chúng ta từng phạm, thì các bạn và tôi, kể đã có công rồi vậy. Trừ phi ở không ở nhưng, ngồi bó gối thờ chủ nghĩa làm thinh, thì mới khỏi lầm lỗi, kỳ dư hễ bắt tay vào việc, thì tránh sao khỏi trật khỏi hư.

Tôi ước ao các cụ túc nho lão thành, hãy truyền nghề hay lại cho đoàn hậu tấn. Tôi cầu mong các ông bạn tinh thông chữ Hán, hãy giúp tôi khám phá những chữ khó đọc trên đĩa xưa. Và tôi hết lòng chờ đợi các ông tân học sẵn lòng chỉ bảo tôi những cái hay các ông thấu thập tự phương trời xa. Thú thật, khoa nghiên cứu cổ ngoạn, nhất là về đồ sứ, đồ sành đất Huế, vốn còn mới mẻ lắm. Nghe đâu bên Anh quốc, trước đây có mở một chuyên khoa dạy riêng về cách nhìn biết đồ đất nung và đồ gốm cổ Trung hoa, nhưng dễ gì xin vô học ? Ngoài ra các nước Âu Mỹ, chỉ chuyên chú vào các cổ vật Trung hoa, Nhật bản, đồ Tống đại, đồ Đông Thanh, hoặc đồ men chàm Nguyên, Minh, chớ tôi biết chắc họ rất hứng hờ với các đồ sứ « An Nam » ta, đến nay họ giạt mình muốn khảo cứu thì cơ hội đã đi qua, trề tràng lắm rồi. Họ chưa thành thạo lắm đâu mà hòng quá tin vào họ. Đến như tôi, nay tuổi già thốn mỗ, thêm sức có một người, và thêm bấy lâu hạn chế, không từng xuất dương học hỏi nước ngoài, nên làm sao biết đủ hết các mảnh khoe éo le của cái nghề mới kia ? Vì vậy tôi thiết tha yêu cầu, phải có nhiều tay hiệp lực, kẻ công người của, kẻ kinh nghiệm, người Mạnh Thường, họa may sau này ngành học văn của chúng ta mới được ngoại

bang chú ý. Riêng tôi, tôi sẵn lòng nghiêng tai nghe dạy, và xin bái lĩnh trước lời vàng. Nội các món đồ cổ ngoạn đất Thần kinh, nói chơi chơi như đồ men lam Huế, (Pháp gọi «bleus de Huế»), có mấy ai dám vô ngực, xưng mình thành thạo?

Cốt ý của tôi khi viết bài này, tôi chưa vội nói đến nghệ thuật hay khoa chuyên môn nghiên cứu đồ cổ ngoạn, vì muốn nói cho rành mạch vấn đề này, trong một đôi bài có hạn, không thể nào diễn tả hết ý được. Chủ tâm của tôi hôm nay chỉ bàn đại lược về «*Thú chơi đồ cổ ngoạn*» để tìm bạn tri âm, để kêu gọi mời mọc những nhà hiếu cổ tòn cổ, khuyến khích những ai có chút lòng ưu ái đối với các di vật cựu thời, hãy bớt thành kiến truyền thống giai cấp, bớt câu nệ hão, và hãy khéo phân biệt những gì là phong kiến nên bỏ, những gì là tinh hoa quốc túy nên giữ lại. Tôi xin quý vị hãy thương tiếc những gì là dấu vết của nền văn minh cũ, ông cha ta đã dày công để lại, và hãy gia tâm cứu vớt những di vật lớp trước, những bóng vang một thời, những nét chạm xuất thần trên gỗ, những bát sứ lọ cổ, đầu Phật đá, bộ chén trà, đang bị một số kiêu dân nhiều thế lực, lắm bạc tiền, tom góp cạy gỡ chuyển vận đem về nước họ. Biết bao đồ vật ngày nay mai một, hoặc vì chôn giấu hấp tấp lâu ngày nên xiêu lạc mất chỗ tìm không ra, hoặc bởi người cổ chủ đã bỏ làng vô phương hồi cố, hoặc đã bỏ mình trong cuộc loạn ly? Xin các bạn tốt phước hãy lưu tâm bỏ chút thì giờ để cùng tôi sưu tầm cứu vớt lại những món đồ vật đang lạc loài, đang bị một võ phu chà đạp dưới đế giày duy vật, vì họ là bọn người triệt đề thi hành chiến lược «*tiêu thổ*» hoặc tệ hơn nữa, họ chỉ là đũa dung phu vô tình, khi túng thì liều, quơ càn «*cái gì có trong nhà*», ôm đem bán «*được mớ nào hay mớ nấy*», bất chấp giá trị của món đồ bán ra, đến khi tỉnh ngộ nhớ lại thì toàn là của quý ông

bà để lại, măng bào xưa, ấn ngọc cổ, lục bình quý, khay trà tử chạm, thập vật chi chi, tuy không chân không cánh, nay đã bỏ xứ mình bay ra nước ngoài vĩnh viễn.

* * *

Nay ta thử hỏi : « *Thú chơi cổ ngoạn* » là gì ?

— Xin đáp : « *Thú chơi cổ ngoạn* », hay nói nôm na cho dễ hiểu, « *Thú chơi đồ xưa, đồ cổ* » là một thú nhân : lặn lội tìm tòi từ góc chợ xóm quê những di tích sót lại : cái cổ-đồng ten rỉ, cái diếu sứ lạc tinh mòn lý, đem được về đến nhà tắm tiu chùi rửa sắp vào tủ quý, lâu ngày mua sắm được nhiều món bèn đem ra chia từng loại từng môn, sắp theo thứ tự niên hiệu năm chế tạo, rồi để tâm nghiên cứu khảo xét tỷ mỹ : ten đồng rỉ đến bậc đó thuộc về thời đại nào, đồ sành *lạc tinh*¹ đến mức độ đó thuộc về thế kỷ nào, mất ăn bỏ ngủ, nghe ở đâu mới đào được một món lạ mình chưa từng có hay chưa từng thấy, là lân la đến

1. Trong thú chơi cổ ngoạn, có một danh từ quan trọng nhất, là danh từ « patine » của Pháp.

Patine : oxydation naturelle ou artificielle du bronze, qui se recouvre d'une couche de vert-de-gris. (Patine : lớp ten thiên tạo hay nhơn tạo của chất đồng để lâu năm, hay chôn lâu năm dưới đất). Sau, cũng dùng danh từ « patine » để gọi đồ sành đồ gốm lâu đời, bị mòn lý và đóng một chất hờm không cạo ra hay không bắt chước giả tạo được, hoặc bị lu mờ lớp men ngoài đi.

Tôi tra các tự điển không thấy danh từ nào ổn thỏa để dịch chữ patine (Đào Duy Anh dịch : lớp mốc đóng ở ngoài những đồ đồng xưa : (la patine d'une statue) ; hay sắc cũ, nước cũ (la patine des tableaux anciens), hoặc bụi rêu trên mặt đá mặt bia, v.v...

Tôi thấy cách dịch làm vậy không thích ứng và không nói được ý mình muốn nói, nên thuở nay tôi tạo ra và dùng một danh từ mới, ước mong các vị tỷ như trong ủy ban điển chế văn tự xem xét lại và công nhận nếu thấy đúng. Đó là danh từ « lạc tinh », do sự ghép lại của chữ « lạc » (rớt rơi, suy bại) và chữ « tinh » (thuần túy, bỏ hết tạp chất). Tỷ dụ : cái chén Mai Hạc này đã lạc tinh, nghĩa là chén ấy đã mòn lý và da men ngoài đã hết bóng vì đã lâu đời,... Một tỷ dụ nữa : bức tranh thủy mặc này đã lạc tinh, nghĩa là tranh đã cổ đến giấy mực đều trở màu cũ kỹ, v.v...

xin coi, cố nài mua cho kỳ được, không mua được thì bù đắp ba hoa xin đổi vật khác, không đổi được thì rầu rĩ nhớ nhung, chạy đôn chạy đáo kiếm cho ra một món y hệt như của người ta có mới vừa lòng. — Để chi? Để rồi, đời sống có hạn, một mai nhắm mắt thì tha hồ cho con cháu phanh phui hoặc giả chúng kêu người bán đấu giá đến gõ búa ngà phát mãi!

Đây tôi chỉ xin bàn đến thú chơi đồ xưa đồ cổ bằng sành bằng sứ, đồ gốm đồ đất nung, đồ da kiêu da đá, và xin miễn bàn đến thú chơi con tem dán thư, khuê bài bửu tinh và các loại khác như vỏ hộp quạt hay nút áo nhà binh hay cổ tiền, lục lạc ngựa, v.v... vì ôm đồm quá lắm, không khéo « Ban môn lộng phủ » ích gì?

Kể ra chơi đồ xưa mất ngày giờ thật, phí công lại hao tiền, mà biết làm sao bây giờ, khi đã vương lấy thú chơi ấy vào thân, khi đã lậm vì cái lọ Đường, cái men Tống ngọc, nước da Đông Thanh, hay cái đỉnh đồng đời Thương Ân, Châu, Hán, hoặc vật đào tại Trường An, Hàm Dương cổ vật.

Nhà chơi đồ cổ phải có bộ óc khác thường, nhưng chỉ khác chút ít thôi, chỉ loạn óc vừa vừa lấy phải, không khéo ra người mất trí, thân chủ của dưỡng đường Chợ Quán hay dưỡng trí viện Biên Hòa! Người đời hay chế nhạo anh chơi đồ cổ là « điên tiền », là tên mọi già giữ của; thậm chí có kẻ lên mặt thầy đời phê bình: « Trong nhà bày la liệt những vật của bao nhiêu người chết để lại, thì còn gì là cái nét sống bông bột của thế kỷ đương kim? »

Nhưng trong khi xã hội còn ba đào, có người giỡn tiền chưa bỏ tật, đưa nhau trốn trong nhà kin cổng để mua vui bài bạc đỏ đen rồi sau này hại lây đến gia đình chung nhau chịu nợ; có người lại thêm vãi tiền trong cuộc truy hoan, không kể bắt bớ, bệnh tật, tiền mất, thân hư; người khác lại trốn chui trốn nhủi đem bạc giấy đốt ra

khỏi cho luôn qua lỗ ống vớ đến tán gia bại sản... Đối với những người nhiều tật như vậy, thì hạng chơi đồ cổ còn sáng suốt hơn mấy bậc, và ngồi không đêm vắng dưới bóng đèn ngắm kỹ cái tinh ba của chiếc lọ sứ Tàu, cái uyển chuyển mộc mạc của nước men Bát Tràng, thấm thía nhớ lại thú nhàn này dẫu với cái ghế mạ vàng Tổng Bộ kia, không đời!

Anh chơi đồ cổ đi gần đến mức khùng, nhưng khùng mà mực thước, biết giá trị đồng tiền: thà đi bộ, ăn mặc xệch xạc, miễn sắm được món đồ chơi thích chí, hỏi ông Bộ ông Tổng, có dám dạo chợ trời lựa đĩa, hay ngồi húp tô cháo lòng Cây Quéo chờ người dẫn đường tìm nhà anh Thanh Đạm nài cái bầu «họng lợn Khang Hy» với tôi chẳng? Diên thơ là Lý Bạch, diên rượu có Lưu Linh, si mê diên quỳnh với vật xưa là nhà chơi đồ cổ!

Quả vậy! chơi đồ xưa là một bệnh, nhưng là bệnh nhàn dật trầm tĩnh, không yếm thế, không lánh đời, bền chí lượm lặt lại những gì người khác hất hủi bỏ bê, những vật mà còn lắm người chưa rõ chơn giá trị. Một mình mình thích, một mình mình hay, nhà chơi đồ cổ có thể ví với nhà chơi sách cổ, vì cả hai đồng ham thích những vật hiếm có trên đời, và nếu trên thế gian còn người mê cá ngựa, mê ma chược, mê ô tô tối tân, mê máy thu thanh tối xảo, thì đây nguyên cứ chơi đồ xưa và mê sách cổ: diên đường ấy đáng cho ta diên mãi, phú cho đời thức tỉnh mặc ai!

Người chơi đồ xưa ngày nay còn được một cái bất ngờ: là vật mua sắm càng ngày càng có giá, thêm kẻ trộm đều chê: họ thích kim cương vì dễ giấu dễ phi tang, họ ghét đồ sành vì dễ bể, lại kèngh càng, động mạnh một chút là hết xài, thêm bán đi cả năm còn nhìn còn làm tội. Nuôi heo thì rau muống mất, sắm vàng thì đưa tờ nó lẻ mỗi ngày, bỏ ống thì thẳng cháu nó rinh, hãy bắt chước tôi,

chơi đồ cổ mà ăn chắc. Ngộ rủi gặp cái năm Mậu thân tái diễn, thì lựa chỗ vùi xuống đất nó càng thêm quý vì *lạc tinh* !

* * *

Những ai không thích chơi đồ cổ, sẽ cho là chuyện hoang đường, tích họ Hòa nước Sở đời Chiến Quốc, ba phen ôm đá có ngọc dâng vua :

Phen thứ nhứt, đời Lệ Vương, vua sai thợ ngọc xét xem ; thợ chém đi một góc, không thấy gì, thợ nói : « Đá, không phải ngọc ». Vua cho họ Hòa nói không thiệt, sai chặt bỏ chân trái.

Đến khi Võ Vương nối ngôi, họ Hòa lại đem ngọc dâng một phen nhì. Vua sai thợ ngọc xem nữa... Thợ lại chém đi một cạnh, vẫn không thấy chi cả. Thợ tâu : « Đá, không phải ngọc ». Vua dạy rằng họ Hòa cố tâm khi trá, sai chặt nốt chân mặt.

Đến lượt vua Văn Vương lên ngôi, người Hòa ôm hòn hòn ngọc, khóc ở chân núi Sở sơn, suốt ba ngày ba đêm, máu theo nước mắt chảy ra. Vua nghe đồn, sai người đến hỏi. Họ Hòa thưa : « Khóc đây không phải là thương hai chân bị chặt, hèm vì nôi ngọc mà cho là đá, nói thật mà cho là nói dối ». Vua bèn sai thợ xem lại cho rõ kỹ, phen này thợ ngọc cưa thấu trong ruột đá lấy ra một hòn ngọc có một không hai. Vua phong tước Hầu cho họ Hòa thì cặp chân Hòa đã không còn.

(Thuật theo Hàn Phi Tử. Cổ học tinh hoa, bản 1933, quyển I, trang 139).

Chuyện trên đây được ghi vào sử sách thật, cốt không phải để tán dương cái tánh ham tước vị của người dâng ngọc : tích Biện Hòa cốt để nêu cái tối tăm của nhà vua, và họ Hòa, vì yêu cái thật, cái lẽ phải, cố tâm trì chí làm cho sự thật sự phải đánh đổ được cái ngu độn của hai đời hôn quân, kỳ thứ ba, không sợ mất đầu, người Hòa cố

dâng cho kỳ được viên đá ngọc ẩn cho nhà vua, ông Hàn Phi Tử, khi thuật chuyện này, quả công phu và dụng tâm lắm vậy.

Những người ở vào thế kỷ máy móc dân chủ hiện đại, thường lấy óc thực tế thay cho sự kính cần của thời kỳ phong kiến, sẽ hỏi : « Làm gì cho khổ cực tẩm thân đến thế, họ Hòa được đá có ngọc, sao không tự bỏ lấy ra trước sẵn, rồi sẽ dâng vua sau, chẳng là lưỡng tiện ». Nhưng xin chớ vội bình luận sớm việc đời xưa. Đời nào có phong tục nấy và vào thời đại Chiến Quốc, họ Hòa gặp trong núi Cảnh sơn hòn đá có chim phụng đậu lên trên, một lòng sắt đá tin theo sách dạy, chắc rằng có ngọc ẩn bên trong, thì biết có một điều là gặp của qui tức phải dâng lên vua, vật cống hiến cho vua chúa luôn luôn phải giữ y nhiên và tinh khiết thì mới tỏ hết lòng thành của đạo thần tử. Vì bằng họ Hòa đợi bỏ đá lấy được ngọc mới dâng vua, thì đâu còn chỗ quý viên ngọc lấy ra trong đá có chim phụng đậu lên trên, hoặc giả vua đa nghi hay có lời nói ra nói vào, ngọc tuy được, mà còn ngờ lớn hơn nữa, đã lấy mất đi một phần nào, khi ấy Hòa mới lấy gì biện bạch giả chơn ? Bởi duyên cớ ấy, hay biết đâu chừng còn nhiều duyên cớ thuở xưa, ta nay không độ được, khiến cho họ Hòa phải dâng vua ngọc còn nguyên nằm trong khối đá. Một lẽ làm cho tôi rất mừng, là không có như vậy, làm gì hôm nay tôi khoái trá viết được mấy hàng này để kể về chuyện Hòa thị ba phen dâng ngọc, bị chặt giò cắt chân thế thảm như sách kia đã kể.

Trong bộ « Cổ học tinh hoa », tích ngọc Biện Hòa nói đến đây là dứt. Nhưng đối với một « con sâu truyện » như tôi, tuy không biết viên ngọc « Hòa thị chi bích » kia ra sao, nhưng dễ gì chịu thôi.

Nhờ tánh ham đọc sách và chịu khó tìm tòi, tôi lần lượt gặp những điển tích như sau :

— Ngọc họ Hòa có thật, nhưng nhiều thuyết khác nhau :

Một thuyết do sử chép lại, cho rằng Sở Văn Vương được ngọc họ Hòa, sai thợ khéo, giỏi nên hòn ngọc bích tuyệt đẹp, đặt tên là « Hòa thị chi bích ». (Sử ký Tư mã Thiên, do Nhượng Tống dịch, bản Tân Việt 1944.—Truyện Liêm Pha và Lạn Tương Như, tr. 315).

Một sách khác, tả hình thù viên ngọc, ghi ngọc này hình đẹp và dáng tròn như bánh xe, nơi trung tâm khoét lỗ tròn, tượng trưng cho hình Trời.

Triệu Huệ Văn bị Tần Chiêu Vương mạnh thế hơn, đòi chuộc ngọc ấy, trước kia của nước Sở nay vua Tần hứa đổi với mười lăm thành. Vì vậy mới có tích Lạn Tương Như đi sứ sang Tần đòi được ngọc trả lại Huệ Vương. (Sử ký Tư mã Thiên, bản Nhượng Tống dân thượng). Vì sự đòi ngọc, thành ra điển « Ngọc bích Triệu huân », và ngày nay, khách văn vật Trung hoa, mỗi khi mượn cặp chोé đựng rượu cưới vợ hoặc mượn hộp quả đựng bánh mứt đi đám hỏi, đến lúc trả chोé hộp về nguyên chủ, thế nào cũng dán lên miếng giấy hồng đơn có viết bốn chữ « Ngọc bích Triệu huân » hoặc vắn vện hai chữ « Bích huân » để tỏ ra mình là người có học, và luôn luôn chừa lại trong chोé một phần rượu ngon, trong hộp mớ ít kẹo cốm, để hiểu mình là con nhà biết điều có văn có chất, một nửa chia vui trong hỷ sự, một nửa cảm ơn.

Năm 279 trước Tây lịch, vua Tần đòi vua Triệu hội nhau tại Miện Trì, nhờ tiên liệu dặt theo Lạn Tương Như, ứng đối hoạt bát, Tần kính phục nên Triệu tránh được nạn dữ.

Cổ Wiegier, dịch bộ Sử ký Trung hoa qua Pháp văn, lấy nhan là « Textes historiques », chép rằng năm 219 trước Da tô, Tần Thủy hoàng để lấy ngọc bích họ Hòa ném xuống Dương Tử giang tế thần Hà Bá. Như vậy ta biết

thêm vào đời Tần, vẫn dùng ngọc báu, mặc dầu đắt tiền, để trấn ế, hay lo lót, sông núi chừ thần.

Nhưng tám năm sau, nhằm năm 211 trước Tây lịch, một sứ giả có việc đi ngang bến Hoa Âm, bờ hồ Động Đình, gặp một dị nhân đón trả ngọc Bích về Tần Thủy Hoàng, việc này sử có ghi chép kỹ càng tường tận.

Bây giờ xin xét qua thuyết thứ nhì :

— Năm 1930, tôi làm việc tại Tòa Bố Sa Đéc, có quen với nhà cách mạng Vũ Hoành, là bạn đồng tù ngoài Côn đảo với các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, v.v..., cụ Cử Hoành bị cưỡng bách cư trú tại Sa Đéc sau khi ở Côn đảo về, cụ nói với tôi quả quyết hòn ngọc báu của họ Hòa vẫn còn nguyên khối và được vua Tần Thủy Hoàng năm thứ 26, tức năm 221 trước Tây lịch, sai thợ dọn nên ngọc ấn, trên núm ấn có chạm nổi năm con rồng, và nơi mặt ấn khắc tám chữ triện, nguyên là chữ của Lý Tư viết : « THỤ MẠNG VU THIÊN, KÝ THỌ VĨNH XƯƠNG » để làm của quý trong nước (« trấn quốc chi bửu ấn », cũng gọi « Truyền quốc ngọc tỷ », « quốc tỷ »).

Như vậy sao thuyết trước nói ngọc này có lỗ ở giữa ? Nhưng việc đâu còn đó, ta không sao biết rõ được, duy lời nói cụ Vũ Hoành vẫn phù hợp với các truyện Tàu tôi đã đọc.

Theo truyện Tây Hôn diễn nghĩa, Sở Hạng Vương tranh đất đai nước Tần với Hán Bái Công. Theo sách của cổ Wiegner, lại còn ghi rõ khoảng tranh giành gay cấn nhứt là lối ngày 14 tháng mười một đến ngày 12 tháng chạp năm 207 trước Tây lịch.

Bái Công nhập trước vào Hàm Dương, kinh đô nước Tần, Hạng Vương chưa đến kịp, nên Tần Tử Anh, là cháu nội Thủy Hoàng, dâng ấn ngọc cho Bái Công.

Qua truyện Đông Hôn diễn nghĩa kể tiếp : hai trăm

năm sau, nhằm năm 21 trước Tây lịch, có loạn thần Vương Mãng soán ngôi vua, sai Tô Hiến và Vương Tầm đi thâu bửu ấn thì bà Thái Hậu giận lấy ấn ném vào mặt hai tên nịnh cho nên ấn ngọc sứt mẻ hết một góc. Triều sau, nhà Đông Hán trở lại, vua sai thợ khéo lấy vàng ròng bịt góc mẻ lại. Và vua Hán Quang Vũ thâu hồi ấn này tại Nghi Dương.

Qua truyện Tam Quốc, thì nói khi bọn Thập thường thị làm loạn hiếp bức thiên tử, đem Thiệu đế ra Bắc Mang, bèn về thì đánh mất ngọc tỷ.

Qua năm 191 sau T. l., Tôn Kiên thấy hào quang chiếu nơi giếng loạn ở sau đền Kiến Chương, bèn sai người xuống mò, bỗng tìm được ngọc tỷ do bà Hôn Hậu tránh nạn Thập thường thị ôm ngọc tự trầm dưới giếng. Tôn Kiên vì ham giữ ngọc cho mình, khiến bị chư hầu hiệp nhau đánh bại kể bị giết đi. Như vậy giữ của báu không ích gì lại lụy thân. Con của Kiên là Tôn Sách có óc thực tế hơn. Sách nối nghiệp cha, lại là người có chí lớn, không thiết ngọc, cho là vô dụng dấu biết là báu thật, Sách đem dâng ngọc ấn cho tướng Viên Thuật, đổi được ba ngàn tinh binh, nhờ đó mà Sách gây dựng cơ đồ, lập nên nghiệp bá làm chúa đất Đông Ngô. Sau này, khi họ Tư Mã đánh thắng ba nước Ngụy, Ngô, Thục, gồm về nhất thống, lập nên nước Tấn, thì ngọc ấn lại theo về Tấn. Và luôn luôn bên Trung hoa, đời này kế tiếp đời kia, hòn ngọc bích Biện Hòa, do Tần Thủy Hoàng chế nên ấn « truyền quốc ngọc tỷ », ấn ấy được xem là của báu, quý nhất trong nước, hề lọt vào tay ai thì người đó làm vua cả nước Trung quốc.

Viên ngọc họ Hòa, theo sự tra tầm của tôi, đến đây kể như đứt. Nhưng vừa rồi, trong một buổi trà đàm, một bạn học thức Huê kiều cho tôi biết rằng cái ngọc tỷ ấy, khi ông Trương Giới Thạch bại binh lui về cố thủ hải đảo Đài Loan,

thì không biết về đâu, duy chắc chắn thì họ Mao, đầu ngày nay làm chủ phần lớn đại lục Trung hoa, nhưng ông vẫn không nắm được cái ấn ngọc cổ truyền. Mới đây, một bạn khác Trung hoa lại mách với tôi rằng ngọc bích thật của họ Hòa đã xiêu lạc từ đời nào không ai rõ được, còn ngọc ấn mà hai ông Mao-Tưởng nhau tranh khỏ sở, chẳng qua là một ấn khác, mới chế tạo có lẽ từ đời Càn Long hay xưa lắm là vào đời Khang Hy là cùng. Thuyết này không khác một gáo nước lạnh tạt vào mặt tôi, báo hại công trình si mê chuyện ngọc huyền bí họ Hòa đến mất ăn mất ngủ, tra tầm chưa ra manh mối, nay nghe giả thuyết ấn mới ấn cũ, giấc kê vàng bỗng biến mất, nói theo ngày nay, không khác câu chuyện người Nga người Mỹ viếng được nhà chị Hằng, khiến cái bánh trung thu của chú Ba Tàu, đã mất đi một phần nào thi vị và hương vị.

Hết mê tích ngọc Biện Hòa, tôi xây qua tìm gốc tích mấy viên ngọc thù trên lá Trân Châu kỳ của tướng Địch Thanh đời Tống, đi bình Tây Liêu, lấy đem về. Mãi mấy trăm năm giữ kín trong kho quốc gia như bao nhiêu vật quý khác không biết dùng, qua đến đời nhà Thanh gặp vua Càn Long là tay lịch duyệt phong lưu nhất đời, vừa thông thạo khoa chơi đồ cổ, vừa có óc tân kỳ, vua Càn Long bèn lấy ngọc ra kết làm nút áo trên chiếc ngự bào. Những hột ngọc ấy, đối với những người chưa đọc truyện Tàu, tôi xin kể lại :

— Ty thủy châu, có phép cản nước, ngăn nước không chảy lan tràn ướt át ;

— Ty trần châu, có phép kỵ bụi kỵ cát, làm cho trước khi biến thanh ;

— Ty hỏa châu, dập tắt được lửa đang cháy ;

— Định phong châu có tài đón gió, kỵ bão tố phong ba ;

— Định kiếm châu, đón ngăn kiếm kích đao thương, khiến không phạm đến mình.

Mặc được cái áo có tra năm hột nút báu ấy thì khỏi lo nước lửa gió bụi đao kiếm chi chi động chạm đến bản thân. Ban đầu tôi cũng tưởng là chuyện hoang đường, dè dặt trước năm đảo chánh 1945, như đọc một tờ báo Pháp, tôi nhớ tờ Gringoire là phải, tôi thấy kể chuyện Phế đế Phổ Nghi không được chánh phủ Nhật châu cấp đủ dùng, nên chi cùng đường, phải đem năm viên bảo ngọc ấy thể chun trong một ngân hàng, hình như của Nga. Năm ấy tôi có cắt bài báo đó cắt lên làm tài liệu kỹ lắm, tiếc thay bài báo ấy trong lúc tản cư năm 1945-46 tôi để chung với một mớ bài vở viết tay khác, đều bị cháy ra tro hết cả, thành thử hôm nay tôi cũng không biết chắc các viên ngọc quý vô giá kia sau lọt về tay ai hay nước nào làm chủ. Duy tôi còn nhớ vốn vẹn hòn ty trần châu nghe đâu có một tỷ phú Hoa kỳ bỏ ra không biết mấy triệu bạc chuộc đem về. Ông ta cũng là một tay háo kỳ, định ninh rằng đeo được ngọc ty trần châu (hoặc định trần châu cũng thế), thì bụi bặm không đến gần được, và ông ta sẽ thọ toàn thanh khí mà làm ông địa tiên, sống mãi trăm năm không bệnh tật không ốm không đau. Lý luận ông ta thiệt là nông cạn. Mà tôi cũng chẳng hơn gì ông. Đây chẳng qua cũng là một mộng đẹp để những người nông gàn như tôi nhìn cuộc đời thêm chút lạc quan, chớ chúng ta đâu phải toàn ốm bệnh mà chết, vì chừng khi đi ngoài đường còn phải kiếm hộ thân cho được thứ ngọc kỳ ô tô húc đầu mình vào dưới bánh xe dè bẹp, và khi ngồi xem hát trong các rạp lớn, phải có ngọc kỳ cánh quạt máy trên trần nhà, không khéo vì một con ốc anh thợ gắn không kỹ, đủ làm cho mạng người ngồi dưới ba phân còn thiếu.

Với hai tỷ dụ kể chơi như trên, các bạn đủ thấy, như

theo dấu vài danh ngọc cổ kim, chúng ta phải đọc gần hết các bộ chánh sử hoặc dã sử Trung hoa, Việt nam và ngoại quốc; nhà chơi đồ cổ, cố nhiên muốn lành nghề ắt phải ít nhiều thông kim bác cổ mới là phải điệu.

* * *

Bây giờ xin mời quý bạn hãy đi với tôi theo gót anh chơi đồ cổ: còn ai trên đời, lúm cùm và đáng cười hơn anh này! Với một gương mặt chăm chú, đôi mắt đắm chiều, anh chàng xâm xui đi ngó xuống đất, tâm trí chỉ tưởng nhớ đến vật sở thích mà mua chưa được, ngoài ra phi trời long đất lở, mai này thử bom nguyên tử hay người đồng minh rút binh về nước, anh cũng chả cần biết đến.

Anh ta, có khi mua được món vật lạ, trợn ngáy tò mò xét xem tỷ mỹ, nhìn bằng mắt mãn nhãn rồi lại lấy kính phóng đại ra xem thêm mấy lần nữa, quên cả thời gian cơm nước... để nghiên ngẫm một nước men mới, một nước thuốc màu chưa từng thấy, một thứ cách văn (craquelé), hay nói nôm một thứ da rạn, nứt nẻ khác thường, và trải bao thời đại, mấy thứ này biến đổi ra làm sao! Không! Tôi không thể nào tả nổi hết ra đây cái dày công của nhà chơi đồ cổ, và chỉ có những nhà chơi đồ cổ họa may mới hiểu nổi nhau thôi!

Kể ra nghề chơi thật lắm công phu. Những ai không ưa sẽ cho là phiền phức, ương hèn, không khác nào những người không thích mùi hoa huệ, chiều chiều bịt mũi chê rằng quá gắt!

Nghĩ cho anh làm vườn, cặp ca cặp củm xin hay nài dàu đó được giống lan qui đem về trồng, rồi ngày ngày vun phân tưới nước, sẫm soi săn sóc, bắt sâu tĩa lá cho đến khi hoa nở hoa cười, có khác chi anh chơi đồ cổ tìm dàu được món lạ đem về, o bế tung tiu, mướn thợ khéo

bịt miệng phòng khi đụng chạm không sút mẻ, kiếm cây tốt tiện chun dài, chăm nom gắn bó làm nên một món đồ ngoạn hảo có giá trị. Công của anh làm vườn và công của anh chơi đồ cổ tóm lại là chỉ để thỏa chút lòng ham muốn món vật lạ mắt ưa nhìn, đáo để thì được một tiếng khen của người đồng điệu, hoặc biết đâu chừng, lại chuốc lấy tiếng cười mỉa mai của người ngoại cuộc!

Thanh cao mà nhã nhặn, thú vị lại phong lưu, cần nhắc vẫn tương đồng, nhưng so sánh cho cùng tốt, anh chơi đồ cổ được cao hơn anh chơi hoa một bậc, vì đồ cổ thì càng ngày càng quý và hiếm, luôn luôn vẫn thuộc số ít, mua sắm được là có công như cứu vớt được mớ di vật sót lại của cựu thời, còn kỳ hoa dị thảo, quý thật, nhưng vẫn chiếm số nhiều, lại ngày nay có thể nhờ khoa học và do tay nhơn tạo khéo nhuần sắc càng ngày gây giống càng sanh sôi mãi mãi. Thêm nữa, xét cho cùng, hoa thiếu săn sóc đã thấy phai màu, không như món trân ngoạn, dầu tang thương bỏ bê đến mấy, phong độ xưa vẫn còn như cũ. Riêng quan niệm của tôi, một món đồ xưa là một bằng chứng của cổ thời, làm bể nó đi, không khác như ai đã xé mất một trang sử liệu.

Tuy vậy, hoa quả kiểng vật và đồ cổ, đồ trân ngoạn, vẫn đi chung với nhau vì đều là đại diện xứng đáng của khoa thẩm mỹ. Hoa đẹp cắm trong bình thô thì có khác nào mỹ nhưn nghèo thiếu y phục trang sức, chị gái vườn đi guốc vòng! Bình qui thiếu hoa tươi giắt vào, thì nào khác áo gấm treo trên giá, đợi nàng tiên đến xỏ tay vào, áo dẫu đẹp cách mấy, không có người, áo múa làm sao? Không khách sáo, nhưng xin hỏi: chơi hoa mấy kẻ, và biết đồ xưa trong nước hiện có mấy người?

Thú chơi đồ cổ không phải dễ dàng như các bạn tưởng, và hầu hết những người tự khoe là thành thạo đều

không phải thật sành sỏi lão luyện hết cả đâu. Một thí nghiệm chưa cay là các tiệm bán đồ cổ châu thành vẫn phát tài mau chóng và đồ họ bán ra, xấu tốt, đều có người tiêu thụ mau mau, kiếm không kịp bán.

1.— Có người sắm ít tiền mà hò thật mắt, lục lạo cùng thôn quê xó chợ, gạt gẫm thiên hạ, lựa người chất phác, quả phụ cô nhi, mua rẻ mạt đồ di tích của ông bà người ta, rồi đem về o bế trau chuốt thêm, lại khéo bày đặt những chuyện vô lý phi thường, nào bình cầm hoa không biết héo, nào tô nào đĩa đựng cá thịt không bao giờ ươn thối, nào là lọ này ban đêm sáng chói như có đèn, nào cái chén này nguyên là ngọc, mỗi năm mỗi thêm màu thêm rạn, «quí lạ không chỗ nói». Làm chi vậy? Đặng sau này bán cho đắt tiền. Gặp khách ngây thơ, vừa trộm lời hỏi đã ưng ngay, như gái lum lúp chờ ai nôm cũng chịu! Những người ấy đã sẵn làm tay chơn bộ hạ cho bọn lái buôn đồ cổ, có khác nào họ Mã họ Sở, hằng ngày chuyên đi kiếm mối cung cấp cho mụ Tú, lầu xanh. Trong khoa chơi cổ ngoạn, không có họ cũng không sao, nhưng vậy nghĩ đến một phương diện khác, phải có họ mới có người đi móc moi ra món đồ cho mình chơi chớ? Duy nếu họ nhiều quá thì lại sanh bản và làm nhẹ giá một thú phong lưu. Chớ nên quên, người nào chơi đồ xưa mà còn nài còn kiếm cái mầu nhiệm phi lý của vật xưa, thì người ấy, theo tôi, còn tầm thường và phàm phu lắm. ĐỒ SÀNH XƯA, SỞ DĨ QUÍ LÀ TẠI CÁCH CHẾ TẠO CỒ TRUYỀN QUÁ tinh vi NAY ĐÃ THẤT TRUYỀN, DẤU NAY VỚI KHOA HỌC TÀN TIẾN TINH XẢO ĐỦ MỌI MẶT, NHƯNG VỀ ĐỒ SÀNH VẪN CHƯA TÌM NHÁI LẠI ĐƯỢC NƯỚC THUỐC NƯỚC MEN CŨ HAY THỀ CHẤT CỦA MÓN SỨ CỒ ĐƯỢC Y NHƯ CŨ. Thêm nữa, đồ sành xưa, sở dĩ quí và ngày nay các nước đều ưa chuộng và sưu tầm, là tại công khó giữ gìn từ mấy

đời mấy kiếp mà được toàn hảo, khách chơi biết điều, khi mua giá cao, như ngụ ý ngầm thưởng công ai kia đã luân phiên nhiều thế hệ kế tiếp nhau từ ông đến cha, từ cha đến cháu, giữ gìn cẩn thận, bây giờ trao lại cho mình một món cổ ngoạn không sứt mẻ và ỷ nguyên toàn bích. Tốn bao nhiêu tiền cũng không tiếc, miễn sao vật ấy phải thật cổ thật xưa. Về cái da rạn, mỗi năm mỗi thêm đậm nét, đến một khi nào thuận tiện tôi sẽ xin trở lại kỹ càng hơn, đến như việc bình giữ được hoa tươi lâu ngày, hoặc giữ thịt cá không ế không thúi, thì đó là một vấn đề thuộc phạm vi khoa học, cần chi bình cổ, lựa một bình ngoài chợ rồi hỏi ông được sư bên nhà ông sẽ chỉ cho !

2.— Lại có người ưa mua sắm lung tung, gặp chi cũng mua, bày la liệt đầy nhà, lớp tủ trong lớp tủ ngoài, lớp ngăn trên ngăn dưới, trên đầu tủ cũng có, mà dưới đít tủ cũng không chứa, thậm chí để cả dưới ván ngựa gầm giường, và người thô làm gì cũng thô, không biết ắt giáp gì, xưa hay nay không phân biệt, giả hay thật nào tường, miễn nghe bọn con buôn tán tụng và thề thốt bán mạng thì bỏ tiền ra xách đem về, mua lấy mua để, không cần suy nghĩ cũng không biện luận giả chơn, thật là tay điên của, bị đồng tiền hành. Thấy người chơi thì bắt chước chơi theo, chớ không phân biệt ngọc đá vàng thau, nghe cái tô vẽ tích « Thái Công钓鱼 Vị », thì cứ tưởng tô ấy quý lắm, đã có từ đời Tây Châu phật Tru, thấy cái chén có họa hình hai tướng cầm chùy, định ninh đó là tích đời Mạt Tùy, Lý Nguơn Bá so tài cùng Bùi Nguơn Khánh ! Nghe một thằng gạ gẫm rằng vật ấy ở trước kia trong phủ chúa thì đưa bạc ngàn cho nó ôm về, quên rằng đó là « niếu vật », xưa ông hoàng sợ ma không ra khỏi buồng, đêm đêm ồng dái ở trống mà giành giựt mua làm chi cho chật chỗ. Những nhà ấy là khách sộp của các tay buôn đồ cổ dạo,

chúng lấy được nhiều tiền lại còn chuyen với nhau chuyen giai thoai trong khoa chơi cồ ngoan. Tuy vậy như đã nói, nhà giàu có thường có ông thần Tài giữ của, lâu lâu họ sắm được nhiều món lạ đến nhà sành điệu cũng phải thèm. Nhứt là như ngày nay, vật giá lên cao, của họ mua bỏ bây giờ giá trị leo thang sắp mười sắp trăm, vỏ quít dày móng tay nhọn, giữa người buôn ác ý và nhà giàu dư bạc, chưa rõ ai dai hơn ai !

3.— Trên hai hạng đó lại có một hạng kẻ cũng lạ lùng là hạng trước quá tin đời đến bị người đời lợi dụng, từ tấm lòng tốt đến trở nên chán nản về thế sự nhân tình, chơi với bạn thì trai lừa gái quít, lời bạn ra tòa, chưa chắc tòa đều cho lỗi về bạn, phần phải về mình. Đưa đàn bà ra tòa, đã không danh dự gì lắm, thêm nỗi làm cho vỡ lẽ nhau ra, «mắm ông thì thối, mắm bà không thơm», với cái tình trạng ấy, thêm sẵn bụng chán đời, mê chút triết lý buồn huyền buồn, thì bước thêm một bước nữa đã tới cái an ủi nhứt đời là «nghề chơi cồ ngoan». Một mai kia, nếu còn gặp những cái không thật, cái tô này giả, cái đĩa nọ không xua, thì ít nữa mình còn một cách trả thù riêng biệt, là cứ cầm món đồ đáng ghét ấy đưa lên khỏi trán cho thật cao, miệng muốn nói gì cho hả tức thì cứ nói, rồi thản nhiên buông món vật ấy cho nó mặc sức rơi xuống đất, đành rằng sứ tan tô bể, tiền mất thật, nhưng ít nào cũng được một chút học khôn, tuy mua cái khôn ấy khi mất, nhưng còn hơn bị người lừa dối, mà chỉ biết cắn răng hay nuốt nước mắt thầm.

4.— Mà cần gì phải chán đời mới biết thích chơi đồ cồ ? Còn những hạng như sau này : nhà sử gia văn vật, nhà khảo cứu chuyên môn, nhà giáo dạy khoa thẩm mỹ, nhà họa sĩ, nghệ sĩ có bản lĩnh chơn tài, những người ấy không đợi phải giàu, nhưng họ sắm riêng để học đề

nguyên cứu cho hả hê, cho rộng tầm mắt thấy, chớ không phải chủ tâm mua để chờ bán lấy lời nhiều, hoặc những người có con mắt tinh đời, ham chuộng những cái gì Đẹp, mua để trang sức trong nhà trong cửa cho thêm duyên, cho « mát con mắt », hoặc những nhà tòn cổ, hiếu cổ, mua với mục đích cứu vớt theo sức mình, không muốn thấy bao nhiêu báu vật của nước nhà, cứ nổi gót bọn tân phú ông, lưu vong không ngừng ra ngoại quốc.

Những người như vậy mới thật là nhà biết chơi đồ xưa, chơi theo sở thích của mình, chớ không đợi tiếng khen, và chưa ắt gì mấy trưởng giả ỷ lại đồng tiền, đổi được với họ những gì họ đã dày công chắt mót sắm mua.

Tóm lại, người chơi đồ cổ không cần phải giàu, cốt ở chí khí chớ không ở sự đa kim ngân, tuy vậy, nếu được sẵn tiền rời rộng mua sắm tha hồ thì lại càng hay: khác nào như gấm thêm hoa, lăm duyên kén tốt chọn xưa càng mẫu!

Tiểu thuyết Pháp, trong bộ « Le crime de Sylvestre Bonnard » (cái tội trọng của lão Sylvestre Bonnard), tác giả là nhà văn bất hủ Pháp Anatole France, có kể lại sự tích một lão hàn lâm có tánh ưa chơi sách quý, khi trở về già, định bán hết kho sách lấy tiền làm của hồi môn cho cô dưỡng nữ, ngờ đâu chứng nào tật ấy, vào giờ phút chót, lão không đành bán hết, và đã len lén giấu lên một quyển sách nhỏ để cho lương tâm sau này cắn rứt suốt cái đời tàn chông chất mớ tuổi về đông. Nhưng không giấu cuốn sách kia cũng không được khi ta biết đó là tặng phẩm của một mỹ nhân, trước đã từng nghèo đến độ phải sống lạnh trên cái gác thượng bỏ không của lão hàn lâm ích kỷ, nhưng khi ngộ thời kết bạn với một tỷ phú gia, thì đã hết sức lịch sự mua đấu giá để tặng lão hàn lâm một cuốn sách lão ta không mua nổi... Đền ơn một khúc củi lão đã biếu cho nàng lúc hàn vi bằng một cuốn sách quý nhất trong một

khúc củi khô khoét bọng, lão hàn lâm biết được thì quả là chuyện bát cơm Phiếu mẫu tái diễn bên trời Âu. Trong truyện, khéo nhứt và hợp ý tôi nhứt là đoạn tả mỹ nhân theo chồng dạo khắp thiên hạ để tìm mua lại những vỏ hộp quạt hiếm có. Đức ông chồng là một tỷ phú tiền bạc không biết đề đâu cho hết, nên phải tìm ra cách giết thì giờ bằng một thú phong lưu mới lạ. Ông vừa cùng với phu nhân, vừa đi tìm vật sở thích tức thị là những vỏ hộp quạt đã dùng rồi không còn ai thèm giữ lại nữa, ông vừa du ngũ hồ như Phạm Lãi, đi châu lưu khắp các nước cho rộng thêm kiến văn kiến thức, và cũng cho khuây khỏa mối sầu vạn cổ của những đại phú ông nằm trên đồng vàng.

* * *

Bây giờ, xin thử hỏi bạn, khi gặp những ngoạn hảo như vậy, bạn có dự dự không chịu bỏ tiền ra mua chẳng?

— Tỷ như bạn gặp một loại tô đề uống trà Huế, trộng trộng xinh xinh, vẽ tích Bá Nha, Tử Kỳ, nhưng đặc biệt là có bài thơ nôm như vậy :

« Hai gã bạn tri âm,
« Vui thay một khúc cầm.
« Non cao cùng nước biếc,
« Rằng đề ít ai ngâm !

(Dực Tôn hoàng đế ngự chế)

Lệ thường, đồ sứ tích Bá Nha, Tử Kỳ đều đề thi Hán. khi thì :

« Cao sơn lưu thủy trường,
« Nhứt khúc ngộ tri âm.

Dịch : Cây đàn gảy Cao sơn, Lưu thủy,
Một khúc nay gặp bạn tri âm.

hay là :

Tơ đồng khinh thảo động,
Lưu thủy ngộ tri âm.

Dịch :

*Tơ đồng nhẹ nhàng gảy,
Lưu thủy gặp tri âm.*

Thú thật, câu nào cũng đều hay cả, nhưng mỗi câu mỗi cách, và nghe tôi hỏi kỹ, bạn là Tàu hay Việt, và bạn ưa thích món nào ?

Xét lại, món nào cũng quý và có cái hay của nó. Nhưng hai kiểu thi Hán là loại sứ người Tàu chế bên xứ họ và đem qua nước ta để bán để dùng, còn tôi có thơ nôm, vừa là vật nhắc ta nhớ đến thú uống trà theo điệu Huế, (tò trà Huế), thêm nữa bài thi kia, tôi biết chắc đó là ngự thi của vua Tự Đức (1847-1883) rất ít ai biết, và rất nên giữ gìn làm quốc bảo của ta ¹.

Còn một kiểu tò khác, và một bộ chén trà kiểu gọi « Mai Hạc », có đề hai câu lục bát nôm :

*« Nghêu ngao vui thú yên hà,
« Mai là bạn cũ, hạc là người quen. » ²*

Câu nôm này, theo sự công nhận của nhiều học giả trong nước, thì đồng một tác giả với bộ Kim Vân Kiều bất hủ, và đặc biệt là do tay thợ khéo bên Trung hoa chế tạo trước mắt cụ Nguyễn Du, khi cụ được làm chánh sứ sang bên ấy năm Gia Long thứ 13, tức năm Quý Dậu (Tây lịch 1813) và khi cụ ghé viếng một lò sứ danh tiếng làm đồ sứ ngự dụng cho các vua Mãn Thanh. Lò ấy là lò Cảnh Đức Trấn (King-Tö-Tchen) tại Giang Tây (Kiang-si) trên đường về của sứ đoàn. Dựa theo thuyết này, tôi xin nói thêm rằng đồ « Mai Hạc », xưa hơn hết là kiểu làm lần đầu vào năm đi sứ 1813 và đó là gốc tích « đồ sứ Mai Hạc » chánh hiệu. Phải đề ý cho lắm mới phân biệt nổi với đồ sứ Mai Hạc

1. và 2. Tôi xin mách các bạn hiếu kỳ rằng hai kiểu này vẫn còn bán tại Sài Gòn và ở Huế, nhưng giá bây giờ mất lắm, tôi không mua nữa nên mời chỉ.

do các sứ thần của ta qua Trung hoa và tiếp tục đặt làm thêm cho đủ trong Nội Phủ và các quan viên dùng, những món làm sau ấy, tôi đặt tên là « đồ kỷ kiêu Mai Hạc », nó cũng y một kiêu vờ như nhau, nhưng vì là vật « làm bằng tay », nên nhìn kỹ và quen, thì cũng vẫn phân biệt được. Có khó phân biệt chẳng là các kiêu ấy đều ký một hiệu « Ngoạn Ngọc » (Pháp dịch là « Bibelot de jade »). Nhưng cũng nhờ vậy (ký « Ngoạn Ngọc ») mà chúng ta độ biết đồ sứ Ngoạn Ngọc đồng thời lại với hai vua Gia Long (1801 - 1820) và Gia Khánh (1796-1820). Lại còn một kiêu tô, đĩa và chén trà « Mai Hạc », kiêu chế riêng cho người Trung hoa dùng, thì cũng vẽ y cây mai và con hạc, nhưng hai câu thi đối lại Hán văn là :

*« Hàn mai xuân tin tảo,
« Tiên hạc thảo vi đầu. ¹*

Dịch :

*« Mai lạnh sớm báo tin xuân,
« Hạc kêu trước tiếng chim khác.*

Nơi đoạn trước, tôi có nói dưới đây những đồ kiêu Mai Hạc đều thấy ký hai chữ hiệu « Ngoạn Ngọc » và dựa theo đó, tôi định cho Ngoạn Ngọc là hiệu một lò trừu danh chuyên làm đồ sứ đồ sành dưới đời hai vua cực thịnh là Càn Long (1736-1795) và Gia Khánh. Nhưng đây cũng chỉ là một ước định mà thôi và khi nào có dịp khảo cứu các đồ ký một hiệu như nhau lưu trữ tại các viện bảo tàng Anh, Pháp và Đài Loan, rồi mới có thể quyết đoán được, (nhưng tôi đã thất vọng phần nào, vì tuy chưa viếng viện bảo tàng Anh quốc, chớ năm 1963, tôi có xem viện Guimet ở Paris và hai viện Đài Loan và Nhật bản, tôi chưa gặp món Ngoạn Ngọc nào khác hơn trong xứ mình, Huế và Sài Gòn).

1. Về các kiêu « Mai Hạc », tôi xin trở lại đầy đủ hơn trong một bài khác.

Để chứng minh nỗi khổ tâm của nhà khảo cứu, tôi xin kể luôn ra đây rằng sau đó tôi lại gặp một cái đĩa xưa còn toàn hảo, loại đĩa bàn kiểu Mai Hạc nôm, nhưng dưới đáy lại ký bốn chữ « Kim Tiên kỳ ngoạn » (đĩa số 830-VHS). Người chủ trước của cái đĩa này, xin nói ngay đó là ông Trần Thanh Đạm, dịch giả bộ Kim Cổ kỳ quan, một tay kỳ cựu trong giới chơi cổ ngoạn sành sỏi, một bạn thân quen nhau trên hai mươi năm và đã giúp tôi có nhiều món hy hữu, ông nói với tôi rằng đĩa Kim Tiên kỳ ngoạn đó, nguyên của một ông quan thị sống vào triều Hậu Lê, đời chúa Tĩnh Vương Trịnh Sâm (1767-1782). Ông nội thị quán làng Tiên Lữ, nên xưng hiệu « Kim Tiên » và đặt riêng lò sứ Trung hoa làm cho mình mấy bộ chén trà Mai Hạc thuở chúa còn tại vị : thế thì đĩa này có trước năm chúa mất (1782), nhưng cơ sao đĩa của tôi gặp ở Huế ngày 7-10-1965, cũng ký « Kim Tiên kỳ ngoạn » (số 830-VHS), lại vẽ tích chúa Nguyễn Ánh chạy giặc Tây sơn, sự việc này xảy ra lỗi năm 1787 đây thôi. Truy nguyên thêm nữa, tôi được biết hai câu thi chữ đề trên đĩa :

« Ngự gia độ hoàng gia,

« Âm tinh ngộ đế tinh,

dịch : (Ông chài chở ông Vua, sao Âm gặp sao Đế) rõ ràng ám chỉ việc chạy giặc và hoạn nạn năm xưa và nghe đâu do đời vua Thiệu Trị (1841-1847) làm ra để kỷ niệm bước gian truân của đức Cao Hoàng đây thôi. Như vậy là nghĩa gì ? Tôi xin chất vấn các học giả và các sưu tầm cổ ngoạn Bắc Trung, và xin hẹn trở lại vấn đề này trong một tập khác.

* * *

Còn như khi nào bạn gặp một cái tô hiệu đề chữ NHỤT, đôi khi có chạm thêm chữ LỄ, thành ra LỄ NHỤT,

vẽ nhứt thi nhứt họa, một khúc vẽ sơn thủy, có núi có sông, thêm có một con đò như chiếc lá lắc lẻo ngoài khơi, một khúc kể bên lại đề một bài thi nôm điệu ngũ ngôn bát cú, nhưng viết liền đeo ra làm sáu hàng, mỗi hàng bảy chữ, thành thử thiếu hai chữ nơi câu chót, nên đây là tôi định chừng, có lẽ khi vẽ trên tô, người thợ bèn nghĩ ra thêm hai chữ « Cần bái » vào khoảng trống cho dễ coi, khiến nên khi tôi gặp cái tô này lần thứ nhứt tại Sốc trắng, do một anh khách trú đem lại bán tận nhà, tôi có mượn một ông thầy thuốc bắc lão thông chữ nôm, đọc giùm cho tôi chép lại thì nguyên văn bản dịch lần thứ nhứt tôi chép là :

*Một thức nước in trời đò ai
chiếc lá khơi non cao xem vọi
vọi dòng biếc thấy vọi vọi mảng
khúc Thương Lang khảy ở đây từng
khách chơi mong chờ yên sóng gió
qua lại mặc người đời cần bái.*

Lúc ấy ông thầy thuốc, sau khi đọc xong, có khuyên tôi đừng mua cái tô ấy làm chi, vì những câu viết không thành văn, nhưng tuy tôi nghe tiếng mất tiếng còn, tuy tôi dốt thật, song linh tánh bảo tôi cái tô ấy lạ, hiếm có, nên tôi đã mua lên, và sau chầy ngày đọc đi đọc lại bài nôm đã dịch ra quốc ngữ, nhờ âm vận dặt đường, tôi khám phá ra đó là một bài ngũ ngôn bát cú, viết lại phân minh ra tám tám hàng, mỗi hàng năm chữ, thì bài thơ nôm ấy như vậy :

*Một thức nước in trời,
Đò ai chiếc lá khơi ?
Non cao xem vọi vọi,
Dòng biếc thấy vọi vọi.
Mảng khúc Thương Lang khảy,
Ở đây từng khách chơi.*

*MONG CHỜ YÊN SÓNG GIÓ,
QUA LẠI MẶC NGƯỜI ĐỜI.*

CẦN BÁI.

Sắp xếp lại có thứ tự mình bạch rồi, đọc lên, xin hỏi bài thơ nhẹ nhàng có giọng yếm thế ấy, có cảm kích bạn chẳng? Không biết bạn có muốn bỏ ra một số tiền vừa phải, sắm một cái tô có bài thơ lạ tai như thế để trong nhà, hầu những khi trà dư tửu hậu, có bạn thích đến chơi lấy ra mà bàn luận thì cũng là một đầu đề bổ ích? Như đã nói bả nhờn bả tánh, tôi không dám suy bụng ta ra bụng người; nhưng thú thật, riêng tôi, từ ngày tôi biết giá trị cái tô ấy, tôi có dư tiền bao nhiêu, hễ tôi gặp là tôi mua tức khắc. Nói chi đáng, thuở đó giá nó cũng hơi, độ năm trăm bạc là đã có cái tô như vậy. Lần hồi nhà tôi đếm được trên chục có đầu, và từ ngày về hưu và thôi dạy ngoài Huế, tôi đã gả nó đi cũng bộn. Bỗng đâu trước cái Tết Mậu thân mấy tháng, tôi ra Huế kỳ chót và có người chỉ cho tôi xem trong viện bảo tàng ngoài nớ, vào độ đó, tô kiểu « Một thức nước in trời này » chứa đến hai tử lớn đầy tận nóc; tôi tỉnh ngộ biết được đó là đồ trong Nội Phủ, nên tôi không muốn mua nữa. Một lẽ khác là ngày nay vật giá leo thang, một cái tô kiểu đó giá hơn bạc vạn, nên tôi đành chừa là phải. Và cũng từ đó tôi càng đề tâm chuyên chú nghiên cứu về cái tô này. Tôi hứa đến tập nói về đồ sứ men lam xứ Huế, tôi sẽ nói về nó tường tận hơn. Hiện nay nếu bạn chịu khó như tôi, đọc thêm vài pho sử sách nước nhà, nghiền ngẫm các chuyện xưa tích cũ cho khá khá, có khi bạn sẽ biết được bài thơ nôm trên cái tô nói đây, tác giả độ chừng là một thi sĩ kiêm triết lý gia ẩn dật, đúng ra là một ông hoàng chính cống có đủ điều kiện để lên ngôi báu, sau khi vua Tự Đức thăng hà, song le người đã thối thác, bởi vì ghét cảnh :

« *Nhứt gian lưỡng quốc nan vu THUYẾT,*
« *Tứ nguyệt tam vương triệu bất TUỜNG,*

(ám chỉ lúc ấy, sau khi vua Tự Đức áng giá, sông Hương chia kinh thành Huế ra làm hai san hà : một bên là chánh phủ Nam triều, một bên khác là quân đội tàn bạo lang sa chiếm đóng. Và trong bốn tháng đầu, có đến ba ông vua nối tiếp nhau trên ngai vàng, không rõ đó là THUYẾT gì, nhưng quả thật là một điềm bất TUỜNG hiển nhiên) ; nói rõ ra đó là thời kỳ rối beng khoảng năm 1883-1888 : Dục Đức, rồi Hiệp Hòa, kế Kiến Phúc đều bị chết dữ, đến lượt vua Hàm Nghi bỏ ngôi ra đi kháng chiến, với cái tô kia làm bằng chứng, bạn há không ngậm ngùi cho ông hoàng nào đây, tuy lá ngọc cành vàng, nhưng cam làm thi sĩ thanh cao sạch ruột, hơn làm vua không mấy chốc mà lằm tai nản hiển hiện trước mắt. Thà rằng :

« ... mong chờ yên sống gió,
« qua lại mặt người đời !

như vậy mà có lẽ thượng tri hơn. Không khéo bạn sẽ chép miệng than cho cuộc thế xoay vần, không có chi là mới lạ, đến nỗi « thuyết trùm chấn đợi chờ », tưởng là gần đây thôi, ngờ đâu nó đã cũ rích từ mấy mươi đời vương kia lặn !

Nhắc lại, trên đây là ba kiểu đồ sứ có đề thơ nôm ; tô Bá Nha, bộ chén trà Mai Hạc, và tô « Một thức nước in trời » này. Đó là ba kiểu đồ sứ có thơ nôm, độ trước sắm chơi không tốn mấy, lại được có trong gia đình những cồ ngoạn có chút ít dinh dấp đến lịch sử nước nhà. Vẫn còn nữa, nhưng xin dừng vội nóng, sắm bấy nhiêu, để cho tôi thở, rồi sau này tôi sẽ kể nữa cho mà nghe !

Về khách phong lưu nghiện uống trà Tàu, ai lại không biết ẩm Mạnh thần, ẩm Thế Đức gan gà là khó kiếm. Nhưng tôi đổ bạn tìm cho ra một thứ bình tích sành bé tý

hon, vẽ sơn thủy, hiệu đề « Ngoạn Ngọc », có hai câu thơ :

« Nhứt ấm thanh khí vị,
« Vật đặc thiếu nhơn tri.

Dịch : Một hộp đủ thắm giọng, vật ít người biết giá.

Cái ấm tích này phải là xác xược không? Và ai lại không muốn dùng trà trong một cái bình khí phách làm vậy cho biết?

Và đây, trong một cái đĩa trà « da trắng trứng diệp, men chàm », vẽ một bên là nhánh hoa mai và hoa mẫu đơn giao.cảnh loạn điểm, đối với bên kia, vẽ hai con chim lạ thường, có hai đầu bốn cánh riêng biệt nhưng thân thể dính chung làm một. Ấy là ngụ ý tích rất hay :

« Tại thiên tự dực điều,
« Tại địa liên lý chi,

Dịch : Trên trời làm chim liền cánh, dưới đất làm cây liền cành, tức là nhắc lại lời thề năm xưa của vua Đường Minh Hoàng ước nguyện cùng Dương quý phi mà cụ Nguyễn Du đã gọi khéo chỉ bốn chữ trong mấy câu thần tình :

« Trong khi chấp cánh liền cành,
« Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên,
« Mái tây đề lạnh hương nguyên,
« Cho duyên đầm thắm ra duyên bể bâng.
(K.V.K.)

Bạn ngâm mấy câu thơ ấy lên đã được khoái nhĩ, xin hỏi bạn có muốn nhấp trà trong chén *chấp cánh liền cành* cho thêm khởi hứng hơn nữa chăng? Nếu ngày nay còn bán thứ chén trà kiểu ấy, đem làm vật tặng hảo buổi hội môn cưới vợ thì còn gì nhã bằng?

Lại như bạn nào cao khiết, thường ngày không chê làm bạn với Lưu Linh, thì hãy rán tìm sắm cái ngỗng cổ kính da rạn « Bát Tràng » vẽ một nhánh mai và một nhánh trúc. Theo tôi đó mới là một kiểu đặc sắc nhứt trong mỹ thuật Việt nam mà tôi được biết : cành mai biểu hiệu nét

yếu điệu yêu kiều của phụ nữ, còn nhanh trúc là cái nhả độ thanh cao của chàng nho sinh : *ruột trống* là thuyết hư vô của Lão Trang, *lòng ngay* là phong độ nhà Nho Khổng Mạnh, còn tre có mắt, *mắt tre* vẫn là mực thước của hàng quân tử. Trong Kiều, sẵn câu :

« Một nhà sum họp trúc mai,

« Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông,

thì cũng ám chỉ vào tích ấy.

Những vật này là vật hiếm, không phải sẵn tiền muốn mua là có. Bạn nào muốn xem, trước hãy học chơi đồ cổ cho có chút hiểu biết, và khi nào bạn đã có kinh nghiệm và tự thấy mình mến thích đồ xưa đến có thể bỏ ăn bỏ ngủ, khi ấy bạn hãy tìm đến tôi, chúng ta sẽ cùng lấy ra nghiên cứu cho đã tậ.

Nếu bạn thích đồ quốc hóa thì hãy tìm những vật tôi vừa kể trên, là những đặc phẩm làm cho nước Việt nam thời cổ. Đến như bạn nào ưa thích đồ sứ Trung hoa xưa thì tha hồ mà chọn lựa, vì người Tàu sản xuất đồ sành của họ rất nhiều, và từ Bắc vào Nam, trên dải đất Việt còn tàng trữ rất nhiều đồ cổ Trung hoa. Bạn này tôi có nói có nhiều kiểu đồ sứ là « đồ quốc hóa », ý tôi muốn nói đó là đồ do các tiền nhưn nước ta đưa kiểu vở ra đặt cho thợ Trung hoa coi theo mà làm bên Trung quốc, chớ như đồ làm tại nước, tỷ dụ như lò Bát Tràng, thì tôi chưa thấy sản xuất bộ chén trà nào còn giữ lại đến ngày nay. Hiện nay, trong nước thì chiến tranh kéo dài, còn bên Trung hoa thì hoàn toàn nhuộm đỏ, sự giao thông bế tắc, nên đồ chôn đồ giấu đồ cổ ngoạn của tư gia Hoa-Việt có được bảo vệ, còn mất thế nào, chúng tôi không rõ.

Trong xứ mình, vùng Thanh Hóa thuộc về phía bên kia cầu Hiền Lương, cho nên số phần những cổ vật trứ danh Đông Thanh, chế tạo từ đời Đường, đời Tống, đồng thời

với Cao Biền, Địch Thanh, chẳng biết có còn tồn tại như xưa trong các ngôi mã cỏ, hay đã bị phanh phui dưới lưới cuộc Tàu phi, mà tứ tán ra ngoại bang hết cả.

Kinh thành Huế, trước đây, còn lưu trữ khá nhiều đồ men lam của Thanh triều và Nguyễn triều, ấy là một kho tàng tài liệu giá trị rất lớn mà chúng ta cần nên thận trọng giữ gìn cho mai hậu. Ở ngoài Bắc, trước có tiếng là có nhiều nhà chơi đồ cổ nhứt, thì gia đình nào tốt phước mang vào Nam được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, chớ những vật gì mà cựu chủ chôn giấu chờ ngày hồi cư, ắt đã không còn được mấy. Ở Miền Trung, nơi vùng quê hương cũ của các vua Tây sơn, trước đây thỉnh thoảng có người mang vào Sài Gòn nhiều món xuất sắc, nhưng nay bom nổ âm âm, núi long đất lở, chẳng hay những « Khánh Xuân » của phủ Chúa Trịnh, những « Nội Phủ » của vua Lê, xưa vua Quang Trung lấy về, nay có được bảo toàn cùng chăng? Ở Nam Việt, vùng Hà tiên còn rải rác đồ men thuở Mạc Minh, theo gót giang hồ của họ Mạc đem về đây tôi rất nghi những chủ của nó lầm tưởng đó là đồ da đá tầm thường, đem ra xài và đã làm bể làm tiêu gần hết. Tại Chợ lớn và Mỹ tho trải qua vùng Đồng nai và Cù lao Phố (Biên hòa), vùng xưa của hai tướng cuối đời Minh, Dương Ngạn Địch và Trần Thắng Tài, lúc xưa cũng thế nào có đồ Minh sót lại, nhưng nay những vật ấy chắc cũng cùng chung số kiếp với các đồ sành xưa của đất Mạc Cửu, Hà tiên. Chỉ như vùng Sa dec, Vĩnh long, trước đây tôi thấy rất nhiều đồ kiểu đồ sứ, chén trà, đĩa tô Mai Hạc, của các đời Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, do các công thần nhà Nguyễn đem về, — mộ Quan lớn Sen chôn ở Sa dec, — quan lớn Phan lui về cố thủ Vãng Luông (Vĩnh Long), nay tôi nghi các cổ vật ấy cũng bị các nhà mót máy đồ xưa, vơ vét mãi mai đâu hết rồi.

Bạn nào thích vật lạ mắt, hãy tìm mua thứ đĩa hai đáy, trong chứa được nước sôi để cầm nóng cho thức ăn lâu

ngươi. Những đĩa hai đáy ấy, nguyên của các Công ty Ấn độ hoặc Công ty Trung hoa (Compagnies des Indes ou de Chine), hoặc họ chế tạo ở Âu châu (Anh quốc, Hòa lan, Pháp, v.v...) hoặc họ ký kiểu cho lò Giang Tây làm từ thế kỷ thứ 17, 18. Vào những thế kỷ ấy người da trắng còn đi dò đường đất, nên giao thiệp với các nước da đen Ấn độ hay da vàng Trung hoa, một cách hòa nhã. Họ thường nhái lại các đĩa chén Tàu để trao đổi qua lại, và những hóa phẩm của họ, tuy rằng kém bền kém khéo, họ vẽ rập chớ không thạo vẽ tay, — nhưng những vật ấy tương đối khó kiếm hơn đồ sành đồ gốm Trung hoa, nên rất có giá trị, nhứt là về phương diện lịch sử buổi Đông Tây giao thiệp.

* * *

Theo ý tôi tưởng, bây giờ ta nên phân biệt và chia đồ sành ra làm ba bộ môn hay ba hạng như sau :

— đồ sành thứ thường, bực hạ, ta thường dùng và Pháp gọi « *porcelaine ordinaire* ».

— đồ tốt và khéo hơn một bực, do từ nơi các nước ngoại quốc đem về và dùng làm kiểu mẫu cho các lò nội hóa, trong Nam chúng tôi gọi « đồ kiểu », « đồ da kiểu » (Pháp gọi đồ *échantillon*, *modèle*) (*porcelaine d'échantillon*).

— Và trên hết hai hạng đó, mới đến đồ thật tinh xảo, chế tạo riêng cho đế vương dùng, làm cống vật của các triều vua Trung hoa ban lại cho các vua chư hầu (Việt nam, Nhật bản, Cao ly, Thái lan ; không kể Kăm bù chia vì dân Cao miên thuở nay ăn bốc, không có đĩa chén), những quý phẩm này thường do sứ bộ mang về, nên gọi đồ sứ (Pháp gọi *cadeaux diplomatiques*) (*porcelaine diplomatique*).

Về chữ « Sứ », « đồ sứ », tôi không đồng ý với ông Đào Duy Anh. Ông cắt nghĩa trong Hán Việt tự điển rằng chữ

SỨ (phải tra chữ TỪ. TỪ là đồ sứ. Từ khi : cũng là đồ sứ (objet en porcelaine).

Còn chữ « sứ » tôi dùng đây, trong danh từ « đồ sứ, chén sứ, đĩa sứ », tôi mượn chữ « sứ » trong danh từ « sứ bộ, sứ đoàn, quan sứ thần », vẫn viết khác và nghĩa khác (Ấm sứ, bát sứ, điều sứ, theo tôi, có hai loại :

— một loại làm bằng sành thì viết khác ; — một loại do các quan đi sứ đem về, thì chữ « sứ » viết khác và nghĩa khác vậy).

* * *

Nay tôi dám khuyên các bạn, nếu may mắn được đi châu lưu ra ngoài nước hoặc đi công cán trong xứ, nếu tốt phước thấy được những vật tôi vừa kể trên, — các làng các thôn quê hẻo lánh thường ẩn tàng những vật bất ngờ, — xin hãy cứ vớt mua lên, hoặc nói cho tôi hay. Có nhiều món đồ sứ của các Công ty Ấn độ gặp vùng Huế, tuy thô kệch, tuy in bằng rập (procédé de décalcomanie), tuy vụng về, tuy không vẽ tay sắc sảo như các món đồ sứ Trung hoa, nhưng biết đâu chừng đó là di vật của các ông d'Adran, Chaigneau, Vannier thuở trước ? Có khi gặp đồ sành vẽ xanh vẽ đỏ, cũng đừng chê đó là « đồ Nhứt bồn », vì xin nhớ người Nhứt qua đây rất lâu, vùng Hội An còn dấu vết của họ rất nhiều (như cầu Lai Viễn kiều, như comptoir japonais à Faï-fo). Thử nhứt là nơi vùng có người Chăm và các đồng bào Thượng ở, có thể gặp di vật của đức Hàm Nghi khi lìa Huế đi lên sóc mọi (1885), ngài bỏ rải rác đó đây biết bao nhiêu là quý vật. Ngoài ra biết bao « đĩa Chăm », « hũ rượu Chăm », đều là những sưu tập phẩm có giá trị. Không chỉ nó cũng là một di tích di vật của cựu thời, một dấu vết ghi lại một giai đoạn sử ta chưa từng biết, một mảnh vụn của sử ký Việt nam. Xin đừng vì chút

tự ái, chút giận nhỏ, đồ thừa đó là bằng chứng của thực dân để lại, rồi đang tay đập bẻ nó ra từng mảnh, hoặc đốt nát ra tro, chà đạp cho đã nư, làm như vậy đã không xứng danh một dân tộc biết tồn cổ thêm vô tâm xé mất một trang sử và rất đặc tội với người viết lách về sau.

Đồ sành linh lắm, dầu tan ra miếng, nó cũng còn «sắc lẹm như gương» và gõ chơi «cũng có tiếng canh canh». ¹ Sợ cho chúng mình, sống trong giai đoạn thực dân ra đi, anh em đánh qua đánh lại, không biết bao giờ mới được thấy thẳng bình, lại không biết giữ của ông bà

1. Mấy câu này rút trong bài thơ «miếng sành», tục truyền của phò mã Trị, con rể vua Tây sơn (theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, tr. 40 có nói: «Tướng Tây Sơn là phò mã Nguyễn văn Trị»); bài thơ ấy như vậy:

«Sa cơ một chút hóa tan lành,
«Thiên hạ đều kêu cái miếng sành.
«Sắc lẹm như gương người gớm mặt,
«Rán sao ra mỡ chúng hay danh.
«Ghe phen sắp cật nằm trên cát,
«Có thuở làm chồng đứng vách thành.
«Chuông khánh dầu ai không dám sành,
«Gõ chơi cũng có tiếng canh canh!

Bài thơ này nhiều sách nói là của Phò mã Trị, triều Tây sơn. Chúng tôi không thấy sách nói ông họ gì (trừ trong Việt Nam sử lược). Định chừng ông ra đánh giặc, chẳng may ông bị thất trận, về bị coi rẻ, công hạn mã tan lành như miếng sành bẻ, cái chi uất ức còn sùng sục trong hai câu phá, thừa (1, 2). Dầu vậy mặc dầu, sức còn dư, tài còn bén nhọn và lòng chiến đấu, ý chí hăng hái có thừa; tâm sự này được thổ lộ trong cặp trạng (3, 4). Qua cặp luận (5, 6) tác giả nói mình vẫn còn sang trọng, vẫn còn nằm trên đài trên các, vẫn ăn trên ngồi trước, vì là phò mã đương triều, đường đường một viên mãnh tướng sức đủ chống đỡ thành trì, và binh giặc còn kiêng sợ ông lắm. Qua câu chuyển (7, 8), ông ngụ ý tuy nay không thể bì với hàng chung đỉnh, bậc công huân, chớ ông vẫn còn là người hữu dụng. Không đánh lên thì thôi, chớ đánh lên, sành này còn kêu inh ỏi, Hiên ngang, oai dũng, lộ lộ theo mặt chữ.

để lại, có mấy tòa cung điện năm Mậu thân lại làm cho tan nát, chút gia tài « văn hóa » không biết giữ vẹn cho đoàn hậu tấn sau này, như vậy tránh sao khỏi lời phê ngay thẳng của nhà chép sách ?

* * *

Các bạn mới chập chững học chơi đồ xưa cũng không nên có quan niệm là nghệ thuật chơi đồ xưa là khó, vì vậy sợ lằm sợ lạc rồi nhút nhút không dám sắm không dám mua. Phải nhớ có lằm mới học khôn, và mấy ai trong trứng khôn ra bao giờ ? Theo ý tôi, đọc trăm bộ sách khảo cứu, không kinh nghiệm bằng bốn thân lặn lội tìm tòi mua chác tự học và tự mình suy nghiệm lấy. Vả lại cái thú vui của nhà chơi đồ cổ, chung qui là ở chỗ biết lục lạo, đi kiếm đi tìm lấy mình, nhút là giỡn đùa với cái vẫy may của mình, một mình mình biết, một mình mình gặp, và khi gặp, không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tốt :

Người sẵn mãnh thú nghệ kinh,

Tôi sẵn mảnh bát mảnh sành, mặc tôi.

Muốn cho các bạn yên tâm mà thấy rõ cái lằm vẫn thường làm bạn và chơi khăm với những nhà thông thái, tôi xin thuật chuyện vừa xảy ra ít lâu đây bên nước Pháp, và nhà khôi hài lại là một thợ điêu khắc vô danh của một tỉnh quê. Anh ta lựa một khối vân thạch trắng buốt, anh trở tài chạm hình một mỹ nhân tuyệt trần, nhái y kiểu cổ điển thật khéo. Đoạn anh dùng búa lớn khẽ thật mạnh tay vào ba yếu điểm : gọn gàng anh lấy cái đầu lâu đá và hai cánh tay vân thạch của hình nhơn, anh đem chôn giấu một nơi không ai biết. Xong việc rồi anh mướn khoảnh đất ấy lập vườn, đem lại anh lén chôn hình nhơn xuống đất rồi thuê phu làm vườn đến khai phá. Và việc gì phải đến đã đến : bọn phu một hôm đào được khối đá không đầu

không tay, của anh chôn từ trước. Việc ấy đồn ra, tiếp theo đó các báo chí cũng sa vào bấy rập, nào phóng viên, nào thợ nhiếp ảnh, nào ban điều tra, kéo nhau đến tại chỗ làm việc và khi về khôn xiết bàn tán đăng hình in báo lằng xằng, té ra họ làm quảng cáo không tiền cho anh nghệ sĩ nhà quê mà không ngờ. Nhờ cách diễn trò kín đáo ấy mà khối đá vô danh nọ được kính cẩn khiêng tới kinh đô và nhờ các nhà thông thái khảo xét. Máy ông này, ông thì mang kính giọng vàng, ông khác ôm sách khảo cứu xộn xộn đến, họ xúm nhau tra tìm theo phương pháp khoa học, họ thí nghiệm từ đất dính theo pho tượng, họ lấy những bụi nhỏ ly ty ấy, hết nhìn bằng kính phóng đại (loupe), họ lại đặt dưới tầm kính hiển vi (microscope), họ xem đi xem lại từ bột cát hột sạn, hột già, hột non, họ xét từ sự lạc tinh (patine), từ cái hờm cái nhộp dơ lâu năm quên lại, họ cắt nghĩa nào là đá chôn lâu đời thì thường đóng cặn đóng cáu, màu sắc biến thể đổi thay ra thế nào, vân vân và vân vân, sau rốt, họ hợp thành ủy ban công khai tuyên bố rằng pho tượng thật cổ thật xưa, qui không thua pho Vénus de Milo ¹ hoặc còn khéo hơn đôi phần là khác. Anh thợ điêu khắc nhà ta, ý không muốn giỡn nhây, nên đợi cho các nhà thông thái ấy bớt khoe tài, bèn moi đất trong vườn và lấy lên nào đầu nào cánh tay, ngọ, rập vào đầu thì nó ăn khớp vào đó, không sai chạy chút nào. Khi ấy anh thợ quê mùa kia bèn đứng ra khiêm tốn nhìn nhận pho tượng mỹ nhân nọ vốn tự tay anh chàng sáng tác. Thôi rồi còn gì là thể diện mấy ông thông thái thuở nay nức tiếng dưới gầm trời, đầu cũng tin cũng rước đi giảo nghiệm, làm giám định,

1. Pho tượng đá Vénus de Milo, tìm được năm 1820, nay đặt tại viện Bảo tàng Le Louvre tại Paris, là một kỳ quan trên thế giới. Có hình trong tự điển Petit Larousse. Năm nào Pháp cho Hoa kỳ mượn triển lãm, nghe nói tiền bảo kê chuyên chở không, cũng đủ mua trăm mạng tác giả này.

làm expert cùng khắp. Từ ngày họ nhúng tay vào việc khảo xét pho tượng trời đánh kia, tội nghiệp, mỗi lần có ai nhắc đến, họ nổi da gà và phát ghen, nuốt bánh mì không vô !

Những sự sơ suất như vậy, cũng hiếm và vẫn làm đầu đề giai thoại để trêu tức chơi các nhà khảo cổ đạo mạo bề ngoài, còn bề trong thì vẫn ai cũng như ai, duy về nước phách lối thì không ai chịu nổi. Nhưng ta chờ nên coi rõ cái học sở đắc của mấy nhà thông thái ấy, vì tỷ như trong vụ bức tranh danh tiếng nhứt của viện Le Louvre vừa kể, tức tranh La Joconde, năm nọ bị kẻ trộm lấy ra khỏi viện, và khi tìm lại được, thấu hỏi về viện rồi, các cụ giáo nghiệm chánh thức (experts officiels) bèn đem bức tranh ra tổ chức một cuộc giáo nghiệm công khai, để công chúng khỏi nghi ngờ rằng bức tranh lấy lại là bức tranh giả tạo. Các cụ trình năm nào tranh này đã được tu bổ và nhưn dịp đó các cụ đã cắt lên một mớ bố sợi ngoài bìu tranh, ngày nay « ngọc bích Triệu huân », tranh về chỗ cũ viện Le Louvre, lấy ra đo kỹ : quả hai thứ bố y hệt, bố xe mấy tao, mỗi tao sợi bao lớn, xe mấy ngoai làm vậy mới thành một tao, và phải mấy tao mới ra một sợi, v.v..., đếm không sai một mảy, thêm nữa các cụ cắt nghĩa thuốc dầu để vẽ tranh La Joconde, nguyên là chất gì, và chất nước thuốc ấy, cách nay mấy trăm năm đã biến màu chút ít ra làm sao, quả là khoa học, là công phu, là lý kỳ, chúng ta mắt thịt không phương chối cãi (dầu biết trong bụng : gái ngủ đêm ngoài nhà, chỉ một đêm thôi, cũng đủ làm anh chồng mệt suy mệt nghĩ).

* * *

Tóm lại, đức tánh cần nhứt của nhà chơi cổ ngoạn là sự dè dặt. Đừng bắt chước một ông quan phú lang sa nọ,

ham thích đồ sơn mài; đương thời lúc còn làm quan tại Hà nội, ông mua sắm lung tung và tấm biển ông qui nhứt là tấm biển sơn son có đề bốn chữ vàng chói lọi. Mãn hạn làm việc bên nước Nam và đến tuổi về hưu, ông ta đề huề diu dất hai tiểu thơ đường bệ về xứ. Thuộc phần khá giả, vì lúc thiếu thời ông đã nhiễm nhiều tục lệ bản xứ bánh qui bánh sáp, nên ông dọn dẹp định đô ở Paris. Nơi thính đường, ông cho treo tấm biển lên cao, hiêu hiêu tự đắc ở thuộc địa xứ giàu có về, nhà ta, coi đây, có một vật kỳ quan hãn hữu. Hai tiểu thơ một ngày một lớn, như « đào dương lá thắm », thế mà « đài tước bình vẫn chờ mãi người buông đạn ngọc ». Hoa xuân thỏn mỏn về tàn, tội nghiệp hai cô gái không người giam hãm... Kịp một hôm, có một ông quan Việt đi du lịch qua đô thành hoa lệ, tiện đường ghé tạt thăm ông chủ cũ. Gặp nhau chưa kịp hỏi chào, khách xua tay xua chân, lật đật xin chủ nhà mau mau cho gỡ xuống tấm biển có bốn chữ đại tự cổ kính, đọc là « HỒNG LÂU ĐỆ NHẤT ».

Té ra quan phú lang sa, dốt mà làm mặt sành đời, khi ở Hà nội, quan mua tấm biển trong một cuộc đấu giá tại nhà tằm tằm, và bất chấp hỏi ý kiến ai, ta thấy tốt thì ta mua, ta thấy đẹp thì ta treo, dè đâu đó là tấm bảng hiệu của chị em xóm Khâm Thiên, đóng cửa rồi mà còn có ma lực làm hồi duyên hai cô gái Pháp.

* * *

Bài này tôi viết để khơi màu cho thú chơi cổ ngoạn. Đến đây đã khá dài, tôi đang định kết thúc, bỗng được hân hạnh tiếp một nhà học giả đất Thăng long, tha hồ cùng nhau bàn luận về các điệu Bắc Nam trong một khoa chúng tôi đều ưa thích và ao ước muốn đem lên hàng nghệ thuật: « nghệ thuật chơi cổ ngoạn. »

Bạn tôi thuật lại cho tôi nghe chuyện một nhà chơi đồ xưa xứ Bắc. Câu chuyện ấy như vậy, tôi xin kể lại theo giọng Nam :

« Một bữa kia, nhà chơi cỗ ngoạn vừa thức giấc trưa, bèn với lấy bộ chén trà « Gia Thái Phương Trai », có đề vắn vắn câu thi « Thu giang điệu nguyệt nhận hoành phi ». Ông lau sơ bộ chén rồi ông lại với lấy cái bình « Thế Đức gan gà », mà nội Hà thành, nhứt là giới ghiền trà Tàu, đều biết tiếng. Ông sửa soạn pha trà để một phen đọc âm. Quên nói ông đang ở lầu trên, và sập gụ chỗ ông ngồi vẫn kê gần một lỗ thông thiên độ chừng một thước tây vuông vức, khoét trong ván lầu, chung quanh có câu-lơn con tiện đóng giáp vòng, chỗ này ngày thường dùng để thu rút những kiện hàng hóa từng dưới lên từng trên và thả những giỏ không xuống, đỡ khiêng gánh ngõ thang bề bộn. Tuần trà đã tàn, ông lấy khăn tay ra như mọi bữa và bắt đầu lau từng chén tốt, chén tổng, đĩa dầm, đĩa bàn, vắn vắn ; lần lần ông lau đến cái bình Thế Đức. Ông đổ xác trà vào chậu nhỏ để dưới bộ ván, ông tráng nước nóng vào bình, ông súc súc, rồi ông ngậm miệng bình thổi cho xác trà ra hết, đoạn ông trút sạch nước, ông lấy khăn lau đi lau lại nhiều lần, ông tâng tiu o bể còn hơn đưa nhỏ lên mười trau chuốt giới mài con vự ó mới sấm, ông lau mãi mà không biết chán, vì đây là một tập quán ngày ngày vào buổi trưa này, ông chơi với cái bình tích vật ông cưng nhứt trên thế gian. Phải nhớ ông đã quen tay lắm rồi, cách thức ông lau bình là cả một nghệ thuật, ông tự phụ về cách chuyên trà và lau bình, không ai giỏi hơn ông, nhưng bữa nay vì đầu xuôi khiến và ông đã làm thế nào không rõ mà cái nắp bình lại vướng vào chéo khăn lau, ông không hay, bất ngờ ông giữ mạnh chiếc khăn định cáo chung một cách trịnh trọng cái lễ cầu kỳ « lau bình tích ». Xảy nghe một tiếng phịch

nhỏ nhỏ, đồng thời ông thấy cái nắp bình con, nhảy vọt lên cao rồi rơi tót ngay theo lỗ trống, xuống tầng dưới. Ông toát mồ hôi, ông cầm cái bình còn lại, tay ông run run, đoạn ông nghĩ sao trong trí đồ ai đoán được, duy thấy ông vụt ngó ngay lỗ trống mà quăng vói theo, CÁI BÌNH MỒ CÔI NẮP. Chuyện ông làm, nói ra đây thì nghe dồng dài, chớ từ khi xảy ra đến kết thúc, nó lẹ như chớp, nên không một ai, dầu có đó, mà ngăn cản kịp. Thoạt có tiếng trẻ con dưới nhà reo ầm lên, ông thò đầu ngó xuống, thấy cái bình tan nát, mảnh văng tứ tung không còn miếng nào trên gạch, và bỗng đầu đưa cháu nội lên sáu, vói tay vào giỏ tre đầy dăm bào, lấy ra cái nắp bình nguyên vẹn, vừa mừng vừa rú tay nâng cao khỏi trán, cái nắp bình tích không hề hấn, cho ông nội xem. Ông không nói một lời, từ đó ông như người mất hồn, và chẳng bao lâu thì ông mất ».

Bạn tôi kể tới đây, lòng tôi bồn chồn ngơ ngẩn và không thể nín được, tôi bèn hỏi lẹ : — Thưa ông, chẳng hay nhà chơi đồ cổ ông vừa nói đó, năm ấy độ bao nhiêu tuổi ?

— Xấp xỉ gần bảy mươi, ông đáp.

— Tuổi ấy sao mà nóng dữ vậy ?, tôi thung dung trả lời. Tay chơi đồ xưa lão luyện thì khác, nhứt là không khi nào làm vậy đâu. Phải tập cho bền chí và phải biết nhẫn nhịn mới được chớ ! Nắp bình bẻ, ta chờ tìm cái khác, thủng thủng rồi ắt phải gắp. Ấy chẳng qua là một cuộc thử thách trong nghề. Rủi ro tìm kiếm không ra thì hãy dẫn lòng rần rần cho quen, tội mình làm mình chịu, phải tội nơi cái bình đâu mà quăng mà hành phạt nó thế nọ thế kia ? Ở đời thiếu chi trai bị vợ bỏ và gái bị chồng thôi, như cái bình tích « góa » nắp. Rồi đua nhau nhảy lầu hay treo cổ hết cả sao ? Chớ chi nhà chơi đồ cổ ngoạn ông vừa nói đó,

còn mạnh giỏi và vào trong Nam tôi sẽ mời về nhà chỉ cho xem cái lục bình vẽ tích Nghiêm Tử Lăng đề ba chữ « Điều đài đồ » có bài thi dài thượt, hiện tôi chưng trên đầu tủ sách. Bình này lúc tôi còn làm việc tại tỉnh Sa đéc, Ba tôi lên chơi thấy nó có tỷ, ôm về Sốc trắng cặm cũi o bế nó lại lành lẽ rồi gởi lên tôi làm vật kỷ niệm, và vì vậy tôi quý trọng nó hơn cả các vật mất tiền tự tôi mua sắm mà không có tay Ba tôi tô điểm thêm duyên. Tánh tôi vốn thích hoa huệ. Bữa kia huệ tàn, tôi lấy bình ra thay nước. Tôi tuổi nhỏ lặc các ỷ tài. Tôi xát xà bông, tôi kỳ mài, tôi ôm cái bình lên sức, tôi cho nước vào bình, chao qua chao lại cho sạch, bình trơn vượt khỏi tay, rớt nhẹ xuống sàn xi măng : thôi rồi còn gì cái bình quý của Ba tôi, không kể khó nhọc, làm cho tôi chơi, tưởng được để đời, té ra nay vì mình, cái bình kia đã nứt lại càng thêm nứt. Trong lòng tôi lúc ấy, một buổi sáng chứa nhứt, tức, thương, tiếc, giận, ngồn ngang bời bời. Việc đã cũ mà tôi còn nhớ như ngày hôm qua. Tôi ôm cái bình nước mắt giàn giụa, vừa tức tối, vừa bức tiếc, uổng cho một vật, mới đây toàn hảo, cũng vì mình sơ ý, nay đã có tỷ và giảm giá rất nhiều. Biết làm vậy, thà để cái bình dơ, dơ có chết ai, như vậy mà nó còn nguyên vẹn. Cho đến nay, tôi còn thích hoa huệ, nhưng tôi ít rửa lục bình. Lâu ngày quen thói, đi ngang bàn thờ, mùi huệ cũ không làm sợ nữa ? Tôi lại tưởng như phảng phất đâu đây hồn Ba tôi với tiếng « phuych » khi bình sút tay sa nhẹ xuống đất. Bữa đó, tôi ngồi trên giũ sên, tôi nghĩ lại thêm thương tiếc công Ba tôi mãi tin tưởng vào một đứa con bất tài như tôi làm vậy ! Rồi đây tôi ăn làm sao nói làm sao với hai em tôi ? Tôi hăm hừ hậm hực, muốn trút cái giận vào một cái gì, đó rồi tôi cứ kể ra một tội của tôi thì tôi gọt vào đầu một cái, tôi làm cái việc vô lý điên rồ ấy một cách thần nhiên, bất

chấp sự có mặt chị Bếp đang làm cá và thẳng bồi Tụ đang ngồi giặt đồ bên cạnh. Tôi cú đầu tôi cho đã, rớt rồi tay ề đầu sung, mà xem đi xem lại nào cái lộc bình đầu có lành lẽ lại như xưa? Sau hết, tôi ráp mảnh nứt mảnh bể đầu vào đó, hàn gắn kỹ cang, rồi từ ấy mặc dầu tản cư di cư năm đảo chánh 1945-1946, biến cố Mậu thân (1968), cái bình bể và tôi, không rời nhau nữa. Kể ra từ ngày hưu trí, tôi gả bán đồ cổ ngoạn của tôi cũng khá bộn, buôn đi sắm lại không ít, nhưng không bao giờ tôi bớt kính trọng cái lộc bình vô dụng kia. Tôi để nó trên đầu tủ, trước bàn thờ Ba tôi, và mỗi lần ra vào, thấy nó như nhớ lại cái bất tài của mình (mà các bạn vẫn còn lầm), và thêm thương cha mẹ, đã không còn nữa. Hôm nay nhắc tới chuyện này, tôi có lời xin lỗi các bạn, tự tôi không dám khoe đã tìm được cái bí quyết trong khoa chơi cổ ngoạn, nhưng thú thật, nhờ làm bể cái lộc bình này mà tôi học được một thuật xử thế mà tôi cho là huyền diệu, không chỉ nó đã giúp tôi nhiều lần thoát qua xiết bao nạn dữ trên đường đời. Thuật ấy là THUẬT ẪN NHÂN VÀ NHỊN NHỤC.

* * *

Nay đã đến phần kết thúc. Tôi đã trót lựa một đề tài khô khan, không hứng thú và lạm dụng lòng tốt, làm mất nhiều thì giờ của liệt vị, xin tha thứ. Tôi xin mạn phép ân cần nhắc các bạn từ đây nên đề ý nhiều hơn trước đến cổ vật trong xứ. Nhất là từ biến cố Mậu thân, những vật ấy hư hao mất mát rất nhiều. Chớ nên gọi đó là đồ truyền thống giai cấp, cho thêm não lòng và hãy quý trọng lấy như những tài liệu xác thật về khoa sử ký.

Có người đã thốt ra câu : « Thời buổi tao loạn này mà còn chơi đồ cổ đồ xưa cái nổi gì ? Có tiền cứ ăn chơi hoặc

để thủ đó phòng khi « chạy giặc ». Chơi đồ xưa là không thực tế, là mua sắm bá láp ». Chính tôi không nghe những câu này nói ngay với tôi, nên tôi kể như lời không căn cứ, nói đùa và không đáng quan tâm đến.

Tôi lại nghe một nhà chánh trị, mới đây, bàn về mỹ thuật, có nói: « Văn minh chúng ta tự hào thừa hưởng của tổ tiên Hồng Lạc, là một văn minh tâm cảm ». Với lời nói đúng đắn này, tôi xin nói thêm rằng: « Thú chơi cổ ngoạn là một cách riêng biệt vừa bảo tồn quốc túy, vừa di dưỡng cái văn minh tâm cảm nói trên ».

Thật vậy. Xét cho chi đáng, những hoang mang hay bất cập, rốt rồi cũng tiêu ma hết. Mặc dầu biến cố, lịch sử như bánh xe thiêng liêng vẫn lăn tới mãi, và trải bao thử thách, văn hóa và tiền đồ dân tộc Việt Nam càng tỏ rạng hơn xưa.

Đập, phá, đốt, hủy, không khó. Khó nhứt là bảo tồn. Chúng ta phải có người biết dung dưỡng cái cũ trước đã, để do đó phát huy cái mới và xây dựng nền tảng tinh thần một quốc gia lành mạnh. Phong trào cải thiện và canh tân xã hội hiện nay, với nguyên tắc lành mạnh hóa, dạy ta phải lựa lọc kỹ càng trước khi bắt tay vào việc. Hãy xem gương các nước tân tiến, như nước Pháp sau cuộc cách mạng 1789, vẫn sưu tầm cổ vật di tích thời vua dòng Capet, cũng như sau này, tìm kiếm sưu tập vật cũ đời Napoléon và của các danh nhân lịch sử khác. Nước Nga nhuộm đỏ nhứt thế giới, vẫn bảo tồn cung điện Kremlin của Nga hoàng xưa. Khỏi nói, nước Nhật họ còn đi vét vật xưa của các nước khác đem về trưng bày trong viện bảo tàng của họ. Nước Trung hoa bây giờ chia đôi: Đài loan tàng trữ những báu vật của các vua cũ, còn Bắc kinh thì tu tạo cung Mãn đế Đại Thanh, duy chúng ta, không biết tai nạn gì, để cho năm Mậu thân, bao nhiêu cung điện đền

đài Thành Nội Huế đồ làm mồi cho bom đạn, nghĩ càng tủi hổ với cái nước lạc hậu cơ-me, dầu sao, những Đế Thiên, Đế Thích của họ vẫn còn sừng sững. Nếu đồ thừa mồi lần làm cách mạng là có hư bề, nếu vậy thì các nước khác sao còn y nguyên vật báu của họ? Nói thiệt, đồ sành xưa của Huế đồ, đồ sứ của các triều đại trước, tuy không phải của ông cha chúng ta chế tạo, nhưng công khó đi sứ đem về và gìn giữ bấy lâu, tôi có đi xem rồi, các nước khác không có món nào trong viện bảo tàng của họ, như vậy ta phải bảo thủ lại trong nước làm quốc bảo, nhất là không nên để bán đổi ra ngoài. Tôi dám khuyên các bạn hãy suy xét lại mà cương quyết ủng hộ và gắng công bảo vệ từng món một, những cổ vật và di tích hiện hữu hầu lấy đó làm tài liệu, bằng chứng, dọn đường cho khoa mỹ thuật Việt Nam sau này.

Biết chừng đâu mỗi cổ vật, mỗi cổ tích, chẳng là một tài liệu độc nhất, duy nhất cho khoa sưu tầm cổ học, trong có ẩn một quốc hồn chưa khám phá, và như vậy tất nhiên ta phải thận trọng, chớ nên hủy diệt hay để cho bán ra nước ngoài, ngày sau ăn năn vô ích. Giúp nước có nhiều đường lối, và biết bảo tồn của quý trong nước cũng là một cách sáng suốt biết giúp nước đó. Nói thêm nữa là thừa.

Riêng tôi, tôi chỉ muốn trọn đời an phận tùy duyên :
*« làm người chơi đồ xưa mót và an phận trọn đời được
« giữ các món đồ xưa mót này ».*

Không chi, tôi cũng được tiếng trung thành với thú chơi cổ ngoạn.

*(Bài này đã đem ra diễn thuyết ngày 30 - 12 - 1957
tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn do bộ Quốc
Gia Giáo Dục tổ chức và đăng trong Văn Hóa Nguyệt
san số 27 tháng 12 năm 1957 và số 28 tháng 1-2
năm 1958. Nay có sửa và thêm đôi chỗ). V. h. S.*

2. — Vì sao tôi ham sách và thích đồ cổ ngoạn

Có tích mới dịch ra tuồng. Thú thật, đời tôi có hai tật lớn, không sao chữa được, mà đến tuổi này, cũng không muốn chữa; đó là: tật ham sách: sách quý, sách lạ, sách hay, cũ mới gì không nệ; và tật thích chơi đồ cổ ngoạn, hơn ai hết cả. Những đồ sứ men chàm chánh hiệu, đồ sành có đề thi nô, đồ da kiêu đa đá, miễn có dính dấp đến sử Việt, có liên lạc đến các danh như cổ kim mà tôi kính phục, từng đọc tiểu sử hay từng biết mặt, những đồ gốm thật cổ, dầu xấu xí, miễn chứng minh một thời đại (Đường, Tống), hoặc đồ đào trong mả xưa, tôi có dự kiến thật sự, những vật ấy đều làm cho tôi ngây ngất say mê còn hơn mỹ nhưn trình nữ đối với khách đào hoa đa tình. Cũng thì một bộ chén trà Mai Hạc, nói tỷ dụ mà nghe, nhưng nếu là bộ của ông cha để lại, thì tôi quý hơn bộ tôi sẵn tiền mua sắm; về vật mua sắm, nếu tôi được phép kén chọn, thì thà tốn nhiều tiền, nhiều thật nhiều, tôi ham những bộ của vua chúa, của các đại thần đã mất, để biết những gì là « *quân diêu* » (đồ vua dùng), hoặc « *quan diêu* » (đồ quan dùng); tuy nói vậy, chớ khi tôi gặp đồ lưu lai của các bá hộ xưa trong Nam, đó là đồ « *dân diêu* » (đồ dân dùng), thì tôi cũng không từ, vì đã là nhà sưu tập, thì mỗi thứ cũng phải có với người ta chớ!

Nước mê đồ xưa của tôi, ai ai cũng biết. Mê đến bỏ ăn quên ngủ, (trước kia bị người đó bỏ rơi cũng vì tật này), ăn mặc không cần tốt, tôi có kinh nghiệm mặc sang

mua đồ họ bán mất hơn mặc xập xệ, tiêu xài có chừng độ, (vả chẳng trong nhà tôi đã chịu tiếng oan, Năm thường nhể trách tôi cái câu gì : «tiện lặn với vợ con, ra ngoài ăn to xài lớn») mà tôi không bao giờ cãi, cơ khổ ra đường ly nước mìa tôi tuy khát mà không khi nào dám rờ, tuy vậy hễ gặp đồ xưa vừa ý là tôi xả lán ! Thuở tặc xi còn biết điều, thỉnh thoảng còn thấy tôi ngồi tặc xi. Mẽo lại đông, tặc xi làm khó, tôi chừa cho Mẽo đi, tôi leo xe ô tô buýt. Máy cái xe này thôi chạy, tôi ngồi xe lam. Hiện nay có mỗi xe lam leo thang nữa, tôi tuột xuống đi bộ. Đi bộ có chết ai, thêm được teo mỡ bụng và thêm khỏe người vì thể thao bắt buộc. Người ta nhịn thuốc mua trâu, nhịn trâu mua ruộng. Tôi nhịn đủ thứ sung sướng để mua cỗ ngoạn tôi chơi ! Thuốc điếu châu xưa là hạn cầm canh của tôi — phải tập lâu lắm mới biết hút và hút biết khoái, ai đâu đánh bỏ, thế mà tôi cũng có cách đối phó : thuốc nời, tôi mua một ngày một gói ; thuốc lên, tôi chia một gói hút làm hai ngày ; thuốc lên nữa, tôi canh ba ngày một gói ; chừng thuốc lên một kỳ nữa, tôi nhịn luôn không hút. Mà có mấy chết ? Duy tôi không nhịn mua đồ cỗ được.

Buổi thiếu thời, tôi như con dơi muỗi, va đầu vào đủ bốn vách : tứ đồ tường. Được cái không món nào tôi lạm. Canh khuya dứt chén, ai thì nán lại, tôi xin đi ngủ. Nài cách mấy tôi cũng không nghe, nhờ đó tôi thua có chừng mực. Duy đối với đồ cỗ, tôi thua trút túi.

Bây giờ xét lại, nghĩ cho thuở còn ruộng vườn, còn hoa lợi góp mỗi năm, máu mặt còn, thì mê đồ xưa cũng phải. Lúc đó tuổi còn ham bay nhảy, bạc tiền hơi hột, châm chế mà nói, mê đồ xưa là cao kể, không khen thì thôi chớ không đáng trách. Không như ngày nay, bóng đã xế tà, như ngọn đèn tắt tảo vẫn không chừng, trong túi vắng anh Hai như chợ nhà lồng chiều ba mươi Tết, hoặc như

con đường trước nhà vào giờ giới nghiêm, sang năm là đúng bảy mươi mà năm nay còn đi làm công sắp xếp đĩa chén cho thiên hạ, thế mà cái tật mê sách mê đồ cổ vẫn chưa rời, có lẽ số kiếp mắc nợ đời mới vậy. Từng tuổi này, trông thấy món nào nhà chưa có, là làm nợ vay tiền, mua lên cho được mới nghe, không thì bức rức đêm ngủ chiêm bao, nhớ tiếc còn hơn chú trai trong câu hát « chuỗi non giú ép chát ngằm », rồi gì gì đó, câu thứ hai chưa trống!

Trong tập Hiếu Cổ đặc san số 3 này, lần lượt tôi sẽ kể lại những duyên cớ khiến cho tôi trở nên một nhà chơi cổ ngoạn ghiền nặng đến thế. Tôi định dâng lên các bạn những chuyện hay tôi đã đọc, tôi sẽ hài ra những tật tôi đã có, hầu biết trước thì dễ tránh hơn, và đó cũng là mở kinh nghiệm sống tôi muốn để lại trước khi lên đường một cách vĩnh viễn. Từ có tri khôn đến lúc ngồi viết bài này, tôi đã lặn lội trên một con đường khá riêng biệt, chông gai cũng lắm, gian nan cũng nhiều, thiếu thầy, thiếu sách, thiếu người hướng đạo, thiếu bạn đồng hành, tự vạch mà đi, trên năm mươi năm đảng đảng (1919-1970), nay dừng chơn lại đây, đánh số độ đường đã trải, cảm thấy hưng thú và phong phú lạ lùng.

« Dừng chân dừng lại: trời, non, nước,

« Một mảnh tình riêng: ta với ta.

(Đèo Ngang tức cảnh của bà huyện Thanh Quan)

Trong sân trời đang mưa, hai câu thơ trên thánh thót rót vào hồn, đêm tịch mịch, chung quanh chỉ nghe hơi thở đều đều của Năm là vợ và của Bảo là con, thôi hãy ngủ đi, sáng này theo tôi xuống bên kia đường đời, chiều tà bóng xế, vì là xuống dốc hãy diu nhau mà đi, đến một chỗ nào đó, tôi sẽ trao lại hết, nhưng còn khất lại một thời gian để viết cho rồi tập 7: « HƠN NỬA ĐỜI HU » mà mấy

trang này là trích lục. Lên đến đỉnh Đèo, bà Huyện cũng phải cho phu tam nghỉ cho đỡ bớt nóng vai... với chớ!

Hồi tóc còn chưa bánh bèo, không ai dạy, mà tôi đã có tánh ưa chặt mót để dành từ đồng xu từ cắc bạc. Bây giờ những danh từ ấy nghe rất lạ tai, vì thế hệ 1970 quen xài giấy bạc, mà vô lễ, họ gọi bằng danh tánh ông thần, ông thánh. Mới đây có một giáo sư nhỏ, sưu tập cổ tiền, đến hỏi tôi « đồng xu » là gì? và tại sao gọi mấy anh hớt tóc là « thầy hù »? Sẵn đây tôi xin trả lời:

— Đừng tìm đâu xa cho thất công. Xu do chữ « sou » của Pháp mà có: một phần trăm của đồng bạc, ngày trước. Giá trị không nhỏ như nay ta tưởng, vì một đồng xu xôi, ăn no bụng, cũng bằng hai chục bạc xôi năm 1970 chớ không vừa.

Còn tiền xu là hai đồng xu, đừng lầm với « tiền xu » trong tự vị ông Huỳnh tịnh Của, cắt nghĩa: Tiền xu: quân dọn đường cho giặc, quân ăn cướp.

Về hai chữ « thầy hù » để gọi thợ hớt tóc. Ba chúng tôi, ông Trần văn Hương, Lê Ngọc Trụ và tôi, cãi nhau năm và cho đến nay, vấn đề chưa ngã ngũ. Tôi nói: xưa không có thợ hớt tóc, vì cắt tóc là phạm tội bất hiếu. Chỉ có thợ váy tai, và mỗi lần váy xong, cũng gọi « thợ lấy cứt ráy », lão ta thường thối vào lỗ tai cho hết điếc, và mỗi lần thối, lão ta kê miệng sát vào tai mà la « Hù! Hù! » vì thế mà mang tên « thầy hù » luôn. Thêm nữa, xưa không có ai làm cái nghề tuyên truyền tin tức, duy lão thầy hù, ngày ngày, ôm cái hộp móc tai, dao cạo, lên lên xuống xuống từ đầu làng đến cuối xóm, ai sanh ai đẻ ai bị chó cắn, lão ta đều biết và khi hành nghề, ngửa miệng học lại cho vui tai, những tin tức không tốn tiền mua, nhiều khi không thiệt, lão ta vì vậy bị gán cho là thẳng hay nói láo, và câu thành ngữ: « Thôi đừng thầy hù mầy » đồng nghĩa với câu « Thôi

đừng dóc mảy!» Thầy hù dóc tổ, nói lão không thua ai. Nghe rồi câu cắt nghĩa, không khen không chê, một trong hai ông, người mập mập cười, ban cho bốn tiếng: « Anh đừng già hàm ».

Mảng già hàm gần lạc đề, nhắc lại lúc nhỏ tôi thích cắt lại những xu đồng và bạc cắc: từ đồng xu ăng-lê dày cạnh, để chọi đao tường, đánh đao lạc, đến đồng bạc trắng có chạm hình con ó Huê kỳ, niên hiệu 1871, do bọn binh sĩ Pháp và bọn đánh giặc mướn đem qua đây trong trận đánh với vua Tự Đức châu xưa... Có thứ đồng xu lá bài, mặt liền, không khoét lỗ tròn ở giữa, thì thuộc đời Tây chế tạo, nhà băng « Đông Dương ngân hàng » phát hành, năm 1879 cho ra loại « xu bản » (hay xu lá bài), cân nặng mười gờ-ram, mặt trước chạm hình con đằm « Mẫu quốc », mặt sau chạm câu chữ Nho « Bá phân chi nhứt », và hàng chữ Pháp « République Française »; riêng đồng xu năm 1895, nhà băng ấy, Pháp gọi « Banque de l'Indochine » (Đông Dương ngân hàng), thay vì đề hai chữ « République Française » đổi lại viết « Un centième de piastre », vì vậy chúng tôi đặt tên là đồng xu « On xon chem » và xem quí hơn đồng xu thứ kia. Cứ mỗi một trăm xu thì đổi được một đồng bạc trắng; nhưng khi dùng thấy bất tiện, nên nhà băng lại phát hành loại « xu lỗ », đồng một giá, nhưng giữa xu có khoét lỗ, để tiện xỏ xâu như tiền điều, tiền kềm của Cựu trào. Lại có thứ xu « Long Phi » là xu Tàu đời Mãn Thanh đem qua đây dùng, có thứ in hình Tôn Dật Tiên là xu có từ năm Tân hợi (1911), và thứ khác in hình rồng bay (vì vậy gọi Long Phi) là loại xu triều Mãn Thanh, đời vua Quang Tự và đời bà Tây Thái Hậu (trước 1911). Nói đến đây không khỏi ngậm ngùi nhớ mẹ, vì mỗi lần phát tiền quà bánh, một xu hai xu chớ không nhiều, tôi đều cố vắn nài xin cho được đồng xu sắc

sảo, ghét thứ xu lý, và ưa thích đồng xu mới, đồng còn đỏ tinh au, và mỗi bao một ngàn xu (mười đồng bạc), từ kho bạc phát ra, người nào lãnh phải trả thêm bốn xu tiền nhượng cái bao nhỏ bằng bố tời, để làm túi đựng. Nay mẹ hiền đã không còn, những lúc sắm được món đồ cổ ngoạn vừa ý, là nhớ đến công mẹ đã quá chiều chuộng con và khéo lựa cho con chơi, từ đồng xu các bạc. Tôi không dài dòng lê thê, vì nghệ thuật chơi cổ ngoạn là gì nếu không phải một cách tưởng niệm người trên trước ?

Lớn lên, cái tánh lượm lặt căn sảy đã lậm và thành tật, như áo xếp có lẫn, tôi lại mó qua thú cầm ca, ưa bè bạn và thích sắm đèn đọc huyền có cái « bầu » làm bằng gáo dừa giống hình con cá nóc, thích ống tiêu ống sáo bằng trúc lên nước đen huyền không trầy trụa và phải thật âm thanh đúng chữ. Nhưng tôi đã gặp nhiều vố khá đau : bao nhiêu bạn, bao nhiêu tình, đều giả dối. Tôi bắt đầu học được chữ « ngờ ». Tôi đâm chán nản bứt kết giao, liên lạc, bắt tay qua chơi sách triệt để, có bao nhiêu tiền đều mua sách, đóng cửa, học uống trà Tàu, ngâm thơ (giọng Nam) và viết lách. Tôi nghĩ trong bụng, bởi cha mẹ ít tiền không đủ sức cho mình xuất dương du học, thôi thì tạm học đỡ trong sách, — sách là bạn tốt không bao giờ biết phản bội, — tuy không theo kịp người tốt số được học trường lớn có sẵn thầy hay chỉ dẫn, — nhưng cũng phá ngu, và nhất là còn hơn đem tiền cung cấp cho đám bạn không phải bạn, tình không phải tình.

Tuy đóng cửa nằm hầm trong nhà, sắm soi từ cuốn sách, chỉ thú như vậy mà cũng tránh không khỏi cái số bạn lừa, tình phụ. Đã chán lại còn thêm ngán.

Đã không ưa sự dùng thói vô phu, tụng đình cũng không phải chốn nên lui tới, nếu cùng tri lâm liêu thì thân thêm tù tội, ích gì ? Thôi thì :

« Buồn riêng biết tỏ cùng ai,
« Cẩn rằng nuốt giận, nghiêng tai lắng hờn.

(Câu hát bội xưa, phải hát cho thấy : nuốt giận, lắng hờn).

Từ đó, tôi mới an ủi tôi bằng thú chơi cổ ngoạn, bạn cùng đồ sứ đồ sành. May ra sắm được món tốt, đồ xưa thật xưa, thì đó là thang thuốc cứu mạng, tăng tiu hơn ngọc vàng, không may tốn tiền mua lầm đồ giả mạo, thì như đã gặp thằng bạn đều, cô bạn hư, — thì tôi đã có cách :

Trong tiếng Pháp, trước cảnh ngộ gặp tên bạn xấu, họ có câu nhủ : « laissez-le tomber ! » (bỏ rơi nó quách là xong), nhưng « tomber » dịch là « bỏ rơi », đây chưa bằng bụng, vì sau khi mình bỏ rơi rớt nó, mình vẫn đi bộ còn thẳng chớ má chằm chệ lên xe xuống ngựa, sao cho bằng, ngộ cảnh làm vậy, và nếu bạn kia là món đồ sành giả hiệu tôi vừa nói trên, khi mình buông tay, nó rớt ra trăm ngàn mảnh : khoái ở chỗ đó, nên tôi mới trở nên tên chơi đồ xưa lắm. Và như vậy mới là « laisser tomber ».

Đọc bài trước, thấy thơ Phò mã Trị tiếc thân miềng sành, đọc bài này thấy một tên già hèn hạ không dám thẳng tay với bạn xấu, nam lẫn nữ, — bi quyết và nghệ thuật chơi cổ ngoạn, tôi xin đề cho bạn tìm lấy.

Trong khi mua được một thú tiêu khiển thanh cao, phải biết phân biệt giả chơn, phải trau dồi tiếng mẹ, phải luyện tập văn chương, phải tra tầm sách vở cổ kim. Không phải ỷ tiền mua sắm lung tung, mua chất đồng trong nhà mà mù mịt không biết chi chi, lầm lẫn Thanh Hóa, và Thành Hóa, lộn Tần (Ts'in) và Tấn (Tsin), nếu chưa học chơi thì không đáng trách và còn tha thứ được, bằng không vậy cũng nên giải nghệ, để tiền dùng qua việc khác, hữu ích hơn.

(Trích vài chỗ trong « HƠN NỬA ĐỜI HƯ », sẽ đăng trong tập 7 của bộ Hiếu cò đặc san này).

3. — Nước Việt Nam yêu quý

Địa dư.— Giữa Ấn độ và Trung hoa, có một bán đảo hình chữ S, vị trí thuộc vùng Đông Nam Á : ấy là bán đảo Ấn độ — Chi na, gạch nối liên quan trọng giữa hai khối khổng lồ Hoa Ấn.

Trên bán đảo, có nước Việt Nam : về mặt đất, giáp ranh ba nước bạn Miến Lào Miên ; về mặt biển, ăn bọc ven Nam hải suốt từ Nam quan chí mũi Cà Mau.

Non sông gấm vóc, lãnh thổ Việt đã được ví như một đòn gánh dịu hoẵng không bao giờ gãy, tượng trưng bởi dãy Hoành sơn kỳ tú của miền Trung Việt, hai đầu gánh treo hai giỏ : trên miền Bắc Việt, một giỏ nào mễ cốc, nào khoáng vật, nào than đá miền hạ lưu trữ mặt Hồng hà và vùng Hạ long, một trong những kỳ quan trên thế giới ; một giỏ thứ hai tượng trưng bằng miền Nam Việt, nổi danh nhờ lúa gạo vùng phù sa Mỹ-công và cao su vùng đất đỏ trên cao nguyên sông Đồng Nai.

Từ 1954, hiệp ước Genève đã làm chệnh lệch chiếc đòn gánh lịch sử rất nên thơ này, và ước ao một ngày gần đây, khối quốc gia thân hồi được trọn gánh san hà Bắc Trung Nam, để làm một nước Việt Nam yêu quý thống nhất.

Từ ngàn xưa, việc chia xé như vậy vẫn thường có, và lần nào, hết thời loạn lạc, nước Việt vẫn tái sinh trong cảnh tro tàn, như con chim phénix sống lại trong thần thoại.

Đã có trên mặt địa cầu từ năm 2879 trước kỷ nguyên

với quốc hiệu là Văn Lang, rồi kế lần lượt đổi tên Âu lạc, Tượng quận, Giao chỉ, Cửu chân, Nhật nam, Giao châu, An nam, Đại cồ Việt, Đại Việt, Đại Nam, nhưng rốt lại, từ ngày phục hồi độc lập, quốc hiệu xưng là Việt Nam vĩnh viễn.

Theo chữ Hán, VIỆT có nghĩa là vượt qua, là phát dương lên, là nhảy tới trước. *Việt Nam quốc*, tức là một nước còn nhiều tiền đồ về sau vậy.

Lịch sử.— Từ thời kỳ « Bắc thuộc » đến nay, trên dưới hai ngàn năm, người Việt phải người Tàu cai trị trước sau hơn mười thế kỷ : những sự dày lư giết chóc, nhiều như cơm bữa, thế mà dân Việt vẫn giữ nền tự chủ không mất và bao nhiêu đặc tính giống nòi không quên. Gần đây, ách nô lệ bị chông thêm hơn tám chục năm dưới gót sắt của thực dân Pháp, tuy vậy luôn luôn có cuộc nổi dậy của những Đề Thám, Nguyễn Thái Học, để mãi mãi không để yên quân đi cướp đất người. Lẽ cố nhiên phải là một nước không hèn, mới giữ vững tinh thần yêu chuộng tự do đến trình độ cao như thế.

Kể các đoạn chống xâm lăng thì : đời Hán, có hai bà Trưng đương đầu cùng Mã Viện (39-43 s.T.l.) ; năm 248 bà Triệu đánh giặc Ngô ; rồi nào cuộc nổi dậy Lý Bôn, Mai Hắc đế, Khúc Thừa Dũ, thay nhau quyết không để người Tàu yên trị ; năm 939 Ngô Quyền đánh lui quân Tống, nhưng đến năm 968 Đinh Bộ Lĩnh mới dẹp mười hai sứ quân gồm về một mối. Rồi nhà Đinh (968-980), Tiền Lê (981-1009), Lý (1010-1225), Trần (1225-1413), Hậu Lê (1428-1789), Tây Sơn (1787-1802), Nguyễn (1802-1862), đó là những triều đại độc lập, có công trong sự thống nhất và mở mang xứ sở.

Trong khoảng ấy, người Trung hoa vẫn cố tâm muốn nuốt nước Việt nhưng đều bị chặn đứng, Lý Thường Kiệt

đời Lý đã từng đem binh phạt Tống. Bài thơ « Nam quốc sơn hà Nam đế cư » vẫn còn ghi trong sử sách để đời.

Thậm chí năm 1285, con vua Hốt Tất Liệt nhà Nguyên, là tướng dữ, kéo binh qua Việt Nam cũng bị chặn lại và năm 1287 Nguyên Mông cớ kéo binh phục thù, ông Trần Quốc Tuấn đánh lui đem lại một vinh quang lớn cho nước Việt, vì cùng một lúc quân Mông cớ đã gieo sự khủng khiếp bèn trời Âu, đến nỗi có câu : « giặc Mông cớ đến đâu, cỏ không mọc, trẻ con không dám khóc ».

Năm 1418-1427, vua Lê Lợi cả thắng quân Minh, tức vị xưng nước Độc lập.

Qua năm 1789, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đại phá binh Thanh trong một kỳ công bất hủ.

Đến lượt chúa Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà, và để hiệu Gia Long là tượng trưng cho sự gồm về một mối ấy. Sử chép lúc đi cầu phong, sứ Nguyễn bị triều đình Mãn Thanh vắn tội, trách rằng để hiệu GIA LONG lấy chữ CÀN LONG (lấy chữ LONG) và để hiệu GIA KHÁNH (lấy chữ GIA), như thế là phạm thượng. Chánh sứ nhà Nguyễn là ông Trịnh Hoài Đức, tâu khéo rằng khi lựa hai chữ hiệu vua mới, vẫn không chút nào có ý khi quân, duy nơi xứ của thần là Nam Việt, « Bắc hữu Thăng Long, Nam hữu Gia Định, nay qui nhất thống, muốn tỏ sự hiệp nhất sơn hà từ đây bằng cách nối liền hai kinh làm một ». Triều Thanh nghe thuận tai nên mới sai Tề Bố Sâm làm sứ đem sắc phong qua, và ông Trịnh Hoài Đức đem về bộ chén trà « Giáp tý niên chế » là cũng để kỷ niệm năm đi sứ năm 1804 ấy (sẽ có bài rành rẽ trong tập Hiếu cổ đặc san số 6 sau này).

Mặc dầu Mã Viện, Sĩ Nhiếp, Cao Biền, có lòng đem văn hóa Trung hoa chụp lên đầu dân Việt, nhưng tự trung dân Việt vẫn một mặt biết hấp thụ phần lớn và phần tinh hoa

của nền văn minh người đi chinh phục, một mặt vẫn dung hòa và bảo tồn phần nào cái hay và cái tinh túy của giống nòi, khiến hai văn minh của Tàu và của ta, viết song song trên nền đất Việt, vẫn đọc được và không chồng chất lên nhau chút nào.

Từ xưa, Việt Nam đã có một Lý Ông Trọng sang làm tướng cho Tần Thủy Hoàng (246-210 tr.T.l.), triều Hán, có một Lý Cầm sang làm thái thú Kim Thành, triều Đường, có một Khương Công Phụ qua làm quan bên Trung quốc.

Gần đây, có thiếu chi ông nghề, ông thạc sĩ đậu bằng bên Pháp, mà cũng có lắm ông kỹ sư bác sĩ xuất thân từ các trường đại học Âu Mỹ, nói và viết rành rọt tiếng ngoại quốc, cũng như họ; thế mà đáng cười nhất là con cháu thì như thế, trái lại tiên tổ ta xưa, học chữ Hán, Tàu nói *Thin*, ta đọc là Thiên, Tàu nói *Tỳ*, ta đọc là Địa, ấy chẳng qua là cố tình giữ giọng nhà, một cách dễ kháng trường kỳ của một chủng tộc, dầu nước mất, mà không dễ cho mất giọng nói và tiếng quốc hồn.

Nhắc đến cuộc Nam tiến vẻ vang không ngừng của dân Việt, thì đây là một bảng đại lược của những năm đáng ghi nhớ :

- năm 939, tổ tiên chúng ta còn ở vùng Thanh Hóa, lấy sông Gianh làm ranh giới ;
- năm 1069, đã xuống tới Quảng Bình, Quảng Trị ;
- năm 1307, Vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm, đổi hai châu Ô Lý, nay là Thừa Thiên ;
- năm 1471, tới Qui nhơn,
- năm 1611, tới Phú yên,
- năm 1653, tới Nha trang,
- năm 1697, tới Phan thiết,
- năm 1698, tới Sài Gòn,

— năm 1780, ông Mạc Thiên Tứ dâng đất từ Hà tiên đến Cà mau cho chúa Nguyễn.

Và bắt đầu từ thế kỷ XIX, Đông và Tây gặp nhau.

Dân tộc.— Đọc suốt các pho sử Việt được biết, mới thấy quả ông cha ta làm một cuộc di dân vĩ đại và trường kỳ, kéo dài mấy ngàn năm, mãi đến ngày nay chưa dứt.

Theo một thuyết, thì người Việt do miền núi Tây tạng kéo xuống, lần theo dọc sông Hồng (Hồng hà), lập ra nước Việt.

Một thuyết nữa cho rằng xưa bên Tàu có giống Tam Miêu, vì bị giống Hán tộc từ trên đè xuống, đuổi giống Tam Miêu dần dần phải bỏ chỗ ở cố cựu lánh xuống miền dưới của nước Tàu. Giống Tam Miêu phải lần núp vào rừng núi và xuống lập quốc ở miền Việt Nam bây giờ. Nhưng lấy một bằng cứ hiển nhiên : người cổ Việt Nam có tật là hai ngón chân cái giao nhau (vì đó mà người Tàu gọi dân ta là giống Giao chỉ), trái lại giống Tam Miêu không có cái tật ấy (nghĩa là không có ngón chân cái giao nhau), như vậy đủ chứng tỏ dân Việt và dân Tam Miêu không cùng một giống với nhau rồi.

Những ý kiến này cũng dựa theo lý mà suy, chớ vẫn chưa có gì đích xác.

Còn một thuyết khác nữa, thuyết thứ ba, thì định rằng người Việt, nguồn gốc do một chi nhánh của nhóm Bách Việt bên Trung hoa, phát sanh từ Ngũ Lĩnh (tỉnh Hồ nam bây giờ) bị sức dồn ép quá mạnh của dân Hán tộc, mà phải dọn đường xuống Nam, giành mầm sống với các thổ dân khác, gồm những sắc thuộc giống Ấn độ Mã lai, hoặc Chăm, hoặc Chân Lạp, v.v...

Dựa theo các thuyết kể trên, thì nhận thấy mỗi thuyết, tuy có khác, nhưng đại ý đáng nhớ, là dân Việt, không

cần biết từ đâu đến, vẫn là một dân tộc có một tiếng nói và nhiều tập tục riêng biệt.

Nếu người Trung hoa hãnh diện tự xưng là con cháu vua Thần Nông, Huỳnh Đế, thì dân Việt cũng đã tự xưng là dòng dõi vua Đế Minh, tức là cháu ba đời vua Thần Nông. Thuyết này chứng minh : « đó mười, ta chín có dư », vẫn không thua vậy.

Vốn dòng da vàng, con mắt đen hơi xếch về đằng dưới, nhưng trải mấy ngàn năm chung lộn với dân bản thổ khác, máu giống Việt đã pha lộn đi nhiều.

Trước kia, đàn ông để tóc dài, nên về sau mới có việc bện di thần triều Minh không chịu sống cùng triều Thanh « gióc bím để đuôi sam », nên qua xin nhập theo dân Việt Nam. Trong Chợ lớn nay còn di tích một ngôi chùa do con cháu nhà Minh tạo lập, đó là chùa Minh Hương Gia Thạnh, đường Đồng Khánh.

Người đàn bà Việt, mặc dầu nước bị đô hộ, vẫn giữ được tập tục riêng của mình. Tỷ như người Tàu tục bó chân cò từ đời Đường và có lẽ còn xa hơn nữa, thế mà trước sau không có người đàn bà Việt nào bó cẳng cả, trừ phi nhóm vong bản lấy chồng Ngô.

Tàu có câu : « Kim liên bộ bộ » để khoe chân đàn bà của họ xinh xắn nhỏ và đẹp như đóa sen vàng.

Ta đã có câu : « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết gót con như bùn » : câu hát ấy là câu hát gượng, ép đàn bà trong khuôn khổ chữ « *hiếu* » và hiểu chắt hẹp theo đạo Khổng Mạnh.

Đã có câu chữa lại : « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết, GÓT CÒN NHƯ XƯA » chút ấy đủ tượng trưng tinh thần cứng cỏi của giống Việt bất khuất.

Người Tàu lấy sự bó ngực nịt vú làm đẹp... Người

Việt tuy có theo « một » này nhưng không triệt để thi hành, và từ lâu đã bỏ tục xấu ấy vì có hại cho sức khỏe.

Ngoài tánh nông nổi nhẹ dạ, hay tin ma quỷ, thích sự lễ bái, người Việt lại được là không nhiệt tín đối với tôn giáo nào cả. Trong nước, mặc dầu có nhiều đạo phái, mạnh ai nấy tôn sùng, không câu thúc mà cũng không khuyến dụ. Gần đây có ngót một triệu người lánh vòng cộng sản, xuống Miền Nam tìm tự do. Đó là một gương lịch sử chứng tỏ sự di dân đã có bất cứ đời nào và minh xác tinh thần không thích làm nô lệ của một giống dân đã hấp thụ một văn minh rõ rệt, biết tôn trọng sự độc lập về tinh thần và không muốn làm vật thí nghiệm cho một chế độ ngoại lai áp bức.

Chánh trị. — Về chánh trị, người Việt đã có một chánh trị riêng biệt, có lẽ từ xưa lắm thì thuộc về chế độ mẫu quyền nên mới còn gương hai bà Trưng và bà Triệu cầm binh ra trận thế cho đàn ông, nhưng về sau, từ khi văn minh Trung quốc tràn sang thì theo về chế độ phụ quyền. Nhưng vậy, trong luật lệ cổ kim, từ luật Hồng Đức chí luật Gia Long, người đàn bà Việt vẫn giữ một địa vị lớn trong gia tộc, đối với con cái, sau khi người gia trưởng mãn phần. Thuyết Khổng Mạnh « phu tử, tòng tử » không được áp dụng triệt để trong xứ như bên Trung quốc, và bà mẹ Việt nếu giàu có, nắm vững tiền bạc trong tay, vẫn điều khiển gia đình của chồng theo ý mình, không như trong xã hội Trung hoa, người đàn bà thường bị xem khinh, như con vật, như bộ máy sinh đẻ hơn là một người có quyền thế với chồng con. Ấy là một tỷ dụ nho nhỏ lựa trong gia đình. Ngoài ra đối với nước nhà, người dân trong nước vẫn được nể trọng. Bằng chứng là trong hội nghị Diên Hồng, đời Trần (1284), trước họa xâm lăng của giặc Nguyên, thì vua cho mời các bô lão trong nước tới hội họp để thăm dò ý kiến như tình thân thích một nhà.

Tinh thần trọng dân, xem dân dường con một cha, biết vì dân, quý dân như thế ấy, cái chế độ có vua có quan có dân mới là một nước ấy, đã ngấm ngấm từ buổi đó và đây tức là bước đầu tiên của tinh thần dân chủ ngày nay.

Chánh trị có công bằng, dân mới hưởng ứng theo và nước mới có cơ hồ mạnh : bằng cơ là tinh thần trọng dân vẫn có ghi trong luật pháp ; ví dụ có luật cấm quan địa phương không được thụ nhiệm tại nguyên quán và phải nhiệm xa tỉnh nhà hơn ít nữa là năm trăm dặm, ấy là để phòng ngừa họa thân thích cậy thế thần rồi hà hiếp dân cô ; lại có luật cấm quan ngồi chặn dân không được cưới vợ mua hầu trong quận huyện mình cai trị vì sợ gia đình bên thê thiếp những nhiều lương dân ; cũng có luật cấm quan lại không cho mua sắm ruộng đất trong địa hạt mình coi sóc, vì sợ quan ham lợi, thừa quyền thế ép dân bán rẻ ; lại có luật cấm quan không được tự đi lại với đàn bà trong hạt để tránh sự bức hiếp ; và cũng có luật cấm hưu quan không được năng lui tới cửa công vì sợ cầu cạnh, v. v...

Một điều đặc sắc nữa là người Việt, tuy có tánh tôn trọng triều đình, nhưng vẫn thích sống tự do lấy mình, và ham gần gũi xã thôn, núp sau lũy tre xanh. Mọi sự lấy trật tự làm căn bản : nước hỏi làng, làng hỏi dò ý kiến của dân, còn riêng về công chuyện trong hương thôn thì để tự ý thu xếp, nhà nước không can thiệp. Có câu « phép vua thua lệ làng » và trong câu « làng nước » rõ ràng chữ *làng* trên chữ *nước*, tỏ ra hai đoàn thể ấy có phép tắc phân minh.

Khi nào vua và dân một lòng thì được bình trị : hai bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Hưng Đạo Vương, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, đều đồng vua đồng dân hưởng ứng bắt tay mới gây dựng nổi cơ đồ đại sự. Vả lại, vua tuy có quyền tuyệt đối, nhưng mỗi khi có việc quan trọng vẫn

biết chất vấn lòng dân. Hội nghị Diên Hồng nhắc lại một gương sáng của một nước có kỷ luật tôn ty đoàn thể.

Thêm nữa, chánh trị có *chỗ khéo*, tức là biết nâng cao tinh thần ái quốc. Như vậy cho nên khi nước nhà yên ổn thì không kể, đến khi có loạn ly, thì tục lệ đã sẵn, người giàu xuất của, dân đinh tráng thí thân, chống đánh cho đến kỳ cùng. Rủi có chết thì nhà vua đã dạy lập đền thờ và phong thần phong ấp, vì vậy mà dân không biết sợ chết. Câu « sanh vi tướng, tử vi thần » đã giúp dân Việt lấy sức yếu chống nổi giặc dữ từ Hưng Đạo Vương qua Bắc Bình Vương, chí Cao Hoàng Nguyễn Ánh. Bình nhứt người Việt không hiểu chiến, nhưng khi lâm trận, vẫn biết liều mình.

Chánh trị cũng *lắm cái khôn*, đã biết đem một công chúa Huyền Trân đổi hai châu Ô Lý. Đó là một chánh sách khéo đã biết áp dụng từ thế kỷ XIV. Nước Việt lại biết dùng phương pháp hòa bình mở rộng biên cương bằng cách đặt dân binh tản cư Minh vào đất Cao Miên, một là vừa để tránh xa một bọn giặc ít tôn trọng trật tự, hai là vừa ngấm ngấm mượn tay khác chinh phục một vùng hoang vu có tiếng là rất phi nhiêu.

Kinh tế.— Về mặt kinh tế, dân Việt ở trong xã hội canh nông, nên vẫn lấy sự trồng tủa làm căn bản. Trong nước thì chuyên làm ruộng, trồng dâu, nuôi tằm, có khác điều này với dân Hán tộc, là tuy cũng phát nguyên trong xã hội canh nông, nhưng nước Tàu về sau đã bị dân du mục Hung nô từ miền Bắc tràn vào lãnh thổ và lai giống đi. Lại nữa, người Việt khi chiến là binh sĩ, thời bình là quân đồn điền, cùng chung hiệp sức với dân, cùng làm, cùng ăn, đến khi quốc gia lâm nguy, lại biết nhứt tề đứng lên chống giặc. Gương Nguyễn Công Trứ khấn đất hoang Tiền hải Kim sơn, biết ngăn đập đắp đê giành với biển để

biến thành ruộng tốt làm giàu cho dân là một sáng kiến tân kỳ. Người Việt lại biết trị thủy từ xưa : những con đê dọc Hồng hà, và con kinh đào Vĩnh tế trong Nam, là những kỳ công không kém sút trí khôn nước khác.

Về sưu thuế, thì trong nước có lệ vua bỏ thuế cho mỗi làng một số nhứt định để làng tùy theo số dân trong xã, chia nhau đóng góp. Nhưng từ giữa thế kỷ XIX, chánh sách « bế quan tỏa cảng », đóng cửa không chịu giao thiệp với nước ngoài đã khiến vì đó sự mở mang dân trí phải chậm lại một thời gian. Ấy cũng là một điều đáng tiếc.

Văn hóa. — Người Việt có một văn hóa riêng biệt. Từ ngàn xưa, có tục xâm mình, bởi chuyên nghề lặn lội dưới nước nên cố làm như vậy cho loài thủy quái tưởng là đồng loại mà không làm hại. Lại có tục nhuộm răng, tục ăn trầu.

Chữ Việt xưa, chưa ai từng thấy ra sao, duy có sách ghi tục « bẻ cò để đếm » có lẽ đã có từ lâu đời lắm. Trong nước đã dùng chữ Hán rồi đến chữ nôm. Sau này được chữ quốc ngữ xếp theo mẫu tự la tinh, vừa dễ học, mau biết và rất gọn.

Đặc tính lớn của nền văn hóa nông nghiệp, xã hội canh nông này, *gia tộc* làm căn bản. Từ thời đại phong kiến lớp thượng cổ qua thời đại Bắc thuộc, đến thời đại độc lập, gia tộc luôn luôn là bản vị căn gốc của xã hội. Trong nhà lớn nhỏ đều tôn trọng người gia trưởng, tôn thờ chữ HIẾU. Nhiều gia tộc gộp lại làm một xóm, từ nhiều xóm thành làng, lên trên hết là nước, tôn một ông vua làm lớn, thờ vua cố được chữ TRUNG, và Trung Hiếu là nền tảng của nước Việt Nam. Tiếc thay lớp trước không biết tách quyền lợi vua riêng ra với quyền lợi quốc gia và nhiều khi cũng vì quá câu nệ chữ Trung, đến đôi gặp ông vua hôn muội cũng khư khư một lòng thờ, thậm chí trong nước có loạn ly không biết lo, mắng cầu xé ai vì

chúa nấy mà không sáng suốt tìm hiểu chữ quốc gia là trên hết, còn quyền vua quyền chúa vẫn là phụ thuộc đứng sau.

Một ưu điểm khác: bắt đầu từ đời Lý, năm 1075, nước Việt Nam đã biết đặt chế độ khoa cử để kén chọn nhơn tài, bổ ra làm quan: trong hàng bình dân, không luận giàu nghèo, miễn học giỏi, thi đỗ là được trọng dụng.

Ngoài ra còn hai phương pháp sáng suốt nữa là phép *tiến cử* và phép *bảo cử* để lựa lọc tuyển những người hữu tài nhưng kém phước, học thì cao mà thi không đỗ. Những người ấy, các quan địa phương phải đề cử để vua chọn lựa mà dùng. Nhưng để tránh sự lạm dụng, nên có lệ nếu đề cử sai lầm thì các quan phải chịu trách nhiệm.

Một đặc điểm khác nữa là biết tụ tập thành đoàn thể. Phàm người đồng một nghề, đồng thờ một tổ sư thì chung lại ở một xóm, một con đường (Hà nội ba mươi sáu phố phường...)

Chủ nghĩa gia tộc mạnh cho đến kể về dòng họ, người đồng tánh vẫn được kính trọng, lấy tình cảm đề trên tiền tài, và gương một nhà vừa đủ ăn dăm nuôi con cháu nghèo khổ đầy nhà đủ chứng tỏ người Việt rất giàu lòng đoàn kết. « Khó chia nhau mới phải, giàu tư trợ ai màng » là câu thường được áp dụng trong dân gian. Lại nữa tục xưng hô phân biệt, tiếng gọi chia ra nào bác, chú, giương, nào thím, cô, dì, vừa lạ tai nhà ngôn ngữ học, vừa chứng minh ngăn nắp trật tự trong gia đình.

Ngoài đó ra, chữ Tín được đề cao đến nỗi trong vòng mua bán với nhau, lấy lời hứa làm chắc, và phong tục làm giấy tờ và coi chữ ký tên làm trọng chỉ là một tục lệ mới đây có từ ngoại bang đem vào.

Trong nước đã từng sản xuất nào gương bà Trưng bà Triệu, bà Đoàn thị Điểm, lại có nhà viết sử như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, có nhà chiến lược như Trần Quốc

Tuấn, Nguyễn Huệ, có nhà chánh trị như Nguyễn Trãi, Đào Duy Từ, có nhà khảo cứu như Lê Quý Đôn, có nhà trị binh như Hải Thượng Lãn Ông, có nhà văn như Nguyễn Du, và nhà ái quốc như Nguyễn Thái Học, ngành nào môn nấy vẫn có người đại diện không hồ, một nước như vậy tất phải có một trình độ văn hóa khả quan đến bậc nào. *Xã hội.*— Xã hội chia ra trước hết là gia đình, trong đó người cha là lớn và có nhiều quyền trong một nhà đối với cháu con. Nhiều gia đình hợp lại làm một làng, nhiều làng lập thành một quốc gia. Xã hội ấy, một nhà văn đã tượng trưng hí hởn rằng đó là con « rồng giấy », ngờ đâu trong buổi hội hè vào đêm tối, ai kia đừng khinh con rồng giấy ấy là cốt tre giấy bạch mỏng phất ngoài mà lắm, vì một khi đèn khêu lên, người ta đưa nó lần theo bờ mầu đi biểu diễn trong làng, rập rình theo nhạc khua trống đánh, trông xa uốn khúc, nó sẽ linh động và biến hóa thần thông nào thua chi rồng sống (nếu loại rồng có thật!) Con rồng giấy ấy bị văn hóa Tàu ảnh hưởng rất nhiều, nhưng nó vẫn sống mãi trong hồn thơ người Việt. Không bị Trung-hoa-hóa, cũng không bị pha-lang-sa-hóa, nó đã trưởng thành với thời gian, cũng như nó không bị ngày nay Hoa-kỳ-hóa.

Như trên đã nói, người Việt lấy nông nghiệp làm căn bản, nên về lâu con dân thích ở một chỗ lâu đời, ít ưa sự châu lưu di chuyển, chuộng nhất là sự sống thanh thoi trong hòa bình để « an cư lạc nghiệp ».

Sở dĩ người Việt đánh nhau dằng dai mấy đời với Tàu cũng như sau này trường kỳ chống thực dân Pháp, là vì không chịu được sự áp chế và cũng là vì tự vệ, chớ kỳ thật không ham thích chiến tranh chút nào. Nhưng lần nào cũng y một cách, bài học lịch sử dạy rằng đánh thắng được rồi thì phải sai sứ đi cầu hòa, cốt chuộc sự yên ổn để làm ăn là qui. Vì quân Tàu đông gấp mấy trăm lần, dễ gì

thủ thắng với họ được mãi? Thà rằng Bắc hòa để rồi rảnh lo việc Nam tiến. Đến như sự lấn Chiêm thành, thôn đất Lục tỉnh, âu cũng là một sự chẳng đáng dừng của lịch sử. Phàm một nước đông dân, sự bành trướng theo đà nảy nở của giống nòi để nuôi mầm sống và nguyên lực của dòng dõi chẳng qua cũng là một sự dĩ nhiên.

Đời Lý, đời Trần, khi hết giặc là thả voi ngựa về rừng và cho binh lính lui về làng xưa cày ruộng ¹.

Vua Lê Lợi dẹp xong giặc Minh, giải tán quân đội, biến lưỡi gươm thành lưỡi cày.

Chánh sách thành lập đồn điền đã có từ đời Lê, đời Nguyễn.

Tinh thần.— Những khi bị thôn tính, để tránh sự khủng bố của người đi chinh phục, tự ngàn xưa người dân Việt đã từng vào rừng sâu mà ở, thà sống chung với thú dữ muỗi và đĩa, chớ không khứng làm tội mọi kẻ đi cướp đất của người. «Thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc (Tàu)», với câu nói ấy, Trần Bình Trọng đã lột hết nỗi lòng người dân Việt. Quả là một lời nói lịch sử. Lại nữa, cái thuyết ban ngày ăn núp, đêm đêm ra chụp giết quân đi chinh phục vẫn có từ lâu đời. Thậm chí tuy đàn bà cũng một lòng yêu nước và gương nàng ả đào sấm tui may kín tiếng rằng để tránh muỗi, rồi gạt quân sĩ Tàu đêm đêm chun vô đề khi ngủ mê nàng thả trôi sông, nếu có thật, thì đây là một gương ái quốc lạ đời.

Phải có trình độ văn hóa rất cao, phải có tinh thần

1. Trên một tờ xưa, ta hãy đọc bài ngũ ngôn sau này, bản dịch đối chiếu :

Kim giáp hùng quân thế
Ngân yên diệu nhật quang
Minh quân hưu võ sự
Qui phóng Hoa sơn dương.

*Giáp vàng quân thế mạnh
Yên bạc chói sáng choang
Vua mình nghỉ việc võ
Cho về Hoa sơn dương.*

(Tô 213, Bát mã)

manh mẽ lắm lắm mới giữ vững được những đặc tánh về sau. Có khi công khai như Ngô Quyền, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, có khi bí mật như Đê Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, vừa bền chí vừa dẻo dai, và cuộc đề kháng luôn luôn tiếp tục.

Cái kỳ công đi đến kết quả như hôm nay, thật phải nhờ những nguyên nhân xa xôi kia, hàng ngàn năm biết giữ một tinh thần bất khuất.

Tinh thần phản ứng trong tiếng nói thống nhất từ Bắc chí Nam, tuy mỗi nơi có vài tiếng đổi thay, nhưng đại để nói ra là hiểu được, không cách biệt như trót trăm trót ngàn thổ âm mười tám tỉnh Trung hoa.

Kết luận.— Vì vị trí đặc biệt là đứng giữa hai khối lớn Ấn Hoa, ở trên con đường văn minh nhà Phật (Ấn độ), văn minh Lão Trang, Khổng Mạnh (Trung hoa), cũng ở trên con đường của dân Âu đi tìm hương liệu, tìm tơ lụa, tìm thuộc địa, tìm vàng ngọc, đứng giữa các con đường ấy, nên nước Việt Nam đã hấp thụ đủ các tinh túy của ba văn minh và văn hóa Ấn Hoa Âu.

Người Việt biết dung hòa đạo bác ái của Phật giáo, lòng từ thiện của đạo Da tô, lại lấy sức huyền bí của Hồi giáo dung hòa cùng triết lý thâm trầm Khổng Mạnh và đạo lý cao siêu của Lão Trang, để làm cho tinh thần dân Việt đức kết thêm mạnh, có sức dẻo đủ chống ngăn và đánh đổ các gông cùm xiềng xích. Không có nước nào khác có con dân biết dung dưỡng nhau như nước Việt, — trong vấn đề tin ngưỡng và dẫu rằng trên lãnh thổ chia ra nhiều giáo phái, nhưng tùy cá nhân và tùy mỗi người mỗi cách hiểu biết khác biệt, nhưng chung qui đều ở chung trong vòng từ bi, bác ái, đạo đức mà thôi.

Sau mấy ngàn năm bành trướng, cuộc Nam tiến của dân Việt tựu trung là đem lưỡi cày sắt của giống nông dân

truyền bá khắp vùng duyên hải chữ S của bán đảo Ấn độ — Chi na và gieo rắc các loại lúa và cây dâu tằm ăn từ trung châu Hồng hà đến miền đồng bằng Mỹ Công và Đồng Nai.

Người dân đã từng theo Lê Lợi kháng chiến mười năm chống giặc Minh (1418-1428), theo Nguyễn Huệ đánh cho quân Mãn Thanh biết mặt (1788), theo Phan Đình Phùng chống cự thực dân (1888-1895), rồi theo Đề Thám (1899-1913) theo cuộc khởi nghĩa Thái nguyên năm 1917 và theo Nguyễn Thái Học (1927-1931).

Nhưng vậy, hễ đến thời bình thì tay cày tay cấy, không ai lam lũ làm ăn chất phác hơn.

Tương truyền tại gò Nghĩa Cương, núi Tản Viên, nơi đền thờ Hùng Vương, ngọn lửa thiêng tượng trưng cho cuộc Nam tiến vẫn không tắt, không bao giờ tắt.

Một nhà học giả yếm thế, tiếc hối than rằng: « một văn minh cũ kỹ như vậy, trong ấy thường dạy lấy phận sự làm trọng: phận sự bề tôi đối với vua, phận sự bề con đối với cha mẹ, phận sự của vợ đối với chồng, đến khi gặp ảnh hưởng Âu hóa tràn sang, luật lệ phiền phức nhập cảng, *«lắm luật quật chết phận sự»*, cho nên thiếu chi tôi phản nước, con kiện cha, vợ tranh tụng với chồng, các tệ đoan ấy nay nhiều hơn xưa, âu cũng là những món hàng nhập cảng mới của đà tiến bộ. » Ông nói bồi câu tiếng Pháp « Voilà la rançon de la civilisation ! » Tôi xin dịch thoát: Đó là đại giá hay là đòi bại quả báo của văn minh cũng thế. Và tôi cũng xin trả lời: Thiết tưởng nhà học giả quá bi quan và quên rằng, tạo hóa có tuần hoàn, thay đổi, có sự sanh sản nào lại không đau, và phải có nhiều đau đớn khổ lụy, nhiều gấn bó, nhiều hao hốt, mới thành công; sau cơn liệt bại, nước Việt ta mới chỗi dậy mạnh mẽ đi lần vào con đường sống mới.

(Trong bài, khoảng sử từ 1945 đến nay, còn mới quá, tôi không viết).

Tháng 11 năm 1955 — tháng 9 năm 1970.

4. — Chuyện con voi già trong Sở thú

Cách nay trên dưới ba mươi năm, khoảng đầu trận đệ nhị thế chiến (1939), trong Sở thú, có một con voi già rất lớn, lớn hơn mấy con voi cỏ ngày nay nhiều. Con voi này, nhiều người cổ cựu ở Sài Gòn, trang lứa với tôi, từng biết.

Thuở ấy, nuôi ông ta là để các Tây con, ngày chúa nhật và ngày nghỉ, lễ có chỗ tụ hội, thảng cho voi ăn mĩa, thảng dứt chuỗi voi ăn. Trong khi ấy, các chị bồi, chị vú giữ con Tây, tha hồ nói hành nói tỏi, trao tâm tình, hóng gió cho khỏe, ăn hàng bánh, tìm bạn tri âm. Cái chuồng voi này cũng ở vị trí ngày nay, nhưng kích cỡ lắm, xây toàn bằng sắt bằng thật lớn thật dày, voi không sao phá nổi, tuy vậy còn quá dè dặt, ngoài chuồng chung quanh có đào một mương lớn thả chông sắt to bằng chun cái nhọn lều bao bọc ba mặt, chừa một mặt có xây tường đá có nhà rộng cho voi dứt mưa, chuồng này voi dầu giận dữ và mạnh cách mấy cũng không làm sao ra được. Tên nài giữ voi là một thợ đường rừng, hằng ngày nói chuyện với voi lúi lo lúi lường, đồ ai biết đó là tiếng thổ dân nào, duy biết và thấy voi hiểu tiếng nói như người, khi quì một chân trước chào cảm ơn khách cho xu, khi cúc cung quì đủ hai chân như lạy vì voi được đồng bạc cắc (0\$10) mới; khi khác ai đưa dừa xiêm nguyên trái, voi biết lấy vòi nắm đưa lỗ khoét sẵn cho nước dừa chảy vào mồm không rớt rơi một giọt nhỏ, ăn rồi còn biết lấy chân

trước đập nhẹp trái dừa bẻ hai ba rồi thò vòi đưa khéo xác dừa vào đồng củi phơi khô cho anh nài đun nước nấu cơm; khi đưa mía nguyên cây vào miệng, khi dùng vòi lột chuối bỏ vỏ, thồn trái chuối nồn nà còn khéo hơn bà già móm nhét miếng cau tươi vào giữa hai hàm răng sún, nhứt là những khi ông Tây chủ Sở thú đi nghỉ mát trên Đà Lạt, nài kiếm thêm tiền xúp, lén đưa con nít đỏ lấm lói cho voi ngậm vào mồm, — làm phép đuổi tà, miệng voi rộng còn hơn miệng hỏa lò, thân hình dừa nhỏ mảnh khảnh như cây tăm xĩa, thế mà voi biết nâng dừa nhỏ ngậm hết rồi há miệng chờ nài bung ra trả dừa bé khó nuôi cho người mẹ, không một chút hề hấn, trò chơi đuổi tà làm vậy, không biết tà ma có khiếp đảm chẳng, duy thấy những người thị chứng, trong số có tôi, thấy đều nín thở. Quên nói, chuồng voi này xây khít mé rạch Thị Nghè, cạnh tường rào Sở Ba Son, nhưng mặt tiền ngó vô khu vườn Bách thảo.

Như tôi đã nói, con voi cao lớn hơn các voi thường thấy, xưng danh là Ông Bồ. Nhứt báo Tây thuở đặt tên voi là Tommy và Tommy rất được giới phụ nữ ngoại quốc hoan nghinh, bằng cứ là khi voi se da, sau này tôi sẽ nói, thì có rất nhiều bà sáng sáng tìm mua báo Pháp chỉ để đọc tin tức sức khỏe của Ông Bồ. Cặp ngà dài và cong quót nhưng trầy trụa nhiều vì hăng va chạm vào mấy cây sắt chuồng, thêm nữa không hiểu vì sao cặp ngà lại bị cưa bằng đầu, làm mất oai nghi Bồ Tượng tướng quân bộn bộn. Cái đầu to bằng mặt bàn tròn Bát tiên thì lấm chấm tro đổi mồi, da chỗ đỏ chỗ thâm kim đen đen mốc mốc, xem chừng tuổi lão ngót trăm. Đây thật là loài voi bồ, không phải thứ voi cỏ cóc ken của mấy trự bán dầu củ là hay thuốc dán xức ghẻ. Thân mình voi cao vòi vọi, trên ba thước Tây có dư, sầm sầm một đồng. To lớn làm vậy mà cái đuôi như đuôi già

ngộ, nhỏ cỡ đuôi bò, dài không quá một sải, quắt đầu chẳng tới đầu, thêm lại lông mọc còi cọc le the mấy sợi, kiểu đuôi heo thịt, ngực ngắc ngực ngoặc buồn cười. Thấy đuôi voi mà mắc cỡ giùm cho thân bồ tượng, ông trời khéo giấu ban cho cây chổi cùn đuôi muỗi không xong. Nhưng muốn cười hãy cười cho no đi rồi khi dòm dưới háng voi sẽ mất cười, cái chi chi, thẳng quáng manh, thẳng nói với tôi « nó giống cây cột nhà sừng sừng. » Đó là mỗi khi ông voi rượn mù đầm, bình thường ông rút cất kỹ lưỡng, chỉ thấy lông thông lên thên da nhăn xếp lại như ống vôi rỗng đi chữa lửa về. Lưng voi thì khum khum giống như lưng tôm, trông thật xấu xí; lông rụng nhiều chỗ, chỗ nào còn thì mọc đen dơ dơ, chỗ nào sạch lông, mặc dầu da dày, đề dờ nắng, voi ta ngày ngày lấy lá cỏ non quăng lên đó cả đồng xanh lè, lại tự đắc việc mình làm, y như các thiên kim tiểu thư vừa được chiếc áo thiên thanh của mẹ tặng.

Vào khoảng năm 1943-1944 gì đó, tôi nhóm nhem tập viết lách và học nghề nghiên cứu. Lúc ấy tôi từng sự tại dinh Thống đốc Nam kỳ, chỗ dinh Gia Long ngày nay. Trong mớ công văn « Mật » tôi có phận sự ghi chép, tôi được đọc một loạt thơ từ và phúc bẩm của lão Thủ y Tây quân đốc vườn bách thú, tôi thấy chuyện này ngộ ngộ tôi sao chép lại một bản để dành đọc chơi. Kịp năm đảo chánh 1945-1946 đem lại một sự xáo trộn lớn trong đời tôi: vợ chồng phân ly tôi không tiếc, chỉ tiếc cho số phần chiếc nóp tôi kè kè trên vai. Lúc ấy có lệnh tản cư, tôi lìa chợ Sốc trắng chạy vô sở ruộng nhà trong làng Hòa Tú, kể lại bị nạn Thổ dầy, rượt chém, đúng là « cấp duồng » như trên Nam Vang mấy tháng qua. Trong khi chạy giặc giữa rừng Bàng-Xa-Mo (Hòa Tú), bọn thổ dân nghi cho tôi đem theo trong mình nhiều bạc vàng, và định cho chiếc nóp tôi kè kè không rời một phút ấy, ắt là tử sắt

giấy « xăng » (100\$00), nên chúng đoạt phứt trong một đêm Tây bố lớn, sau đó họ thấy toàn là giấy má vô dụng, họ giận bèn đốt ráo mở tài liệu bút ký tôi dành dụm hơn nửa đời, báo hại ngày nay, muốn có bằng cứ để cho các bạn đọc chơi cũng không làm sao có được, đành nhớ bấy nhiêu viết bấy nhiêu, hứng thú vì đó mất đi nhiều, tiếc quá.

* * *

Gốc gác con voi già này là cả một thiên chuyện khá ly kỳ đời Pháp thuộc. Nguyên đó là con voi Tây đoan bắt được trong một vụ buôn á phiện lậu hồi đời ấy. Voi là voi của bọn tay buôn nhà nghề tứ chiếng, tập đi xuyên rừng núi khắp Xiêm Miên Lào Việt,... cứ từ Bangkok tải thuốc lậu qua rừng Biên Hòa, nghỉ ngơi lấy sức lại rồi thì đổ đường trở lại suốt từ khu Đồng Nai về Xiêm la quốc, hết năm này qua năm khác, mặc dầu thiên lý quan san. Cách sanh nhai như vậy không biết đã có từ bao giờ, duy biết voi tập cử động theo giọng kèn giọng sáo của bọn buôn lậu với một kiểu làm ăn cũng lạ. Bọn này đi trong rừng tay không, như các thợ săn bản xứ, vừa thồi liú lo như người đi dạo rừng vô tích sự, ngờ đâu tiếng sáo ấy là ám hiệu vừa điều khiển voi khôn từ mấy dặm xa, vừa chỉ đường cho thú đi theo sau không bao giờ lầm lẫn. Nhiệm mầu thay tiếng sáo eo éo, tiếng kèn véo von ấy đưa xa mấy dặm hú, voi cứ nghe theo đó mà phấn phấn lần theo dấu thỏ đường dê, vừa tránh bầy tránh dò, vừa trốn đoan trốn lính. Vừa hái trái dỡ lòng, vừa đánh hơi theo chủ, không nhọc nhằn thêm thú vị, hết rừng lá đến rừng già, lên đèo xuống suối, cứ ban ngày thì nghỉ, ban đêm thì đi, mẹ Tây đoan cũng không biết đó là con voi nhà chở hàng lậu ! Cái lúc xả hơi để cho voi thung dung kiếm cỏ

thì cũng là lúc bọn buôn lậu vầy đoàn nấu cơm và ngủ ngày. Chiều chiều kiếm voi bắt lại, tra dây nai nịt, ràng buộc chặt chia, gọng gàng dưới bụng voi giấu cả trăm kí lô thuốc phiện, đã mập voi còn mập thêm, rồi đưa voi vào rừng tối mặc cho voi đi mình ên không cần điều khiển, Tây đoàn dấu lạnh mắt, cũng đánh thúc thủ trước mưu sâu độc đáo ấy. Nhứt cử nhứt động, thì chủ đi đường chủ, voi đi ngã voi, mặc cho nhà đoàn theo dấu, theo mãi không thấy gì rớt rồi cũng phải chán mà rút về. Còn con thú tinh khôn, không đợi lệnh, miễn nghe một giọng kèn khác hơn mọi bữa, lập tức ẩn mình, rút vào rừng sâu chờ cơn nguy hiểm qua rồi có lệnh kèn mới thì mới xuất đầu lộ diện... Về sau cũng vì chia chác không đồng đều, « giới trong xương giới ra », nên tất cả bọn buôn lậu đều bị bắt và bị tù đầy, chủ đám mất tích, Ông Bồ chánh danh đại bọm bị tịch thu và phủ về vườn bách thảo Sài Gòn làm con vật « kiềng » quên khách, an nhàn. Từ đây ngày ngày voi đứng ăn cỏ nhai mía, thường có thói quen lắc qua lắc lại cái đầu túc tri đa mưu, đóng đưa cái sọ to bằng mười mấy lần cái đầu lân-giấy-trống-rỗng, tựa hồ như nhắc : « Chờ khi dễ ta mà lắm. Coi lơ lơ làm vậy, mà xưa ta đã từng khuấy nước chọc trời mấy ai biết ? » Khi khách thấy voi đứng xê một chân, buông thõng chân nọ, cái vòi thì quơ nắm cỏ vo tròn rồi chà chà nắm cỏ trên vế trước, cặp mắt tinh ranh thì nheo lại nửa nhắm nửa mở, hình như nhắc chừng khách du đứng bao vây chung quanh : « Ngày nay tuy mặt lộ cùng đồ, chờ xưa kia lão vốn lừng danh hảo hơn đường rừng, anh chị lực lắm. Các người đã từng phá Tây như lão chưa ? Lão đây gió bụi đã từng nay đứng đây như vậy thiệt là tề chân chồn cẳng. Vậy chờ nào người nghĩa hiệp ? Đợi gì chưa trả cho lão cái tự do phóng túng năm xưa ? »

Lối năm 1943-1944 gì đó, Nhứt đồ bộ, kéo binh lùn vô

đóng chặt đất Sài Gòn. Chánh phủ Pháp thời đó thi hành chánh sách phòng thủ thụ động. Voi già được đưa lên an trí trên rừng. Trảng-bom và được thả tự do chung với một voi cái tơ đồng chạn. Chuyện gì ở chợ búa, ở chỗ thập mục sở thị không làm được, thì nay cặp vợ chồng voi đem ra thực hành giữa chốn rừng già. Câu thành ngữ « mấy đời voi đẻ đồng nội » coi vậy mà đúng trăm phần trăm. Nực cười tấm thân bồ tượng mà cũng biết mắc cỡ e lệ như ai ! Lên trên ấy, vắng khách Tây con, vắng người Chà Chêc, một lão voi và một nàng voi cái tơ, chia nhau cảnh cô liêu giữa rừng già. Độ một thời gian voi đực làm cho voi cái mang bầu, — một cái bầu hơn một trăm ký ! Đúng hai mươi bốn tháng sau, có tin xuống Sài Gòn rằng voi cái sanh, và cách đó ít tháng, có lệnh dạy trả về Sở Thú, cặp vợ chồng voi, phen này : « sau lưng theo dõi một thằng voi con » !

Kể từ đây mới sanh ra nhiều chuyện rối rắm...

Voi mẹ và voi con được nhốt chung trong chuồng cũ. Ngày ngày mẹ cho con bú, cặp nhũ căng sữa đưa trước ngực không xú chen, thấy đủ thềm. Nhơn vật đạo đồng, vì số hiếm con nên vú chỉ có một cặp. Cũng biết âu yếm, biết tỏ tình mầu tử, biết gỡ « cứt trâu » cho con như ai. Mấy lúc voi con quá liến thoắng, chạy men quá sát bờ giếng xây gạch, voi mẹ sợ con té giếng, thò vòi ôm bụng voi con kéo xềnh trở vào, tội nghiệp voi con lúc nhúc thối bộ, bắt tôi nhớ chị vú mê bài, mắt thì chăm chỉ trong sòng, tay thì kéo thuộc lòng chân đũa nhỏ, cho nó ngồi vào giữa hàng.

Voi đực, không dè Thú y Tây thiếu tâm lý quá, lại ra lệnh bắt cầm chân giữa bãi cỏ, xa vợ mới sanh và xa đứa con thơ mới đẻ, mà như đã nói, nhơn vật đạo đồng, tình phụ tử của voi rất đậm. Cầm chân voi không phải dễ. Họ

dùng lõi tới sắt to bằng bắp tay, khoen nào khoen nấy lớn bằng ngón chân cái, nặng nề thấy ngán, một đầu hàn cháy¹ vào cườm chân voi, một đầu khóa chặt vào gốc cây dầu to lớn trong sân cỏ. Voi giận vì mất thông thả tự do, có lẽ còn ít; mà xem chừng voi phiền giận vì bắt xa vợ xa con thiệt nhiều. Voi đực đồ quạu, gầm hét rống vang còn chân thì trì kéo khoanh lõi tới sắt. Không mấy ngày sau, lõi tới ăn siết vào da dày thấu thịt, làm thành ghẻ, ban đầu chỉ trầy chút ít, nhưng chầy ngày chỗ lở ăn khoét sứt ra từ miếng và thành ghẻ độc ghẻ khuyết. Càng nhưc nhối voi càng biến tánh, trở nên hung tợn hơn thường ngày. Một bữa phát điên, voi đạp chết thẳng nai. Lão thú y Tây sợ trách nhiệm, bèn lên tiếng trước. Va chạy giầy lên quan Thống đốc, xin phép bắn con voi dữ,—voi điên, đề tuyệt hậu hoạn. Thống đốc, tức là Phó Soái Nam kỳ, quyền hành lớn lắm, lo việc Nhứt bồn đồ bộ còn chưa phủ, có thì giờ đâu lo chuyện một con voi già, nó dữ nó điên thấy kệ nó, và muốn bắn nó cho chết thì hãy còn cấp dưới quan Thống đốc, tức là ông Đồng lý văn phòng, mà thuở ấy gọi là « dinh Thượng thư » (Direction des bureaux du Gouvernement) hoặc ông Thượng². Ông này mới lo việc bắn voi, và tức nhiên thời cuộc đang nóng như hỏa diệm sơn dậy, ông Thượng đang bị vấn đề nan giải là quân đội Nhứt làm eo xách đòi cung cấp cho họ đủ thứ nhu yếu phẩm cần thiết (gạo, đường, củi, than,...) nhứt là phải lo cho có đủ số rượu mạnh rượu còn để thể ết xăng cho xe hơi nhà binh chạy, chuyện ấy lo thấy mẹ,

1. *Cháy* là hàn bằng lửa đỏ, đốt sắt nóng cho sắt cháy, chảy ra dính liền đầu lại, không cần đến « vảy hàn ». Pháp gọi « souder », và cháy bền hơn hàn bằng vảy.

2. Năm ấy, Thống đốc là ông Rivoal, Chánh văn phòng tên Dufour và Đồng lý Nội vụ là Schneyder.

hơi sức đâu lo chuyện con voi Sở Thú? Bởi thế, vì ai nấy đều làm việc qua tang lễ, không xiết nghiên cứu kỹ càng chuyện voi, nên độ một tuần sau giấy cho phép bắn voi được chấp thuận và gửi về lão thú y Tây Sở Thú để thi hành. Nhưng cách hôm sau, quan Thống đốc lại nhận được một bản phúc trình khác của lão thú y già, phen này lão đổi giọng lại nói khác. Tuồng như lão ăn năn hay các bộ hạ của lão ở Sở Thú bàn ra tán vô thế nào mà trong bản rập-bo (rapport) mới, lão đề nghị rằng không nên sát hại một con thú rất có ích như voi, — một mình nó ăn khách và quên khách nhứt trong vườn bách thảo, — nên phen này lão xin đổi lệnh giết voi bằng một-giấy phép cho va sai người lên miền thượng du rước một thầy ngải thầy bùa về ếm đối theo phong tục đường rừng, họa may cứu được con voi Tommy thì đỡ tổn cho chánh phủ không ít, vì con này khôn lắm và mắt tiền lắm, v.v...

Phải nhớ đạo 1943-1944 là đạo tình hình Đông dương căng thẳng như sợi chỉ mảnh treo chuông, mất còn ngày nào chưa biết ắt, đêm đêm trong dinh Thống đốc đều có một ê kíp thơ ký chuyên môn thay phiên nhau canh gác canh chừng và gửi thường thường dây thép mật mã dãi lệnh ngoài phủ Toàn quyền Hà nội, công việc rần rần làm không ngớt tay, không kịp thở, ai hơi đâu mà cứu xét chuyện nhỏ nhặt, chuyện con voi điên của Sở Thú.

Thống đốc phú việc ấy cho quan Chánh văn phòng, ông xếp chờ ca-bi-nê.¹

Chánh văn phòng tư thơ cho Đồng lý Nội vụ (phần trên tôi gọi là ông Thượng) dạy cứ y lời thú y già xin, cấp

1. Xếp chờ ca-bi-nê là chef de cabinet.

cho lão giấy đi đường, tiền phí lộ, để sai người đi rước thầy voi.

Vài ngày sau quả có thầy xuống. Đây là một ông thợ rừng Miên già, chuyên nghề săn voi, bắt đem về nuôi và ông cũng biết trị bệnh cho voi. Khi ông vô tới chỗ cột voi, ông đứng từ ngoài xa và đi giáp vòng nhìn xem con voi kỹ lưỡng, đủ tứ diện, rồi ông gật đầu nói bịnh còn trị được. Lão thú y Tây nghe thầy thông ngôn dịch lại thì bằng lòng và nói: « muốn làm gì thì làm ».

Qua bữa sau, ông thầy Miên đem vào Sở Thú hai nải chuối xiêm, một cái đầu heo sống có đủ bộ tam xên ¹, một mớ nhang đèn hoa quả, một xị rượu đế và có quấy thêm tòn ten hai giỏ tre nặng trĩu, xem lại là hai ky đất sét mịn màng vàng khè thật nhuyển, vừa móc ở dưới ruộng bên Thị Nghè. Thú y Tây bữu môi bữu mỗ, trâm một xâu tiếng Tây dài thòn, thầy thông ngôn không dịch, và cả hai cố tình để yên cho ông thầy Miên ra tay trị bịnh.

Thầy Miên từ xa, ngồi phục xuống đất, lên nhang đèn cúng lạy vái van một cách hết sức kính cẩn. Cúng rồi ông rót rượu xuống đất, miệng lâm râm vái, tay bẻ ba trái chuối để y, vừa đọc thần chú, ngậm nước phun sương vào cả ba trái rồi quăng hết vào chân voi. Voi cúi xuống, thò vòi lượm hết chuối đưa tót vào mồm, không thấy nhai mà mất hết. (Chuối đứt miệng voi). Thầy Miên phục xuống lạy Tồ, vừa lạy vừa lết lằn vào vừa niệm thần chú, đến gần gần không thấy voi tỏ vẻ hung tợn, thầy Miên biết voi đã phục thiện, nên bò sát vào voi, ôm lấy chân đau mân mó mon trớn vuốt ve, miệng nói không ngớt một thứ tiếng

1. Tam xên do chữ « tam sanh » nói giọng Tàu. Một miếng ba rọi, một con tôm và một hột vịt, cả ba luộc chín, tượng trưng một thú (heo), một cầm (vịt), một thủy tộc (tôm). Tam xên lớn là một bê thui, một heo quay, một dê làm lông để sống.

rừng chi chít liu lo liu lường, người đứng chung quanh không một ai hiểu biết thầy nói gì, duy thấy voi gật đầu lên gật đầu xuống nhiều lần, xem dường hiểu biết. Thầy Miên trở lại chỗ cũng rót rượu thêm, khêu nhang đèn thêm tỏ, và khiêng búa khiêng đe một mình ên trở vào chắt lòi tói. Voi đứng yên để cho làm. Chắt dứt được sợi lòi tói lớn, thầy Miên lấy thùng thiếc múc nước pha âm ỉm có rau giền gai nấu như đem vào rửa chỗ ghẻ lở cho voi. Nước âm ỉm trên mặt có thả vài bông sứ ma, làm cho chỗ lở bớt nhức. Coi bộ voi thích nên lấy vôi để nhẹ nhẹ trên vai lão thầy. Vừa rửa vừa niệm thần chú... Đoạn thầy Miên ra gánh hai gánh đất sét vô, rồi đắp hết vào chỗ ghẻ, lấy lá chuối hột bao thêm một lớp ngoài, ràng cột tử tế. Nội ngày đó voi bớt gặm lá và chịu ăn mía cây. Mỗi ngày thầy Miên mỗi thay đất sét, mà da thịt voi hiền quá, không mấy bữa ghẻ đã khép miệng và khô mủ. Đợi cho mụt ghẻ gần lành, lão thú y Tây mới kiếm chuyện để phỉ ơn thầy Miên. Lão đưa mớ nhắm cho thầy, cảm ơn gọi là, rồi cho giấy xe về xứ. Lão thú y Tây cướp công thầy Miên, đợi thầy đi rồi, bèn chạy tò lên bề trên, phúc trình dối rằng voi tuy bệnh dữ, nay đã lành tron, — không phải nhờ « bọn thầy bản xứ cúng quải dị đoan », mà kỳ thật nhờ lão biết kịp thời để cho dùng đất sét làm băng - xơ - măng (pansement), nên chỉ mụt lở « găng-gờ-ren » (gangrène) đã kéo da non và liền mặt. Chuyện này không cột voi nữa và biết khôn cho voi đực chung chuồng voi cái. Vợ chồng gặp nhau hun hít bằng vôi, cạ vai cạ vế, nhưng phải thấy voi cha mừng voi con mới là cảm động nhiều. Voi già bước lại gần và lấy trán ủi nhẹ vào hông chú « Tommy » con, báo hại chú xinh vinh muốn té, nhưng voi già lấy vôi ôm lại, đoạn buông con ra, quơ vôi vào mồm, rit lên những tiếng rầm ra, rầm

rit, tựa hồ như nói : « Con còn bé mọn quá, làm vậy biết chừng nào nối nghiệp cha mẹ, nối chí tang bồng của lão đây».

Nhưng mừng nhau chưa kịp no, thương nhau chưa phỉ sức, được năm ba tháng gì đó, bỗng họa vô đơn chí, voi đực bỏ ăn, ỉa chảy, và trong phần lỏng hơi thúi thấy có xen máu lợn cợn... Sở Thú chạy giấy báo nguy, lão Tây thú y già đi xe con cóc đến khám bệnh. Chuyến này lão làm phúc trình gửi ngay lên ông Đồng lý Nội vụ, khuyên nên thủ tiêu con voi già cho sớm rảnh nợ. Nực cười lão thú y Tây này có một cách hành văn thật không giống ai cả. Phàm công văn hành chánh thì phải cho gọn gẽ và sáng sủa, càng vắn tắt càng hay. Đằng này, phải nhớ lúc ấy giặc trong giặc ngoài, bom rơi đạn nổ, máy bay lạ bay mỗi ngày, ai ai cũng phập phồng lo sợ, thế mà lão viết văn kể lể dài thậm thướt, lạ nhứt là thoát vào đề không biết lão bắt chước lối viết của nhà đại văn hào nào mà mỗi bức thư nào của lão, khởi sự lão đều nhắc lại các công văn cũ, chẳng những lão nhắc mà thôi đằng này lão chép y lại các công văn đó không bỏ sót một chấm phết nào, thư gửi đi cũng như thư gửi tiếp, đều y một kiểu cách, báo hại người đọc, đọc thư lão, rất mệt vì rất dài, chuyện lâu rồi lại các bản sao đều cháy, tôi không thể trích ra lối hành văn dị kỳ của lão, lại nữa có chép cũng thất công, vì đó là công văn bằng Pháp ngữ, ngày nay rất ít người đọc và thưởng thức, nhưng na ná tôi xin nhái lại tạm tạm như vậy :

« Thừa ông,

« Trước đây, ngày đó tháng đó, tôi có gửi cho ông một « bức thư như thế này : (chép lại y nguyên văn). Được thư « tôi, ông trả lời làm vậy : (chép lại y nguyên văn). Rồi « tôi phúc trình lên ông làm vậy : (chép lại y nguyên văn).

« Kể đó ông dạy quan Đồng lý Nội vụ phúc đáp cho tôi « làm như vậy: (chép lại y nguyên văn). Đến đây đếm đã được mấy trang rồi, chừng ấy lão thú y mới chịu vào cái đề tài hôm nay,... và như thế thử xem người nào đọc văn lão, dấu nhân nại cách mấy, xem lại mãi những bức thư cũ đã có sẵn trong hồ sơ, có chịu nổi không, có máu lộn lên đầu không? Thú thật cho đến bây giờ tôi cũng chưa biết lão Tây thú y già đã học viết văn với ai, duy tôi biết đời đó, Thống đốc Nam kỳ là ông R., có tiếng là ôn hòa hiền lành nhứt, nhưng cũng chịu không nổi với văn lão thú y già này. Ông R. đang bị vấn đề quân đội chiếm đóng (quân đội Nhật) đòi hỏi điền đầu, cho nên khi ông R. nhận được, do Đồng lý Nội vụ đệ trình, bức công văn lão thú y Tây nói về chuyện con voi ở Sở Thú đang bị kiết lỵ, lập tức Thống đốc đòi Chánh văn phòng vào nghị mật, rồi hạ lệnh cứ y như kỳ trước, thử sai mời thầy Miên một phen nữa.

Cũng ngộ, lão thầy Miên được mời, không giận, vẫn xuống và chuyển nầy như chuyển trước, y mừng cũ, thầy cũng gánh lễ vật hương đèn để cúng ông Tà Á Rặc và không quên gánh hai gánh đất sét y như kỳ trước vào Sở Thú. Nhưng lão Tây thú y đã chực sẵn nơi cửa chuồng voi và dọa chừng: « Tại sao cho voi ăn đất sét. Nếu voi chết, sẽ thường mạng, nói cho mà biết ». Thầy Miên nghe sợ quỳnh, không biết đường trả lời, nhưng trót xuống lỗ, cũng phải làm cho hết lòng hết sức.

Không ngờ gánh đất sét thầy Miên gánh thẳng vô chuồng, đến chiều trở lại, ông voi bệnh đã nuốt trọn sạch bách. Sáng bữa sau, voi không chết như lời lão thú y Tây đoán, trái lại voi ỉa ra đất sét trộn lộn với phân. Cứt voi bớt lỏng, voi không ỉa chảy nữa, và cũng không rặn. Voi tiếp tục ăn đất sét của thầy Miên gánh vô và phần voi mỗi

ngày mỗi thêm chặt, lần hồi ra đặc sệt, voi bắt đầu ăn và lại ngửi không mấy hồi.

Thú y Tây không bỏ qua một dịp nào. Lần này, lão đánh máy sạch sẽ gửi phúc trình lên bề trên. Tôi ngồi ghi vào sổ nhật ký công văn « Mật », nhớ mại mại phần kết luận của lão như vậy :

« Việc này không có chi lạ. Vả chẳng voi bị kiết lỵ cho
« nên ruột có mọt phòng và mỗi khi mọt bề thì voi ỉa có
« máu. Nay tên thầy Miên già cho voi ăn đất sét, phải chăng
« là nó học lóm Tây y lấy đất sét trắng (kaolin) trị bệnh đau
« bao tử. Chất đất này voi nuốt vô bụng nguyên khối, đất
« thì đặc sệt, vô trong đó, ôm tròn khúc ruột lở, y như ta
« lấy gòn và vải băng bọc bề trong chỗ bệnh. Đó là băng-
« xơ-măng anh-tet (pansement interne), cho nên voi hết
« đau ruột là vì vậy, cũng không chi lạ. »

Bức công văn của lão thú y Tây, tôi ghi sổ rồi cho đệ trình lên quan Thống đốc. Một bữa sáng cách đó vài hôm, tôi vô sở, và như đã nói, tôi có phận sự nhật ký công văn « Mật » vừa « vô » vừa « ra » (courrier confidentiel à l'arrivée et au départ), một bữa sáng, tôi thấy nó nằm chính ỉnh trên bàn có mấy hàng chữ son viết tay của quan Thống đốc R. đề trên chéo thượng. Mại mại như vậy :

« Ông D. (đây là tên của Chánh văn phòng). Xin ông
« gửi khẩn cấp lão mỗ (tên của thú y Tây) ngay vào dưỡng
« đường Đồn Đất và dặn ở đó thâu nhận lão trong vài
« ngày, chờ một chuyến tàu kỳ « ưu tiên » (priorité) sẽ nhớ
« làm thủ tục cho lão về Pháp an trí thiết thọ. Chỉ có cách
« ấy, ông và tôi mới tránh được nạn đọc chuyện con voi,
« chuyện ăn đất sét và chuyện làm băng-xơ-măng.

« Đừng quên thưởng thầy Miên khá khá, nếu va chưa
« về xứ. Ký tên R.

Câu chuyện con voi già Sở Thú, lâu quá tôi đã quên nhiều, nay nhắc lại không dám cho là đúng như tôi biết. Duy giấy tờ sao chép bản thảo chuyện viết năm trước vẫn còn đây, tôi cứ y theo mà đánh máy lại. Nghĩ giựt mình, không biết năm xưa mình viết tâm sự con voi Sở Thú hay là tâm sự của mình đây? Ai biết được?

* * *

Tái bút. — Sau năm 1944, tôi dời về Sóc trăng, nên tôi không theo dõi chuyện voi già, voi mẹ và voi con. Nghe nói năm 1945, máy bay Mỹ dội bom Sài Gòn dữ lắm. Máy con thú trong vườn Bách thảo đều bị thủ tiêu, một là không đủ vật thực cung cấp, hai là kẻ phòng thủ thụ động dạy rằng thú dữ, nếu bị dội bom, rui sút chuồng, ra được ngoài thì nguy hiểm cho sanh mạng hơn dân lắm. Ba ông Tây hồi đó, giữ theo cái kế này, biết có nhớ mà đưa Tommy cha, Tommy mẹ và Tommy con lên Trảng bom nghỉ mát như kỳ trước chăng? Hay đã cắt bùm giết hết như mấy ông hồ và sư tử, kỳ đà, cá sấu kia hết rồi?

Nhớ lại việc ấy, thương cho số phận những anh này quá.

(Bài này có đăng kỳ đầu trong Bách Khoa, số Xuân Tân Sửu, số 98 ngày 1-2-1961, nay viết lại, không y bản cũ).

Gia đình, 2-10-1970

DẪN

Kể về thú chơi đồ xưa, nói cao là nghệ thuật chơi cổ ngoạn, có một câu thiệu, gồm trong bốn chữ mà ý nghĩa vô cùng. Đó là « Nhứt cổ nhì quái », ý nói người biết chơi cần phải phân biệt: gắt máu là thật xưa, gắt vừa vừa là thật lạ. Rồi lại còn phải biết phân biệt:

— nếu là đồ gốm, đồ sứ, nhà chuyên môn gọi « cổ ngoạn », thì phải kén thật cổ, và càng xưa càng quý; kén được cổ rồi, phải lựa cho được toàn hảo, vì đồ bề là hết xài. Người biết chơi loại bỏ những đồ bề, ai mót chơi thì cười gọi « chơi miềng sành ». Nếu là châu ngọc thì gọi là « trân ngoạn », nếu là đá cuội, gốc cây, sừng thú, thì gọi là « kỳ ngoạn ». Ngọc phải kén không có tỳ, nếu đã tỳ rồi thì hết còn quý báu. Đá, gỗ, món chưng chơi thì phải lựa tân kỳ tân xảo, lạ mắt, càng cổ quái càng hay. Không kén lớn vóc, chỉ cần khéo và lạ. Có câu: « Kỳ trân, dị bửu », đó là câu thiệu thứ hai tôi học được sau khi đã năm mươi năm lăn lóc trong nghề.

Không nên sắm trùng với người khác. Tỷ dụ: nếu sẵn tiền mua sắm đủ thứ, mà ông nào như ông nấy, nhà nào như nhà nấy, bước vô cửa thấy toàn là lục bình gần hai thước cao, khoe Thành Hóa, lơn màu sắc sỡ to vóc mà nay trân, hoặc hũ đựng cốt đời Tống đại « ê ta, cái này giống hệt cái trong viện bảo tàng », bao nhiêu ấy tôi cũng chưa cho là « quý », vì dấu sao « vật thấy rồi, coi lâu nhàm mắt ». Luôn luôn vợ nhà là tệ, vợ hàng xóm là ngon là giòn. Trừ phi nhà hàng xóm có một món « độc nhứt, vô song », thì

khi ấy ta phải tìm cho có mới phải là nhà thiện nghệ biết chơi cờ ngoạn.

Từng thấy lắm người, xơ xác như rệp phơi nắng, vọc vạch đọc vài cuốn sách, học chơi năm ba tháng, — như tôi buổi đầu, — lại thường nuôi một ảo vọng nghĩ cũng buồn cười và đáng thương hại. Tưởng rằng mình khôn hơn thiên hạ, chê thằng ấp cây chờ thỏ, mà bản thân, ra đường, xe cán không biết sợ, mắt ngó liền xuống đất, trông mong may thời lượm được hột xoàn bụi của bà nào vừa làm rớt; không mua hơn ba vé số mà tự phụ số độc đắc phải về tay, và hể mua được một món đồ trong tiệm ve chai, bước ra khỏi cửa thì món ấy là SỐ MỘT, tụi nó ngu hết, cho nên cái này mới lọt tay mình.

Cho hay chơi đồ xưa không khác nuôi heo bở ống, và chớ nghe tôi nói mà vội nản lòng. Nên đọc chuyện Văn Nhược Hư sau đây và lấy đó làm gương. Chỉ trong giới đồ cổ ngoạn mới có thể xảy ra những việc không thể có đã kể như trên.

Lúc nhỏ tôi ham đọc sách, bộ Kim cổ kỳ quan tôi đọc đi đọc lại không biết mấy lần. Có năm chuyện dài làm tôi mê say và lần lượt nay xin kể lại nghe chơi.

Năm ngoái (1969), tôi đang ghiền đọc lại Kim cổ kỳ quan, nghiệp nổi bộ ở nhà ai lấy đầu mất, trong khi bực dọc, bỗng một anh bạn quen từ nhỏ, anh Thân Văn, từ Cần Thơ, ôm lên một bộ tân bản anh vừa dịch xong, nay đem lên định nhờ tôi tìm giùm người xuất bản. Tôi đọc trong một đêm, thấy hay hơn bản tôi đã có, nên sau đó, quả hai tôi có gặp một người chịu làm việc ấy. Không dè việc đang thuận chèo mát mái, tưởng sẽ hoàn thành trong năm 1969 ấy, ngờ đâu có việc trục trặc về giấy in rồi cho đến nay, không hiểu sao, người ấy cứ lần lữa mãi và sách trông đợi vẫn không thấy ra. Vả thì giờ của tôi nay còn ít lắm, — đã sáu mươi chín tuổi đầu, — không thể chờ lâu nữa được, — nên tôi phải liều, viết lại theo ý tôi, năm chuyện tôi đã thích và

từng xem trong bản dịch K.C.K.Q. Nguyễn chánh Sắt 1911. Tôi không có ý tranh nghề với anh Thân Văn, nhưng tôi xin phép in ra trước anh, năm chuyện này, không thì công việc của tôi phải bỏ dở hết. Đó là ;

— chuyện Văn Nhượng Hư. Đề khuyến khích những ai ham vật lạ, vì Nhượng Hư nhờ có cặp mắt khác người, tìm được một cái mai con quì mà được tột đỉnh giàu sang (chuyện số V) ;

— chuyện Thu Tiên. Đề khuyến lẹ những nhà ham trồng lan và hoa thơm cỏ lạ. Thu Tiên là một ông già ham trồng bông hoa, tôi tưởng hơn cả thiên hạ (chuyện số VI) ;

— chuyện Đỗ Thập Nương. Dưới mắt tôi, Đỗ Thập Nương không phải là một ky nữ tầm thường. Tiếc cho nàng không biết lựa chồng như nàng đã lựa ngọc (chuyện số VII) ;

— chuyện Mãi Du Lang độc chiếm hoa khôi. Anh bán dầu này không chơi ngọc, không thạo đồ xưa, nhưng nhờ có mắt tinh đời nên được cô vợ xinh, khỏi tốn tiền cheo heo cưới. Cũng một dịp đề tôi nói về phong tục đàn bà Tàu bó cổ (chuyện số VIII) ;

— chuyện sau chót là tích Bá Nha, Tử Kỳ. Đây là một chuyện then chốt có liên quan nhiều đến thú chơi cò ngoạ (chuyện số IX).

Ngoài năm chuyện ấy, tôi xin trả nghề dịch truyện cho anh Thân Văn và hết lòng cầu mong bộ Kim cồ kỳ quan của anh sớm được phát hành.

Sau đây là sự tích Văn Nhượng Hư (trong bản Hán văn, nhan là « Chuyện vận hơn xảo ngộ Động đình hồng ».

5. — Văn Nhược Hư

Đời nhà Minh, triều vua Thành Hóa (1465-1487), tại xứ Tô Châu có một người họ Văn tên Thiệt, tự là Nhược Hư, tánh tình tinh xảo hơn người, kể về học lực thì xem đâu nhớ đó, học một biết mười, còn kể về thủ công thì Nhược Hư được thiên phú có hoa tay, phàm trông thấy ai làm ra món gì, xem qua một lần thì nhờ sáng trí, làm lại y hệt, khéo léo vô song. Về cầm kỳ thi họa, Nhược Hư chẳng những lâu thông đủ bốn, lại còn trôi lặn hơn anh em đồng tuổi. Lúc còn thơ ấu, có thầy tướng sĩ đoán số Tử vi quả quyết Nhược Hư ngày sau giàu sang muôn họ. Lời khen thầy bói chỉ thêm lòng kiêu nên sẵn của phụ ấm, Nhược Hư cứ tiêu pha hoang phí, không lo gì đến việc học nghề nuôi thân, ý y trong mình sẵn tài, thông thả rồi sẽ tinh. Nào ngờ chẳng bao lâu cửa nhà thiếu hụt, mới nhớ câu « tọa thực sơn băng », hiểu được thì đã muộn.

Nhược Hư thấy chúng bạn nhờ chuyên nghề buôn bán nên đều khá đều giàu, cho nên còn lại bao nhiêu vốn liếng bèn trút hết vô nghề thương mại. Tô Châu là xứ phong lưu có tiếng : nứt gái nhì quạt, vì tự cổ kim mỹ như ngọc nữ đều sanh tại đây, còn nói về quạt thì khắp xứ không đâu bì. Nhược Hư nghe đồn năm ấy Bắc kinh nứt quạt, nếu nay đem quạt lên đó bán thì sẽặng giá phát tài. Nhược Hư bèn rủ anh em hùn vốn mượn người làm quạt rất nhiều. Nên nhắc lại vào thời Minh — Thanh, quạt giấy cầm tay là một cái mốt rất được thịnh hành. Quạt có đến năm sáu thứ khác nhau và giá tiền cũng khác ; có thứ chỉ mười mấy đồng điều một cây lại có thứ đến vài ba lượng bạc:

- 1.— quạt dành cho các phong lưu công tử, có vẽ sẵn tranh họa và đề thi sẵn ;
- 2.— quạt cho văn nhân, giấy tốt, nhưng không đề thi họa cảnh, chừa cho người chủ sau này hoặc tự mình hoặc mời người bạn thiết đề tặng cho thích ý ;
- 3.— quạt cho võ sanh và phú gia bá hộ, lớn, mát, nhưng ít hoa hoè ;
- 4.— quạt cho các tiểu thơ khuê tú, nhỏ cây nhưng xinh xắn ;
- 5.— quạt cho thường nhân nhưng vẫn phong lưu, khá giả ;
- 6.— quạt trắng thường « dân dụng », không vẽ hoặc ít vẽ vờ, dân và phật gia, đạo sĩ dùng, v.v...

Những quạt ấy, phân làm ba hạng : thượng, trung, hạ, đều làm bằng giấy bạch có phết một lớp sơn dầu không sợ mưa gió, sườn, cánh, lá sương, đều lựa tre già bền chắc có chạm khắc cổ thi, nhánh mai, nhánh trúc và tên họ ¹, nhiều cây còn lại lưu truyền đến nay, dầu là chỉ hai cánh ngoài, đều là những sưu tập phẩm có giá trị, nếu được của danh nhân kỳ nữ xưa thì là những cổ ngoạn hiếm lạ quý báu vô cùng. Vào đời ấy, người nào ra đường, đều có quạt cầm tay, khi che nắng, khi phe phẩy, các cô tiểu thơ lại còn cách « quạt che nửa mặt, tròn liếc nghiêng nghiêng »,

1. Ở Chợ Mới Sài Gòn, đường Phạm Ngũ Lão, trong một tiệm buôn lớn, nhưng chưng dọn sơ sài, một hôm có người giới thiệu, chủ nhân, một ông lão người Bắc kinh, nói chuyện với tôi bằng cách rá dẩu, có lấy trong tủ kín ra cho tôi xem bốn bộ cánh quạt cổ : tre thật già, lên nước đỏ au, cái chạm lọng, cái mức sâu, cái chạm nổi, một cây nữa không chạm trổ chi cả, nhưng ông cho là quý nhứt, vì vân cây trở bông in như vẽ, đáng cổ kính lạ lùng. Hỏi tuổi cây quạt ông nói Kiền Long (1736-1795). Tôi đánh bạo đưa cây quạt của tôi, do ông bạn Đời Ngoạn Quân đề tặng, ông cười, khoát tay ra dẩu, tôi hiểu rằng quạt của tôi còn mới lắm, chưa sánh được đâu.

mới là chết được anh hùng. Thiếu quạt như thiếu tiền, trống sĩ cũng vô nhân. Và khăn quạt là hai món thường thấy đối trao trong truyện giữa chuyện thề non hẹn biển, trai tài gái sắc.

Nhược Hư có tâm hồn nghệ sĩ sẵn nên không tiếc tiền, muốn mau làm giàu và muốn quạt mình bán ra là mỹ thuật phẩm hiếm có đáng đề nhắc đời, nên tuyển thợ vẽ khéo và các người văn hay chữ tốt đến điểm xuyết từ cây, lại có tổ chức những buổi thi hội, mời các văn sĩ danh họa trong vùng đến thi đua mặc tình ngẫu hứng đề thi phóng bút. Chỉ tốn trà nước mà được nhiều cây quạt xuất thần, những loại ấy đề riêng, khi tặng lại tác giả, khi dành bán cho sau này những ai biết thưởng thức.

Khi quạt chế được nhiều và túc số, Nhược Hư sai niêm hết vào thùng cây lớn, rồi mới chọn ngày lành tháng tốt xuất hành, chở hết xuống thuyền, trực chỉ Bắc kinh. Ai ngờ Nhược Hư đang hồi vận kiển thời quai, vì quá gò gẫm thành ra phí nhiều thì giờ, khi thuyền đến Bắc kinh thì mùa hè đã qua, gặp trời nghịch tiết mưa gió lu bù, mấy ngày ráo tạnh lại nắng ui ui khiến không ai hỏi mua quạt. Tội nghiệp Nhược Hư, còm ghe bè bạn đến đây, trong đôi ba tháng đóng sòng mà chịu trận, mua bán ế nhẹ, đúng như câu « *như quạt mắc mưa* » ! Kể đó tiết sang thu, trời tạnh gió êm, khi hậu trở nên mát mẻ, thì quạt cũng vẫn là vật thừa, vô dụng. Bỗng một hôm có vài vị công tử, nghe đồn có thuyền chở quạt Tô Châu, tìm đến hỏi. Nhược Hư dạy khui thùng lựa ra bán thì hơi ôi, nước mắt tự nhiên trào, thà để vậy đừng khui không biết còn hơn, vì bao nhiêu quạt quý, đắt tiền, gặp tiết ướt át, hồ keo đều chảy và dính keo với nhau gỡ không ra, và đến khi gỡ được cái nào thì giấy, sơn, tróc, rách, xấu xí không ai thèm. Không lẽ ở mãi xứ Bắc kinh đợi qua mùa khác, vả lại tiền nong đã

cạn, nên túng thế, Nhược Hư mót máy bán đồ bán thảo, vừa ăn vừa bán, hàng vừa hết thì túi cũng sạch, vốn liếng đi đời nhà ma, thuyền về được tới bến Tô Châu thì cũng là may phúc. Từ đó, Nhược Hư rở đến nghề nào cũng đều thất bại, chẳng những một mình anh bị trút túi, mà chúng bạn anh nào thương tình hùn vốn với Nhược Hư cũng phải sạt nghiệp theo. Thấy thế, không ai dám chơi, và từ ấy gia tư tiêu điều, vợ hỏi trước nay không tiền cưới, Nhược Hư được bạn tác đặt cho tên mới là Đảo vận hơn (tên hơn tử nghịch vận). Nhược Hư còn một nghề chót, đi viết mượn kiếm ăn, thả trôi thả nổi, bữa đói bữa no, thiệt là thê thảm. Còn chút may là lòng trời còn độ, khiến Nhược Hư ăn nói rất có duyên. Nhờ ngôn từ lưu lợi, nhứt là không xảo trá, giỏi chọc cười và luôn luôn vui tánh, nên anh em không bỏ, nhà nào có tiệc khai bằng tân gia đều nài nỉ và mời Nhược Hư cho được, chối từ cách mấy cũng không nghe. Nhờ vậy mà Nhược Hư chưa ra người hành khất. Đọc địa thay, văn hay chữ tốt mà không ai dùng; có kẻ thương tình, tiến cử làm thầy dạy trẻ, thì chủ nhà, còn nhiều dị đoan, đồ thừa ngại Nhược Hư là người đảo vận, cùng đồ, e dạy con cháu chúng sẽ xui xẻo như thầy! Một bữa nọ, có một bọn có vốn, hùn nhau tính đi buôn biển ngoài xa, đó là nhóm của Trương Đại, Lý Nhị, Triệu Giáp, Tiền Ất, v.v... cả thầy hơn bốn chục người hội hiệp nhau lại, đậu vốn đóng một chiếc thuyền rất lớn định chở hàng hóa thật nhiều làm một chuyến hàng hải. Nhược Hư hay được tin, nghĩ thầm: «Ta trọn đời nghèo túng, không phương thế sanh nhai, sống tạm bữa no bữa đói chớ chi được theo bọn này, trước là được phỉ tình ngắm xem phong cảnh xứ lạ, sau là thay đổi không khí mở rộng tầm con mắt, lại nữa dưới thuyền sẵn củi sẵn gạo, đồ chạy ăn. Vả lại những người ấy đều là anh em bạn cũ, không

lý họ nữ chối từ ? » Mảng đương bàn tính, bỗng thấy Trương Đại đi ngang. Anh này nguyên là một tay chuyên đi buôn phương xa, cho nên rất thạo về châu báu các nước, anh có biệt hiệu là Trương Thừa Vận, vì anh đương thời vận đỏ, buôn may bán đắt, thêm có tiếng là cư xử với anh em rất là hào hiệp. Hai người vẫn quen nhau từ trước và mến phục nhau. Nhược Hư mời Trương Đại vào nhà, thi lễ xong xuôi, bèn tỏ thiệt ý mình. Trương Đại nghe qua, mừng rỡ : « Việc anh định đó rất hợp ý tôi, và giải quyết không khó. Anh được cái có duyên, ăn nói ai ai cũng chịu. Nay được anh theo chuyện văn đồ buôn, những khi thuyền vượt sóng, chúng ta đánh chén cột đũa lại càng thêm vui. Tôi dám chắc khi tôi về nói lại không ai chối từ. Anh cứ yên lòng sửa soạn hành lý trước đi. Ngặt một điều, anh em tôi ai nấy đều có hàng hóa đem theo, nay anh đi tay không, tôi e cũng uổng cơ hội ngàn năm một thuở. Vậy để tôi về bàn việc này lại với anh em rồi kể ít người nhiều giúp anh một số vốn nho nhỏ để anh coi có thứ hàng hóa gì vừa bụng, anh chở theo cho có với người ta. » Nhược Hư cảm động đáp : « Cám ơn hậu tình của anh, song tôi e ít ai tốt bụng như anh và khứng chu toàn vậy. » Trương Đại nói : « Việc không nên nói trước, để tôi về tính thử coi. » Nói rồi đi liền.

Trương Đại vừa ra khỏi cửa thì có một thầy bói mù đi ngang. Nhược Hư mời vào cật thầy xem coi hào tài khí thế nào. Thầy sủ quẻ rồi nói : « Quẻ này tốt lắm, ông ra đi chuyến này, sự giàu có không biết sao mà nói cho cùng ». Nhược Hư đền ơn lão thầy rồi trở vô nhà, nghĩ thầm : « Sở dĩ ta muốn đi theo anh em chúng bạn vượt biển phen này là cốt đi chơi cho qua ngày tháng. Tiền bạc đâu làm vốn, có hàng hóa gì đem theo buôn bán mà hòng đại phát tài ? » Mấy đời thầy bói nào không nói lão, ta chẳng nên tin. »

Còn đang suy nghĩ, kể có Trương Đại bước vào, mặt còn sắc giận. Trương Đại chưa bước qua khỏi cửa, đã lầm bầm : « Những bọn đó quả không ra gì ! Ban đầu, họ nghe nói có anh đi theo, họ đều tỏ vẻ mừng rỡ ; chừng tôi nói qua việc tiền bạc giúp anh làm vốn, họ đều làm thinh và nói lảng sang việc khác. Thiệt là tệ không chỗ nói. Nay tôi còn một lượng bạc, anh cầm lấy mà dùng đỡ. Với số tiền mọn này, anh đừng mua chi hàng hóa ; nhưng theo tôi tưởng, anh cũng nên mua chơi một mớ trái cây hay hàng bánh gì đó bỏ theo xuống thuyền phòng khi buồn miệng lấy ra dùng cho vui. Còn việc cơm nước, anh khỏi lo ; anh cứ ăn chung với tôi, việc ấy xin anh đừng ngại. » Nhược Hư lãnh dính bạc, nói mấy lời cảm tạ. Trương Đại từ giã, còn dặn với : « Thuyền cũng gần tách bến, xin anh sắm sửa mau lẹ rồi xuống cho kịp con nước ». Nhược Hư cười, nói : « Tôi có vật chi mà sắm với sửa ! Anh đi trước đi, tôi ghé đây một chút rồi có tôi tức thì. » Trương Đại về rồi, Nhược Hư cầm dính bạc một lượng, nhồi nhồi trên tay, vì lâu ngày quá mới thấy. Anh vừa cười vừa nói một mình : « Bao nhiêu này thì biết mua những giống gì cho được ? Tuy vậy ta cũng phải sắm thứ gì cho không phụ lòng một người bạn tốt. » Nói rồi lặn dính bạc vào lưng, lộn trở lại nhiều lần cho thật chắc, đoạn ra chợ kiểm đồ mua để làm một cuộc đại hàng hải ! Bỗng anh thấy chán nản ngã lòng vì số tiền thì ty tiêu mà món nào cũng cao. Xảy thấy nơi chỗ anh đứng, toàn những giỏ tre chật nức đầy đường, trong giỏ đựng một thứ trái màu đỏ hồng, tươi tốt in như ai lấy sơn mà vẽ (xem lời bàn nơi sau). Đó là trái Động đình hồng. Nhược Hư đang phân vân không biết mua gì, khi thấy trái ấy chợt nghĩ thầm : « Với một lượng bạc nhỏ nhoi, ta mua thứ này cũngặng ít nữa hai giỏ tre, cả trên trăm cân chớ

không ít. Ở đây là cửa thừa, chớ xuất dương rồi, nó là cửa quý. Hay là ta cứ mua lấy, đem theo dưới thuyền, giải khát cũng được, mà cho chác anh em đề mua lòng cầu thân thì cũng phải thế lắm, chớ không chơi.» Nghĩ như vậy nên Nhược Hư lấy đỉnh bạc một lượng ra mua hết Động đình hồng, quả được hai giỏ lớn, Nhược Hư mừng lòng, ghé tạt vào nhà lấy theo một mớ đồ hành lý, khóa cửa cẩn thận gởi nhà cho hàng xóm, rồi mượn người khiêng thẳng hết xuống thuyền. Chưa chi các anh em vừa thấy Nhược Hư khệ nệ hai giỏ lớn xuống đã vỗ tay cười lớn : « Kia kia Văn tiên sanh đem hàng quý xuống kia cả. » Nhược Hư trong lòng hồ thẹn nhưng ngoài mặt cũng giả bộ vui vẻ, cho đem hai giỏ tuốt xuống khoang dưới, chào hỏi tử tế mà không hề nói cho ai biết rằng mình mang theo Động đình hồng.

Thuyền lui ra khỏi vàm, tách ra ngoài khơi, một lần thứ nhất Nhược Hư thấy tư bề mình mông toản là nước, sóng bủa giăng trắng xóa tựa hồ đơm vẩy bạc, trong lòng thấy lâng lâng nhẹ nhõm và cũng quên đi được đôi phần cực khổ é chề. Thuyền lướt sóng nhẹ bay xuôi theo chiều gió, trực chỉ hướng nam, đi đã năm sáu ngày mà không biết đã trải bao nhiêu dặm dài. Ngày kia thấy trước mặt một hải đảo thật lớn, ở dưới thuyền ngó lên thấy thành quách nguy nga, ngoài đường và dọc theo bờ biển, phố xá sum mậu, nam thanh nữ tú qua lại đông đảo. Thủy thủ chọn một vịnh êm thắm đậu thuyền cho tiện núp gió, bỏ neo cột dõ an bài thì các người dưới thuyền đều bước lên bờ cho đỡ chồn chân mấy bữa. Nhược Hư lên theo, hỏi thăm địa thế, không một ai trả lời ồm thỏm, cho hay buổi ấy khoa địa dư sơ sai hờ hững thế nào. Họ nói có từng đến đây rồi, người bản xứ xưng là Kiết linh quốc, biết vậy thôi chớ không cần biết nữa, duy biết rõ ở đây cách xa

Trung hoa ngàn trùng, nên bề sanh lý, « nhứt bồn vạn lợi », hàng hóa Trung hoa hễ đem đến đó, thì một phần vốn nói giả tỷ, bán ra là ba bốn phần lời, rồi nếu biết khôn đời hàng hóa sơn trân hải sản xứ ấy đem về Trung hoa thì cũng đáng lời như thế một lần nữa, cho nên mỗi lần thuận buồm xuôi gió đến được chốn này một chuyến thì cũng bằng đi buôn năm sáu lần nơi khác, và vì vậy ai ai cũng ham vượt biển đến đây không kể gì nguy hiểm. Trừ Nhượng Hư ra thì mấy người kia đều có người quen trên bờ cho nên thuyền vừa cập bến, họ đều phân nhau đem hàng lên tìm bạn cũ lo việc đổi chác, để Nhượng Hư ở lại giữ thuyền với mấy người bạn bè thủy thủ.

Nhượng Hư bỗng nhớ trực lại hai giỏ Động đình hồng của mình, mấy bữa rày quên lửng không dòm ngó tới, không biết hư thúi thế nào, nay mấy người kia đi vắng, Nhượng Hư thừa dịp mượn mấy người đi bạn ghé dỡ khoang lấy ra xem thử. Nhượng Hư mừng quá vì thấy lớp mặt vẫn còn tốt tươi như trước, duy không rõ mấy lớp dưới có được như vậy không, Nhượng Hư nhờ các bạn vui tay sắp hết giùm mình lên bày phơi trước mũi thuyền. Ấy cũng là nhằm lúc thời giao vận chuyển, Nhượng Hư đã hết hồi đen và phước đã tới, khiến anh có sáng kiến ấy. Những trái Động đình hồng xinh xắn, lấp lánh ngon lành dưới ánh nắng sớm, từ trên bờ nhìn xuống trông thật là vui mắt. Khách đi đường qua lại trên bờ, ai ai cũng dừng chơn lại nhìn và trầm trồ với nhau không biết trái ấy là trái gì, có ăn được hay không, mà da đỏ nõn nà, trông tựa ai lấy sơn đỏ (laque rouge) mà phết!

Bỗng có một người không dẫn được tánh tộc mạch, chạy xuống thuyền, lại gần Nhượng Hư hỏi rằng: « Trái gì mà xinh tốt dữ vậy? » Nhượng Hư không hiểu tiếng nói của nước ấy, chỉ ngó lên cười, rồi cứ làm thinh sắp Động đình

hồng ra hoài. Nhược Hư thấy có một trái gần hư, liền lấy ra lột vỏ rồi bỏ hết nguyên trái vào miệng, nhai ngồm ngoồm, nuốt ngon lành. Nhược Hư không có tánh ích kỷ nên cũng lấy mười trái chia cho thủy thủ dưới thuyền. Người xuống thuyền ban nãy vỗ tay cười lớn la lên : « Té ra trái này ăn được mà » ! Trong bọn đứng xem, có một người, dáng quan viên, bước đến hỏi giá bao nhiêu một trái, đặng có mua mà ăn thử cho biết mùi. Nhược Hư, tuy không hiểu tiếng nói song định chừng cũng biết người ấy muốn gì, nên ra dấu, giơ lên một ngón tay, ý muốn nói một đồng tiền một trái. Không dè người ấy gật đầu, thò tay vào túi móc ra một đồng bạc trắng trao cho Nhược Hư mà ra dấu trả lời xin mua một trái. Nhược Hư tiếp lấy đồng bạc, cầm lên tay nhồi thử mà coi, nặng ước chừng một lượng. Nhược Hư lòng bối rối, không biết và muốn mua mấy trái, song lạnh trí, đề ta đưa cho và một trái thử xem nào ! Nghĩ như vậy, bèn lựa một trái lớn và tốt tươi mà trao cho người ấy. Người này tiếp lấy cầm trên tay, khen lớn : « Tuy chưa biết là trái gì, song thấy cũng đủ biết là ngon ! » Vừa nói vừa lột vỏ ra, mùi thơm the the bay nức mũi. Khách bàng quan, bắt mùi, lại càng khen hùn rùm lên. Người ấy lột rồi, chưa biết cách ăn làm sao, sẵn thấy ban nãy Nhược Hư nuốt trọn (vì là trái nhỏ), nên cũng bắt chước, thồn hết nguyên trái Động đình hồng vào miệng mà nhai, khiến nước ngọt chảy tràn ra nhiều nhão ướt cả râu cả áo bào, nhưng thơm ngọt lạ thường, người ấy nuốt luôn và hột, nuốt rồi, vừa lấy tay vuốt sạch râu và thoa thoa lên áo, vừa khen liền miệng : « Ngon thiệt là ngon ». Nói rồi thò tay vào túi móc ra mười đồng y như ban nãy, ra dấu xin mua mười trái. Nhược Hư mừng quá đổi mừng, lật đật lựa mười trái trao tận tay. Bây giờ những khách đứng coi, thấy người ấy mua được giá đó, cũng bắt

chước mua theo, ban đầu còn huồn đãi sau đến giành giựt ồn ào, kẻ mua vài trái, người nài năm ba, và cũng đều trả y một thứ bạc khi nấy. Người nào mua được thì mừng rỡ lật đật đi liền... Đến đây mới thấy đúng câu tục ngữ « vô quit dày, móng tay nhọn ». Nguyên tục lệ xứ này, không dùng tiền đồng và lấy bạc thay tiền. Mỗi đồng đều một cỡ y nhau và trọng lượng giống nhau (gần chín mươi chỉ làm một đồng), duy xem nơi hình chạm mà phân biệt giá trị. Tỷ như: đồng quý giá nhất thì chạm hình long phụng, thứ nhì đến hình nhơn vật, thứ ba, hình cầm thú, thứ tư, hình thọ mộc, và bạc thông thường vào bậc thấp hơn hết là hình thủy thảo (cây cỏ mọc dưới nước như sen, súng). Nãy giờ họ dùng tiền thủy thảo mà mua được của quý. Một đảng là Nhược Hư, được bạc thì mừng theo kiểu Nhược Hư: bạc nào như bạc nấy, đồng một loại như nhau. Một đảng khác là bọn người này, thấy mình dùng thứ tiền hạng chót mà mua được của ngon vật lạ thì mừng theo kiểu bọn họ. Cho hay hạnh phúc trên thế gian rất là tương đối. Tiếng đồn chuyền nhau, khách tới mua nườm nượp, bán không kịp. Trong giây phút, Nhược Hư đã bán được hai phần ba và chỉ còn độ nửa giỏ. Những người không đem tiền theo, lấy làm tiếc, lật đật chạy về nhà lấy tiền. Nhược Hư thấy bán đắt lại làm cao, vừa nói vừa ra dấu: « Ấy tôi còn có bao nhiêu để dành ăn, không bán nữa ! » Những người đến trễ, mua không được, tức mình ra dấu, nài mua mỗi trái hai đồng. Những kẻ chưa mua thấy vậy thì trách sao có bắc cầu cho kiến nó leo, lên thang được rồi mấy thử chịu xuống! — Người kia cãi: « Vậy chớ không nghe nói hay sao? Va không bán để ăn. Bụng mình đã muốn, mắt rỏ chút đỉnh kẻo nài làm chi? » Đang cãi dan ca, xảy thấy người mua mười trái lúc ban sơ, nay giục ngựa trở lại, a thần phù xuống thuyền, xô vệt mấy người kia ra mà

rằng : « Thôi, chớ có bán lẻ nữa. Còn lại bao nhiêu ta mua hết để dâng vào trong Nội. » Nghe làm vậy, mấy người kia đều nhường cho lĩnh quốc vương, lên bờ ra về tiếc hối. Nhược Hư thuở nay là người lanh lợi, thấy cái thế đã thuận đà cho mình, đoán biết ông này không giám quan cũng nội thị trong cung vua, bèn trút hết giỏ ra đếm được hơn bảy chục trái, Nhược Hư sắp lại hết vào giỏ mà thưa rằng : « Tôi đã nói nãy giờ với mấy người kia, tôi không bán nữa, vì còn ít muốn để lại dùng. Nhon có mấy người đó nài nỉ lắm, chịu tăng lên mỗi trái hai đồng nên tôi mới ưng bán. Như ông muốn mua thì cũng phải trả y theo giá ấy, bằng không thì tôi để tôi dùng ». Người ấy liền để cái túi lớn xuống, thò tay lấy ra một đồng bạc cũng bằng đồng trước nhưng chạm hình thỏ mọc, trao cho Nhược Hư và nói : « Đây này, thứ tiền này ăn hai, vậy thì mỗi trái một đồng như vậy, chịu không ? » Nhược Hư lắc đầu thưa rằng : « Tôi không muốn thứ tiền này, xin hãy trả thứ tiền như ban nãy vậy thôi. » Người ấy mỉm cười, lấy ra một đồng khác chạm hình long phụng và hỏi : « Như đồng này thì một đồng ăn một trái, chịu không ? » Nhược Hư đáp : « Cũng không đáng, cứ theo thứ tiền trước, hai đồng một trái vậy thôi. » Người ấy cười mà rằng : « Ấy là ta nói chơi : một đồng bạc này ăn một trăm đồng kia, dầu người có chịu, ta cũng không đại gì mà mua như thế. Thôi, cứ đếm đi, ta sẽ trả thứ tiền kia theo như ý người muốn. » Nhược Hư đếm kỹ, còn lại bảy mươi tám trái, tính ra giá bạc nhằm một trăm năm mươi sáu đồng. Người ấy trả thêm một đồng bạc nữa nài luôn cái giỏ, rồi buộc vào lưng ngựa, nhảy lên tra roi đi thẳng. Mấy người trên bờ tán lán. Nhược Hư vào trong mui, lấy cân cân thử, mỗi đồng nặng đúng tám chỉ bảy phân, đồng nào cũng vậy, tính lại hết thấy được hơn một ngàn lượng bạc, trong lòng lấy làm mừng

rõ, bèn lấy ra mấy đồng thưởng công mấy người thủy thủ dưới thuyền, còn lại bao nhiêu gói làm một gói đem cất kỹ lưỡng. Nhớ lại mấy lời thầy bói mù, Nhược Hư thắm ý cười mà nói thầm : « Lão thầy mù ấy bói quẻ thiệt linh ! » Trong lòng Nhược Hư lúc này mừng vui lẫn lộn, trống ngực cứ đánh thình thịch, trông mấy anh em xuống thuyền đặng có khoe may mình gặp « gió lớn ». Chừng mấy người kia đến chiều, đổi chác xong, ôm hàng hóa còn dư xuống thuyền, trong bữa cơm tối, Nhược Hư bèn đem hết đầu đuôi các việc thuật lại cho anh em biết. Ai nấy đều mừng, và nói và khen : « Cũng thì đi với nhau một bọn, duy có anh là tốt phước hơn cả. Hết xúi quẩy rồi ! Không xuất vốn mà đặng lợi nhiều ấy là của trời cho anh đó. »

Khi ấy Trương Đại vỗ vai Nhược Hư mà rằng : « Thuở nay thiên hạ đều gọi anh là người đảo vận (Đảo vận hơn), mà nay anh gặp may làm vậy, thì vận anh đã chuyển lại theo chiều tốt, vậy thì bây giờ nên đổi lại, gọi anh là Chuyển vận hơn, cũng như tôi đây là Thừa vận hơn vậy. Lại nữa anh nhờ trái Động đình mà phát tài, vậy đề tôi tặng anh một câu, tuy không hay ho gì, nhưng thiết thực. Câu ấy là : « *Chuyển vận hơn xảo ngộ Động đình hồng* ». Ngặt một nỗi, bạc của anh đó, nếu đem lên bờ mua hàng hóa bản xứ thì không đặng bao nhiêu. Vậy thì anh xem trong bọn cứu cá ta đây, nài lại một ít hàng Trung quốc, rồi đem lên đổi những kỳ trân thổ sản hầu sau này đem về xứ mình kiếm thêm chút lợi cho đáng công một mũi tên bắn được hai con chim. Như vậy tôi tưởng hay hơn là gói bạc cất đó kè kè bên mình có ích gì. »

Mọi người đều tán thành, nhưng Nhược Hư đứng dậy thưa : « Ấy là các anh thương tôi mà tính như vậy, tôi cho là rất phải. Nhưng nghĩ kỹ lại như tôi vốn là một tên đảo vận, đem vốn ra buôn bán mà cầu lợi, đã chẳng có lợi

lại tiêu luôn cả vốn. May nhờ các anh đem tôi theo, đã không tiền vốn, mà tình cờ gặp lại may kiếm được bao nhiêu đây, thiệt là phước lớn và quá sức tưởng tượng của tôi rồi. Tôi há đi còn tham làm chi và muốn sanh lợi thêm nữa làm chi? Trời cho bao nhiêu, không biết an phận, rủi lỗ mất vốn như lần trước, không lý tôi còn gặp chuyện bán trái Động đình hồng được nữa hay sao?»
Mấy người kia nói: «Hàng đổi lấy hàng, đem về mà kiếm lợi thêm, có hề chi mà sợ». Nhược Hư lắc đầu, vừa cười vừa nói: «Thôi thôi; tôi đã sợ: «Một lần mà tổn đến già, đừng đi nước mặn kéo hà ăn chân». Nói đến hàng hóa bán buôn, tôi đã thất kinh. Thà rán giữ gìn bấy nhiêu bạc trắng này đem về tới xứ sở mà chắc ăn hơn? Ai cười tôi chịu, chớ buông mồi đớp bóng, tôi ghê lắm rồi!»

Ai nấy đều than tiếc giùm: «Đã có vốn sẵn mà không dám làm giàu thêm, thiệt là dại nếu không nói là nhát gan.»

Rạng ngày họ vẫn tiếp tục đem hàng hóa đi khắp các nơi làm việc đổi chác, Nhược Hư vẫn ở lại giữ thuyền, và độ nửa tháng sau, hàng hóa bán được hết, người nào người nấy đều vui mừng, bèn mua rượu thịt đánh chén một bữa thật say xong rồi hối bạn nhỏ neo trương buồm về xứ. Đi được một ngày tròn, qua bữa sau, thỉnh thoảng nổi cơn dông bão, sóng cái nào cái nấy lớn hơn mái nhà, nhồi chiếc thuyền như cái hột vịt, anh em ai nấy đều phách tán hồn kinh, lật đật hối bạn bè hạ bớt buồm, và cứ nương theo xuôi lượn mà đi. Xảy thấy xa xa lối dạng một cù lao, như trái núi cao vọi vọi nằm trên mặt nước, bèn xúm nhau gò lèo kéo lái, tính dựa dưới chân núi này kình gió mà đút sóng vài ngày. Khi thuyền thả neo được rồi, xem lại hòn núi ấy đá tro kỳ khu, cây cỏ thụ ngàn năm chẳng chột, giữa ban trưa không một bóng người. Xem

mút mắt toàn là cỏ rậm, không nhà cửa chi hết. Trời còn gió lớn, anh em bàn tính phải đậu đó mà nghỉ sóng ít ngày, bèn xán neo chày đổi, xít đậu gần trong bãi. Nhược Hư trong mình có một số bạc lớn, ý muốn mọc cánh bay về cho mau tới nhà, không dè bị trận dông to mà mắc kẹt lại đây, trong lòng bức bối nóng nẩy. Rạng ngày trời dịu gió bèn rủ anh em đăng sơn thưởng cảnh. Ai nấy đều chối từ: « Một cái đảo hoang vu làm vậy, có chi vui mà đi cho mệt. » Nhược Hư cười nói: « Đi chơi cho tiêu khiển ngày giờ, chuyển vận thân thể, vui với không vui mà lại làm chi? » Lúc ấy trợn một thuyền đều say sóng, kiếm chỗ đi nằm. Nhược Hư một mình tay xách gậy trúc, mang theo một bầu nước, nhờ thủy thủ lập thế đưa mình lên bờ. Đi đến đứng bóng, phấn dây vịn đá, Nhược Hư leo được đến chót núi, đứng ngó mong ra bốn phía, sóng bủa âm âm, lá cây vùn vụt, thật là hùng vĩ. Bất giác nhớ câu: (trong tuồng hát bội « Tiết Cương chống búa »):

« Lao xao sóng vỗ ngọn tùng,

« Gian nan là nợ, anh hùng phải vay.

Nhược Hư thầm nghĩ phải đến chốn này mới tìm thấy những câu xuất thần như vậy. Bỗng nhớ đến mình, thân như hạt bụi, tựa lá cỏ bay vèo, vụt sa nước mắt, nhớ cha nhớ mẹ thì đã không còn, rồi tưởng thầm lấy mình: « Thông minh học giỏi như ta làm vậy mà trợn một đời, mạng vận truân chuyên, gia nghiệp tiêu điều, một mình cô thân độc mộc, đến nay còn nổi trôi ngoài biển, may đang bao nhiêu tiền bạc, song cũng chưa biết chắc có đang hưởng cùng chăng, nay linh đình như chiếc bách giữa vời, ngày nào chưa về tới nhà, tánh mạng còn dám chắc, sá kể chi là bạc vời tiền? Nghĩ mình như lúc trước tay không chun rồi mà lại hạnh phúc hơn! » Nhược Hư sợ các anh em dưới thuyền trông đợi, bèn sửa soạn xuống núi.

Bồng thấy trong lùm cỏ rậm chỗ mình đứng, một vật chi lù lù, chót mũi lòi ra rất lớn. Nhược Hư vạch cỏ bước đến xem thì là một cái xác bở không (cái mai) của một con qui hóa kiếp, lớn hơn cái chõng tre bán bì nem.¹ Nhược Hư cả kinh, quên hết việc anh em chờ đợi, đứng nói một mình : « Không dè đời nay mà còn sót lại một cái mai con qui của thời đại thái cổ, lúc Bàn Cổ sơ khai hay lúc đại hồng thủy trận của ông Noë ! Dám chắc trong thiên hạ chưa ai từng thấy một vật quái lạ làm vậy. Nay dầu có về thuật lại, cũng chẳng có ai tin. Và ta đã có công vượt trùng dương đến được chốn này, bây giờ không có chi từ hải ngoại đem về thì cũng hoài công trời cho gặp của lạ mà không biết thụ hưởng. Vậy ta phải rán đem cái mai này về, đó là một vật thể gian hy hữu, vừa làm cho ta nổi danh, vừa để cho thiên hạ anh em trong xứ cùng thưởng thức, vừa cho bà con biết ta đã thật sự có đẳng sơn quá hải, kéo bấy lâu thể gian thường nói người ở Tô châu nói năng không thiệt. Về mặt thực tế, nếu ta đem cái xác con qui này về được, ta sẽ cưa hai nó ra làm hai vật thiên nhiên quý nhất trên đời :

- phần trên của nó, có dáng khum khum, ta sẽ lật ngửa nó ra, kê chân vững vàng thì ta sẽ có một cái bồn tắm « độc nhất vô nhị » ;
- còn phía dưới bộ phận cái mai gọi cái yếm, đã bằng phẳng sẵn, trơn láng tốt đẹp và lên nước bóng như ván gỗ, thì ta lật sắp nó lại, kê thêm bốn chân chắc chắn là ta sẽ có một bộ sập ngự « thiên hạ vô song ».

Tắm trong bồn nước mát Mai Qui, ngồi ngâm thơ trên bộ ván « mu rùa », hỏi còn ai hơn ?

1. Tôi xuýt muốn nói : lớn hơn con rùa bằng đồng đội bia ở hồ nước nơi công trường Chiến sĩ.

Nhược Hư suy nghĩ tới đó thì mừng quính, lật đặt tháo sợi dây lưng, cột vào xác con qui, nối thêm một sợi dây mây cho dễ kéo, rồi hè hụi rán sức lôi trì kéo tuốt cho đến xế chiều thì đã thấy dạng chiếc thuyền. Các thủy thủ vốn có cảm tình với Nhược Hư, chạy lên bờ phụ lực. Dưới thuyền ai nấy xem thấy bộ tịch Nhược Hư đều rõ lên cười mà nói rằng: « Văn tiên sanh (lúc này không dám coi rẻ Nhược Hư nữa vì đã có tiền) Văn tiên sanh kéo giống gì mà lui đui dữ vậy? » Nhược Hư đáp: « Các anh chưa rõ, đó là món hàng biển nhứt hạng của tôi đó! » Ai nấy xem lại thất kinh đồng la lên: « Cha chả! con qui gì mà lớn quá vậy cả? Anh kéo về làm chi vậy? » Nhược Hư nói: « Tôi thấy nó là một vật lạ hy hữu « Nhứt cổ nhi quái », nên tôi kéo về, nữa làm vật kỳ ngoạn. » Ai nấy đều cười: « Anh mới là người lạ. Hàng hóa có tiền không mua về bán, lại đem vật này về cho chật nhà. » Có người lại nói đùa: « Coi vậy mà cũng có chỗ dùng, làm thầy bói mà có cái mu rùa cỡ này thì bói ắt linh lắm. » Người khác còn bồi vào: « Nếu đem bán nó cho thầy thuốc nấu qui cao, thì cũng bằng mấy trăm cái mai qui nhỏ. » Nhược Hư nói giải hòa: « Hữu dụng hay là vô dụng, cũng chẳng cần chi. Chừng nữa tôi làm xong hai món ngoạn hảo thì các anh sẽ biết. Vả chẳng đó là một vật ít có, mà cũng chẳng tốn tiền mua, nhắm đem về mà chơi thì cũng không hại gì. » Nói rồi liền kêu một tên bạn, lên khiêng với mình đem xuống dưới thuyền. Không ngờ hồi còn trên bờ, đất rộng minh mông thì cái mai coi không lớn mấy, đến chừng khiêng được xuống thuyền, xem lại mới thấy nó kình càng to lớn vô cùng, cũng may chiếc thuyền là loại đi biển, sức rộng thênh thang nên mới dễ lọt, giá thử là loại thuyền thường thì ắt không chở được rồi. Nhưng các bạn hữu chưa chịu buông tha và còn theo gheo Nhược Hư mãi.

Một anh nói : « Bạn về này, có ai hỏi, nhớ nói Văn tiên sanh chuyên nghề buôn mai qui, lớn vốn lắm ! » Nhược Hư không giận, trả lời cho xuôi chuyện : « Tôi để cho các anh cười. Dầu bề nào tôi cũng có chỗ dùng cái mai này. Tôi dám chắc nó không phải là « đồ bỏ » đâu. »

Ai cười mặc ai, Nhược Hư lui cui cầm cui đi lấy nước rửa trong rửa ngoài, cọ mài o bế, lấy khăn khô lau nhẹ, chùi từ miếng vảy lớn, miếng vảy nhỏ, lòn tay móc bụi, rêu, đóng trong kẹt kẽ, những chỗ vói không tới thì lấy cây nhọn khều nhẹ nhẹ, lại lấy dầu thắp dưới thuyền, dùng vải sạch chấm dầu rồi thoa sát cùng khắp, khi dầu khô rút hết vào cái mai, Nhược Hư lại dùng vải mịn đánh bóng, chùi nước nhứt thì cái mai lộ lộ những vân, những bông, trước không thấy vì bị bụi đóng lấp, chùi thêm nước nhì, tự nhiên cái mai thấy sáng sủa hơn trước, chùi qua nước thứ ba, tự nhiên dòm thấy mặt, mỗi vảy chiếu rạng ngời như những mảnh gương đồng. Những ai dầu khó tánh cách mấy, lúc này thấy cái mai bóng lộn, có vân như đồi mồi, cũng phải nhìn nhận đó là một món ngoạn hảo lạ mắt. Xong rồi, Nhược Hư lấy hết đồ hành lý, bao nhiêu thập vật, mền gối, luôn cả gói bạc, tiền bán trái Động đình hồng, thu xếp gọn gàng vào cái mai này. Nhược Hư xin anh em được mở vải vụn, lấy đó làm ra nơi hai đầu cái mai, hai bức màn có đủ tòng tụi, tua xanh đua đỏ, và sau bức màn, lại lấy dây mây ràng rịt khéo léo, trông như một cái rương da to, mở được hai bên. Nhược Hư cười lớn, với giọng thách đố : « Mấy anh thấy không ? Chừng nào sẽ hay, chớ bây giờ trước mắt, tôi đã có một vật hữu dụng không ai có rồi đó. » Cả thuyền đều ngạc nhiên và phục tài Nhược Hư, vừa có mắt tinh đời, vừa có hoa tay, từ một vật vô dụng là cái mai con qui chết, biến thành một món vừa có duyên, vừa có ích, ai thấy cũng trầm trồ khen muốn. Cái

tài tình nhứt của Nhược Hư là biết biến cái mai qui thành cái rương mà không dùng một cái chốt, một cây đinh nào, chỉ ràng dây cho chắc mà thôi, vì Nhược Hư biết dư rằng điều tối kỵ của khoa chơi cờ ngoạn là được một món nào lạ mắt, không biết gìn giữ hình thể của nó cho trọn vẹn, lại đi canh cải, biến chế, đã không ai khen lại tự nhiên làm giảm giá trị của nó một cách bất ngờ.

Đêm ấy cả thuyền đều thức khuya, anh em nghị luận lằng xằng, kẻ nói vậy, người nói khác. Bữa sau trời quang đãng, sóng êm gió thuận. Anh em đồng ý cho thủy thủ nhỏ neo, trương hết buồm, chạy riết không kể đêm ngày, chẳng bao lâu đã về tới tỉnh thành Phước kiến. Thuyền vừa cập bến, anh em hỏi nhau lên bờ, đưa nhau đến một hiệu buôn lớn mà chủ nhân là người nước Ba tư, tên Cổ mã Bửu Hạp. Đó là đầu nậu lớn nhứt trong vùng đất Mân, chuyên bán hàng lụa từ xứ luôn và châu báu, ngoạn vật vạn quốc. Cổ mã Bửu Hạp ở Trung hoa lâu năm, nên nói được tiếng địa phương thành thạo, hết như người bản xứ, duy khác một điều là tóc quấn râu rậm bó hàm, mũi quắp như mỏ kéc, — tương người ham tiền và chỉ biết có tiền, — thêm cặp mắt sâu hoắm, trông trắng nhiều hơn trông đen, — một đặc điểm khác của giống dị quốc, thấy ai có hơi đồng thì bám sát, hút sao cho khô cạn mới buông tha. Nay hay tin có khách đi biển mang hàng hóa từ phương xa đến, nên Bửu Hạp, theo thông tục đã lập từ trước, sai bày một tiệc vĩ vèo rồi mời ra tiếp khách. Chào hỏi vừa rồi, chủ nhân mời quan khách bước sang đại thính đường. Bửu Hạp xứng danh giàu có muôn hộ, nhà tòa ngang dãy dọc, ngăn nắp đếm không hết, chỗ nào cũng trần thiết trang hoàng, chưng bày lịch sự, không thiếu món gì, xem đủ ngợp người. Nơi giữa đại thính đường, có dọn một bàn lớn và dài, sơn trăn hải vị rượu ngon thịt béo, dưa

ngà chén kiêu, ngó sốt mắt. Mấy anh em dưới thuyền, tới lui giao thiệp vài lần nên đã là người quen thuộc đối với chủ nhân, duy Nhược Hư là khách mới chưa từng quen nhau. Trước khi nhập tiệc. Bửu Hạp, miệng cười như hoa nở, nói rằng : « Đây là một bữa tiệc xoàng không kịp sắp đặt, để cho qui vị tẩy trần và cũng để cho tôi ra mắt ; vậy xin liệt vị cho tôi xem toa hàng hóa để tiện xếp chỗ ngồi (Viết đến đây, tôi mới nhớ lại đã quên nói một điều then chốt, thành ra câu chuyện khó hiểu. Số là Bửu Hạp tuy ở Trung hoa lâu năm nhưng vẫn giữ tục lệ Ba tư, lấy lợi làm trọng, chữ Lễ đi sau, cho nên khi tiếp khách buôn thì cứ chiếu theo toa hàng hóa mà phân ngôi thượng hạ, người nào có hàng quí giá thì ngồi trên, người nào ít hàng thì ngồi dưới, bất chấp tuổi tác và địa vị ngôi thứ trong xã hội.) Lúc ấy nội bọn dưới thuyền, kẻ hàng nhiều người hàng ít đều theo thứ lớp có chỗ ngồi yên, duy một mình Nhược Hư đứng tần ngần trong xó hóc lấy làm khó chịu. Chủ nhân thấy hỏi : « Còn ông này, tôi chưa biết mặt, có phải là ông lái mới đi kỳ này hay chăng ? » Trương Đại đỡ lời : « Ấy là một người bạn hữu của anh em chúng tôi, đi theo ra biển mà chơi, trong mình nhiều bạc, song chẳng mua đặng hàng chi, vậy xin để ngồi nơi tiệc chót cũng được. » Nhược Hư lấy làm hồ thẹn, song cũng dẫn lòng ngồi xuống nơi ghế chót. Lúc đang yến ẩm, rượu vào, kẻ khoe mình có miêu nhi nhĩ (ngọc mắt mèo), người có kim cương, người này có cầm thạch huyết tằm, người nọ có mã não ngũ sắc, hết nói chuyện châu báu day qua nói hàng lụa gấm vóc. Nhược Hư ngồi làm thinh chịu trận ăn chấm chút gọi là, và thầm nghĩ mới biết có nhiều khi ở nhà ăn cơm húp nước mắm mà thú vị sướng khoái hơn ăn khô lân chả phụng giữa đám người không hợp ý.

Nhược Hư không có chuyện hay để nói với người đồng

tiệc đồng bàn thì trong khi ngồi ăn cũng phải kiểm chuyện nói thầm đủ mình nghe. Nhược Hư tự nhủ : « Phải dè làm vậy, hôm trước nghe lời bọn họ mua một mớ hàng lụa đem về thì không như hôm nay, trong mình chấp thủ hơn mấy trăm lượng bạc, mà ngồi cầm lái. » Rồi lại tự trách : « Nhược Hư, sao mi không biết tự túc ? Vậy chớ như mấy tháng trước, tay không chùn rồi, một đồng một chữ cũng không, thì lại sao ? Mi quả là một thằng không biết an phận tùy duyên. » Nhược Hư nhớ những câu hát thuở nay thường hát mà hôm nay mới hiểu thêm ý nghĩa thâm trầm :

1. *« Cẩn răng cười, cười cũng khó khăn,
« Ôm bụng chịu, chịu càng vui sướng ?*

.

2. *« Đố ai biết mỗ là ai ?*

« Người trong vũ trụ, hay ngoài trần gian ??

.

Nhược Hư những mải nghĩ tới nghĩ lui mà quên gấp thức ăn, trong khi rượu hưng chí, bọn kia càng to giọng. Người chủ liếc thấy, trong lòng hiểu hết, song chẳng nói ra, nhưng cũng khuyên mời ít tiếng. Mãn tiệc, anh em từ tạ gia chủ, dìu dắt đỡ nhau xuống thuyền vì ai nấy đều ngà ngà say. Trên nhà, chủ cũng khiến triệt hết cỗ bàn rồi lo đi nghỉ.

Sáng qua bữa sau, Cồ mã Bửu Hạp thức dậy sớm, đi xuống bến thuyền để thăm đáp lễ các lái. Vừa bước vào trong mũi thuyền, Bửu Hạp bỗng thấy một vật, thất kinh hồn vía, la khan : « Cha chả ? Món hàng rất quý báu này là của vị nào ? Sao hôm qua nơi tiệc, tôi chưa hề nghe nói, hoặc thấy khai viết trong hóa đơn ? Hoặc ý không muốn bán hay sao ? » Ai nấy đều cười rộ, và đồng hùa theo, nói chọc để ghẹo Nhược Hư : « Xin hỏi người bạn hữu tôi đây thì biết. Đã đi nhiều nơi rồi, nhưng món hàng còn kén

khách, chưa ai mua nổi? Đó là món hàng ối (ế) vậy? » Nhưng Bửu Hạp không chịu hiểu đó là những lời pha lửng để cợt đùa. Bửu Hạp đến ngay mặt Nhược Hư, vái một vái rồi day qua trách mấy người kia, và mặt có hơi giận: « Tôi với các người quen lớn đã từ lâu, sao còn gặt găm nhau chi vậy? Làm cho tôi mang lỗi với người bạn mới và hôm qua để cho người ngồi tiệc chót là nghĩa gì? »

Nói dứt lời, liền bước lại nắm tay Nhược Hư mà nói với mấy người kia rằng: « Xin hãy khoan cất hàng lên đã. Để cho tôi tạ tội với người bạn mới trước đã. » Ai nấy đều lấy làm lạ, không hiểu vì sao, duy có mấy người bạn bấy lâu thân thiết với Nhược Hư đều có ý mừng thầm cho bạn mình, tưởng chắc cũng có duyên cớ chi đây cho nên Bửu Hạp mới có những cử chỉ lạ lùng như vậy. Rồi đồng hè có hơn mười mấy người kéo nhau tuốt lên tiệm mà coi cho biết. Khi Bửu Hạp dắt Nhược Hư lên tới nhà rồi, liền bồn thân nhắc ghế mời ngồi, và chẳng thèm ngó ngang đếm xỉa tới ai, cứ ân cần mời Nhược Hư lên ngồi bực nhứt và nói rằng: « Thiệt hôm qua tôi lỗi quá, xin hãy ngồi đây cho tôi tạ tội. » Làm lễ rồi, Bửu Hạp quày quã vào trong. Nhược Hư ngoài này, thầm nghĩ: « Hay là trời cho mình cái vỏ con qui ấy, là một bửu bối thiệt? » Còn đang suy nghĩ thì thấy chủ nhân lẳng cẳng chạy ra, chuyển này bàn đồ đại lễ, mời hết mấy người có mặt qua bên nhà tiệc, nơi đây đã bày sẵn mấy cỗ bàn, lại có một cỗ nhứt lớn hơn hết, rất là thịnh soạn, tề chỉnh. Bửu Hạp chấp tay xá Nhược Hư một xá, rồi day lại nói với mấy người kia rằng: « Ông bạn mới này đáng để ngồi tiệc thứ nhứt, mấy anh có hàng hóa đầy khăm một thuyền mà giá trị không bằng của ông một món. Hôm qua tôi không biết nên đã thất lễ với ông. Nay phải mời lên mà tạ tội. » Ai nấy đều lấy làm lạ, bán tín bán nghi, chẳng ai hiểu rõ. Rượu đang vài tuần, chủ

khách đến hồi cỗi mở, Bửu Hạp bèn hỏi Nhược Hư rằng : « Tôi xin hỏi khách trưởng chẳng hay cái bửu bối ấy có bán cùng chẳng ? » Nhược Hư là người lanh trí, nên thuận miệng đáp rằng : « Xin cho đặt giá thì lẽ nào tôi không bán. » Bửu Hạp nghe nói bằng lòng bán thì tỏ vẻ mừng rỡ đứng dậy nói rằng : « Nếu ông chịu bán thì xin nói giá, bao nhiêu tôi cũng chẳng dám nài. » Lúc ấy, Nhược Hư thật tình không biết bao nhiêu mà nói, — nếu nói ít thì e không nhằm giá, uổng ; bằng nói nhiều thì lại sợ chúng nhạo cười, suy nghĩ du dự mãi mà không ra giá. Trương Đại thấy vậy, lấy mắt láy Nhược Hư rồi để bàn tay trên bàn, co lại ba ngón, ngay ra hai ngón, ý muốn nói : « Đòi chừng bấy nhiêu thử coi. » Nhược Hư lắc đầu rồi đưa ra một ngón mà nói nhỏ nhỏ đủ Trương Đại nghe : « Chừng bấy nhiêu đây mà tôi còn chưa dám mở miệng thay ». Bửu Hạp ngó thấy bèn thúc giục : « Nhiều ít xin cứ nói, đừng ngại ngừng làm chi. » Trương Đại nhay miệng vùng nói đại : « Ý theo ngón tay của Văn tiên sanh đó, không biết có phải *muốn đòi một muôn chẳng ?* » Nhưng Bửu Hạp vùng cười lớn mà rằng : « Ấy chẳng qua là ý không muốn bán nên nói để giả ngộ mà chơi, chớ có lý nào vật báu như thế mà đòi có bấy nhiêu. » Thiệt là bắc cầu cho kiến nó leo ! Ai nấy thấy và nghe làm vậy đều sững sốt liền đứng dậy kéo Nhược Hư ra ngoài mà thương nghị rằng : « Đây là cửa trời cho, cơ hội ngàn năm một thuở. Có khi giá còn cao nhiều hơn nữa, song bọn ta cũng không biết bao nhiêu mà định cho vừa, vậy thì Văn tiên sanh hãy nói lún cho nhiều nhiều đi, thử coi va trả bao nhiêu sẽ biết. » Nhược Hư gật đầu. Chừng trở vào ngồi tiệc, thì lại ngại ngừng, muốn mở lời rồi lại nín. Bửu Hạp nói : « Ông cứ nói đi, có can chi mà ngại. » Nhược Hư không biết làm sao bèn nói liều là năm muôn lượng. Bửu Hạp lắc đầu, nói : « Tội thì thôi, cứ nói giêu

với tôi hoài. » Vừa nói vừa kéo Trương Đại ra ngoài mà hỏi nhỏ rằng : « Anh thử nay là tay thường vượt biển bán buôn, chớ không phải một hai phen chi đó, thiên hạ đều gọi anh là Trương Thừa Vận mà cũng là Trương Thức Ngọc, anh há đi không biết vật ấy hay sao ? Nếu không muốn bán thì thôi, để mà trêu cợt với nhau chi vậy ? » Trương Đại bèn thú thật rằng : « Hai đảng cũng đều là anh em, vậy tôi xin nói thiệt và chẳng giấu chi anh nữa : Nguyên Nhược Hư là người bạn hữu của tôi, đi theo ra biển mà chơi, nên chẳng có đem theo hàng hóa chi cả. Còn cái vật ấy nhưn lúc dợt sóng nơi chỗ hòn hoang kia, ngẫu nhiên mà đặng, chớ không phải xuất vốn mà mua, cho nên không biết giá tiền, nếu quả đặng *NĂM MUỐN lượng* bạc ròng cho va, thì giàu sang trọn cả đời, như vậy cũng là mãn nguyện cho ảnh lắm rồi. » Bửu Hạp cả mừng, nói : « Nếu thiệt vậy thì xin anh đừng làm bảo lãnh, tôi sẽ hậu tạ phần anh, duy có một điều, đã là quân tử, xin đừng nói đi nói lại. »

Liền kêu tên quản gia sai đem viết mực ra, lại lấy hai tờ giấy tín chỉ trao cho Trương Đại mà rằng : « Xin nhờ anh chịu phiên viết giùm tờ hiệp đồng, cho chánh thức việc mua bán. » Trương Đại bèn chỉ một người trong tiệc mà nói : « Tôi xin giới thiệu người này tên là Chử Trung Đĩnh, ảnh viết chữ tốt lắm, vậy thì để ảnh viết giùm cho. » Vừa nói vừa lấy bút trao cho Trung Đĩnh. Trung Đĩnh tiếp nhận bút, mài mực, trải giấy lên bàn, hơi bút thảo một hơi tờ như sau :

« Vì lập tờ hiệp đồng nghị đơn, Trương Thừa Vận đặng :

« Nay có người khách ở Tô Châu, tên là Văn Thiệt, ở
« hải ngoại đem về một cái xác con qui, đến tiệm người Ba
« tư là Cổ mã Bửu Hạp mà bán. Cổ mã Bửu Hạp đành mua
« giá bạc là *năm muốn lượng* ; định hễ lập tờ này rồi, th

« một đằng giao hàng, một đằng giao bạc, chẳng ai đặng
« nói đi nói lại. Làm ra hai bốn như nhau, đề cầm làm chắc. »

Tờ mua bán làm ra hai bốn xong rồi, phía sau thì đề
ngày... tháng... năm... niên hiệu Đại Minh Thành Hóa, kế
đó viết tên Trương Thừa Vận đứng đầu làm chứng, mười
người kia cũng đều biên tên họ đứng vào. Chữ Trung Đình
đứng tên làm người viết tờ, nơi chính giữa đề bốn chữ
« *Hiệp đồng nghị ước.* » Sau rốt mới viết tên chủ bán là Văn
Thiệt, chủ mua Cố mã Bửu Hạp. Mỗi người đều ký tên vào.
Đến phiên Trương Thừa Vận, vừa cầm bút vừa nói : « Việc
mua bán này không có tôi thì không xong ; vậy nếu muốn
cho tôi ký tên vào tờ thì phải tính tiền trà bánh ! » Bửu
Hạp cười mà rằng : « Tôi chẳng quên ơn anh đâu, xin anh
chớ lo. » Ai nấy ký tên xong rồi, Bửu Hạp vào trong đem
ra một rương bạc mà nói rằng : « Đề tôi đền ơn cho mấy
người đứng tên làm chứng trước đã, rồi tôi sẽ nói chuyện. »
Vừa nói vừa mở rương chất ra hai mươi bao bạc, mỗi bao
là năm mươi lượng, cộng hết là một ngàn lượng, rồi nói
với Trương Thừa Vận rằng : « Xin anh thâu lấy rồi chia
làm sao cho liệt vị đó thì chia. »

Nguyên từ khi uống rượu và viết tờ hiệp đồng, thì ai
nấy cũng lơ là chưa tin cho lắm. Đến chừng thấy đem bạc
ra đền ơn cho mấy người đứng giấy, chừng ấy họ mới tin
rằng thật. Còn Nhược Hư thì sững sờ như trong giấc
chiêm bao, mắc mừng quỳnh quýu nên nói chỉ không
đặng, cứ đứng trân mà ngó. Trương Đại vùng nắm tay mà
giật mạnh một cái và hỏi rằng : « Những bạc này phải chia
làm sao đây ? Văn huynh hãy tính giùm một chút. »
Chừng ấy Nhược Hư mới tỉnh hồn và nói đặng một câu :
« Đề xong việc rồi tôi sẽ tính cho. » Còn đang chuyện văn
bông thấy Bửu Hạp bước ra vừa cười vừa nói với Nhược
Hư : « Tôi có một việc muốn bàn với ộng. Vả chẳng bạc tôi

đã hiện sẵn trong kho đây, đã đếm rồi kỹ lưỡng, thuở nay không sai chạy đồng nào. Vậy xin mời một vài vị, bước theo tôi vào kho trong, đếm thử một bao thì biết, còn kỳ dư mấy bao kia cũng đều y số, chẳng cần chi phải đếm cho thất công thêm mất ngày giờ. Tôi còn một điều này phải nói nữa : số là bạc thì nhiều, không lẽ chuyển vận một lần cho xuề. Phần thì Văn khách quan đơn thân, cũng không lẽ chở hết xuống thuyền một lần, lại còn phải vượt biển đường xa, thật là có nhiều điều bất tiện.» Nhược Hư nghe nói gật đầu lia lịa mà rằng : « Lời ông nói rất phải, song tôi cũng chẳng biết liệu làm sao bây giờ. » Bửu Hạp mới nói : « Hiện bây giờ đây thì Văn khách quan đi về xứ chưa tiện. Nguyên tôi còn một hăng riêng nữa, trong ấy hàng hóa lựa là tích trữ vốn liếng của nổi tinh hơn ba ngàn lượng, còn trước sau lớn nhỏ nhà lầu phố xá hơn một trăm căn, của chìm ấy tôi đánh giá hai ngàn lượng thôi, thật là một chỗ đại địa, ở cách đây chừng nửa dặm đường, nay tôi tính làm tờ giao hết nhà cửa phố xá và hàng hóa nội sở ấy, định giá cả thấy là năm ngàn lượng, giao lại cho Văn khách quan trọn quyền làm chủ, và ở đó luôn lo việc buôn bán, rồi tiền bạc bao nhiêu sẽ đem hết qui tụ về đó. Như ngày sau Văn khách quan có muốn về thăm xứ sở, thì sắp đặt đâu đó cho yên, phú thác cho người tâm phúc nào đó, một mình thông thả qua lại chẳng là tiện hơn, chớ nay nếu tôi giao bạc này hết cho khách quan thì chẳng khó chi, còn khách quan mà thầu trữ chở chuyển thì thiệt là khó lắm đó. Ý tôi như vậy, song chẳng biết ý khách quan như hà ? » Lúc ấy Nhược Hư và Trương Đại nghe nói thì vỗ tay mà khen rằng : « Quả nhiên ông chủ thiệt là người chín chắn, và những lời ông nói đều là lời vàng ngọc, hữu lý tất cả. » Nhược Hư trong bụng lại nghĩ thầm : « Vả ta nhà tại Tô Châu, vợ con không có, còn sự nghiệp ông bà cũng chẳng

còn, dầu nay chở hết bạc này mà về thì cũng không biết cất giữ nơi nào, chi bằng nghe theo lời ông này mà lập gia sự tại đây, thì cũng tốt vậy. Nay mà đặt cơ hội như vậy, âu cũng tại nơi trời số định, vậy ta phải biết tùy theo duyên phận mà làm, dầu cho hàng hóa phổ phưong sản vật cơ sở ấy mà không đáng giá năm ngàn đi nữa, ta cũng nên mua, ấy là của trời cho, cũng chẳng nên nài hà chi cho lâu việc.» Nghĩ như vậy rồi, Nhược Hư bèn nói với Bửu Hạp rằng: «Những lời ông nói nầy giờ thiệt là kế vạn toàn cho tôi đó, lẽ nào tôi lại chẳng nghe.» Bửu Hạp liền mời Nhược Hư, Trương Đại và Chử Trung Đĩnh ba người vào kho mà coi bạc. Còn lại mấy người kia ngồi lại đó mà to nhỏ cùng nhau rằng: «Ấy thiệt là trời cho. Biết vậy lúc đút sóng nơi hải đảo, chúng ta cũng lên đó mà chơi, có lẽ cũng đặt châu báu gì, có phải là đỡ không?» Kể khác lại nói: «Trời cho ai nấy nhờ, muốn mà đặt sao?» Mãng còn nghị luận lằng xằng, xảy thấy ba người kia dắt nhau trở ra, ai nấy đều hỏi thăm: «Vào trong ấy, việc đã xong chưa?» Trương Đại trả lời: «Trong ấy là cái kho chứa bạc. Thiệt thấy mà mê! Mà khờp! Thấy đều đựng trong rương sắt và hộp gỗ trắc. Chúng tôi đã đếm đủ bốn muôn năm ngàn lượng, đã lấy ký hiệu của Văn huỳnh, và niêm phong lại kỹ. Để giao hàng xong rồi thì số bạc ấy là của Văn huỳnh đó.» Một lát sau Bửu Hạp cầm giấy đem ra và nói rằng: «Nhà cửa hàng hóa nhứt nhứt tôi đã làm chung vào giấy nầy, tính với số bạc hiện đã đếm là đủ năm muôn lượng, vậy xin các ông cùng đi với tôi xuống thuyền đặt cho tôi lấy hàng.» Ai nấy đều vâng lời đứng dậy đi theo xuống thuyền. Nhược Hư là người kỹ cang, dặn mấy người kia rằng: «Dưới thuyền còn nhiều người lắm, xin mấy anh kin miệng, tôi sẽ hậu tạ mấy anh.» Đại phạm đồng tiền là huyết mạch, mấy người nầy cũng

sợ bọn kia biết dạng thì sẽ chia bớt số tiền của Bửu Hạp mới tặng, cho nên ai ai cũng đồng tình giấu nhem. Khi xuống đến thuyền, Nhược Hư thò tay vào vỏ con qui, lấy hết đồ hành lý và đồ tế nhuyễn của mình ra lại lấy tay xoa xoa vào cái mai đôi ba lượt, ý như từ giã và bịn rịn : « May cho tôi quá ! Cám ơn trời phật ! Hảo vật ! Đại hảo vật ! » Cổ mã Bửu Hạp dắt theo hai người bạn trai lực lượng xuống khiêng cái xác con qui lên bờ và căn dặn kỹ lưỡng : « Đem lên nhà, để tuốt trong phòng cho tử tế, đừng để ở ngoài nghe không ? » Mấy người dưới thuyền, không có theo Nhược Hư lên nhà Bửu Hạp, không biết chuyện, nay thấy khiêng cái mai qui đi rồi, vẫn còn ngạo : « Chà ! Món hàng ối ấy nay đã bán được rồi, Văn tiên sanh cũng là rảnh nợ, nhưng không biết bán dạng mấy quan ? » Nhược Hư không trả lời, lấy đồ hành lý của mình đi thẳng lên bờ, còn mười người có đứng tên trong tờ mua bán thì xúm nhau lại sờ rầm'xác qui từ đầu chí đuôi, lại thò tay vào trong nó mà mò một hồi rồi nói rằng : « Không biết qui tại chỗ nào. »

Bửu Hạp mời mười người chứng kiến việc mua bán trở lên tiệm buôn rồi nói rằng : « Bây giờ tôi xin mời mấy ông hãy đi với tôi, dạng đưa đường cho Văn khách quan đi xem nhà cửa phố xá bán. »

Ai nấy đều theo sau Bửu Hạp đi đến một chỗ ở trung tâm châu thành, thì thấy một cơ sở rộng rãi, phía trước có xây hai dãy phố đối diện giữa có chừa một con đường lót gạch vuông lớn miếng khá rộng đưa thẳng vào trong có một ngôi nhà lớn trước ngõ có treo tấm biển chữ vàng « Thống hiệp đường » hai bên cột cửa bằng gỗ danh mộc chạm trổ công phu có hai câu liên sơn son mạ vàng :

Thông thương sơn hải,

Hiệp quán cần khôn.

Nơi hai dãy phố mặt tiền là phố buôn bán, chừa nhiều

lựa hàng nhiều lắm còn phía sau nhà lớn thì phòng ốc lầu các sáng sủa và mát mẻ. Nhược Hư xem kỹ khắp nơi, trong lòng mừng rỡ : « Mình được chỗ này mà ở, thì dầu cho dinh thự các vị vương hầu cũng không hơn đặng ; huống chi lại có phố xá, cái thì cho mượn lấy hoa lợi, cái thì làm chỗ bán buôn, nữa đây tiền lời sanh ra mình làm gì cho hết. Đã đành ở đây vĩnh viễn, còn ước ao về xứ mà làm gì ? » Nghĩ rồi bèn nói với Bửu Hạp : « Ông chủ nhường lại tôi chỗ này tốt thiệt và vừa ý tôi lắm. Ngặt hiện nay tôi cô độc một mình, biết làm sao cho có người để sai khiến. » Bửu Hạp tươi cười nói rằng : « Việc ấy có khó chi, thấy đều do nơi tôi đây. »

Nhược Hư càng mừng, bèn hiệp nhau trở về tiệm buôn lớn của Bửu Hạp. Chủ nhân hối trẻ đem trà ra giải khát rồi bàn với Nhược Hư : « Đêm nay tôi tưởng tiên sanh khỏi cần xuống thuyền, hãy ở lại mà nghỉ ngơi nơi nhà tôi, để rồi tôi sẽ cắt người tin cậy qua giúp tiên sanh nơi cơ sở mới, sau rồi nếu cần dùng sẽ tuyển dụng thêm cho vừa lòng. » Nhược Hư cảm tạ chẳng cùng.

Nhưng mười người kia vẫn chưa chịu về thuyền và còn nán lại mà hỏi Bửu Hạp rằng : « Việc mua bán đã kể như thành tựu, không còn nói chi nữa, duy có một điều chúng tôi còn muốn biết là chẳng hay cái xác con qui già đã rũ xương ấy, quý tại chỗ nào mà chủ nhân mua mất lung lắm vậy, xin cắt nghĩa cho anh em tôi biết với. »

Bửu Hạp vuốt râu hùm, cười mà rằng : « Mấy ông đi biển đi già đã lâu năm, nắng sạm cháy da, gió khơi toét mắt, mà không rõ giá trị của vật báu trên đời này thì cũng phi lịch duyệt. Vậy chớ mấy ông không nghe trong sách xưa nói « *rồng để chín con* » hay sao ? Mỗi lần sanh, trong bầy rồng con, thế nào cũng có một con khác thường, sách gọi nó là *qui long*. Qui long lúc nhỏ, nếu bắt được, lấy da

bị trắng, khi đánh tiếng kêu nghe xa trên trăm dặm, và gọi đó là *qui cổ*. Một con qui long sống đặng muôn tuổi thì sẽ hóa rồng mà bay đi, bỏ cái xác qui lại. Trong mỗi con qui thiên niên thọ ấy có hai mươi bốn cái gân lớn, án theo nhị thập tứ khí trên thiên tượng; khi già, trong mỗi cái gân có sanh một trái trân châu lớn. Nếu lúc gân mọc chưa đủ sức, thì qui chưa thoát xác thành rồng. Lúc này, nếu ai có phước bắt sống đặng nó thì chỉ lấy da bị mặt trắng, chờ lúc ấy trong gân nó chưa có trái châu. Phải đợi khi nào hai mươi bốn cái gân mọc đủ, mỗi gân đều có trái châu, thì chừng ấy, như đã nói, qui sẽ bỏ xác biến thành rồng mà bay lên vũ trụ. Ấy là sự thiên nhiên mầu nhiệm của tạo hóa, không phải là dị đoan đâu. Một con qui, khi số đã đúng với luật trời đất, gân cốt đều đủ, sánh với qui tầm thường người ta bắt sống đặng nó, thọ số còn non, thì khác nhau như trời với vực. Con qui thoát xác này lớn lung như vậy là một vật báu thế gian hy hữu.» Bửu Hạp nói thao thao bất tuyệt: «Phàm làm người, hơn nhau là ở chỗ đa văn quảng kiến, chớ địa vị, giàu sang, sánh lại cũng tầm thường. Người này khoe nhà cao cửa rộng, ngựa tuần mã, phụng tán, long xa, mình có một, người ta có bằng mười. Duy bửu vật, bửu bối, là duyên may trời cho ai nấy gặp. Tôi nhờ đọc sách nhiều, nên biết rõ đến việc con qui này thoát xác đã bao nhiêu năm, chớ nếu cái mai đã mục rã thì sự linh nghiệm cũng bớt đi rất nhiều. Còn nói đến những trái châu ẩn tàng trong xác nó thì, ối thôi, quý báu vô ngần. Ông Văn Nhược Hư gặp cái mai, mà chỉ là một nhà biết chơi cổ ngoạn, có óc tồn cổ, nên không dám động đến nó. Như vậy cũng phải, vì ít nữa ông không làm hư vật quý. Duy tôi là tay buôn ngọc lịch duyệt thì có khác: nay cái mai đã về tay, tôi mới nói ra. Mỗi hột châu là một vật báu vô giá. Không nói việc ban đêm nó chiếu sáng phi

thường, đó là một phương diện mà nhiều người biết, đến nhi nữ cũng tường. Mấy ai biết cái đẹp bề trong của trân châu, cầm chơi mát tay, nên mới có danh từ «ngọc», đeo vào mình thì trọn đời vô bệnh, dưỡng tâm hộ mạng. Nói về hộ mạng, nhiều người không tin, nhưng tôi không dám dài dòng sợ lạc đề, duy dám hỏi, bao nhiêu ấy há lấy tiền mà mua được?? Một lần nữa tôi xin nói: nếu nay cái mai quý này lọt về tay tôi, ấy là phước trời dành trước, ấy là đại hồng phúc của tôi đó.»

Ai nấy nghe vậy, đều bán tin bán nghi, Bửu Hạp trở vô trong, giây lát trở ra, tay cầm một gói cộm cộm bọc lụa đỏ. Bửu Hạp vừa cười vừa mở gói đưa cho xem thì rõ ràng một hột dạ minh châu, lớn bằng đầu ngón tay cái, trong vắt như hột sương ban mai nhưng lớn hơn bả hội, lóng lánh hào quang, nhưng chưa trau giồi, dường như hột bắp thật lớn ai vừa mới tách ra khỏi cái cùi.

Bửu Hạp nói tiếp: «Tôi cảm ơn liệt vị phen này đem đến tận nhà, cho tôi một món hàng hãn hữu. Nội trái châu này, tôi đem về xứ tôi, mấy ông hoàng bà chúa xứ tôi thấy và nài thì đủ tôi lấy vốn một lần một. Huống hồ tôi còn những hai mươi ba hột châu khác, đó là lãi đó. Chà chà! Mấy hột ở ngay giữa xương sống nó sẽ lớn hơn thế nào? Cho nên khi tôi mua với giá ấy, một cái xác khô của một con quỉ đã rũ, chắc có người đã cho tôi là ngu xuẩn nếu không nói là điên cuồng. Nhưng thần nhãn hay ngọc nhãn, không phải mỗi người mỗi có! Một lần nữa, tôi mua được cái mai quý này với số bạc nọ, cũng như liệt vị đam dăng không cho tôi đó mà. Quý vật tìm quý hơn là vậy đó.»

Ai nấy nghe nói đều thất kinh le lưỡi, nhưng giấy tờ đã ký, không lẽ nói đi nói lại. Bửu Hạp coi bộ ai nấy đều

có ý ăn năn, liền cầm trái châu đem vào trong cất, rồi hối bạn khiêng ra một rương đầy gấm vóc. Trừ Nhược Hư ra, Bửu Hạp tặng cho mỗi người hai xấp và nói : « Xin liệt vị dùng đồ vật này về may y phục mặc chơi cho rõ tình nhau ». Lại lấy trong túi trao cho mỗi người một xâu hạt châu nhỏ hột, mà rằng : « Vật hèn chút đỉnh, không chi cũng là kỷ niệm buổi gặp gỡ này ». Rồi lại lấy bốn chuỗi hạt châu trọng hơn và tám cây gấm thượng hạng hai tay dâng cho Nhược Hư mà rằng : « Đây là phần của tiên sanh, xin thâu nhận cho tôi vui lòng ». Nhược Hư và mấy anh em thấy đều vui vẻ tạ ơn. Kế đó Bửu Hạp hiệp với mấy người kia đưa Nhược Hư về nhà mới, gọi hết mấy người ở phố ra rồi chỉ Nhược Hư mà nói với mấy người ấy rằng : « Nay cơ sở này đã về phần ông này làm chủ, chìa khóa tôi đã giao rồi, từ đây có việc chi xin cứ nơi ông mà tính toán thương lượng. » Nói rồi từ biệt mà trở về tiệm của mình.

Đến trưa Nhược Hư thấy có hơn vài mươi tên bạn, khiêng đến mười rương lớn và năm hộp nhỏ, đều là rương và hộp bạc có ký hiệu riêng của mình đã niêm phong hôm trước. Nhược Hư liền dạy đem thẳng vào chỗ ngọa phòng là nơi chắc chắn mà đề, rồi lấy tiền ra thưởng và cho mấy tên bạn ấy về.

Việc xong rồi, Nhược Hư cầm mấy anh em ở lại, dọn một tiệc sang trọng để từ biệt nhau. Nhược Hư đứng dậy, cầm chén rượu, cảm động mà rằng : « Tôi nhờ ơn liệt vị đem tôi theo, nên mới đăng giàu sang một cách bất ngờ làm vậy. Thiệt là ơn rất lớn. » Nói rồi liền chạy vào trong, xách hết gói bạc, tiền bán trái Động đình hồng hôm trước (lúc này trong tay có muôn hộ nên số bạc này có nghĩa lý gì !) Nhược Hư đem ra chia đồng đều và phân phát hết cho mấy anh em có mặt, duy Trương Đại và một vài người trước có giúp đỡ cho Nhược Hư những khi quá túng bấn

thì được nhiều hơn. Nhược Hư cười và nói : « Xin các anh em đừng chê số tiền ty tiểu này, vì tôi muốn chia cái hên của tôi đó. » Nhược Hư lại lấy ra một gói bạc độ gần một trăm lượng, trao cho Trương Đại nhờ phân phát lại cho những anh em còn ở dưới thuyền và các thủy thủ. Nhược Hư nói : « Nay tôi đã toại chí nam nhi, nên định ở lại đây gầy dựng qui mô, chừng an bài đâu đó, tôi sẽ về thăm xứ sở và vui vầy với các anh em một chuyến. Xin các anh em nói lại với chư huynh đệ dưới thuyền rằng Nhược Hư xin từ biệt và hẹn ngày tái ngộ. » Bỗng Trương Đại sực nhớ lại nên hỏi : « Còn một ngàn lượng bạc của ông chủ tiệm cho, Văn huynh định chia ra làm sao ? » Nhược Hư đáp : « Chút nữa tôi đã quên mất rồi. Vậy thì anh phải lấy ra một trăm lượng phân chia cho các anh em dưới thuyền ; còn lại chín trăm lượng thì về phần các anh em có mặt tại đây. Ngoài ra tôi có hai phần nữa dành riêng cho anh Trương Đại về công anh bảo lãnh và anh Chử Trung Đình công khó viết tờ hiệp đồng. » Ai nấy mừng vui không xiết. Lúc ấy có một người bước ra hỏi : « Lão chủ tiệm Ba tư mà mua đặng vật ấy thiệt là phước đức ông bà để lại. Va nói va lời bạc muôn bạc triệu, anh em mình không có con mắt. Sao Văn tiên sanh không hỏi va mà nài thêm ? » Nhược Hư trả lời rằng : « Ở đời không nên quá tham lam và phải biết tự túc. Vả chẳng tôi là một tay đảo vận, rở gì hư nấy, đi buôn buôn lỗ, đi dạy học cũng bị chê dè, không một nghề nên thân ; nay nhờ phước của trời cho, khi không khi không mà đặng giàu sang làm ông bá hộ. thì cũng đã mãn nguyện bình sanh chi chí lắm rồi, còn đòi chi nữa ? Bao nhiêu ấy đủ thấy con người ở đời đều có phận định từ trước, cưỡng cầu không nên. Phải xét rằng nếu không có người chủ tiệm có con mắt hơn người ấy, biết đó là báu vật và có vốn lớn mà mua lên, thì làm sao tôi được như vậy ? Nếu không

có ông ta, bắt quá tôi đem về làm bồn tắm, làm ván ngồi, đã hoài của qui, thêm thẳng Nhược Hư cùng dính mặt rệp này cũng huờn cùng dính mặt rệp, chớ có ra gì? Cho nên tôi nói một lần nữa, việc gì ở đời, phải biết cân nhắc và ăn ở cho có thủy chung. Ông người ta khai quang điểm nhãn cho mình. Minh há sanh lòng xấu mà tranh luận làm chi?»

Ai nấy đều khen: «Lời Văn tiên sanh nói đó rất phải. Bối gìn lòng trung hậu cho nên mới dặng giàu sang.» Nói rồi anh em từ giã, dắt nhau xuống thuyền, rạng ngày tách bến trở lại Tô châu.

Một mình Nhược Hư ở lại đất Mân trung, làm ông phú hộ. Sau cưới vợ sanh con, đời đời hưởng phước.

Vài năm sau, Nhược Hư trở về Tô Châu mà thăm quê quán, xây mồ đắp mả cho ông bà cha mẹ, lại đem nhiều bạc tìm ông thầy bói năm xưa mà thưởng tài bói giỏi. Ông đèn nghĩa trả, dẫu đó đều rành rẽ, anh em quyến thức tới lui dập diu, không ai dám gọi là Đáo vận hơn nữa. Ở chơi ít ngày rồi cũng về Phước kiến là nơi phước địa sanh nhơn. Đến nay con cháu vẫn còn.

8-10-1970

* * *

Lời bàn của tôi.— Nói nghe lớn lối, biết không tới mắt cá thiên hạ, sức mảy mà dám gọi phê bình? Đúng hơn, đây chỉ là tìm hiểu chuyện xưa.

Thứ nhứt.— Chuyện Văn Nhược Hư có thật hay là bịa đặt? Tưởng không nên lo nhiều chi cho mệt. Miễn chuyện viết sạch, đọc nghe êm tai, nên chép lại trong mục «Thú chơi cổ ngoạn», nhắm vô hại. Đến khi in thành sách, lại có tiền nhuận bút, nên càng ham viết dài.

Thứ nhì.— Chuyện con qui long, do rồng sanh ra, rồi tu

luyện đủ một muôn năm sẽ biến thành rồng, bay lên vũ trụ. Đời nay là đời khoa học, đi về cung trăng, như cơm bữa, lấy đất đem xuống còn được, nếu có rồng thì có người đã cho ta biết rồi. Nhưng tại sao mỗi năm đều có lễ mừng đón ông già Noël? Và không nên giết chết con rồng trong thần thoại. Huống chi con quái thú ở hồ Loch Ness¹ vẫn còn?

Chuyện hai mươi bốn hột dạ minh châu ẩn núp trong vỏ con qui lại càng khó nuốt cho trôi. Dù sao, khi đọc lên lại khiến tâm hồn vơ vẩn. Nghĩ vậy nên muốn để cho cuộc chiêm bao được kéo dài, đời đã khổ, thấy sự thật làm chi, và không nên bực đèn sáng.

Thứ ba.— Một điều khoái trá nhất, khi đọc chuyện Nhược Hư, là khi nghe tác giả diễn tả trái Động đình hồng và tả cách bán trái ấy cho người dị quốc. Tôi cố tình từ đầu

1. Tại hồ nước ngọt xứ Ecosse (Anh quốc), gọi *Loch Ness*, hồ này dài 38 cây số ngàn, bề ngang rộng 3 cây số, sâu có chỗ đến 226 thước Tây, từ năm 1933, có nhiều người thấy hiện ra một con thú mình dài từ sáu đến mười lăm thước, di chuyển trên mặt hồ, mình rồng uốn khúc, nhưng không một ai chụp hình dạng rõ. Có người muốn săn nó hoặc bắt sống nó hay giết nó để có hình triển lãm cho thiên hạ xem, nhưng chánh phủ địa phương xứ Ecosse đều cấm cản, vì nó sống trong hồ có lợi hơn và hiện khách hiếu kỳ trên hoàn cầu đều đổ xô lại tìm xem nó cho hân mê, kẻ gọi *hải xà* (serpent de mer), người kêu *qui long*, cho đến nay, rồng hay rắn, phân vân bất nhất. (Con Nessie này, hiện cuốn sách Anh Encyclopaedia Britannica có ghi tả khá rõ rệt, nơi trang 94, nơi chữ *Loch Ness*, và hồ này có hình in nơi tr. 249 trong sách. Xem thêm *Sélection*, Janvier 1958, bài của James Thurber, tr. 17: « Qui a vu le monstre du Loch Ness? »).

Thế gian không thiếu chi chuyện lạ, cũng như năm xưa, tại vịnh Hạ Long (Bắc Việt), lối đầu thế kỷ này, cũng hiện ra một quái vật lạ kỳ, mình dài như rắn, nhưng to lớn quá sức tưởng tượng, mỗi lần muốn chụp ảnh, con quái vật đều phun khói mây che khuất nên chụp hình không rõ, sau tàu hải quân Pháp kéo đến làm rần rộ quá, con quái thú không xuất hiện nữa và từ ấy, không ai thấy nó nữa, và không biết nó ẩn về đâu.

chỉ cuối, không dịch « Động đình hồng » ra trái gì. Mà có lẽ tại tôi không biết dịch làm sao cho đúng, vì xứ ta không có trái đó. Còn nhớ ta gọi « xoài », Tàu gọi « Mông cổ », Pháp gọi « mangue » ; và quit chua, cam ngọt, Động đình hồng thuộc loại trái nào ? Cứ gọi Động đình hồng, như vậy mà đặc thể hơn.

Những ai trang lứa với tôi, chắc còn nhớ mùi trái cam Tàu ? Có thứ sản xuất ở Quảng đông, vỏ cứng, khó lột, vì vỏ bám sát vào thịt, càng để lâu ngày càng khô thêm, vô phương lột được. Trái nhỏ thôi, nhưng vị ngọt đến gắt cổ. Nhờ để lâu ít thúi ít hư, nên các bọm lân la với chị ả phù dung rất chuộng loại cam Quảng này.

Tranh thủ bắt phân thắng bại với cam Quảng, còn có cam Tiều, tức cam xứ Triều châu. Những ai không khó tánh ắt chuộng thứ cam này : vị thanh hơn cam Quảng, nhưng nhiều nước hơn. Tróc vỏ, dễ lột, nhưng vì nhiều nước nên dễ hư, không để lâu được. Trước năm 1945, mỗi Tết đều có tàu chở cam Quảng, cam Tiều, bán đầy đường, từ Chợ lớn, Sài Gòn, xuống đến lục tỉnh, đâu đâu cũng có trái cam Tàu trên đĩa quả tử và nơi bàn ông Thổ thần là nơi gần tay trẻ con nhứt. Sau này bị cấm là vì đồ của Trung cộng, nên mới có việc cam Xanh-ca-bo và cam Nam vang đến chiếm thị trường và soán ngôi trái cam đồ chơi của anh Ba Tàu. Trong truyện Nhược Hư có nhắc trái cam Phước kiến, tôi chưa được ăn. Còn như cam hay quit Động đình hồng đây, chắc là ngon ngọt hơn các loài cam quit khác. Hồ Động đình, đất phì nhiêu nhờ phù sa, sanh ra trái Động đình hồng, có khác nào vùng bắc Mỹ thuận (bến đò Mỹ thuận) sản xuất trái ổi ruột trắng, vừa mềm vừa ngọt, hột cũng mềm luôn, rất được nhiều người chuộng, phong là « Nam lê ». Ăn ngon, lấy hột ổi ấy về trồng, dưỡng đến có trái, cần muốn gãy răng, cho nên

người nghèo vùng Mỹ thuận vẫn còn sinh sống được. Từ trái ổi được gọi Nam lê đến trái cam hồ Động đình kêu tâng là Động đình hồng, thì không có chi là lạ.

Thứ tư.— Vào đời Minh, cho đến cuối đời Mãn Thanh, trung tâm văn hóa của Trung hoa, — đất Touraine của họ, là vùng ở giữa con sông Dương Tử và sông Chiết (Chiết giang). Trong truyện khi gọi Giang nam, khi gọi đất Ngô-Việt. Đất tốt, không sanh bụi, người dân thấy đều là nghệ sĩ và thợ khéo. Mì Dương châu, quạt Tô châu, nạng Kiều sạch nợ ở Hàng châu, tussor Nam kinh, bốn kinh ấy là nơi văn vật Trung hoa thời cực. Truyện nói Nhược Hư buôn quạt thì gặp cảnh nghịch : sơn chảy, hồ dinh, keo thành keo. Khi phùng thời đem cam theo để ăn cho vui miệng không dè lại bán ra bạc ngàn. Vật khó hư mà vẫn hư, trái dễ thúi mà không thúi, đổ ai biết ý ông trời ?

Thứ năm.— Nước Kiết linh quốc này ở đâu ? Về khoa sử địa, Tàu lồi thối quá. Duy tả đồng bạc tùy hình tượng trung mà giá trị khác nhau nghe cũng ngộ. Ngày nay đang thời kỳ đồng bạc trong xứ bấp bênh, không trời mà muốn sụt giá mãi, đọc truyện này mà thêm muốn sống trở lại đời Minh với Nhược Hư và đồng bọn. Té ra thời đại Thành Hóa ở nước Kiết linh quốc nào đây họ đã biết kiểm soát tiền tệ khá chặt chẽ và khá tân kỳ. Với một phân lượng đồng đều nhau, đồng bạc tùy nơi sự tượng trưng mà giá trị cao thấp khác nhau : long phụng là lớn nhất, rồi đến cầm thú, thợ mộc, và thủy thảo là nhỏ và thấp hơn hết. Đến đây ta sẽ hỏi những người vượt biển qua buôn bán xứ này như Trương Đại và nội bọn, đem theo rất nhiều lụa là gấm nhiễu, cơ sao không bán lấy ròng tiền thủy thảo, bắt chước kiểu Nhược Hư, chẳng là khi về Trung hoa cân ra bạc nặng, thủ lợi thêm nhiều, và cơ sao họ lại đổi hàng bán xứ đem về chẳng là lời kém hơn ? Ấy cũng bởi

tại nơi xứ này, có lập luật sẵn bắt buộc nếu mình bán hàng lấy tiền mặt thì họ sẽ tùy loại hàng và tùy số bạc mà trả, tỷ dụ mua nhiều số lớn thì họ trả bằng tiền long phụng (như ngày nay trả bằng ngân phiếu, bằng giấy 500\$ tỷ dụ), khi nào mua ít số ít mới trả bằng tiền thủy thảo (như nay trả bằng các bạc xu đồng). Vì vậy đến khi về Trung hoa, tính theo đồng cân đồng lượng thì lấy tiền long phụng mất bạc rất nhiều, và khổ nỗi khi về nước xin đổi lấy tiền thủy thảo họ không cho, nên ép buộc các anh em Trương Đại phải đổi lại mua hàng địa phương đem về, như vậy mà được chút đỉnh lợi hơn. Còn riêng Nhược Hư lại được phép nhận tiền thủy thảo là vì trái cây thực uống thuộc loại hàng ty tiền, nên trả bằng tiền thủy thảo là đúng luật. Tiền này đem về Trung hoa cân theo mặt đồng cân thì được lời rất nhiều. Lại còn một điều khác nữa là tại sao những người như Trương Đại không đem trái cây mà bán đặng lấy tiền thủy thảo chẳng là có lợi nhiều hơn? Ấy chẳng qua Nhược Hư đã đến lúc thời đen chuyển ra vận đỏ, trời ban phước riêng, nên hai giỏ cam không hư thối, chớ thuở nay trái cây chở đi xa bằng ghe thuyền thì làm sao chịu nổi khi tiết đổi thay và sẽ thối hết thì lấy gì mà bán? Tỷ như lúc trước Nhược Hư suy thời, sức như quạt giấy mà còn hư thay huống hồ là trái cây, cam quit.

Nghĩ lại đời nào nước nào, vấn đề tiền tệ nhiều khi vẫn là nan giải. Kiết linh quốc chọn bạc tượng trưng làm ngân bản vị, chỉ thua kim bản vị mà thôi. Nhưng nếu ở nhằm đời tân thời này thì chịu sao thấu với bọn đúc bạc giả? Cũng bởi có ấy mà ngày nay nước nào cũng dùng bạc giấy, khó giả mạo hơn. Than ôi, cũng trong vòng lẩn quẩn, được cái này mất cái kia, chê bạc là «bội bạc» là «bạc bẽo», dùng tiền giấy cho gọn, nhưng tiền giấy nó lại bay

cái vèo, gặp cháy nhà thì ra tro, gặp quốc biển thì muốn lấy đó phất con điều giấy cũng không được.

Thứ sáu. — Chiếc thuyền của anh em Trương Đại, chuyển về gặp bão lớn, nhờ đút sóng mới gặp cái mai qui. Mở địa đồ Trung hoa mà xem, hòn đảo lớn và hoang vu (đời Minh), thuyền chạy về một mạch là tới Phước kiến, tôi chắc đảo ấy là Đài Loan thuở đó còn là hoang địa. Nói thuyền đi xa lắm và chạy không kể đêm ngày mới về tới xứ, ấy chẳng qua là một lối hành văn.

Thứ bảy. — Đọc đến hàng chót, mới thấy cái hay của tác giả khéo lựa nhan cho mẩu chuyện là « Chuyện vận Hồn xảo ngộ Động đình hồng, dịch là « chuyện anh hết xui tới vận đỏ nên khéo gặp trái cam Động đình cứu nguy cơn nghèo ngặt ».

10-10-1970

6. — Thu Tiên

Dẫn.— Trong bài này, tôi xin kể lại chuyện một người yêu hoa, trọn đời tận tụy vì hoa, yêu hoa một cách trực bầu thẳng ống, không tính toán cũng không vụ lợi. Nhưng trước khi vào đề, xin cho tôi có vài lời dọn đường minh xác.

Sau thú chơi cổ ngoạn, theo tôi, còn có thú chơi hoa, đáng gọi phong lưu nhứt nhì trong thiên hạ. Kể ra cho đúng, hoa thơm cỏ lạ được gần thiên nhiên hơn, và không phải đợi giàu mới biết tận hưởng. Nhà giàu sai tôi tớ trồng, chớ mấy đời nhà giàu chịu dơ tay xúc phân hốt rác? Một người nghèo cũng có thể trồng trong một cái lon sữa bò đồ bỏ, một nhánh hường ngậy thơ, bông vẫn tốt tươi, không kén chậu, tỏ ra hoa không chê sống chung với bạn nghèo.

Trên đời biết bao kẻ tự phụ hiểu biết hoa hơn ai cả, nhưng câu tục vè còn đó sờ sờ, không một ai dám cải chính, đủ thấy : « chơi hoa lắm kẻ », nhưng « biết hoa mấy người ? »

Tóm lại, chơi cổ ngoạn, chơi hoa kiểng, gồm trong hai chữ « Phong lưu ». Nơi tập số 1, tôi đã có nhắc sơ về hai chữ này, nhưng để gì giải thích cho thấu đáo hai chữ *Phong lưu* của người Á Đông ta được?

Ông Nguyễn Văn Vĩnh trước ¹, rồi hai ông Huard và

1. Xem bản dịch ra Pháp văn « Kim Vân Kiều » của Nguyễn Văn Vĩnh (bản Alexandre de Rhodes; Hanoi, 1942, trọn bộ hai cuốn, trang 7-13 « Phong lưu rất mực hồng quần ». Nhiều bài rải rác trong Đông Dương tạp chí), thú đánh tổ tôm.

Durand sau ¹, đã cố gắng tìm hiểu nhưng sau rốt đành chịu thúc thủ, cho rằng hai chữ Phong lưu không có từ ngữ tương xứng trong tự điển và trong phong tục Pháp. Sau đây tôi cố sức dịch lại hai trang 235-236 dẫn thượng, tuy không theo sát nghĩa lắm nhưng vì giữ đúng từng câu Pháp văn nên không sao tránh được sự lẩn thẩn, xin các bậc thức giả khoan thứ:

Bài Pháp văn:

L'homme n'est complet que quand il joue. Pour comprendre comment le Vietnam s'amuse, il est nécessaire d'exposer l'essence de l'humanisme sino-vietnamien, duquel Phạm Quỳnh et Trần trọng Kim ont consacré d'importantes études. C'est une synthèse du quietisme bouddhique, du calme taoïste et de l'ordre confucéen. Le bouddhisme a introduit en Extrême-Orient des modèles de rationalisations sanscrites et quelquefois grecques, et le monachisme iranien. Pour lui un beau poème non publié est perdu pour la littérature, mais non pour l'Univers. Le Taoïsme a créé le gentleman naturiste, avec ses ermitages rituels, ses jardins en miniature, et son désir d'embellir ce que la Nature a créé ², plutôt que d'asservir la Nature à ses fins. Il ménage, avant tout, ses forces vitales et ses possibilités de longévité que trop de préoccupations pour les affaires de ce monde pourraient affaiblir. Le confucéen est le type de l'homme social. Mais trop de richesses risqueraient de lui faire côtoyer la vulgarité.

Ainsi s'est créé un type idéal d'homme, détaché de la

1. Connaissance du Việt Nam par Pierre Huard et Maurice Durand, édition de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Hanoi, 1954, pages 235-236 « Phong lưu ».

2. Cf. Aménagement esthétique des grottes indo-iraniennes, centro-asiatiques, chinoises, vietnamiennes.

vie et sagement désenchanté, pour qui la vieillesse est le meilleur moment de l'existence. Libéré des convoitises, on recommence une vie suave, facile et même voluptueuse. On a accompli sa destinée et on sait si elle a été une réussite ou un échec. On peut enfin entrevoir la modeste place qui vous est assignée dans l'ordre immuable du Monde.

Les Vietnamiens désignent par le mot *phong lưu* un des aspects de cet homme heureux. Nguyễn văn Vĩnh l'a ainsi décrit :

« L'Européen, placé devant un homme *phong lưu*, en « conçoit une idée assez vague d'aisance, d'élégance, de « goût, d'esprit, de bon ton, d'indépendance, de sagesse, d'insouciance, de détachement de tous les vils intérêts qui agitent les hommes vulgaires, de savoir, de talent, de richesse, mais d'une richesse qui vous est venue toute seule, que vous n'avez rien fait pour acquérir ni pour conserver, et qui cependant ne peut pas vous abandonner. L'homme *phong lưu* a tout cela dans son horoscope et dans ses manières extérieures. Certaines attitudes sont inconcevables chez lui. Ainsi on ne verra jamais un homme *phong lưu* courir à son téléphone écouter, haletant, des nouvelles de bourses, des informations politiques ou commerciales et laisser refléter sur ses traits les impressions produites par ces informations. Le *phong lưu* est un philosophe et un sage. Rien ne lui fait rien. Les événements extérieurs n'ont aucune action sur lui quoiqu'il sache tout, s'intéresse à tout et pénètre tout. Il voit, d'un seul coup d'œil, ce qu'il en est et, s'il a à prendre une décision, la prend tout doucement, sans jamais se presser. Il peut apprendre sa condamnation à mort et son exécution, fixée pour le lendemain et se remettre à sa partie de cartes, à son jeu de

bâtonnets faisant le saut périlleux, à ses méditations sur le chapitre II des « Entretiens de Mencius », à la recherche de la dernière rime de son huitain, à l'exécution de son inscription sur les panneaux qui vont orner son salon..., ou encore à tirer ses pipes d'opium et à vider sa gargoulette d'alcool de riz. Car le *phong luxu* joue, fume et boit. Mais il joue sans être un joueur, ne fume pas la deuxième dross ni même la première ; il n'est jamais un ivrogne. Il se soûle quelquefois exprès, pour donner de l'élan, ou plutôt de l'envol, à certains vers à la Li-Tai-Po. Avec tout cela, il est bon et compatit aux maux d'autrui, mais sans jamais en avoir l'air.

« Jouer au *tổ tôm*, faire des dissertations philosophiques du genre *tinh nghĩa*, faire entrer des baguettes, par sauts périlleux, dans l'ouverture minuscule d'une gargoulette dont le fond communique avec un petit tamtam (*danh đầu hồ*) ; écrire de jolis caractères pour faire des panneaux qui ornent votre maison ; faire vibrer les cordes d'une guitare pour se faire entendre, à soi tout seul, quelques groupes de sons, phrases musicales complètes ou bribes déconsues, les sons qu'on aime... Ce sont autant de distractions qui n'amusent que des âmes asiatiques, les seules qui connaissent la vraie indépendance, les seules qui sachent poser pour soi et non pas pour les autres.

« Un esprit agité, préoccupé des mille conditions que la civilisation moderne impose à la vie, se livre difficilement à ces plaisirs qui sont des raffinements d'un autre ordre que ceux qui consistent à se créer des besoins physiques compliqués pour éprouver le plaisir de les satisfaire, et ensuite de se broder une vie intérieure d'après le plus ou moins de possibilités de se procurer ces satisfactions. L'Asiatique contemplateur préfère réduire au minimum la

subordination de son bien-être aux ressources naturelles ou artificielles, et puiser ces satisfactions, toutes spirituelles, dans les raffinements qui ne dépendent que de son intelligence et de sa sensibilité pures. Il aime mieux ignorer comment on vivra le mois prochain, et connaître, pendant qu'on y est, toutes les joies procurées par l'exercice de ses facultés désintéressées. Selon lui, il sera toujours assez tôt pour s'occuper du matériel.

« Une superstition même veut que l'homme naisse *phong lưu* et ne le devient pas. Or, *phong lưu* est un terme qui n'a pas d'équivalent en français. (Nguyễn văn Vĩnh). (Connaissance du Việt nam, pp. 235-236).

Bài dịch :

Con người, trong vạn bạc canh bài, lộ liễu đủ nét xấu tật hư.

Muốn tìm hiểu cách người Việt nam mua vui tiêu khiển làm sao, phải dong dài luận đến tinh ba thuyết nhân vị Hoa Việt, mà hai tiền bối Phạm Quỳnh và Trần Trọng Kim đã dày công nghiên cứu để lại nhiều bài sâu sắc.

Đó là sự dung hợp vừa cái tĩnh tịch u nhàn của nhà Phật, vừa cái Vô vi không trái đạo lý của Lão Đam, vừa cái nghĩa vụ trật tự của đạo Khổng.

Đạo Phật truyền bá sang Á Đông, phương thức duy lý trích trong Phạn tự, trong Hy văn, trong phép chơn tu khổ hạnh của Y lan (tức Ba tư cổ). Theo thuyết nhà Phật, một bài thi hay không đáng tải, dầu mất, chỉ mất cho văn học, nhưng không mất và vẫn tồn tại trong vũ trụ.

Đạo Lão đào tạo nên giống người thần nhiên bình dị, vui thú ẩn cư, vui với non bộ, với vẻ thiên nhiên của Tạo hóa, không ép gò Tạo hóa theo sở cầu¹. Đạo Lão dạy

1. Theo hai tác giả Pháp, thuật chơi non bộ là một thú vui chung của nước Ấn, Y lan (Iran), Trung Á, Trung hoa và Việt nam. (Hai ông đã quên nước Nhật bản là nước thông thạo nhất về kiếng lùn kiếng gốc).

luyện phép dưỡng sinh, luyện phép trường sinh, ghét sự ham lợi háo danh chỉ làm tổn thương nguồn sinh lực.

Đạo Khổng dạy ta trở nên con người nho văn hào phóng. Rằng đa kim ngàn chỉ dễ sa ngã tục trần.

Bao nhiêu ấy đúc kết lại thành con người siêu phàm, thoát tục, sớm biết tỉnh giấc mê đồ. Tuổi già trở nên một đoạn đường tuyệt hảo trong một đời sống. Với tuổi già, lòng dục vọng đã hết, người già sống trở lại một đời tiêu dao tự tại, bình dị dễ dàng, an nhàn dật lạc. Khi già, thấy mình đã làm tròn phận sự, dầu bại hay thành cũng chẳng đáng lo ngại nữa. Về già chỉ còn thấy cái bậc thứ khiêm tốn mà luật bất di bất dịch của Tạo hóa đã dành sẵn cho mọi ai.

Ấy, người Việt nam gọi con người gồm đủ các điều kiện như trên là *con người phong lưu*. Và ông Nguyễn văn Vĩnh đã tả con người ấy như thế này :

Đứng trước một người phong lưu kiểu Á Đông, thì người phương Tây chỉ có một quan niệm mơ hồ, không sao hiểu nổi con người ấy.

Người phong lưu, khoan thai mà thanh thoát, có nhãn thức lại thêm lạnh tri, có chừng có độ, đủ khôn ngoan thêm chí ngang tàng, vô tư lự và biết tách mình ra khỏi dòng ba đào tục lụy, mặc cho bọn tầm thường lặn hụp đắm sa. Người phong lưu đa mưu túc trí, có thừa tài thêm có nhiều tiền, một thứ của tiền trong sạch, không đời làm mà có, không vội giữ mà bền, một thứ giàu sang liêm chánh và vĩnh cửu. Người phong lưu có số phong lưu tiền định, và nét phong lưu lộ lộ từ cử chỉ nói năng. Người phong lưu độc đáo phi thường : không hấp tấp chạy nghe điện thoại, không hồn hèn trước tin xấu thị trường, tin dữ chánh trị, tin bất lợi về thương mại và không vì đó mà biến sắc, đao đầu mối lo âu trên mặt mày. Người phong lưu là

người hiền triết, thức giả, không dao động nhằm. Không nao không núng. Cái gì xảy ra ngoài thế sự, cũng hiểu rõ hơn ai, dư biết và thấu đáo tận tường. Người phong lưu chỉ liếc sơ mà đã rõ hết mọi điều, và nếu cần phải có một quyết định thì quyết định ấy sẽ ban ra một cách điềm tĩnh khoan hòa không vụt chạc. Dầu biết mình phải rụng đầu và ngày mai này sẽ là ngày trảm quyết, người phong lưu vẫn tỉnh táo thản nhiên : đánh cho xong chén bài bỏ dở, đánh đầu hồ thì chẳng bao giờ run tay, lại còn đủ mình măn giải thích nốt chương Hai thiên Luận ngữ (của thầy Mạnh), hoặc giả tỉnh khô viết câu chuyện bài bát cú làm nửa chừng, hoặc vẽ liên treo nhà, hoặc hút thuốc phiện, hoặc nhấp rượu đế, nguyên bầu. Vì là người phong lưu không từ thuốc phiện, biết chơi bài đánh bạc và biết đủ thứ rượu chè, duy uống mà không say, đánh bạc để tiêu sầu mà không si mê, và nếu hút á phiện thì vẫn hút thứ hảo hạng, không bao giờ hút nhựa nhì thuốc xái, và người phong lưu, nếu có say, là để tìm tứ tìm vần, say thơ Lý Bạch. Người phong lưu rất tốt bụng, biết ái hơn như ái kỷ, nhưng không bao giờ bộc lộ ra ngoài.

Chơi tổ tôm để di dưỡng tinh thần, luận văn luận triết, nói chuyện tình chuyện nghĩa, nín hơi thủ thế để chơi mấy cây roi nhỏ vào miệng đầu hồ ¹... cho trống đồ tung tung, khi khác viết liên chữ đại tự treo nhà cho thêm xuê, đờn địch cũng biết không thua ai, nhưng chỉ đờn chơi rao mấy câu « gió thảm mưa sầu » đủ ru hồn trong lúc hứng,

1. Phép đánh đầu hồ là một lối chơi của người đảng cựu. Người chơi đứng cách xa cái hồ, tay cầm một mớ roi nhỏ, phải phóng cây roi ấy cho trúng mắt « con cóc » rồi từ con cóc cây roi phải nhảy vô lọt miệng nhỏ xiu của cái hồ, dưới đáy hồ có cái trống, roi lọt trúng kêu tung tung là thắng cuộc. Tương truyền vua Tự Đức ban đêm thắp nhang miệng hồ mà ngài vẫn đánh đầu hồ được. Cái hồ này nay còn trưng bày tại viện bảo tàng Huế đô.

những thú khoái lạc ấy chỉ làm cho thêm vui tâm hồn người Á Đông ngang tàng khi phách, sống cho mình và chẳng sống cho ai.

Người nào có tâm hồn dao động, lo lắng ngàn phương, bị cảnh tân thời phồn ba vật chất ám ảnh, thì không bao giờ nhiệm được thú phong lưu nhàn hạ kia, chỉ dành riêng cho hạng người khác biệt, những người chuyên tìm cái khó để tự giải khó mà chơi, và tự dặt cho mình riêng một tấm thảm đời, di dưỡng nội tâm để vui thầm với bao nhiêu lộc trời dành sẵn. Người Á Đông là người trầm tư mặc tưởng, biết thưởng ngoạn và biết thấu gợn những nhu cầu nhục dục tự nhiên hay giả tạo, và biết tùy sở năng sở trường mà an phận tùy duyên. Người phong lưu không cần biết số mình tháng tới cuộc sống sẽ ra sao, miễn được an vui với hiện tại một cách vô tư vô lự. Đời sống của ngày mai, theo họ, là thuộc về vật chất, hãy còn thừa thì giờ, vội gì lo đến.

Một tin tưởng có phần như dị đoan vẫn cho rằng con người phong lưu, sanh ra đã phong lưu, và phong lưu vẫn không lấy tiền mua được.

Tóm lại phong lưu là một danh từ không có trong Pháp ngữ. (Nguyễn văn Vĩnh)

Tôi xin thêm : « Không đợi giàu mới được phong lưu ».

(Mấy trang về phong lưu này, hôm nay tôi viết riêng tặng một ông bác sĩ phòng mạch ở đường Đ.T.H. Ông đã có nhã ý viết thư cho chúng tôi, sau khi nhận được tập H.C.Đ.S. số 1. Trong tập này, lúc ấy, tôi chưa bàn cặn kẽ về hai chữ « phong lưu » như hôm nay. Trong nghề cao cả cứu nhơn độ thế của ông, ông đã từng hẹn với bệnh nhơn phải đợi một thời kỳ nào trở lại thì ông sẽ « mát tay » hơn. Trong nghề viết đề kiếm cơm như tôi, tôi đã chừa lại kỳ này, mới đủ nuôi sống, xin ông bác sĩ biết cho tôi vậy. S.)

Dứt chuyện phong lưu xin trở lại chuyện Thu Tiên. Kể về phong lưu, tôi biết có một ông bạn, du học phương xa về, ở chen chúc trên lầu cao, làm một tiểu hoa viên rất đặc tiền trong khách phòng độc thân, phải đặt máy điều hòa không khí để dưỡng một giò lan èo ọp mang từ xứ lạ về, tôi thầm cho phong lưu ấy khi mất tiền quá, không bì chi ả làm nghề khâu mướn, ở ngang phòng, ngoài cửa sổ gác thượng lủng lơ treo một lồng chim bạch yến nhỏ nuôi bằng ruột bánh mì và chút xà lách còn dư, thêm lủng lẳng hai bên treo hai giỏ hoa lam trồng dây trầu bà, thứ này sống dai khỏi tưới! Nhưng vẫn chưa bằng một hàn sĩ nọ, xin tạm giấu tên cho tròn khi tiết, nay gác bút vì mắt lờ nhưng không bỏ tật ghiền trà Tàu lớn, mỗi lần tôi đến viếng đều đãi tôi một chén Thiết Quan Âm ngon lành, và tuy thân bệnh hoạn phải náo nường trong một « ổ chuột » bần thủ vùng Cây Quéo, nhưng khi phách không đổi, trước cửa « động » còn giữ một bụi lan đất sống trong một thùng thiếc lủng đáy, giá thử ở chỗ nào khác trồng như vậy giò « mặc lan » này ắt chết đã tự bao giờ, nhưng nơi đây, không hiểu vì sao, theo lời lão nói với tôi, đây là chóp mao cây cờ Tô Võ lúc chặn dê nơi Phiên địa, và lão vẫn rán giữ như giữ chút hơi hương chờ ngày nào Bắc tiến, lão ao ước được mang trả về nền nhà cũ¹.

1. Mùa mai nở năm 1955, (đông Ất mùi) lúc ấy anh còn là một chàng trai đầy nhựa sống, anh có tặng tôi một tập thơ, nay lấy ra đọc lại, bài đầu y như là tiền định:

THƠ TÔI...

Thay lời tựa

Thơ tôi nào có gì đâu?!

Ba gian nhà chống, một bầu rượu sông

Mỗi món biết mấy phong sương!

Vườn xuân bướm đã chán chường mơ hoa

(Xem tiếp trang 142)

Ngày xưa ngày xưa, trong Nam dân thừa đất rộng, nhà tranh vách đất là nhiều, nhưng để giữ nếp phong lưu cũ, trước mái vẫn có một giàn dây leo, vừa để che mát vừa có trái ăn, bầu bí hay mướp hương, không nữa thì một liếp rau thơm, cải ớt cà ngò, thỉnh thoảng giặm thêm vài chậu hoa cúc vàng, vừa có bông để ướp trà, vừa cho vui mắt. Nhà nào khá dãi có thêm vài chậu cây thuốc cứu và cây nguyệt bạch. Trồng nguyệt bạch phải chịu khó đắp xác trà vào gốc cho yếm đất và phải giữ không cho oi nước. Mấy năm đầu chạy vô bưng, cái phong lưu mấy năm 1945-1946 là uống trà thiết đậm, vừa để thức khuya vừa để đỡ buồn. Vem cấm xa xỉ nên sáng sáng gặp nhau hỏi « Mây U.T.Q. chưa? », kẻ lạ không biết muốn nói gì, sau rõ lại là ba chữ « uống trà quạu » gọi tắt, không dám

...

*Cung đình rộn rập phong ba
Sầu thu chợ nhấp; hồn hoa chợ lán:
Lửa hương lạc mấy cung đàn?!
Gió lòng ngừng lộng; mây ngàn ngừng trôi
Non xanh đâu vắng bóng người?
Bụi hồng lững thững, — phương trời, ra đi
Khói mờ dăng mắc chia ly
Sử xanh này chốn đi về chiêm bao
Mảnh gương thiên cổ ra vào
Sương lam lạc nẻo, nắng đào lên khơi
Tinh hoa mùa cũ dần rồi?
Xuân về thấm hết, một trời mộng thơ
Ngàn thu tâm sự ơ hờ
Lợi danh ai nữ hẹn hò núi sông
Ái ân hồn lẽ khuê phòng
Tim hồng dần lạnh; hoa lòng dần khô
Phấn hương vô võ cung Hồ
Hoa đèn thương kẻ hững hờ đình chung.*

(Tập thơ in tại Phố Hàng Buồm, Hà nội, năm Bình Tuất (1946) tác giả T.Đ.Đ.)

nói rõ hơn sợ Vem bắt làm tội vạ. Nay không chắc có còn, nhưng tưởng cũng nên ghi lại kẻo quên, không chi cũng một phong trào của mấy năm tao loạn.

Ông bạn hiền ẩn cư ở Cây Quéo, ngày nay rất khác ngày xưa, nhưng phong độ vẫn còn lan hình phong gấm. Trong một vuông phòng chật hẹp, một bộ ván gỗ tạp thân hết một giang san, vừa phòng khách, vừa phòng ăn, vừa chỗ ngủ đêm hôm, trên bộ ván còn ba món bảo vật không rời chủ nhân : một ấm « *Ngoạn ngọc* » khí phách vì hai câu thật hách : « *Nhứt ầm thanh khí vị, Vật đặc thiếu nhưn tri* », và hai cái chén hạ ầm, xinh đáo để, hiệu đề « *Phượng trai* », có hai câu thi khiêu gợi : « *Vị thủy đầu can mộng, Kỳ sơn nhập mộng thần* ». Đây là những thành trì chốt của ông vua trà Tàu đất Bắc này, mỗi lần tôi đến là một chén trà thơm nhắc nghĩa anh em hai mươi năm không thay đổi, và sở dĩ hôm nay tôi nói ra đây chỉ muốn tỏ lòng mến mộ không phai. Tôi cũng xin phép lục ra đây một bản dịch của người anh bạn tôi kính, để cho thấy nét tài ba của một người không vận, bịnh hoạn liên miên, tuy nay nghỉ chơi cờ ngoạn và nghỉ chơi hoa kiểng, nhưng bình phong tuy rách cốt cách vẫn còn, khí tiết đó và phong độ đó, trách trời già không giúp mau qua cơn ngặt để tiếp tục viết văn. Và trước khi kể chuyện Thu Tiên, tôi xin chép bài « *Trăng giải đêm hoa* » của người hiền Cây Quéo.

ĐÊM GIẢI TRĂNG HOA

Liên tiêu phong vũ bế sài môn,
Lạc tận thâm hồng, chỉ liễu tồn.
Dục tảo thương đài, thả đình chữ,
Giai tiền điềm điềm thị hoa ngân.

Dịch :

*Mưa gió thâu đêm khép cửa sài,
Hồng rơi, tia rụng, liễu hồ phai.
Rêu xanh, muốn quét thêm ngần ngại,
Lốm đốm hoa in mấy bậc ngoài.*

Đó là bài thơ tiếc hoa của một nhà ẩn giả đời Đường, họ Thôi, tên Huyền Vi.

Thôi xử sĩ, tính vốn mộ đạo, không biết dư vị phấn hương của mối tình kháng lệ, nên suốt đời ẩn cư một mình ở Lạc đông. Quanh nhà trồng đủ các giống hoa kỳ cở lạ. Tùng biếc, trúc xanh, đào hồng, mai trắng... đều phô vẻ kiêu diễm, thắm tươi trong mảnh vườn u tịch.

Giữa đám hồng tia lao xao với gió chiều, Huyền Vi ở một mình trong gian lều cỏ trót ba mươi năm, người ngoài ít ai lọt được vào cái « huyền huyền chi môn » ấy, mà Huyền Vi cũng chưa từng đặt bước trong áng bụi hồng tung bay bởi những xe son vàng láng màu chung đỉnh.

Gặp tiết xuân êm ả, hoa nở tung bừng, Huyền Vi một mình đi lại thơ thần trong vườn như một triết nhân đi tìm nguyên lý « hoạt thể sinh thành » của vũ trụ. Một đêm, tiếng gió thổi trên cành tùng như một bản nhạc « Thanh bình » trong đèn trầm hương âm ba diu dặt, trăng sáng mờ hồ chảy chan hòa trên cành trúc như muôn ngàn cánh bướm vàng rung rinh, lóng lánh đương say sưa mơ màng trong giấc mộng đêm xuân với những đóa hoa đào e lệ, Huyền Vi nghe lòng lâng lâng... thể hiệp với trăng vàng hoa thắm, không thấy giấc ngủ tìm đến như mọi ngày ; một mình đi lững thững hết khóm hoa này đến khóm hoa khác, bỗng thấy trong vườn có một mỹ nhân áo xanh non như nụ tường vi mơn mớn hơi xuân, đương đi đến... dưới ánh trăng vàng lồng lộng. Huyền Vi lấy làm lạ, tự hỏi :

Đêm khuya canh tĩnh, tại sao có người con gái nhà nào vào ra nơi vườn hoa cách biệt này?

Đương định rồi theo gót ngọc thì người đẹp đã đến trước mặt thi lễ. Huyền Vi đáp lễ, rồi hỏi:

— Tiểu thư là quyến thuộc là ai, đêm khuya đến lễ viên có điều gì chỉ giáo??

Mỹ nhân hé đôi môi anh đào lộ ra hai hàng ngọc vụn, đáp bằng một giọng trong vắt như tiếng chim hoàng oanh thánh thót trong ánh thiêu hoa:

— Nhà tiểu nữ cũng gần đây. Nay cùng mấy người bạn đến Đông môn thăm bà di họ, vì đêm khuya ngăn trở, vả từng nghe cao nghĩa của xử sĩ; vậy dám xin tá túc một đêm, chẳng hay bậc trượng nhân có ưng cho không?

Thấy là lạ, Huyền Vi vui vẻ nhận lời. Mỹ nhân cảm tạ rồi theo lối cũ mà ra. Lát sau, dẫn một đoàn mỹ nhân rẽ hoa, vượt liêu đến cùng Huyền Vi thi lễ. Dưới bóng trăng xanh huyền ảo, Thôi xử sĩ đề ý nhận xét mỗi người một vẻ: hoặc thanh như liễu, hoặc đậm như mai, hoặc lạnh lùng như kim cúc, hoặc mơn mớn như phù dung, thấy đều diễm lệ.

Tương kiến xong, Huyền Vi mời cả vào trong đường, phân chủ khách an tọa, rồi hỏi:

— Dám hỏi quý tính, phương danh liệt vị tiểu thư, chẳng hay duyên cớ gì, ngọc giá giáng lâm mảnh vườn hoang lạnh này?

Vị giai nhân mặc tấm xiêm màu lục đáp:

— Những tên xấu xí què mùa của chúng tôi kể ra e rác tai quân tử: Thiếp họ Dương, vị mặc áo nguyệt bạch đây họ Lý, vị mặc áo hồng kia họ Đào... Nhất nhất giới thiệu, cuối cùng đến người mỹ nhân nhỏ tuổi nhất mặc tấm xiêm màu hồng nhạt, Dương mỹ nhân vỗ vai nói:

— Thừa tiên sinh, đây là em út của chúng tôi họ Thạch, tên A Thác. Chúng tôi tuy khác họ, nhưng đều có mối tình mật thiết với nhau như chị em một nhà. Nhân Phong Thập bát di nương hẹn đến cùng chị em tôi hội diện. Đêm nay, trăng sáng tuyệt vời, chúng tôi đến nhờ quý phủ đề tiếp đón bậc tôn thân; sau là bái tạ tiên sinh có tấm hào tình cho chúng tôi mượn hoa dâng Phật.

Huyền Vi đương định dùng lời lẽ văn hoa đáp lại thì người mỹ nhân áo xanh vào báo tin Thập bát di đã đến. Mọi người cùng tranh nhau ra đón. Huyền Vi vội tránh sang gian bên xem động tĩnh...

Bọn mỹ nhân thi lễ xong, đều nói:

— Chúng tôi đương định chờ đón di nương thì được chủ nhân mời ngồi hỏi chuyện. Không ngờ đi đến, xin thứ lỗi sơ hốt!

Nói xong mọi người chấp tay hướng Phong di bái tạ. Phong di nói:

— Mấy lần định đến thăm các em, đều vì công việc ngăn trở, Nay nhân thừa nhân đến hội diện, để các em chờ lâu, thực lỗi ta nhiều lắm!

Mọi người nói: — Được ái nương giáng lâm, lại gặp đêm trăng trong gió mát, xin hãy rón ngồi cho chị em chúng tôi được kính dâng chén thọ.

Phong di hỏi: — Hội họp ở đây, làm huyền nào liệu có tiện không?

Dương mỹ nhân đáp: — Chủ nhân là bậc hiền đạt quân tử mà cảnh trí vườn này cũng cực kỳ u nhã.

Phong di hỏi: — Chủ nhân đâu? Xin mời ra tương kiến cho khỏi thất lễ với bậc cao hiền.

Nghe nhắc đến tên mình, Huyền Vi vội sang làm lễ tương kiến, chú ý nhìn Phong thập bát di, thần thái phong phiêu, ngôn từ linh lợi, có phong độ một người xuất tục,

nhưng khi đến gần thấy khi lạnh phát ra như băng tuyết. Mọi người kê dọn lại bàn ghế mời Phong đi ngồi trên, rồi theo thứ tự ngồi sang hai bên; Huyền Vi ngồi ghế cuối cho khỏi thất lễ đông đạo chủ.

Một lát, mỹ nhân mặc áo xanh hương dẫn mấy người thị nữ đem rượu quả và món ăn đến bày la liệt trên bàn. Các thứ bánh quả đều có hương vị khác thường, chưa dùng bao giờ nên không biết tên gì mà gọi! Rượu bánh, thơm ngọt như mật ong, say êm như quỳnh tương, vân dịch mà Lưu, Nguyễn đã từng được nếm trong cảnh màn liễu treo trăng, hoa đào soi nước; dưới rèm châu, băng khuâng nghe lời êm ái những đêm trăng giải mơ màng...

Khi ấy trăng sáng bội phần, trong nhà sáp thấp sáng trưng, khói trầm dâng lên bát ngát... Tân chủ thù tạc nhau, chén mời không dứt. Rượu đến nửa chừng, mỹ nhân mặc xiêm hồng đứng lên rót đầy chén ngọc tử hà, dâng lên Phong Thập bát di, nói:

— Tiện nữ có một bài thơ, xin kính vì di nương mà ngâm một khúc:

« Phi y phi phát lộ doanh doanh,
« Đạm nhiễm yên chi, nhất đoá khinh.
« Tự hận hồng nhan lưu bất trụ,
« Mạc oán xuân phong đạo bạc tình.

Dịch:

— *Sương lam phơ phát áo hồng,
Phấn son một đoá đạm nùng lâng lâng...
Hồng nhan như giấc mộng vàng,
Oán chi ngọn gió phũ phàng hôm mai!*

Tiếng ca trong mà dài, nghe buồn nhẹ nhẹ... Lại có mỹ nhân mặc áo nguyệt bạch, dâng rượu và ngâm:

« Hạo khiết ngọc nhân trăng bạch tuyết,
« Huống nãi đương niên đối phương nguyệt.

« Trầm ngâm bắt cảm oán đông phong,
« Tự thán dung hoa ám tiêu yết.

Dịch :

*Dung nhan trong ngọc trắng ngà,
Trắng rơi thơm ngát tình hoa mận nồng.
Ngại ngần đâu oán gió đông,
Thầm than cho mảnh má hồng tiêu ma...!*

Tiếng ngâm thê thảm như khúc nhạc ly đình. Phong di tình tình vốn khinh bạc, lại thích rượu nên uống qua mấy chén thì cái nết cuồng phóng lại nổi lên..., chưa nghe ngâm xong đã bắt bẻ :

— Gặp buổi đêm thanh, trời đẹp như thế này, đáng lẽ chủ khách nên vui vẻ để tận hưởng cái cảnh « trăng giải đêm hoa », cơ sao ngâm lên những lời thơ thương tâm như vậy? Vả trong thơ có hàm cái ý thống trách, châm biếm ta rất là khinh mạn! Phải phạt mỗi người một chén rượu lớn và bắt ngâm lại một bài thơ tao nhã khác.

Nói xong rót một chén lớn đưa lại, rượu say chân tay bủn rủn, cầm chén rượu không vững, vừa nâng chén lên thì đã nghiêng ngã, xiêu vẹo rồi tuột chân té xỉu xuống, chén rượu đổ té vào xiêm áo người ngồi gần. Giá đổ vào người khác thì cũng không sao, đằng này nhằm trúng xiêm áo A Thác mà rơi xuống. A Thác mặt hoa tuổi trẻ, tính thích chinh tề, mặc tấm áo hồng nền hoa đại đoá ; và màu hồng vốn kỵ rượu, một hai giọt nhỏ xuống là lập tức biến màu huống hồ cả một chén rượu lớn. Lại nữa, A Thác cũng đã chệnh choáng hơi men, thấy vô cớ áo xiêm hoang lỗ vì rượu, tái sắc nói :

— Các chị cầu cạnh thì mặc các chị. Ta há sợ gì ai?

Nói xong, A Thác ra thẳng không thèm nhìn lại. Phong Thập bát di cũng giận lắm :—Con ranh mượn chén giả say, dám kháng cự ta sao?

Nói xong cũng rũ áo đứng dậy. Mọi người cố lưu lại không được, đều tìm lời khuyên giải :

— A Thác còn tính trẻ, rượu say thất thố ; mong di nương chớ để lòng. Ngày khác sẽ xin đưa hấn tạ tội.

Mọi người đều tiến xuống dưới thềm, Phong Thập bát đi vòng vắng giận dữ đi về hướng đông. Các vị mỹ nhân cũng từ biệt Huyền Vi, theo các khóm hoa đi tản ra bốn phía. Huyền Vi lấy cớ đi tiễn theo xem tông tích mọi người ; không ngờ, rêu trơn đi vội, trượt chân ngã khụy, khi gượng đứng lên được thì bốn phía vắng không, chẳng còn thấy bóng một người nào nữa !

Huyền Vi lấy làm lạ lòng, suy nghĩ : không có lẽ là mộng寐 vì ta chưa ngủ ; cũng không có lẽ là ma quỷ, vì áo xiêm uyển chuyển, ngôn ngữ dịu dàng ; nhưng nếu là người thì cớ sao trong chớp mắt đã biến đi đằng nào hết cả ?

Trong lòng nổi lên một nỗi ngờ vực thắc mắc, Huyền Vi trở lại trung đường thấy án kỷ bày biện khác hẳn ngày thường mà chén bát, rượu quả tịnh không lưu một vết tích ; duy mùi hương lạ phảng phất chưa tan.

Tuy là quái đản, nhưng chắc không đến họa hại gì, nên Huyền Vi cũng không sợ hãi.

Chiều hôm sau, đang thơ thẩn trong vườn, thắc mắc bồi hồi về câu chuyện bữa trước, Huyền Vi bắt gặp bọn mỹ nhân đương khuyên A Thác đến tạ tội với Phong Thập bát đi, A Thác vòng vắng nói :

— Các chị khéo nhiều sự lắm ! Việc gì phải cầu khẩn con mẹ ranh ấy ? Nếu cần, cầu xử sĩ đây là đủ ?

Mọi người đều mừng rỡ, nói : — Em nói rất phải !

Rồi cùng quay lại Huyền Vi, khẩn khoản :

— Chị em chúng tôi đều trú ngụ tại trong vườn xử sĩ, mỗi năm thường bị những trận gió ác liệt nhiều hại, chất

yếu, tính mềm không gượng nổi trước ngọn cuồng phong dồn dập. Vì thế, thường phải cầu khẩn Phong Thập bát di che chở. Nay A Thác trót xúc phạm, từ sau chắc không trông mong gì được ở Phong di nữa. Nếu xử sĩ giàu lòng trượng nghĩa, hộ vệ chút phận liễu yếu, đào thơ, chị em sẽ xin báo đức.

Huyền Vi hỏi : — Tôi làm thế nào để che chở cho các nàng được ?

A Thác nhanh nhẩu đáp : — Cứ mỗi năm vào ngày nguyên đán, cầu xin xử sĩ tạo một lá phan đỏ, trên vẽ tấm đồ thái cực và nhật nguyệt ngũ tinh, dựng ở phía đông hoa viên ; chị em chúng tôi nhờ vậy sẽ được bình yên.

« Năm nay nguyên đán đã qua rồi. Vậy đúng ngày hôm mốt, tháng hai này, vào buổi bình minh hãy thấy gió đông chớm nổi, xin xử sĩ dựng phan cho, chúng tôi sẽ có thể miễn tai nạn.

Huyền Vi háng hái nhận lời :

— Đó là việc rất dễ, đâu dám không vâng mệnh !

Các mỹ nhân đều đồng thanh tạ ơn :

— Nếu được xử sĩ nhận lời, chị em chúng tôi không lo gì nữa.

Nói xong, đều từ biệt. Không ngờ, những gót sen vàng mềm mại mà đi lại rất nhanh, Huyền vi không sao theo kịp ; bỗng một làn gió thơm thoang thoảng nhẹ nhàng đưa lại, rồi không thấy hình ảnh bọn mỹ nhân đâu nữa !

Muốn chiêm nghiệm, ngày hôm sau Huyền Vi chế một cành phan đỏ điểm vẽ như lời dặn.

Đúng ngày hôm mốt, chưa sáng Huyền Vi đã dậy, quả thấy gió đông thổi nhẹ, liền đem cành phan cắm phía đông hoa viên. Lát sau một trận cuồng phong nổi dậy, sức gió mạnh như có thể nhổ núi, băng ngàn, một giải phía nam đất Lạc, nhà cửa cây cối đổ gãy, tai hại không

biết thế nào mà nói...! Duy trong viện Thôi Huyền Vi, muôn hoa vẫn giữ nguyên vẻ đẹp thiên nhiên duyên dáng những ngày thường.

Huyền Vi tỉnh ngộ, biết bọn giai nhân chỉ là tinh của các giống hoa. A Thác là tinh hoa thạch lựu, Phong Thập bát di là thần gió...

Buổi chiều, các mỹ nhân đem mấy đấu hoa anh đến tạ :

— Mong ơn xử sĩ, chị em chúng tôi đã thoát nạn lớn, không có châu báu, ngọc vàng kính tạ, xin dâng mấy đấu quỳnh anh, nếu xử sĩ dùng luôn sẽ sống lâu vô bệnh. Và xin xử sĩ cứ che chở cho mãi mãi bằng cách ấy, chị em chúng tôi có thể trường sinh mà đạt đến địa vị hoa tiên.

Thôi Huyền Vi theo lời dùng chất hoa anh. Quả nhiên, sau đó không bao lâu, dung nhan trẻ lại như người ba mươi tuổi. Sau không ai biết là đi đâu và kết cấu ra sao ! Nay, còn một bài thơ sót lại :

« Lạc trung, xử sĩ ái tài hoa,
« Tuế tuế chu phan hội thái hà.
« Học đắc xan anh kham bất lão,
« Hà tu canh mịch táo vi qua !

Dịch :

— Đất Lạc, yêu hoa nở bốn mùa,
Phan hồng phơi phới những năm xưa.
Không già nên nếm quỳnh anh mãi,
Chớ học theo đời : táo ấy dưa !

T.T.Đ.

Tiếp theo đây, tôi chép y lời bản của dịch giả chuyện trên đây, tức ông bạn thân T.T.Đ. mà tôi tạm giấu tên để giữ tiết tháo của người xử sĩ vùng Cây Quéo và mong ngày trở lại vận hạnh thông.

« *Lời bàn của dịch giả T.T.Đ.*: Đến đây, xin quý độc giả đừng trách chúng tôi kể chuyện Phong thần trong thời nguyên tử. Cái hoang đường chỉ hoang đường với những kẻ không biết sống một đời sống tế nhị, mà không hoang đường chút nào với những người xem truyện hoang đường để rút lấy cái tinh thần xây dựng hàm súc trong « hiện sinh tự thể » của những vật loại vô tri.

Cái lý thể hiện sinh của sự vật ở cách xa lý tính tương phản của con người và nó gần như biệt lập hẳn với những ý thức hệ thống thường chỉ căn cứ vào thực tiễn!

Cái tương quan giữa con người và bản thể vũ trụ vẫn còn bị che bằng tấm màn lý trí thô sơ, kịch cớm của thứ « bản ngã tuyệt đối » của chính con người!

Con người không biết rằng vũ trụ, vạn vật cũng có một tự thể — ngoài cái bản thể thuần nhất —, cũng có một ý thức, cũng có một cơ năng tiềm phục phản ứng lại cái cực độ lý tưởng khách quan để chiếu rọi những tia sáng « duy thần »¹ lên cái « lý thể vô vi » sinh thành bản thân của sự vật. Cổ nhân đã nói: « *Thiếu sơ kiến nhi đa sở quái* » (kiến thức nông cạn, cái gì cũng cho là kỳ quái). Cái gì, mắt không trông tới, tai không nghe tới, trong kinh

1. « Duy thần »: chữ *thần* ở đây không phải nghĩa như xưa nay thường dùng, thường hiểu. Nó chỉ là một « hoạt lực câu sinh » (force vitale) bàng bạc..., luôn luôn lưu chuyển trong không gian, thời gian làm cái « vô danh thiên địa chi thủy; hữu danh vạn vật chi mẫu » (Lão Tử), yếu tố sinh tồn cho tất cả mọi chu kỳ nhân loại (ngay cả cái chu kỳ thứ tư mà hiện nay người ta mệnh danh là Duy lý nữa!)

(Từ mở đầu « Trăng giải đêm hoa » cho đến trang trên đây là chép y trong Kim cổ kỳ quan phóng dịch, tập thứ Ba, trang 30 đến trang 45, (Quế Phong xuất bản năm 1957) của hai ông T. T. Đ. và Ng. T. Ng.).

sử không chép thì đều cho là hoang đường, kỳ quái mà không thêm đề mắt đến.

Có biết đâu rằng ngoài sách bác vật của Trương Hoa, Hành Thư của Ngu Thế nam, còn biết bao nhiêu truyện ly kỳ mà ta không được cái may biết tới...

T.T.Đ., N.T.N.

* * *

TRUYỆN THU TIÊN.

Trong mấy trang trước, tôi cố ý chép y nguyên văn bản dịch bóng bẩy và lời bàn ý nhị, đượm nhuần Lão Trang của ông bạn mến mộ vùng Cây Quê. Năm xưa ngồi bút sắc sảo bao nhiêu, nay vì bệnh hoạn vì nghịch cảnh, đành khoanh tay gác bút, nghĩ thật đau lòng.

Tiếp theo đây, tôi xin kể lại theo sức tôi, sự tích một nhà đáng làm gương cho những khách trồng hoa tân tiến. Gẫm lại ngày xưa vào đời Tống mà đã có một người trọn đời si mê với hoa, chỉ biết vui việc trồng hoa, dưỡng hoa và tận tụy vì hoa. Về sau khi mãn phần, truyện nói ông được phong làm hoa chủ, việc ấy tôi không ép tin, nhưng đợi gì phải được thành tiên mới đáng cho ta trồng hoa?

Cốt truyện cũng trong bộ Kim cổ kỳ quan rút ra. Gọi « Quyền viên tẩu văn phùng tiên nữ » (ông già quét vườn gặp tiên cô khi muộn). Tôi căn cứ theo bản tôi thấy trước nhất là bản dịch cũ từ năm 1911 của ông Nguyễn Chánh Sắt, nay tôi thử thuật lại theo sức tôi hiểu, sự tích Thu Tiên.

Văn T.T.Đ. súc tích, dùng chữ cao sâu. Tôi vẫn viết theo lối văn kể chuyện, không tầm chương trích cú, mà cũng không chạm trổ cầu kỳ; miễn được suôn sẻ dễ hiểu, « trơn bết » là đủ bằng lòng. Nhiều lúc còn thấy vấp vấp, chưa được suôn, chính tôi đọc cũng thấy tức tức, ấy là vì

gặp gỗ cứng quá, sức có hạn, muốn hơn cũng không được. Ý tôi là nói về thú chơi đồ xưa chứ không làm văn.

* * *

THU TIÊN.

Sự tích xảy ra dưới đời nhà Tống, triều vua Nhơn Tôn (1023-1063). Thuở ấy, tại tỉnh Giang nam, huyện Bình giang, ngoài cửa đông, có một làng gọi Trường lạc thôn, ở cách thành lối hai dặm. Trong làng có một ông lão, họ Thu tên Tiên, trong thôn quen gọi là Thu công, xuất thân người phường rẫy, nhưng có học ít nhiều, thêm trời sanh tánh lạ là ưa thích hoa, si mê hoa và chịu khó suốt đời tận tụy vì hoa, có thể nói ông mê hoa thảo hơn cả thiên hạ. Ông có mấy mẫu ruộng tốt do cha mẹ để lại và một cái nhà tranh vén khéo. Như vậy là ông thuộc về hàng khá giả. Vợ là Bàng thị đã mất sớm, không để lại mụn con nào, khiến Thu Tiên không có gì là bận bịu. Đây là một yếu tố quan trọng giúp cho ta làm được theo ý muốn và giữ được nét phong lưu, nghèo giàu không quan hệ mấy, còn về đường tử tức, nếu sanh con hư hèn thì thà không có còn hơn. Bình sanh Thu Tiên ưa thích nhất là việc trồng hoa, có một số ruộng rẫy phụ ẩm nhưng như đã nói, ông không màng. Như vậy là lỗi ư? Không, nhân sanh quý thích chí. Sang hèn cũng cơm ngày hai bữa. Khi buông xuôi hai tay theo ông bà, thì cũng mấy ai đem theo được cái giống gì? Cỗ cái trời chôn của qui theo, thì chỉ là một mối hậu hoạn, chúng đào bởi phan phui hài cốt! Duy mỗi khi Thu Tiên tìm được một giống hoa lạ, thì hãy xem mặt ông mới biết ông mừng rỡ thế nào. Xi được trân châu cũng chưa mừng hơn. Khi có việc phải đi đâu, nếu dọc đường gặp nhà nào có trồng hoa kiểng, thì ông cũng nài nỉ xin vào xem tận mắt. Thấy nơi nào có giống hoa lạ, ông chưa có, thì quyến

luyện ở đó chơi tối ngày, quên cả cơm nước nhà cửa. Thiên hạ thấy vậy cười ông, gọi ông là « Hoa si » (ông già điên hoa), nhưng không có ác ý. Tánh người Tàu xưa nay là vậy. Không thấy thẳng cao giò là « cổ lữ », thẳng mập là « phi lữ » và thẳng chột mắt là « dách cô ngạn » cũng như ta gọi « độc nhãn long » thì cũng thế. Thu Tiên, có khi gặp ai bán giống hoa nào xinh tốt, ông vừa bụng, bất luận trong mình có tiền cùng không, làm sao cũng mua cho được, không tiền thì thế áo, miễn sao mua được mới vui lòng, và bữa ấy ăn cơm mới ngon. Có kẻ thấy vậy, thừa dịp thách giá thật cao, nhưng Thu Tiên không màng sự mất rẻ. Bọn bất lương biết chỗ yếu của Thu Tiên, đua nhau đi các nơi xa tìm giống hoa lạ, chùng bẻ nhánh cắm vào bùn giả làm cây bứng, đem về gặt bán cho Thu Tiên. Mà lạ thay, những nhánh trụi lủi không chút rễ như vậy, tưởng rằng trồng không phương sống, chỉ uổng tiền mua, thế mà khi về tay Thu Tiên, khi ông mua được đem về cắm xuống đất cũng mọc, mà trồng trong chậu nó cũng ra rễ đâm chồi, lạ quá, sống một cách mạnh mẽ y như thật cây chiết cây ương, chớ không hư hay hao hột cây nào, ai có tin cùng không, mặc ý. Bởi vậy ngày thêm ngày, ban đầu còn ít, sau đó tụ thiếu thành đa, vườn hoa của Thu Tiên ngày một thêm rậm thêm đầy, thét rồi nổi tiếng nhứt trong vùng Giang nam, kể về hoa viên, số một là cảnh vườn của Hoa si, của già điên hoa này. Chung quanh vườn, ông trồng giáp vòng hàng rào tre gai, giống này lấy từ đất Lĩnh nam xa xôi, nhiều năm gai và nhánh dày mịt kiên cố, nói không sợ lạc thời đại, còn kiên cố hơn hàng rào dây kẽm gai tân thời, vì kẻ trộm đứng ngoài chỉ lấy mắt ngó mà không trông thấy vào trong, mà cũng không phương chui vào được. Phía trong vòng rào ông còn đào thêm một đai mương sâu

vừa thả cá sanh lợi vừa giữ kín thêm một bề. Sát hàng rào tre, ông thả những dây leo, nào tường vi, tóc tiên, dây thần thông, rồi nào dây đường lệt, dây kim tước, trà mi, mộc hương, táo mai, mộc cần, kè ra không xiết, Trong vườn, ông trồng những danh hoa đủ thứ, nội các tên cũng đủ cho ta biết những danh thảo đời đó : thực qui, phượng tiên, kê quan, thu qui, oanh túc, kim huyên, nào tiên xuân la, tiên thu la, mấn địa kiều, mỹ nhân tiêu, bạch giáp điệp, kim tiền, lục mẫu đơn, bạch mẫu đơn, lại có phong lan, thạch lan, thỏ lan, đủ thứ. Đúng kỳ hoa nở, ngó vào vườn, rực rỡ như gấm thêu, hoa nọ chưa tàn, hoa kia đã trổ, bốn mùa liên tiếp, ngào ngạt hương thơm. Nơi trung tâm vườn là ba gian nhà tranh của Thu Tiên, tiếng rằng thảo đường chớ nhà gạch lợp ngói phong tô không đổi, vì ông quét dọn tối ngày, cột bóng thấy mặt và trong ngoài không chút bụi. Ông bồn tánh thanh khiết, nên ông rất kén bàn ghế chường dọn trong nhà : nơi vách giữa ông treo bức họa vẽ bụi lan có bài thi ký tên Mễ Phi¹, ngoài kê chiếc sàng và một án thư bằng gỗ tử đàn trơn bóng, trên bàn có đặt ba món « Tam sự » : một bộ sách cổ, một đỉnh đồng cổ từ đời Châu, và một ống cắm hoa Bắc Tống, ngày nào gọi « Tống ngọc » vì quý không thua gì ngọc, và nay gọi « Long tuyến diêu » vì sản xuất tại lò xứ Long tuyến, Pháp gọi « céladon de Long-ts'iuán », hễ thứ thiết thì nặng như đá và có màu xanh nước biển và đẹp như ngọc thạch (cầm thạch). Vào nhà mới xem dường như chường dọn đơn sơ, nhưng nhìn lâu mới thấy cách chường dọn này rất kén, vì toàn là danh thi cổ họa, để được xứng với ngoài vườn là di thảo kỳ hoa.

Trước cửa ngõ nhà Thu Tiên là một cái hồ rộng lớn

1. Mễ Phi, sách Pháp gọi Mi Fei, nhà danh họa đời Tống (1051-1107) chuyên vẽ sơn thủy thủy mặc, nay còn một bức tại viện bảo tàng Đài Bắc. Quý vô giá.

và rất đẹp, tên gọi Triều thiên hồ, đông giáp Tòng giang, tây thông Chấn trạch, nam nối liền được với Long sơn hồ, cho nên bốn mùa cảnh trí thật là vui mắt. Thu Tiên lại lấy đất bồi đắp bờ lên liếp dựa theo mé hồ phía trước nhà rồi trồng lên đó nào anh đào, dương liễu, phù dung và hải đường... Dưới hồ, ngay trước cổng, Thu Tiên thả đủ năm thức hoa sen, qua tiết hạ, ngó xuống mặt hồ màu sắc đua chen, những thuyền hái sen và thuyền khách du hồ xen nhau, chiếc lướt qua chiếc chèo trở lại, tiếng cười chen tiếng nói, thêm vào tiếng ca tiếng hò lãnh lót và tiếng đờn du dương. Ban ngày buồm ngó trắng hồ, ban đêm đèn ngời mặt nước, bốn mùa tám tiết, phong cảnh đổi thay, tốt tươi như nhau, quả đúng đây là một tiểu bồng lai trên dương thế.

Mỗi buổi sáng, Thu Tiên thức dậy, quét sạch những lá rụng nhánh khô, dọn dẹp dưới gốc hoa, quét rồi đến lượt gánh nước tưới cây, đến chiều chạng vạng nhá nhem còn tưới sương tưới giấm thêm một cử nữa, năm này tháng nọ đều lấy công việc đó làm tiêu khiển, không bỏ sót ngày nào, nhờ đó quên hết những phiền toái vật chất ngoài đời. Mỗi khi thấy hoa nào gần nở, thì vui vẻ không cùng, khi đàm rượu ngọt đến tận gốc hoa, tay chấp miệng vái, rồi ngồi dựa gốc rót rượu rót trà ra thưởng thức, có khi hứng chi, ca ngâm thích thú một mình, khi nào mỗi mệt thì nằm luôn dưới bóng cây, từ lúc bông còn búp đến khi nở xoe, Thu Tiên quanh quẩn dưới gốc hoa mãi. Gặp trời nắng hanh hao, thì kiếm đồ che mát, gặp khi trăng tỏ thì trợn đêm không ngủ; lúc nào mưa đông gió tuyết thì mặc áo tơ đi khắp vườn tìm thế chỗ che đùm bọc cho hoa: nhánh nào cây nào bị mưa nặng hột xiêu vẹo thì lập thế chống đỡ lên, dẫu ban đêm cũng dầm sương sẵn sóc, không tiếc công mà cũng chẳng than phiền. Đến khi hoa cỗi hoa

tàn thấy Thu Tiên mà thương hại, vì ông than thở cả ngày có khi đến rơi nước mắt, rồi lấy chổi sạch quét gom chu đáo, mót hết cánh hoa rơi rụng vào một cái mâm sạch rồi để đó xem chơi, đợi khi nào hoa thiết khô thì lấy hũ sành thâu vào, khi nào hũ đầy, mới lựa chỗ sạch đào hố chôn vùi xuống, gọi lễ « *chôn hoa* », vẫn trà rượu cúng tế không sót một chi tiết; những hoa nào bị mưa gió đánh rơi xuống lấm bùn đất, thì lấy nước trong rửa sạch rồi đem hoa thả dưới hồ, gọi lễ « *tắm hoa* ». Bởi Thu Tiên nhứt sanh ái mộ hoa, nên lòng vẫn ghét những kẻ hái hoa bẻ nhánh. Ông luận rằng: « Loài hoa, một năm chỉ nở một kỳ, trong bốn mùa chỉ chiếm có một. Trong một mùa lại chiếm được có mấy ngày vồn vẹn. Vậy thì trong ba mùa kia, hoa phải chịu gió táp mưa sa nắng đốt, gian nan khôn xiết mới bù được có mấy vinh ngày quang. Gặp gió mạnh phải uốn mình theo chiều gió, gặp bất cứ ai đến gần cũng phải vui tươi cười chào, không khác người đương đắc chí thất thời ở chung với kẻ tiểu nhân, nay thịnh linh hoa bị bẻ lia ra khỏi nhánh, phí công cực khổ những mùa kia, nếu quả hoa biết nói thì lời than của hoa sẽ thấm thiết đến bậc nào? Huống chi ngoài mấy ngày nhẹ nhàng thơ thới đôi chút ấy, còn phải chịu mấy ngày biến từ giọt phân ra nhụy kiếng, và sau đây còn phải kéo dài chuỗi ngày tàn tạ, thật là vất vả thay mấy buổi sớm sơ. Lại còn nổi chịu cho ong nút bướm bu, sâu ăn chim mổ, khi nắng táp như lửa đốt, khi gió lạnh đến cuốn kèn, sương dề mưa vả, trên đời mấy khi gặp như Thu công mà hoa được an toàn? Kiếp sanh như thế, con người lại quá vô tâm hay vô tình không biết tăng tiu ư chuộng, lòng nào dày bừa bẻ phá, thiệt là bạc phận thay một kiếp hoa. Vả chẳng hoa từ trực non sanh rễ, rễ sanh gốc, mạnh là cây, yếu ớt là nhánh, một cây một nhánh, hoạn dưỡng biết bao nhiêu lâu mới được

một vài bông, chùng hoa nở, đề vậy xem chơi chẳng là qui, lại đành lòng nào ngắt bẻ làm chi? Hề hoa lìa cành rồi gắn lại sao xong, còn nhành lìa cội ráp làm sao được? Ấy cũng tở như người, hề thác mong gì sống lại? Đừng nói « *hoa hàm tiếu* », có khi hoa khóc cũng nên! Không thấy mỗi lần lấy dao cắt, đầu cành như giọt lụy! Xét cho thấu đáo, không kể những người trồng hoa để bán, thì không nói làm chi, chớ như hàng trưởng giả trồng hoa để ngoạn thưởng tại sao lại bẻ? Những người này, bắt quá lựa những hoa nào đẹp, những nhánh xinh, bèn hái cắm vào bình, chưng bày giữa tiệc đãi khách một buổi, hoặc để cho hầu thiếp làm trâm tươi giắt đầu một thời gian, sao không nghĩ cách mời khách đến đãi tận gốc hoa, hoặc mượn thợ khéo làm hoa vàng hoa ngọc để trang điểm chẳng là lâu bền hơn? Lựa phải bẻ hái làm chi cho thêm nặng tội với hoa? Nếu bẻ đi một cành thì trên cây thiếu hết một cành. Năm nay đốn hết một cây thì sang năm vườn trống hết một chỗ. Chi cho bằng ta biết dung dưỡng tánh mạng cho hoa, thì mỗi năm mỗi tháng mỗi ngày, ta sẽ có hoa mà thưởng ngoạn mãi mãi không bao giờ tận, như vậy chẳng là lưỡng toàn kỳ mỹ hay sao? Nghĩ cho hoa đương đơm nhụy mà hái đi thì chẳng khác con người mạng yếu! Lại có kẻ bẻ hoa chẳng phải vì ưa thích nhưng vì ngứa tay hay vì lẽ gì đó nên thấy hoa thấy lá thì với tay bẻ mà chơi, rồi trong giây lát buồn chán hoặc gặp ai hỏi thì cho, có khi ném bỏ dọc đường không tiếc, như vậy hoa có khác chi con người ngộ nạn rồi bất đắc kỳ tử, hoa kia biết nói há không tức giận lắm sao? Vì nghiên cứu và suy xét kỹ càng làm vậy, cho nên Thu Tiên trọn đời không hề bẻ bứt một nhành một lá đừng nói chi hoa. Dầu trong vườn người không quen biết, Thu Tiên cũng quý trọng như trong vườn của mình. Hoặc có ai bẻ sẵn bông nhánh đem

cho thì Thu Tiên chẳng hề dám thọ lãnh vì sợ người ấy quen tay bẻ nữa càng tội nghiệp cho hoa. Bằng như có ai muốn bẻ bông trong vườn, Thu Tiên chẳng thấy thì thôi, chớ như thấy được hết sức khẩn cầu van xin, xin đừng động tới. Gặp ai cương quyết chẳng khứng nghe lời, Thu Tiên nài nỉ không được thì qui lụy cút cung một hai xin dung tánh mạng cho hoa. Những người quen biết tuy gọi Thu Tiên là Hoa si (điên hoa) nhưng vì thấy tâm thành chí thiết nên cũng nể lòng không động chạm tới hoa trong vườn lão. Gặp phải trẻ con muốn bẻ hoa đặng bán lấy tiền, thì Thu Tiên lại lấy tiền cho chúng gọi chuộc mạng cho hoa. Hoặc lúc nào Thu Tiên đi vắng, có người vào vườn bẻ phá, khi về thấy được những chỗ bị ngắt hái thì Thu Tiên sa nước mắt và lấy bùn non bó mấy chỗ ấy lại, gọi xức thuốc cho hoa. Bởi các lẽ ấy, nên Thu Tiên ít cho ai vào vườn du ngoạn. Nếu có thân thích hay lân hữu nào muốn vào, liệu bề khó từ chối thì Thu Tiên căn dặn mọi điều trước khi cho bước vô khỏi cửa; lại còn sợ nhớ uế đến hoa, nên yêu cầu đứng xa xa mà ngó không cho lại gần, hoặc có ai không biết ý lão bẻ lỡ một bông lá chi chi, thì Thu Tiên đổ mặt tia tai tỏ vẻ khó chịu, thét rồi thiên hạ lối xóm đều biết tánh lão, — tuy gàn thật nhưng cũng có chỗ đáng thương tình, nên họ vị lòng, một lá cũng không động tới. Đại phạm, có ý găm xem, hề chỗ nào có hoa quả thanh mậu thì tự nhiên chim chóc tới ở rất đông, và bông trái càng sum sê, thì chim cầm tề tựu càng nhiều. Nhưng ở đây nhờ Thu Tiên tiên liệu, lấy lúa gạo vãi sẵn nơi đất trống, chim ăn no nê nên cũng ít phá phách. Thu Tiên lại thành tâm nói với chim xin đừng mổ phá trong vườn, mà cũng lạ, không biết chim biết nghe lời người hay vì linh tánh nên thông cảm với chủ vườn, vẫn lượm gạo thóc ăn no, ăn rồi bay lượn

nhẹ nhàng lú lo trên cành, ít khi động chạm tới bông trái trên cây. Vì thế trong vườn, hoa phả rất sai rất nhiều, đã lớn quả thêm chín trên cây nên ngọt ngon thấy bắt thềm, tốt tươi hơn hoa quả các hoa viên khác. Khi những trái ấy chín hườm, khi ấy Thu Tiên mới đành hái, đem cúng tế hoa thần trước rồi mới dám dùng hoặc chia sớt cho hàng xóm. Còn dư lại bao nhiêu mới đem bán lấy tiền bồi bổ vườn hoa. Thu Tiên vui thú trồng hoa từ bé đến già, làm việc không biết mỏi mệt. Tuy tuổi đã quá năm mươi mà như ở độ tứ tuần. Nhờ ăn uống tiết độ và đam bạc, rau nhiều hơn thịt, đã mau tiêu hóa lại không hay sanh bệnh vặt, gân cốt tráng kiện, mặt đỏ hồng hào, tuy trà thô cơm hẩm nhưng vui lòng, tóc dẫu bạc xóa nhưng càng được tướng tiên phong đạo cốt. Khi nào được mùa, tiền bạc dư thừa, Thu Tiên lấy đó mua sách, hoặc không hề tiếc, đem phân phát giúp đỡ cho những người túng thiếu hơn mình, cho nên cả làng Trường lạc thôn thấy đều mến mộ tặng ông là Thu công, nhưng Thu công gật gù vẫn xưng mình là Quyền viên tâu (ông già tưới vườn).¹

* * *

1. Trong bản T.T.Đ., Thu công có làm bài thi như sau tôi xin chép y nguyên văn:

« Hồ trung nhất sắc, thủy liên thiên,

« Bất xường ngư ca, tức thái liên.

« Tiểu tiêu mao đường, hoa vạn chủng,

« Tà dương nhật nhật đới hoa miên ».

Bản dịch T.T.Đ :

Hồ trong, một sắc nước in trời,

Lác đác thuyền ai mấy lá khơi.

Lều cỏ vài gian, hoa vạn gốc,

Bóng chiều vương mãi bóng hoa rơi.

(T.T.Đ. dịch)

(Xem tiếp trang 162)

Thuở ấy gần thành Bình giang, có một người họ Trương tên Ủy, vốn là con quan trong triều, xưng mình là « công tử bột », tánh tình gian xảo quỷ quyệt, thích sự tàn nhẫn khắc bạc, lòng chẳng biết thương ai, thường hay ỷ thế hiếp cô, lấn áp người lương thiện, ai không biết dám xúc động đến và thì chuyện nhỏ và làm ra chuyện lớn, hại cho nát cửa tan nhà và mới chịu thôi. Còn bọn thủ hạ tay chơn lại còn ác ôn hơn nữa : Chúng toàn là bọn chồn bầy cáo lữ, a dua theo kẻ mạnh mà phá xóm phá làng, ai ai thấy đều gớm mặt bọn bất lương này. Thường ngày Trương Ủy tụ tập bọn còn đồ ấy mà ăn uống trong nhà, giỡn hớt bài bạc. Dinh Trương Ủy cũng thuộc Trường lạc thôn, nhưng cách xa xóm Thu công một khoảnh ruộng và một khu rừng nhỏ, nên bấy lâu và chưa đặt chơn đến hoa viên của Quyền viên tâu.

Ngày kia Trương Ủy ăn uống no say rồi bèn dẫn bọn ác ôn đi dạo làng dạo xóm. Đi lần đến cổng lớn Thu công, Trương Ủy chợt thấy bốn phía bông hoa rực rỡ, thảo mộc sum sê, bèn dừng chơn lại mà hỏi gia nhân bằng : « Cha chả ! chỗ này là nhà của ai mà u nhã lắm vậy ? » Bọn gia đình thưa : « Ấy là hoa viên của Thu công đó. »

...

và Thu công làm thêm một bài thi nữa để tỏ bản lai diện mục của mình :

Triều quyền viên hề mộ quyền viên,
Quyền thành viên thượng bách hoa tiên.
Hoa khai mỗi nhật khan bất túc,
Vị ái khan viên, bất khảng niên.

T.T.Đ. dịch :

*Sớm tối chăm chăm tưới đất nhà,
Tưới thành vườn thúy nở muôn hoa
Ngày xem hoa nở chừnng chưa đủ,
Đêm lại miên man..., dưới nguyệt tà.*

Trương Ủy nói : « Ta vẫn thường nghe có lão Thu-gi-đó, trồng nhiều thứ hoa xinh tốt không đâu có, ta tưởng lão ở đâu xa lắm, không dè lão ở lối này, nay sẵn dịp gặp đây, cũng nên bước vào đó xem chơi giây lát. »

Có tên gia nhân nói : « Không được đâu ! Lão chủ vườn này kỳ cục lắm, lão chẳng cho ai vào vườn lão cả ».

Trương Ủy nạt lớn : Như ai thì lão không cho, chớ như ta đây mà lão dám làm như vậy hay sao ? Hãy đi kêu cửa, gọi lệ lão ra đây cho ta !

Lúc ấy là mùa hoa mẫu đơn đang nở. Thu công tưới kiềng vừa rồi, tay xách bầu rượu và hai đĩa trái cây định đi đến gốc mẫu đơn mà vui chén một mình, bỗng nghe phía ngoài rào có tiếng gõ cửa, bèn đặt bầu rượu và hai đĩa trái cây xuống chạy ra hé cửa thấy năm bảy người đang đứng trước cổng, hơi men nồng nực, thì biết chắc bọn say này muốn vào xem hoa, nên ông đứng chặn ngay cổng, lễ phép hỏi rằng : Liệt vị có việc gì muốn hỏi lão ?

Trương Ủy nói : Hay cho lão già này. Từng tuổi ấy mà chưa biết ta đây là ai hay sao ? Ta nói cho mà biết : Nội thành này, có danh hơn hết, Trương nha nội là ta. Ở gần đây có Trương gia trang là nhà của ta đó. Nay ta nghe vườn này có nhiều thứ hoa thơm cỏ lạ, nên ta đến xem chơi ; ấy là danh giá cho nhà mi lắm nhé !

Thu công gượng nói : Ấy là lời đồn huyễn, chớ trong vườn tôi nào có hoa xinh tốt chi đâu, bất quá có ít cây đào cây hạnh, nhưng nay đã quá mùa, hoa rụng hết rồi, có còn chi mà ngoạn thưởng.

Trương Ủy nghe nói vùng trợn đôi mắt đục, mắng lớn lên rằng : Lão già này thật là đáng ghét. Ta xem chơi giây lát, quí hồ gì mà làm bộ dám cản trở ta ?

Thu công còn nói với : Không phải tại tôi xấu bụng, kỳ thật không có chi đáng xem trong đó hết.

Trương Ủy không nghe, xô đại Thu công vệt qua một bên, rồi cùng đám tôi tớ hè nhau ủa vào như con trốt. Thu công thấy thế họ quá hung ác, chẳng biết làm sao, phải tránh đề cho vào, rồi ra khép lại cửa ngõ, và trở vô dẹp hết ve chén của mình, lẳng cẳng theo sau bọn nọ mà đứng lại một bên. Lúc ấy Trương Ủy và nội bọn xem thấy bốn phía hoa thảo rất nhiều, đặc biệt là có hoa mẫu đơn đủ loại và xinh tươi hơn cả.

(Nguyên mẫu đơn này có tên riêng là « phú quý hoa » và bên Trung quốc ngày xưa rất được trọng vọng. Trên đĩa trà thường vẽ một đóa mẫu đơn, có khi đề giãm câu « *Phú quý bạch đầu* », có khi vẽ hoa không đề chi cả, nhưng cũng hiểu đó là câu chúc tụng giàu sang. Tương truyền đó là chúa các thứ hoa khác. Có tích hoa mẫu đơn duy ở Lạc dương là xinh tươi hơn ở các chốn và các tỉnh nước Trung hoa rộng lớn, tương truyền là vì duyên cớ sau đây : khi vua Cao tôn (650-683) nhà Đường băng, và Võ tài nhân soán ngôi, lập nhà Hậu Châu, xưng Tắc Thiên hoàng đế. Võ Hậu, ¹ thông minh hơn người, cai trị rất giỏi, vì lẽ ấy cho nên hai người siêu phàm là ông Địch Nhơn Kiệt và Thánh tăng là Đường Tam Tạng, một lòng phò tá. Hai ông khéo xếp đặt cho nên về sau ngôi báu trở lại nhà Đường như cũ. Duy lúc Võ hậu còn tại vị, tự tung tự tác, không một ai can gián được. Trong trào lân trong cung, có nuôi hai tên Sủng thần là Trương Dịch Chi và Trương Xương Tôn, tên sau gọi « Như Ý Quân » mà phận sự không khác các bà ái phi của các triều vua khác : mảo trồng chun, dép đội trên đầu, và đời đảo ngược, hai tên đồn mặt này lo việc gối chần cho bà nữ chúa dâm loạn ấy cho đúng câu sao Âm lấn ngôi Dương. Một ngày nọ, đang giữa tiết đông thiên lạnh lẽo, Vũ hậu muốn dạo chơi ngự viên, bèn

1. Võ Hậu soán ngôi nhà Đường năm 685, mất năm 705.

viết bốn câu thơ như lệnh chỉ, sai đem dán trước cửa vườn ngự uyển như vậy :

« Lai triều du thượng uyển,
« Hỏa tốc báo xuân tri :
« Bá hoa liên dạ phát,
« Mạc đãi hiều phong xuy ! ¹

Trong ý bài thơ, Tắc thiên hoàng để truyền dạy cho trăm thứ hoa, nội trong đêm phải đua nở hết cho kịp ngày mai bà ra thưởng ngoạn. Trong truyện nói Tắc Thiên là chúa ứng vận, nên trăm hoa không dám trái mạng, rắc rắc nội trong đêm thi nhau khai hoa đơm nhụy đua nở xuê xang (việc có thể được, vì bà là người tinh khôn, đợi bữa chót hết đông qua xuân, bà mới ra lệnh, — dầu lệnh không ra thì bông kia cũng nở, mà vì vậy, nên uy tín bà càng thêm). Sáng ngày sau, Vũ hậu ngự giá ra vườn thượng uyển, thì thấy quả muôn hồng ngàn tia, rực rỡ tư bề. Vũ hậu cả đẹp, duy có giống mẫu đơn, cả thấy sáu thứ thì năm thứ kia : hoàng hải liên vân (bông vàng đọt), điêu kim hoàng (vàng kim sậm), vũ thanh mao (màu da trời), nguyệt tử (màu tia), bách túy hồ điệp (bông sắc trắng) đều có nở bông, duy một thứ « lục mẫu đơn » (bông sắc xanh lục) vẫn trơ không nở. Vũ hậu cả giận cho rằng lục mẫu đơn trái lệnh của mình, muốn làm phản thì đày hoa xuống Lạc dương cùng một chỗ với Lạc tân vương và Tiết Cương nội bọn. Kể từ đó về sau, xứ Trường An là kinh đô nhà Đường, mẫu đơn đều tàn rụi, các nơi khác tuy trồng được nhưng cũng không được tốt, duy tại Lạc

1. Dịch :

*Bãi triều chơi thượng uyển,
Gấp gấp báo Xuân hay.
Đừng chờ mơn gió sớm,
Phải nở hết đêm nay !!*

T.T.Đ. dịch

Dương là đất hợp với hoa mẫu đơn hơn cả. ¹ Muốn xem rõ sự tích, xin tìm bộ truyện « Lục Mẫu Đơn » trọn bộ tám cuốn, bản dịch Trần Phong Sắc năm 1909 là hay nhất).

Đây nhắc lại Thu công trồng mẫu đơn ngay trước cửa nhà, dưới gốc có xây non bộ, chung quanh có cắm cây làm rường, phía trên bong vải che nắng, và có thứ mẫu đơn to lớn cao gần một trượng, thứ nữa cũng cao sáu bảy thước, có hơn, bông nở lớn hơn bàn tay, rực rỡ ngũ sắc, hương thơm ngào ngạt. Trương Ủy bèn bước lên bậc đá để hửi hít hương hoa cho gần. Thu công thấy cử chỉ ấy thì không ưa mới nói rằng: Xin nhà nội hãy đứng xa mà xem cũng được.

Câu nói ấy như lửa chế thêm dầu. Nguyên Trương Ủy thấy Thu công không cho vào vườn, trong lòng căm giận đã sẵn và ý muốn sanh sự, nay nghe Thu công nói như vậy, thì nạt rằng: Lão già khốn này, thử nay lão không

1. Người đương thời có khúc ca « Ngọc lâu xuân tứ » sau đây, thương hại và tán dương vẻ diễm lệ của mẫu đơn phong trần luân lạc bị đầy ải khỏi thượng uyển đất Thần kinh:

Nguyên văn:

Danh hoa sức ước đông phong lý,

Chiếm đoạn thiều hoa đô tại thử.

Lao tâm nhất phiến khả nhân lân,
Xuân sắc tam phân sâu vũ tầy.

Ngọc nhân tận nhật yêm yêm địa,

Khước bị sinh ca kinh phá thụ.

Sạ lâm trang kính tự kiều tu,
Cận nhật thương xuân thâm dữ nhĩ.

Dịch:

— Mẫu đơn môn môn môn
cánh hồng,

Đẹp tươi say cả đông phong
thuở giờ...

Yêu hoa một tấm lòng tơ,
Gió mưa, xuân đã gãy ba
bốn phần

Sớm hôm nét ngọc làn
ngần,

Sinh ca tỉnh giấc mộng trần
bàng khuâng.

Dáng kiều e ấp dài trang,
Thương xuân hồ ngũ bóng
vàng như hoa.

T.T.Đ. dịch

nghe danh Trương nha nội hay sao? Cớ gì hoa nở đầy vườn như vậy mà ban này lão lại dối rằng không có? Nay ta hửi một chút lại có hư hại hay mất mát gì hay sao mà lão làm bộ làm tịch như thế? Vừa nói Trương Ủy vừa nhón lên kéo nhánh hoa xuống mà ngửi nữa. Thu công trong lòng giận lắm nhưng không dám nói ra, cũng tưởng nhịn nhục cho hẵn xem giấy lát thì hẵn đi, dè dáu Trương Ủy dốc lòng gây sự, xem chơi hồi lâu rồi vụt nói rằng: « Hoa đẹp như vậy, coi không sao phải? Phải có rượu ngon để thưởng hoa nữa chứ! » Liền hối gia nhân chạy đi lấy rượu. Thu công khi nghe nói lấy rượu thưởng hoa thì bức chiu không nổi nữa, nên bước tới nói rằng: Tệ thất chật hẹp không có chỗ ngồi xứng đáng. Nha nội xem hoa rồi về quý phủ uống rượu phải hơn.

Trương Ủy bèn chỉ xuống đất mà rằng: Chỗ này ngồi cũng được.

Thu công nói: Dưới đất dơ dáy thêm mặt đất gồ ghề, nha nội ngồi sao xứng?

Trương Ủy trả lời: Nếu dơ thì ta có chiếu trải ngồi cũng xong.

Hai người đứng nói lời thôi, thì gia nhân đã đem rượu thịt một mâm vun chùn đến, trải chiếu ra bày mâm xuống, tứ thầy ngồi vây quanh đánh tửu với nhau la hét om sòm lấy làm đắc ý. Thu công ngồi tránh một bên, mặt mày buồn xo. Rượu vào ngà ngà, Trương Ủy thấy cảnh vườn sầm uất, có thể mang lại nhiều lợi tức, sanh lòng bất lương, muốn chiếm đoạt về mình, bèn nhướn mắt dộc ngó nghiêng Thu công mà nói giọng vinh cường: Lão già này, coi bộ thơ mớ mà lão trồng hoa khéo dữ be! Này! ta thưởng cho một chén rượu đây. Hãy lại đây mà lãnh.

Thu công, trong lòng ghét đã căm gan, không thể dẫn được, nên trả lời xằng xóm lại rằng: Trời phú tánh cho

già, chẳng ham uống rượu. Nha nội uống lấy. Già không uống đâu !

Trương Ủy lại nói : Cái vườn này, lão có bán chẳng ?

Cho hay nó hết ngon, giận hết khôn, Thu công nghe vậy lại càng nói cộc : « Cái vườn này là tánh mạng của già, lẽ đâu già lia cho được. »

Trương Ủy nói tiếp : Giống gì mà tánh mạng. Hãy bán phứt cho ta đi, rồi như không còn chỗ ở thì hãy lại ở luôn với ta. Ta không bắt lão làm việc gì nặng nhọc đâu, ta sẽ giao cho lão tiếp tục trồng hoa cho ta mà thôi.

Bọn gia nhân lại a dua theo : Có phước như vậy còn gì nữa, mầy thử mà đặng nha nội thương tới. Sao không bước lại tạ ơn người đi ?

Thu công nghe những lời khinh rẻ mình như vậy, thì tức giận tràn hông, nhưng cũng chẳng thém nói lại nói đi chi hết.

Trương Ủy nói : Lão già này đáng ghét thật. Bán hay không thì cứ nói ; sao lại làm thỉnh làm thế như vậy ?

Thu công tức quá, đáp rằng : Tôi đã không bán mà còn hỏi làm chi cho uổng công.

Trương Ủy nổi giận, đổi giọng : Cái mớ xì ! Nếu mi không muốn bán, thì để ta viết danh thiệp gửi đến quan huyện, rồi mi sẽ coi ta.

Thu công tức giận bồi hồi, song nghĩ vì nó là người có thể lực, lại đang lúc say rượu, dầu có nói chi với nó cũng chẳng hay cùng, chỉ cho bằng nói xuôi cho nó đi phứt cho rồi, rồi sẽ tính bề khác. Bèn dẫn lòng nhẫn nại mà nói rằng : Nha nội có muốn mua thì huồn huồn lại đôi ba ngày để cho tôi suy tính chờ việc chi mà gấp lắm vậy ?

Bọn gia nhân cũng nói tiếp : Lão nói nghe cũng phải. Vậy thì ngày mai sẽ hay, hôm nay quá say mua bán sao xong.

Nói rồi liền đứng dậy thu xếp đồ đạc ra về. Thu công e bọn ấy phá phách, nên đã đứng sẵn bên những bụi hoa mà coi chừng. Trương Ủy bước lên một bờ đá ý muốn bẻ một nhánh hoa. Thu công lật đật kéo tay lại mà rằng : Xin nha nội dừng tay. Hoa này tuy là vật mọn, song trọn cả năm vun quén công trình không biết bao nhiêu mới đặng có mấy bông, nếu nay bẻ đi thì uổng lắm. Huống chi bẻ rồi đâm về bất quá trong đôi ngày thì rồi cũng tàn cũng héo, vậy thì hái nó làm chi tội nghiệp.

Trương Ủy nạt rằng : Mi chớ có nói lếu. Giống gì mà tội nghiệp ? Mai này mi bán cho ta, thì cái vườn này về ta. Dầu ta có bẻ hết thì lại can chi tới mi mà mi cản trở ?

Vừa nói vừa xô Thu công ra. Thu công cũng cứ kéo tri mà rằng : Có giết già thì giết, chớ già không cho bẻ đâu.

Bọn gia nhân thấy vậy thì áp lại mà nói vô rằng : Lão già này thiệt là đáng ghét. Nha nội muốn bẻ một vài cái hoa, của đáng bao nhiêu mà lão làm như vậy. Chúng ta há sợ lão mà không dám bẻ hay sao ? Nói rồi liền hè nhau áp tới bẻ nhàu. Thu công kêu trời kêu đất liền miêng, rồi buông Trương Ủy ra chạy theo cản trở bọn gia nhân, nhưng hễ niu đưa này thì đưa kia bẻ, buông ra chạy niu đưa đó thì đưa khác bẻ, trong giây phút, chúng nó bẻ đặng khá nhiều. Thu công đau lòng xót dạ lắm, không nhìn được nữa, bèn xỏ nhỏ mắng chửi om sòm rằng : Quân ăn cướp, đang khi không, chúng bây dám đến nhà hiếp đáp ta như vậy. Đến nước này rồi thôi thì ta sống cũng không ích gì. Ta phải liều mạng già với chúng bây mới xong. Nói dứt lời, Thu công liền xốc lại thoi Trương Ủy một thoi rất mạnh. Trương Ủy phần đã say mèm, phần hờ ơ không đề phòng nên té nhào xuống đất. Bọn gia nhân đều ó ré lên rằng : Cha chả ! không xong rồi, lão già này dữ thiệt, lão đánh chết nha nội kia cả ! Và nói và áp lại muốn đánh Thu công. Cũng may, trong bọn có một người lão thành khá biết điều,

thấy Thu công già cả tuổi tác, e sanh chuyện chẳng lành, liền can ngăn bọn gia nhân, và đỡ Trương Ủy dậy. Khi ấy nư giận chưa nguôi Trương Ủy bèn nhảy vào mấy khóm hoa bẻ phá bông lá rụng thối đầy đất, như vậy mà còn chưa vừa lòng lại chạy khắp vườn đập phá không chừa một gốc ¹. Thu công nóng ruột nhào lăn dẫy dụa kêu trời như bộng. Những người lân cận nghe tiếng ồn ào bèn qua vườn Thu công, thấy cảnh điêu tàn, hoa rơi khắp mặt đất, nhành lá tả tơi, còn bọn Trương Ủy thì đương hành hung đánh đập lung tung, bèn tới khuyên giải, có vài người nguyên là tá điền của Trương Ủy cũng chạy lại xin lỗi thế cho Thu công. Trương Ủy chửi chớ mắng mào đã nư rồi cũng kéo nhau ra về. Trương Ủy lại nói với mấy người ấy rằng: Bọn người phải nói lại với lão già ấy rằng có biết khôn thì hãy bán phút cái vườn lại cho ta thì ta mới chịu dung tha lão, bằng lão nói nửa tiếng rằng không thì lão chờ trách.

Nói rồi quày quã ra về. Mấy người lối xóm cũng ngỡ Trương Ủy say nên cũng vâng dạ cho qua bữa, lơ là không kể tới, và trở vào đỡ Thu công ngồi dậy. Thu công mặt

1. Sau có người thương bông hoa vô tội rơi vào tay tàn ác của bọn không biết nương tay, có đề một bài tuyệt cú :

« Lão quyền, độc thủ gia giao hạ,
« Thúy diệp, kiều hoa nhất nhật hưu !
« Hảo tự nhất ban phong vũ ác,
« Loạn hồng linh lạc một nhân thu. »

Dịch :

— Bàn tay lang sói cùng gieo xuống,
Là biếc, hoa thắm một rã rời !
Không khác gió mưa dồn dập đến,
Đâu người thương tiếc cánh hoa rơi !

T.T.Đ. dịch.

mây thiếu nảo, rơi lụy như mưa, ai nấy khuyên giải hết lời rồi chia tay ra về.

Các người ấy đi rồi, Thu công đứng dậy, đi lượm những hoa rụng mà xem từ chiếc, thấy vầy vò lem luốc thì trong lòng thê thảm vô hạn, khóc rằng : Hoa ôi, Ta trọn đời yêu chuộng thương tiếc, chẳng hề hủy hoại một lá một bông, dè đâu hôm nay vì ta mà hoa bị nạn lớn như vầy ! Đương đứng than thở, bỗng nghe sau lưng có tiếng hỏi rằng : Thu công, vì cớ chi mà khóc than làm vậy ?

Thu công day đầu ngó lại, thấy một nàng con gái tuổi chừng hai tám, dung nhan đẹp đẽ, nhã nhặn phong lưu, song chẳng biết từ đâu đến vì thuở nay chưa bao giờ biết mặt, nên lật đật hỏi : Chẳng hay cô nương là con nhà ai và đến có việc chi ?

Nàng ấy nói : Nhà tôi ở gần lối này, nhơn nghe trong vườn ông có hoa mẫu đơn tươi tốt nên đến xem chơi, không dè đã rụng từ bao giờ.

Thu công nghe nhắc hoa mẫu đơn vùng khóc rống lên.

Nàng ấy nói : Có việc chi khổ sở thì ông hãy nói hết cho tôi nghe, khóc lăm không nên.

Thu công bèn đàm chuyện Trương Uy bẻ phá mà thuật lại cặn kẽ.

Nàng ấy cười mà rằng : Vậy hay sao ? Mà nay ông có muốn cho những hoa đã lìa cành ấy dính trở lại trên cây như cũ hay không ?

Thu công nhăn mày đáp : Cô nương nói giả ngộ làm chi cho thêm đau lòng già. Có lẽ nào hoa đã rời khỏi nhánh mà hườn y lại được ?

Nàng ấy nói : Tôi có học được phép lạc hoa phản chi. Như ông muốn thì tôi có thể giúp.

Thu công đổi giận làm mừng, hỏi tiếp : Quả cô nương có tiên thuật hay sao ?

Nàng cười: Quả thật vậy.

Thu công bèn quì xuống, vừa lạy vừa nói: Nếu cô nương có phép thần thông xin hãy giúp giùm lão một phen. Lão không có chi báo đáp ơn dày, nhưng lão có thể mỗi kỳ hoa nở, thỉnh cô nương đến vườn xem chơi.

Nàng rằng: Ông chớ lạy lục làm chi và hãy đi múc cho tôi một chén nước trong.

Thu công lẳng cẳng chạy đi kiếm nước và tô, vừa đi vừa nghĩ thầm: Không lý nào có phép huyền diệu như vậy! Hoặc giả nàng thấy mình khóc lóc bi ai nên có ý giễu chơi hay chăng? Rồi lại nghĩ cách khác: Mà thuở nay ta cũng chưa từng quen biết chi với nàng, không lẽ nàng đành nhân tâm giễu chơi cho đành. Việc ấy có thiệt cũng chưa biết chừng?

Thu công múc nước rồi vừa đi vừa suy nghĩ, đến nơi, ngược mặt ngó lên thì nàng kia đầu mất, còn bao nhiêu hoa rụng đều hườn lại y nguyên trên cành, dưới đất sạch không còn một lá? Xem lại trên cây, năm màu rực rỡ, sắc đậm diễm giả, có vẻ xinh tươi hơn trước bội phần.¹

Thu công nửa sợ nửa mừng, nghĩ thầm: Không dè mà nàng có phép hay như vậy. Nói rồi để tô nước xuống, đi kiếm nàng mà tạ ơn, vì tưởng đầu nàng đi xem hoa trong

1. Trong bản chữ Hán, có thơ rằng:

« Tằng văn Tương tử tương hoa nhiễm,
« Hựu kiến tiên cơ hội phản chi.
« Tin thị chi thành năng động vật,
« Ngu phu do tự tiểu Hoa si ».

Dịch:

— Tương phi từng nhuộm hoa trong máu,
Nay thấy tay tiên thuật phản cành.
Mới biết chi thành hay cảm vật,
Thương người ngơ ngẩn với đàn thanh.

T.T.Đ.

vườn. Té ra tìm khắp đông tây mà không thấy, đi lần đến cửa ngõ thấy hai cánh vãn khóa chặt. Thu công mở cửa thấy có hai ông già ngồi chơi nơi bậc thềm, nguyên là hai bạn láng giềng, Ngu công và Đôn công. Hai người thấy Thu công bước ra thì đứng dậy vòng tay thi lễ mà rằng : Bọn tôi nghe nói hôm qua có Trương nha nội đến đây làm điều ngang ngược, nhưng mắc ở trên ruộng nên không rõ căn do, chẳng hay duyên cớ làm sao mà nó hung hăng như vậy ?

Thu công trả lời rằng : Ồi thôi ! nói tới quân ăn cướp ấy làm chi, may đâu mới đây có một nàng con gái đến dùng phép lạ mà cứu hoa huờn y như cũ, tôi kịp tạ ơn thì nàng đã đi đâu mất dạng, kiếm khắp trong vườn cũng không thấy, vậy chớ nhị vị ngồi đây có thấy nàng đi ngả nào hay chẳng ?

Hai ông già nghe hỏi, thất kinh mà rằng : Hoa đã rụng rồi mà làm sao lại có chuyện lạc hoa phản chi như vậy cả ? Mà nàng ấy đi đã bao lâu rồi ?

Thu công trả lời : Mới tức thì đây.

Hai ông già nói : Cũng lạ ! Bọn tôi ngồi đây này giờ lâu hoắc mà có thấy người nào trong này đi ra đâu ?

Thu công : Nếu vậy thì nàng con gái này chẳng là thần tiên chi đây ?

Hai ông già : Xin huynh ông thuật lại cách nàng cứu hoa ra làm sao cho hai anh em tôi biết với.

Thu công bèn đem đầu đuôi công việc mà thuật lại cho một hồi.

Hai ông già nghe rồi, nói : Việc này lạ thật ! Vậy đề hai tôi vào đó xem lại một phen cho rõ ắt chất mới được.

Thu công bèn dắt hai ông già vào trong vườn chỉ chỗ hoa tháp cánh cho xem.

Hai ông già xem kỹ rồi nói : Đây chắc là thần tiên hạ

giáng giúp ông, chớ người phàm đâu có phép cao cường như vậy.

Khi ấy, Thu công đặt bàn hương án và lấy trầm đốt lên và ngược mặt lên trời tạ ơn thình không.

Hai ông già tiếp : Ấy cũng bởi huynh ông bình nhứt thành tâm, hay yêu chuộng hoa, cho nên hôm nay cảm động đến thần tiên. Để ngày mai sẽ cho lũ đó hay cho chúng nó mắc cỡ chơi.

Thu công nói : Không nên, không nên. Những quân ấy ta phải lánh thật xa như ôn tà, sợ nó như bầy chó dữ sút xiềng. Thấy nó ở đâu thì phải tránh trước là hay. Tội gì lại dẫn nó đến đây nữa.

Hai ông già gật đầu khen phải. Thu công lòng mừng phần vui vẻ bèn hâm rượu thêm nóng, rồi cầm hai ông già ấy ở lại mà mừng hoa tái sanh, ăn uống chuyện vãn vui cười, đến chiều tối mới chia tay đưa hai ông già ra cửa.

Ngu công và Đơn công về rồi thì đồn lẫn chuyện này ra, cả thôn xóm đều hay chuyện lạ trong vườn Thu công, sáng bữa sau rủ nhau kéo đến xem coi, song còn sợ Thu công chẳng cho vào. Dè đâu Thu công là người sáng suốt. hơn thấy chuyện lạ, — hoa trở hai lần, — trong thâm tâm cho là có thần tiên trợ lực và ý đã quay về Đạo, dốc dạ muốn tu hành. Trọn đêm Thu công không ngủ, ngồi hoài dưới gốc cây, mặc dầu sương lạnh, vừa suy nghĩ việc đời, vừa nhớ đến việc Trương Ủy mà ăn năn tự hối rằng : Ấy cũng vì bình nhứt ta ăn ở hẹp hòi và ích kỷ, nên mới sanh ra chuyện lời thôi làm vậy. Nếu ta ở được rộng rãi dung tha như thần tiên thì có đâu nên nổi ?

Nghĩ làm vậy cho nên sáng hôm sau, Thu công mở hoát cửa vườn mặc tình cho những người hiếu kỳ đến xem chơi cho mãn nhãn. Ban đầu chỉ có một vài người vào xem rai rai thử trước, Thu công đang ngồi dưới góc mầu

đơn, dặn vói : Liệt vị có muốn xem hoa lạc liền cảnh thì cứ vào đó mà xem, duy già xin một điều là đừng ngắt bẻ.

Lời nói ấy chuyền lần ra cho nên cả làng gái trai già trẻ đều đưa nhau đến xem coi nườp nượp.

Bây giờ nhắc lại chuyện Trương Ủy, qua hôm sau, tỉnh rượu bèn gọi bọn gia nhân đến, dạy rằng : Hôm qua ta bị lão già khốn ấy đánh ta một thoi bây giờ còn ê, không lẽ ta lại làm thình bở qua cho được. Vậy thì hôm nay ta phải đến đó, mua cho đặng miếng vườn ấy. Như lão không bán, thì chúng ta sẽ đập phá tan hoang, ta mới vừa lòng.

Bọn gia nhân thưa : Cái vườn ấy, chúng tôi dám chắc, trước sau gì rồi cũng về nhà nội, lo chi việc lão không bán. Ngặt hôm qua bọn mình đã lỡ nặng tay làm hư hao hết bọn, chớ chi mình chữa lại một ít bông hoa, thì chẳng hôm nay mình có mà ngoạn thưởng.

Trương Ủy cười gằn : Lo chi việc ấy. Lật bật sang năm đây rồi nó cũng trở ra lớp khác, thiếu chi mà sợ. Bọn ta hãy đi cho mau, kéo dài lâu nó sanh ý khác.

Nói rồi liền dắt nhau hăm hở ra đi. Khi gần đến vườn, nghe đồn có thần tiên giáng hạ trong vườn Thu công, và bao hoa rụng đều hoàn y như xưa không khác. Trương Ủy không tin, bủi môi mà rằng : Thử già khốn ấy, làm gì mà cảm động lòng trời đến có thần tiên xuống giúp ? Vả lại thần tiên đâu chực sẵn trong nhà lão ? Minh vừa bẻ phá thì đến cứu lại lập tức như thế ? Ấy chẳng qua nó sợ ta đến khuấy rối nữa, nên bày điều đồn huyên mượn cơ nó có thần tiên phù trợ dặng ta kiềng nề mà thôi, không phá nó nữa.

Bọn gia nhân đều khen phải. Vừa đi vừa nói, không bao lâu đã tới cửa vườn, bỗng thấy hai cánh cửa mở rộng thiên hạ ra vô nườp nượp và người người đều nói như

một. Bọn gia nhân buộc lòng nhìn nhận : Té ra việc quả có như lời đồn đãi.

Trương Ủy nói : Trối kệ nhà nó ! Dầu cho thần tiên có ngồi tại đó, ta cũng đoạt cái vườn này cho được mới vừa ý ta.

Đi vào lần đến nơi, xem thấy những dấu vết tàn phá hũu qua không còn, Trương Ủy trong lòng cũng có hơi khiếp sợ, nhưng tánh tham khó chữa, Trương Ủy đứng xem một hồi, nghĩ ra một kế rất độc, bèn tặc bọn gia nhân lại mà rằng : Thôi hãy đi về !

Đưa nhau ra khỏi vườn, bọn gia nhân hỏi : Tại sao nha nội không hỏi nó chuyện mua-bán cái vườn ấy ?

Trương Ủy đáp : Ta vừa nghĩ đặg một kế rất cao, nay chẳng cần nói với nó làm chi cho tổn nước miếng mà ngày mai cái vườn tự nhiên sẽ về tay ta cho mà coi !

Bọn gia nhân nghe lấy làm lạ hỏi đồn : Nha nội có chước chi mà hay lắm vậy ?

Trương Ủy đáp : Nay tại xứ Bối châu có một tên Vương Tắc làm phản, nó hay dùng yêu thuật khuấy rối thiên hạ. Triều đình có truyền văn thơ khắp các châu quận, phải nghiêm cấm quân tã đạo bần môn, và tìm bắt cho hết bọn yêu nưon tà đạo. Hiện giờ quan phủ sở tại có xuất ra ba ngàn quan tiền thưởng cho ai đầu đơn thủ cáo. Vậy ngày mai ta lấy cơ trong vườn Thu công này, hoa rụng rồi huồn lại như cũ, ấy là yêu thuật ; và ta sẽ sai Trương Bá đến phủ đầu cáo Thu công đã dùng yêu thuật cố ý mê hoặc lòng dân nếu lão già nầu ấy chịu sự ra khảo không thấu thì thế nào cũng khai bậ. Đến khi lão bị giam vào ngục rồi thì làm gì cái vườn ấy quan cũng phát mả, chừng ấy có ai dám mua giành với ta, trước sau họ cũng nhường cho ta mua. Tức nhiên ta còn lãnh được ba ngàn tiền

thường là khác. Thiết là đặng chì đặng chài. Kế ấy có phải là nhứt cử lưỡng tiện cho chăng?

Bọn gia nhân nghe được, a dua rằng đó là diệu kế và nên làm đi cho sớm.

Trương Ủy về nhà sai người viết trạng cáo, và ủy thác Trương Bá đến phủ đường đầu trạng. (Nguyên Trương Bá này là tên quân sư lợi hại nhứt, đầu dây mối nhợ gì cũng hăn, từng trải việc kiện thưa, lấy không làm có, lấy có làm không, ra vào chốn nha môn như ăn cơm bữa, quen thuộc hết các ngón gian và lâu nay a ý khúc tưng với Trương Ủy mà ám hại không biết bao nhiêu gia đình làm ăn củi lứt).

Bây giờ nhắc qua việc quan Phủ Bình giang, đang lo tìm bắt yêu nhơn là một mối hại lớn (sau này làm lọt cơ đồ nhà Tống vào tay quân Mông cổ bắc phiên), khi hay việc ấy, thì ra lệnh cho Trương Bá dẫn đường, đưa quân sai nha đi bắt Thu công lập tức, còn Trương Ủy thừa cơ đàm bạc đút lót trăm miệng trước bọn nha lệ. Khi Trương Bá dắt quân vào đến cửa vườn, Thu công vẫn tưởng là khách đi xem hoa không đề ý tới, chẳng dè bọn ấy ó lên một tiếng áp vào bắt quách ông trói lại. Thu công hồn vía rụng rời, vừa run vừa hỏi: Già có tội tình chi, xin liệt vị nói giùm cho minh bạch.

Bọn Trương Bá chẳng nói rằng chi hết, cứ trói lại và mắng: Loài yêu nhơn mong lòng làm phản, hãy đem nó về nạp quan phứt cho rồi. Và nói và kéo lôi Thu công ra cửa. Những người có mặt tại đó đều thất kinh, và đồng chạy theo hỏi thăm duyên cớ.

Quân chúng nói: Bọn người còn hỏi nữa làm chi? Tội nó chẳng phải nhỏ, đừng xía vô e liên lụy đến cả làng chớ chẳng chơi.

Chúng dân nghe vậy, thì sợ nên tản lạc ai về nhà nấy; duy có Ngu công, Đon công mấy người ngày thường đã

giao hậu với Thu công thì không nỡ bỏ qua, nên đi theo phía xa xa mà ngó chừng.

Còn Trương Ủy, thành công đã nửa đường, nên chờ dân Thu công đi rồi bèn khiến gia nhân khóa cửa vườn lại, chắc ý trước sau gì cũng về mình, đoạn dắt nhau theo đến phủ đường thăm nghe tin tức.

Thu công bị quân áp giải về đến nha môn quan phủ, và để quì trước nguyệt đài. Thu công thấy bên mình đã quì sẵn một tên lạ, trạng mạo hung ác song chẳng biết đó là ai. Còn bọn sai nha ngực tốt, đã nhận tiền của Trương Ủy rồi, nên đã sắm sẵn các món hình cụ để chờ tra khảo.

Quan phủ ra khách, ngồi trên công án, nạt hỏi Thu công: Mi là yêu nhơn ở xứ nào, dám đến phủ này mà mè hoặc lòng dân? Phe đảng đảng mấy đứa, hãy khai ngay cho ta rõ.

Thu công nghe hỏi dường như ở trong tối mà nghe tiếng pháo nổ vang, quả là đất bằng sấm dậy. Thu công bầm: Kẻ tiểu nhơn nhà ở thôn Trường lạc, sanh đẻ và sống từ nhỏ chí lớn tại đó, chớ không phải yêu đạo ở xứ nào lại. Kẻ tiểu nhơn không biết tà thuật là gì, xin quan trên soi xét.

Quan phủ nói: Hôm nọ mi dùng yêu thuật khiến cho hoa rụng xuống đất rồi lại hoàn lại y nhiên trên cành, nay mi còn già hàm chối cãi nữa sao?

Thu công nghe đến việc hoa rụng hoàn lại, mới rõ lá lay là tại thằng Trương Ủy sanh sự, bèn đàm việc Trương nha nội mong lòng chiếm đoạt vườn hoa của mình, trước vào bẻ phá, sau có thần tiên xuất hiện cứu hoa, đầu đuôi gốc ngọn bầm lại hết không sót điều nào.

Quan phủ không tin, cười gằn: Xưa nay biết bao nhiêu người mộ đạo tu hành, thành tâm thiện chí, từ bé đến già mà còn chưa gặp được thần tiên? Huống chi mi,

duy khóc hoa mà thần tiên phát hiện hóa phép « *lạc hoa phản chi* ». Thật là phi lý. Dẫu có tiên hạ phàm đi nữa thì ắt cũng để danh hiệu lại cho thế gian tường, có đâu lại chẳng từ mà đi? Những lời ấy mi gạt ai kia chớ gạt ta sao đặng? Ngục tốt đâu, hãy khảo nó cho ta.

Quân ngục tốt chực sẵn, dạ lên một tiếng như hùm như hổ, kéo Thu công dè xuống căng nọc ra, vừa muốn dùng cực hình, bỗng lão quan phủ đang ngồi trên công án, khi không xây xẩm mặt mày gần xỉu té, liệu bề ngồi xử không đặng, nên hối quân đóng gông Thu công lại, truyền giam vào ngục, ngày mai quan sẽ tra xét lại. Bọn ngục tốt dẫn Thu công ra, còng than khóc cùng đường, chợt thấy Trương Ủy đứng đó thì kêu la thảm thiết: Trương Ủy, ta với người ngày trước không thù, ngày nay không oán, cớ sao người ra tay độc thủ hại ta như vậy?

Trương Ủy không đáp lời nào, hiệp với Trương Bá dật lũ ác côn lâm lủi đi một nước.

Kế đó Ngu công và Đơn công bước lại gần Thu công mà hỏi thăm, chừng ấy mới rõ căn do, bèn nói: Lẽ đâu để cho có việc oan ức như vậy? Không hề chi, và hãy yên tâm. Đề mai chúng tôi hiệp hết dân chúng trong thôn đồng đứng vào đơn xin bảo kiết, có lẽ sẽ được vô sự.

Thu công khóc mà rằng: Đặng như vậy, tôi rất đội ơn.

Kế bọn ngục tốt nạt nộ: Lão tử tù này, sao không đi cho mau, lại còn cà rà khóc lóc gì đây?

Thu công theo quân vào ngục, những người hàng xóm thương tình mua rượu thịt gửi vào Thu công, nhưng bọn ngục tốt chặn lại chia nhau nuốt hết chẳng hề cho Thu công một mảy. Đến tối chúng lại nhân tâm đam Thu công bỏ trên tù sàng, xiềng rút lại, sống cũng như chết, tay chơn cứng ngắt, không cựa quậy chi đặng, mặc cho muỗi rệp làm thịt, khổ không chỗ nói.

Thu công nắm một mình, đến khuya than thở : Chẳng biết vị thần tiên nào làm việc nửa chừng : cứu hoa mà hại tôi bị đũa ác phu dùng dịp hãm hại như vậy ? Thần tiên ôi ! nếu quả có lòng xót thương tôi thì đến mà cứu tôi với ! Nếu tôi ra được chốn này, tôi nguyện đi tu !

Còn đang mơ màng tưởng vọng, bỗng thấy vị tiên nữ hôm trước hiện ra trước mặt. Thu công cả kêu : Xin tiên cô cứu đệ tử với.

Tiên nữ cười rằng : Nhà ngươi muốn thoát vòng khổ ách đó chi ? Ấy cũng là căn kiếp, phải trả cho rồi mới được. Nói rồi bước lại lấy tay chỉ một cái tự nhiên bao nhiêu xiềng sắt và lòi tói đều sút rớt ra lổn rổn...

Thu công cúi đầu lạy tạ, vừa hỏi : Chẳng hay quý danh nữ tiên là chi ?

Tiên nữ đáp : Ta là bộ hạ của Tây vương mẫu, cung Diêu tri, tên là Tú Hoa tiên nữ. Bởi thấy nhà ngươi chí thành, yêu chuộng hoa quả, nên ta làm cho hoa sống lại, không ngờ đũa gian nó thừa dịp hãm hại người lành. Ấy cũng bởi số nhà ngươi phải chịu tai ách, đợi mai này mới khỏi. Còn như tên Trương Ủy kia, đã phá hoại hoa quả còn vu oan hãm hại người lương thiện thì hoa thần đã tâu sự việc lên thiên tào mà đoán số nó rồi. Đến như những bọn a dua làm điều dữ thì cũng chờ ngày đền tội. Nhà ngươi hãy dốc chí tu trong vài năm nữa ta sẽ đến độ cho người thành chánh quả.

Thu công cúi đầu tạ ơn và thăm hỏi phép thuật tu tiên.

Tiên nữ đáp : Tu tiên có nhiều cách, trước phải tìm cho được nguyên bản của bản thân. Như nhà ngươi một đời cung kính yêu chuộng hoa, thì cũng phải nhờ hoa mà tìm đường đắc đạo. Nhà ngươi tập ăn cho đủ một trăm giống hoa, thì tự nhiên nhẹ nhàng, con đường chánh quả không xa. Nói rồi liền dạy phép ăn hoa luyện chơn khí.

Thu công cúi đầu lay tạ, vừa ngược mặt lên thì không thấy tiên nữ nữa, ngó kiếm cùng khắp thì thấy bóng nàng đứng trên đầu tường cao và đang lấy tay ra dấu như bảo Thu công bay lên.... Thu công bước ra nhắm nhía rồi vùng nhảy phóng lên nhưng mới được nửa chừng thoát nghe dưới chân tiếng thanh la inh ỏi và tiếng ngục tốt ó vang « Yếu nhân trốn rồi, mau mau bắt nó lại ». Thu công hoảng kinh, tay chơn bủn rủn, té nhào xuống đất, giựt mình thức giấc thì còn nằm trên tù sàng, và chừng ấy mới biết là nằm chiêm bao, nhưng những điều nghe thấy còn nhớ rành rành, định ắt vô sự nên trong lòng cũng bớt lo.

Đây nói về Trương Ủy, thấy quan phủ đã nhận Thu công là yếu nhơn và cho lệnh giam vào ngục, trong lòng lấy làm đặc chí, nói với bộ hạ : Lão già khốn ấy nay đã đáng kiếp. Đề đêm nay lão nằm tù sàng nếm mùi cho biết chừng ! Từ rày cái vườn hoa của lão xem như thuộc về tay ta, mặc sức chúng mình vui chơi tung hoành, nhắc đến lòng ta khoan khoái vô cùng !

Bọn gia nhân còn nói tiếp : Hôm trước là vườn của lão, nên chưa mấy thỏa chí. Hôm nay đã thuộc về của nhà nội, vậy chúng ta hãy đến đó vui say cho phỉ tình một bữa.

Trương Ủy khen phải rồi khiến gia nhân khiêng rượu thịt đem theo cho nhiều, đoạn dắt diu nhau ra đi, thẳng một mạch tới vườn Thu công mở cửa vào như vào vườn hoang, cười nói om sòm. Người hàng xóm thấy Trương Ủy hành động như vậy lấy làm bất bình, song vì sợ liên lụy nên không dám nói.

Bọn Trương Ủy vào trong vườn, thấy mẫu đơn rụng tàn tạ đầy đất, không còn một đóa trên nhánh, tựa như hôm bị bọn chúng tàn phá, đều lấy làm lạ. Duy Trương Ủy thì luận rằng : Quả lão già này là yếu tặc, nếu không như vậy thì làm sao trong nửa ngày mà biến hóa mau lẹ như

thế, khi hoa đầy vườn khi không còn một bông nhỏ trên cây.

Trong bọn có đứa châm chọc : Đây chắc lão biết nha nội làm sao cũng đến đây mà thưởng hoa, nên cố ý làm phép như vậy để cho bọn ta mắc cỡ chờ gì ?

Trương Ủy lè nhè nói : Nó làm cái chi cũng mắc kệ nó. Bọn ta tới đây thì cứ việc ăn uống chơi bời cho sướng : Không thưởng hoa trở thì thưởng hoa rụng !

Cả bọn khen dồi, đoạn trải chiếu bày thập vật và rượu thịt ra cùng nhau ăn uống. Mặt trời vừa chen lặn, ai nấy rượu đà túy lúy, đang ngồi gật gù nói mầy nói tao, bỗng đâu có trận gió ùn ùn từ đâu thổi tới. Bao nhiêu hoa rụng dưới đất thấy đều xóc dậy, vừa nháy mắt đã biến ra vô số con gái cao vừa độ thước mộc. Bọn gia nhân tá hỏa đồng la lên : Quái lạ dữ be !

Tiếng la chưa dứt, bỗng thấy những cô gái ấy dùng mình một cái liền nhóm lên tức khắc hóa ra cao lớn như người thường, thấy đều đẹp xinh yểu điệu, y phục lõe loẹt và đứng vây lại một chỗ. Trương Ủy và nội bọn thấy người nào cũng xinh cũng đẹp, khác phàm cả, thì ngó trân không nháy mắt. Không dè trong bọn con gái, có một nàng mình mặc áo hồng, cất tiếng lên mà nói với bọn Trương Ủy rằng : Chị em chúng ta ở đây đã trên mấy mươi năm nhờ ơn Thu công một lòng kính nể yêu chuộng, không ngờ bọn chúng người là bọn tục tằn mất dạy, không đáng mặt làm người, chúng bày ra tay độc phá hoại nát tan. Chúng ta không chỗ ở, mà vườn hoa của Thu công cũng tiêu điều. Chẳng những vậy, chúng người còn vu họa cho Thu công mà chiếm đoạt căn cứ của người. Nay mấy đứa thù nhọn là bọn chúng người ở trước mặt, vậy sao chị em ta không ra sức đánh chúng nó mà rửa hờn, trước báo thù cho Thu

công, sau trả oán bọn chúng nó đã phá hại mất cơ sở của chúng ta trú ngụ.

Mấy nàng kia đồng thanh khen phải. Vừa dứt lời, mấy nàng con gái ấy bèn dùng tay áo mà đánh, những mảnh lụa dài hơn thước ấy bỗng vút vút bay, tiếng kêu như lụa xé, hơi lạnh thấu xương và mạnh hơn điện giật. Bọn Trương Ủy không biết đâu mà chống đỡ, miệng la « Quỷ! Quỷ! » bò lết bò la, bỏ hết bình quý đĩa xư, chỉ lo mạnh ai nấy tìm đường mà chạy, chẳng ai kể đến ai, tở như thầy, thầy như tở, kẻ vấp đá gãy chơn, người gai quào xề mặt, té lên té xuống, tiếng khóc la vang dội khắp vườn. Bọn gia nhân đồng hè nhau chạy đến cổng vườn mới gọi nhau đứng lại, khi tỉnh hồn đếm số thì gia nhân còn đủ mặt, duy không thấy Trương Ủy và Trương Bá hai người. Khi ấy cơn gió lốc đã im, nhưng trời vẫn tối om và hơi lạnh vẫn còn, ai nấy run cầm cập như cây sậy, và bao nhiêu rượu uống trước vẫn không đủ ấm.

Bọn gia nhân chạy trở về Trương gia trang kêu thêm một bọn ngu hầu mã diện khác, đưa xách còn đưa cầm đèn, trở lại vườn Thu công tìm kiếm nha nội Trương Ủy và quân sư Trương Bá. Khi vào tới vườn, xảy nghe dưới gốc mai già có tiếng rên la, gia nhân xách đèn đến rọi xem thì rõ là Trương Bá bị vấp rễ cây té va đầu vào đá, thương tích rất nặng và gượng dậy không nổi. Bọn gia nhân bắt ra hai người mạnh mẽ khiêng Trương Bá đem về trước, còn lại phân nhau đi khắp trong vườn kiếm nha nội. Nhưng tư bề lặng lẽ im lìm, không thấy tăm dạng gia chủ. Bao nhiêu mẫu đơn thì dính lại trên cành sồn sồn như trước, dưới đất xem kỹ không còn một đoá hoa rơi rụng nào. Ngoài ra thì ngồn ngang ve chén, mâm đĩa ngửa nghiêng, rượu cạn hầy còn, mùi nồng phảng phất... Ai nấy thấy đều lắc đầu le lưỡi cho rằng kỳ quái.

Rồi đó chúng lại chia nhau, một tốp đi lượm một đồ đạc nào còn dùng được, còn một tốp lớn thì tiếp tục đi tìm nha nội. Nguyên lai cái vườn cũng chẳng lớn bao nhiêu, song kiếm đã năm ba phen, mòn hơi mỏi mắt mà tâm dạng cậu ấm cậu Hai đâu không thấy. Bọn gia nhân mới nói nhỏ với nhau rằng: Không lẽ gió thổi cậu bay mất? Cũng không lẽ mà nha nội bị nữ quỷ ăn thịt rồi? Đi quanh quần kiếm thêm một hồi lâu, cũng không thấy bóng hình, bọn gia nhân mới bàn cùng nhau định trở về gia trang rồi sáng bữa sau sẽ hay. Nhưng vừa ra tới cửa, thì thấy phía ngoài có một tốp khác xách đèn đi vào. Xem lại thì đó là đám Ngu công và Đôn công, nghe đồn bọn gia nhân gặp quỷ, còn Trương Ủy thì bị ma giấu, không biết chôn giả thế nào nên rủ nhiều người lối xóm vào xem hư thiệt. Khi những người này nghe gia nhân thuật lại tự sự, hai ông già thất kinh bèn nói với bọn gia nhân xin nán lại cùng nhau đi kiếm một phen nữa xem ra sao.

Bọn gia nhân y lời, trở vào hiệp sức cùng mấy ông già kiếm tìm thật kỹ lục lợi khắp nơi nhưng cũng biệt vô tăm dạng. Chúng nó than thở, hoàn toàn thất vọng và dất nhau ra về. Mấy ông già lại nói: Nay mấy cậu bỏ về hết, vườn này không kẻ giữ, còn bọn tôi thì ở lân cận, nếu có rủi ro bề nào, thì can hệ không nhỏ. Vậy xin mấy cậu để cho bọn tôi khóa cửa vườn lại, như vậy ước được cùng chẳng?

Lúc này bọn gia nhân như rắn không đầu, như chó mất chủ, không còn oai vệ như trước kia nữa, nên trả lời xuôi xị rằng: Nhờ mấy ông liệu giùm, làm thế nào cho xong thì làm!

Vừa dứt lời và sắp sửa ra về, bỗng nghe nơi gốc nhà xí lộ thiên, có tên gia nhân vừa đưa tay tới trước vừa la

lớn : Trên nhánh cây hòe, có một cái khăn treo tròn ten, tôi xem dường như là khăn của nha nội thì phải.

Bọn kia chạy lại xem kỹ càng đồng nói : Phải rồi. Và nếu khăn chít ở đó thì người ắt cũng gần đây. Vậy chúng ta rán kiểm cho thật kỹ chỗ này lại coi. Liền phân nhau đi dài theo mé rào, rọi đèn kiểm khắp xó kẹt. Nhưng chúng đi đặng chừng vài bước, vùng ó ré lên mà kêu trời như bọng ! Té ra chỗ đó nguyên là cái giếng loạn nay đã phế thải rồi dùng làm hầm chứa phân, y như các hầm của những khu rẫy sung túc của bọn chệc Phú lâm trồng rau cải ngày nay, vẫn do phương pháp đời Tống truyền lại, vừa là nơi phóng uế công cộng tiêu tiêu lâu đời không tốn thuế, vừa là vựa phân người lưu lai, là món bổ nhứt giúp rau cải bông hoa « ăn » mau lớn, càng nhiều ruồi giòi càng hay, đã không tốn tiền mua lại được thứ hảo hạng khỏi tốn công đến sở canh nông chờ lãnh ! Sở dĩ chúng không đề ý xem xét kỹ chốn này là vì đũa nào cũng đều gồm sợ mùi ô uế, mà cũng không ngờ có sự sắp đặt oái oăm đến thế. Nay nhìn kỹ lại thấy giữa hầm có dạng một người té động đầu xuống đó, đưa hai cẳng lên trời, mà chỉ lộ từ mắt cá đến đôi giày nên sợ ý và ban đêm không làm sao thấy đặng. Bọn gia nhân nhìn đôi giày gấm thì biết là của Trương Ủy bèn xúm nhau kéo thầy chủ lên, đầu cổ mặt mày, vấy tinh những phân vàng, hôi thúi không chỗ nói. Ngu công và Đon công biết là thiên lý chiêu chương, báo ứng nhãn tiền, bèn niệm Phật làm thầm rồi chờ bọn gia nhân kia ra về sẽ khóa cổng vườn ra về nghỉ ngơi. Duy bọn gia nhân, lúc trước phùng xoe bao nhiêu, nay Trương Ủy chủ chốt thác rồi, như cua rụng càng, không dám mượn nhờ nhóm Ngu công, bèn thân chạy xách nước sạch tắm rửa nha nội cho sạch phân, rồi khiêng thầy ra khỏi vườn cho Ngu công khóa cửa. Một tốp chạy trước về gia trang phi báo tin

chẳng lành, một tốp lo chạy mua quan quách làm ma câu ấm. Cả nhà đang khóc than, thì Trương Bá từ khi té lỗ đầu, máu ra không cầm được, nay hay tin dữ thì hét lên một tiếng lớn rồi cũng đi cho kịp theo hầu nha nội dưới âm ty.

Đây nói qua việc quan tri phủ Bình giang, sáng bữa sau, vừa muốn thẳng đường đem việc hôm qua ra xử, bỗng thấy sai nha vào báo : Nguyên cáo là Trương Ủy lại với gia nhân là Trương Bá, cả hai, hồi hôm, đã chết, một cách dữ tợn.

Quan phủ hỏi thăm duyên cớ, sai nha bèn đem tự sự thuật lại. Quan phủ nghe rõ đầu đuôi, trong lòng khiếp sợ, còn đang suy nghĩ, xáy thấy mấy ông hương lão Trường lạc thôn dắt một tốp lương dân độ hơn trăm người, vào qui trạng kêu oan cho Thu công, kể lại những việc Thu công làm xưa nay, là người củi lụt làm ăn, bình sanh hay ham thích hoa quả chó chẳng phái yêu hơn yêu đạo chi cá, còn Trương Ủy thì hay ỷ thế hiếp cô, âm mưu hãm hại người lành, cho nên nay quỷ thần báo ứng, đầu đuôi bầm lại hết và đồng lòng xin báo kiết lãnh Thu công về. Quan phủ nghe rành tự sự, nhớ đến việc hôm qua đang lúc tra vấn Thu công thì khiến cho mình xây xẩm mặt mày, tra khảo không nổi, nên biết oan tình, thêm nguyên cáo đã không còn, nên quan khiến ngục tốt dẫn Thu công ra công đường tha bổng, lại làm cáo thị đóng dấu son cấp cho Thu công đem về treo trước cửa vườn, cấm người ngoài không dặng vào phá phách. Dân chúng cúi đầu ca tụng thanh quan rồi dắt nhau ra về. Thu công ra khỏi lao tù, lòng mừng chẳng xiết, cảm tạ mấy ông hương lão và hương lân. Về đến nơi, Ngu công và Đơn công mở cửa vườn, rồi hiệp với Thu công vào xem thấy mẫu đơn rực rỡ như xưa, ai nấy đều thương cảm, gió đưa ngào ngạt hương thơm, bông cái nhún cái gật đầu như mừng chủ cũ ! Hương lân

làm tiệc khánh hạ Thu công và Thu công cũng bày tiệc đáp lễ, chén thù chén tạc yến ẩm luôn mấy ngày mới dứt.

Từ đó về sau, Thu công giữ lệ mỗi ngày ăn hoa quả, tập quen lần lần rồi dứt tuyệt cơm cháo của trần, ăn toàn trái cây và hoa bông. Có tiền bạc dư bao nhiêu đều đem ra bố thí tất cả, chẳng đầy mấy năm, thấy trong mình nhẹ nhàng, tóc bạc hóa đen, tác già trở lại trẻ.

Ngày kia nhằm tiết Trung thu, đúng ngày rằm tháng tám, vừa buổi trời trong mây tĩnh, Thu công đang ngồi dưới gốc hoa, xảy thấy gió lạnh phất phất, mây tốt năm vùng, trên không có tiếng tiêu thiểu chấp trời, mùi thơm ngào ngạt, thanh loan bạch hạc dẫn đầu, bay lượn nhẹ nhàng rồi đáp lần xuống sân, trên mây hiện Tú Hoa tiên nữ, có tràng phan bửu cái phủ che, lại có các vị tiên nữ trẻ đàn nhạc phò trì. Thu công lật đật cúi đầu quì lạy.

Tú Hoa tiên nữ cất tiếng nói rằng: Thu Tiên, nay ngươi công thành viên mãn, Thượng đế có sắc phong ngươi làm Hộ hoa sử giả, cho ngươi chưởng trăm hoa trong thiên hạ. Ngươi hãy phi thăng theo ta về tiên cảnh.

Thu công cúi đầu tạ ơn, rồi lên mình chim hạc bay lên mây, nhắm hướng nam trực chỉ. Lúc ấy Ngu công cùng Đôn công và các dân chúng trong làng thấy đều quì lạy không trung thì thấy trên mây Thu công vòng tay đáp lễ đủ mọi người, hồi lâu mây che khuất cảnh hân tiên ấy.

Từ ấy, thiên hạ cái chỗ đó lại là Thăng tiên lý (thay vì Trường lạc thôn) đề nhắc tích Thu công đắc đạo thành tiên. Nhưng có một số người lại gọi chỗ đó là « Bá hoa thôn » để ghi chuyện trăm hoa trong vườn ông già Quyền viên hầu.

Phản phê bình.— Chuyện Thu Tiên lớp gần dứt, chưa dừng đôi chỗ dị đoan kém phần thiết thực. Người dịch có thể

ngắt đi bớt phần nào lướt buột cho chuyện thêm gọn, nhưng làm như vậy là sửa đổi văn xưa nên thà chép trọn ra đây, mặc tình người đọc muốn hiểu sao thì hiểu. Xin chớ nên quên bộ Kim cổ kỳ quan viết vào đời Minh và chuyện thần tiên rồng phụng, vào đời ấy vẫn cho là có thật. Có vài chi tiết, lấy khoa học cắt nghĩa được, như việc ăn hoa quả sống thêm lâu, ấy chẳng qua là vấn đề già không nên ăn muối ăn thịt nhiều có hại cho sức khỏe, nhưng cắt nghĩa làm vậy không khác làm tài khôn đi dây hát xiệc, có ngày Tổ trác té đập xương thì đừng trách. Còn việc Trương Uy lọt « cầu tiêu » cắm đầu vào phân thúi, việc có thể được vì say, làm tàn, chơn đi không vững, thêm đông tố và gió lớn, la làng cũng chẳng ai hay. Viết đến đây là tôi đã leo lên sợi dây sắt đi xiệc, nên chém tôi, tôi cũng không dám bước thêm nữa.

Tóm tắt lại, bao nhiêu chuyện khó tin, ta nên quên đi, và chỉ nên nhớ vào đời Tống có một ông già thích trồng hoa hơn thiên hạ, đủ làm gương cho sau này.

7-11-1970

7. — Đổ thập nương

(nguyên văn chữ Hán : “Đổ thập nương nô trăm bá bửu sương”, dịch là : Nàng họ Đổ, thứ Mười, vì tức giận, gieo chìm dưới nước trăm thức ngọc).

* * *

Chuyện sau đây, rút trong bộ Kim cổ kỳ quan và nhắc lại một tích buồn thảm bị phụ tình, xảy ra dưới đời Đại Minh bên Trung quốc, triều vua Vạn lịch (1573-1620), năm thứ 20 (khảo ra là năm 1593 dương lịch). Những năm tháng này là những chi tiết không quan trọng, cốt làm mốc nối cho thêm dễ tin, và câu chuyện có thể nói là chuyện ngàn đời không thay đổi giữa tình yêu và giữa nam và nữ.

Chuyện kể vào đời ấy, có người nước Nhật Bản tên là Quang Bạch nhóm quân ô hợp làm loạn, rồi dấy binh kéo qua xâm phạm nước Triều Tiên. Quốc vương nước này cự không lại nên dâng biểu cáo cấp, xin thiên triều Trung quốc kịp phát binh thủy quân thiện chiến qua giải cứu...

Vì có việc ấy, nên quan Hộ bộ tâu cùng vua Vạn lịch, nay triều đình đang lúc dụng binh, mà trong kho tiền bạc, lương hưởng không đủ dùng, nên xin vua tạm cho mở đặc lệ rao sĩ tử trong nước nạp lúa, hễ ai nạp đủ vào kho bao nhiêu số đã định thì được đặc cách cho vào trường Quốc tử giám, bổ vào hàng Giám sanh. Vua Vạn lịch chuẩn tấu.

Nhơn có cơ hội khởi thi mà được vào ngôi Giám này, nên những học trò bấy lâu lận đận trường ốc nhưng có dư dả tiền, con quan liêu hoặc con nhà phú hộ, đều đua nhau

mua chức Giám sanh, đông hơn số ngàn. Trong số có hơn vật chánh trong truyện tên là Lý Giáp. Lý Giáp là công tử, con quan Bố chánh, người tỉnh Chiết giang, phủ Thiệu Hưng ¹. Lý Bố chánh có ba trai, Lý Giáp là lớn nên được cưng nhiều, tuy sức học không kém ai nhưng thi hoài chưa đỗ, nay được cha xuất tiền đăng giám sanh, cho lên Bắc kinh tiếp việc kinh sử. Lên đến nơi lại gặp giám sanh Liễu Ngộ Xuân là người đồng xứ, hai đảng là bạn thiết, sẵn xa nhà mặc sức tung hoành, nên thường tới lui tìm tiêu khiển nơi thanh lâu cơ viện.

Thuở ấy, tại Bắc kinh, trong viện mục họ Bru, gọi Bru nhi, có nàng họ Đỗ, tên Vi, vào hàng thứ mười, nên trong viện đều gọi Đỗ thập nương. Nàng này dung nhan đẹp đẽ, mắt phụng mày nga, da tuyết tóc mây, mười phần diễm lệ, lại thêm cầm kỳ thi họa, nghề riêng ăn đứt, quả là một đấng danh cơ thời đại ấy. Nàng bị phá thân từ tuổi mười ba, nay đã mười chín, trong suốt bảy năm quen chẳng biết bao nhiêu công tử vương tôn, ai tới đó thấy đều sa đắm tài sắc của nàng, nhiều người vì nàng mà sạt nghiệp, nhưng rốt lại tuy mất của mà không một ai than tiếc!

Công tử Lý Giáp là bậc phong lưu hào phóng, tuổi nhỏ thêm đẹp trai, vốn chưa gặp gái quốc sắc, nên từ ngày quen được với Đỗ thập nương, duyên nở trên môi, lòng trao cuối mắt, hai người thật là xứng đôi vừa lứa, ba xuân hoa liễu tình hoà, một đóa hải đường phong nhụy, mừng phỉ khôn cùng, duyên mặn tình nồng, tâm đầu ý hiệp.

Bấy lâu Đỗ thập nương thấy tú bà là mục Bru nhi, ăn ở không ra gì, chỉ biết tham tiền vô nghĩa, nên ý muốn

1. Thiệu Hưng ngày nay là nơi sản xuất đồ sành danh tiếng, tuy thua đồ sứ chế tạo tại Cảnh Đức Trấn cũng cách đó không xa mấy. Tỉnh Chiết giang địa thế lại ở trên tỉnh Phước kiến, nên trọn vùng đều là hạng phong lưu ăn chơi và biết uống trà.

tùng lương đã nảy sanh từ lâu trong tâm trí, nay gặp được Lý công tử, dòm xem thấy cử chỉ đoan trang, có vẻ người trung hậu chí thành, nên Thập nương quyết dạ xe tơ kết tóc cùng chàng, duy nàng có tánh cẩn mật và xét nét, nên chưa chịu thổ lộ tâm tình. Đàng khác, Lý công tử chưa được lệnh cha nên cũng chưa dám ra mặt. Tuy vậy hai đàng tình ưa mật thiết, sớm tối không rời, đối đãi với nhau như vợ chồng, biển hẹn non thề, nguyện không đổi dạ. Thiệt là :

« Ôn sâu đường bể, ơn không đáy,

« Nghĩa nặng tày non, nghĩa lại cao.

Từ ngày Đỗ thập nương bị Lý công tử chiếm làm của riêng, cùng nhau ở miết trên lầu, đeo dính như cặp sam, đến nửa bước không rời, khiến những bợm đa tình nghe tiếng hoa khôi muốn tìm xem cho biết mặt cũng không được toại nguyện.

Buru nhi thuở nay là hạng tham tiền, vẫn theo dõi hành vi công tử từng cử chỉ, từng khi từng lúc. Ban sơ mới đến, công tử còn nặng túi, ăn xài huy hoát, mu Buru nhi « đập » được, nên hết sức nuông chiều. Nhưng có kho vàng nào vô tận ? Suốt một năm trường kéo dài cuộc ăn chơi, công tử đến ngày nhẹ túi, việc tiêu pha không được ưng ý tú bà như lúc đầu, khi ấy Buru nhi trở mặt, khinh khi cho ngó thấy.

Tình cảnh Lý công tử lúc này càng thêm bối rối, vì Lý Bố chánh từ nơi trấn nhậm đã bắt được tin phong thanh công tử trên kinh, la cà tửu điểm, xao lãng việc sách đèn, ban đầu viết thư khiển trách, sau tỏ ý đòi con phải về. Công tử mắng nịch ái người yêu không nỡ xa lìa, nên cứ dằn dà mãi không nghe lời gia huấn. Sau sự việc tới tai, Bố chánh dùng dùng nổi giận, tuyệt đường bồi trợ, công tử càng không dám nghĩ đến việc hồi hương.

Lời tục xưa thường nói : « *Dĩ lợi tương giao, lợi tận nhi sơ* » (lấy lợi làm thân, hết lợi thì xa). Nguyên Lý công tử và Đỗ thập nương thiết tình thương yêu nhau lắm, nhưng bởi công tử nay đã sạch túi, nên mụ Bru nhi trở mặt, bảo thập nương phải nghe lời mụ, thẳng tay làm đứt đuôi công tử sớm rời khỏi cơ viện. Song thập nương là gái chung tình không đành làm bức. Vì vậy Bru nhi tức mình ra vô háy nguyệt, bộ mặt hầm hầm giần dĩa giần chén, kiếm chuyện khêu khích muốn làm cho công tử giận bỏ ra đi. Trái lại, công tử giả bộ không nghe thấy, dẫn lòng làm ngo, lấy lời hòa thuận đối đãi cố ở lý, khiến Bru nhi cụt lối, bèn nặng lời thập nương : Vả cơ viện của ta bấy lâu hề cửa sau tống khách cũ thì cửa trước rước khách mới, và nhà có quan khách tới lui đông đảo thì tiền của mới được dồi dào. Từ ngày họ Lý-nhà-mi tới chiếm ở đây, ăn dầm nằm dề với mi đã hơn một năm, đừng nói khách mới làm chi, thậm chí những khách quen cũng không ai lai vãng được, khác nào trong nhà làm chay mà mi thỉnh lão tiêu diện ma vương đến chần ngằn trấn đó thì đám cô hồn ma mới nào dám léo hánh cồ bàn ? Quả mi làm cho cửa hàng nhà ta có hơi mà không có khói, có bếp mà không có lửa, như vậy hoài ai chịu cho thấu ?

Đỗ thập nương không nhịn, cũng phân bua : Vả Lý công tử tốn hao tiền bạc cho nhà ta cũng đã nhiều lắm, chớ chẳng phải tới tay không ?

Bru nhi ơng ơng đáp lại : « *Bỉ nhứt thì, thử nhứt thì* ». Muốn vậy thì mi hãy bảo va phi một chút đỉnh đừng ta mua rau mua gạo mua củ mà nuôi hai lỗ miệng bay với chớ ! Nhà người nuôi con gái hãy còn nhờ nó làm ra tiền bạc, chớ như nhà ta đây, muôn việc lo cũng có một tay già này, mi lại thêm nuôi một thằng trai cùng đồ mặt kiếp đó, thì ta biết lấy gì mà sắm y sắm thực ? Vậy mi phải nói với gã ấy rằng : « Có giỏi thì xuất

bạc trả lại cho ta, thì ta cho mi đi theo với nó, đừng ta mua dừa khác mà thế cho mi, làm vậy mới là lưỡng tiện.»

Thập nương hỏi gần : « Má nói lời ấy, mà thiệt hay là chơi ? »

Buru nhi trong ý đã rõ lưng túi Lý công tử, vốn không còn một đồng một chữ, y phục đều cầm cố hết, tiền đâu mà mua chuộc hầu thiếp, nên trả lời xằng : « Ta chẳng hề nói sai lời ! »

Thập nương hỏi tiếp : « Má biểu người ta trả bao nhiêu bạc ? »

Buru nhi đáp : « Nếu người khác thì phải đúng ngàn vàng mới là phải giá. Nhưng mi cứ bảo mặt kiếp tiên sanh ấy trả cho ta BA TRĂM LƯỢNG BẠC mà thôi ; nhưng hẹn nội trong ba ngày, hề tay tả giao tiền thì tay hữu giao người, còn nếu trong ba ngày không có bạc, thì bất kỳ công tử vương tôn, ta cũng đánh đuổi ra khỏi viện, chừng ấy mưa chóe phiền trách ta. »

Thập nương phản trần : « Công tử ở nơi khách địa, đương cơn túng tui, má hẹn chỉ có ba ngày thì gấp quá, lo sao cho đủ ba trăm lượng ? Xin cho hạn mười ngày họa mới kịp cho ! »

Buru nhi nghĩ thầm : Thằng trai khốn ấy nay còn tay không, dẫu hạn đến một trăm ngày thì nó cũng lo không ra bạc, chừng ấy dẫu nó lấy sắt mà bao mặt, cũng không dám để chân đến cửa này, khi ấy ta sẽ tu chỉnh gia phong lại, thì con thập nương sẽ không còn tiếng chi oán trách ta được. » Nghĩ như vậy, nên đáp lại : « Ta vị tình mi hạn rộng cho va mười ngày. Nếu mười ngày nữa không đủ số bạc Ba trăm lượng thì chóe khá trách ta. »

Thập nương tiếp : « Mười ngày không bạc thì còn mặt mũi nào bước đến cửa này ! Nhưng tôi e khi công tử lo đủ số ba trăm lượng bạc rồi thì má kiểm điều không giữ lời nói đi chẳng ? »

Buru nhi giận thề độc : « Ta đã năm mươi một tuổi rồi, lại ăn thập trai, đâu dám nói lão. Nếu ta sai lời thì ta là loài cầm thú chứ chẳng phải con người. »

Đêm ấy thập nương chung gối với Lý công tử, mới đem việc trăm năm ra bàn tính, công tử than : « Chẳng phải tôi không có lòng và chẳng biết lo, song tôi e khi mười tháng nữa tôi chạy cũng chưa đủ số, vì bởi thể tình ấm lạnh, nay đang lúc ngặt nghèo ít ai đoái hoài. Mặc dầu lòng đau như cắt, tôi cũng phải rán lo. » Rạng ngày đi khắp đông tây, lo kiếm không ra một lượng. Đi trọn ba ngày mà một phân một hào không có, nên chẳng dám về viện thấy mặt Thập nương, bèn tìm đến chỗ ngụ của Liễu Ngộ Xuân mà nghỉ nhờ. Liễu giám sanh thấy Lý công tử mặt mày buồn bực, bèn hỏi lai do. Lý công tử bèn đem chuyện Đỗ thập nương ý muốn bỏ nghề theo mình, mà thuật lại một hồi. Liễu Ngộ Xuân lắc đầu mà rằng : « Ai lại không biết nàng Đỗ thập nương là một danh cơ bực nhứt xứ này, nếu muốn từng lương, thì ít nữa cũng phải có mười hột minh châu, ngàn lượng vàng ròng làm lễ sính, như vậy mà còn không biết đặt chưa, chứ lý nào mụ Buru nhi chỉ đòi có ba trăm lượng mà thôi ? Trong thế mụ này thấy anh hết tiền cho nên mụ ta lập kế như vậy để đuổi anh. Còn nàng ấy kết nghĩa cùng anh đã lâu, nên vị tình không nỡ nói rõ sự thật, lại cũng biết hiện nay anh không còn một đồng một chữ dính tay nên có ý đòi giá có ba trăm, mua lấy nhưn tình nên hạn cho anh mười ngày. Mãn hạn mười ngày mà anh lo không ra bạc, thì ắt anh chẳng dám tới đó nữa. Ấy là kế đuổi khách của bọn lâu xanh đó, xin anh suy nghĩ kỹ lại, chứ có nghe lời họ đưa đẩy phỉnh phờ mà thất vọng càng nhiều. » Lý công tử nghe nói, làm thinh, chẳng nói chẳng rằng chi hết. Liễu Ngộ Xuân tiếp : « Anh hãy suy nghĩ cho chín đi. Thi tỷ anh muốn hồi

hương gặp lại cha mẹ gia đình, thì tiền bản phí chút đỉnh, cũng có người tư trợ; chớ như việc anh nói đó, nay muốn kiếm cho đủ ba trăm lượng, thì chớ nói chỉ mười ngày, dẫu cho mười tháng tôi tưởng cũng khó kiếm cho ra và cho đủ. Nhon tình thời buổi này, có mấy ai đặt lòng tốt «năng toan giúp nón, mưa giùm áo tôi», và cơn huân gấp giúp nhau mới gọi thảo bao giờ? Tôi định cho bọn ấy nó biết dư anh không cậy mượn ai được lúc này, nên nó mới dùng kế ấy, mà làm khó anh, chớ có lạ gì!»

Lý công tử trả lời xuôi xị: «Lời anh luận đó khi nhắm.» Ngoài miệng tuy nói vậy chớ trong lòng bỏ dút không đành, bèn cứ y như cũ, đi tìm bạn thiết xưa nay năn nỉ khắp hết đó đây, nhưng rốt lại cũng không ai cho mượn xu nhỏ xu lớn nào. Lý công tử trong lòng hồ thẹn chẳng dám trở về cơ viện, cứ ở miết tại chỗ ngụ của Liễu giám sanh luôn thêm ba ngày nữa, cộng lại là sáu ngày, trong lòng buồn lo ăn ngủ không yên.

Trong lúc ấy, Đỗ thập nương ở nhà trông đợi, không thấy Lý công tử về viện, trong lòng xôn xao bứt rứt khác nào ngồi trên bàn chông, bèn sai con ở tâm phúc là Tư nhi đi kiếm, đến nơi đảng lớn gặp được.

Tư nhi nắm áo công tử kêu rằng: «Bớ công tử, cô tôi ở nhà có lòng trông đợi lắm, sao công tử không về?»

Lý công tử nghĩ mình không còn mặt mũi nào trở về, bèn nói với Tư nhi rằng: «Công việc chưa xong, ngày nay về chưa tiện, đến sáng mai ta sẽ trở về.»

Tư nhi vì có lời căn dặn của chủ nên không dám buông ra cứ nắm tay áo công tử nói rằng: «Cô tôi bảo kiếm cho đảng cậu, rồi xin cậu về theo tôi mà thôi.»

Lý công tử sẵn lòng thương nhớ, phải nín nấp mang mặt thẹn theo về với Tư nhi. Tới viện ra mắt Thập nương, mặt ử dầu dàu, làm thỉnh chẳng nói chẳng rằng chi cả.

Thập nương hỏi : Việc ấy thế nào ? Đã đi tới đâu rồi ?
Công tử đi đã mấy hôm, chẳng hay có kết quả gì chưa ?

Công tử nghe hỏi, hai hàng nước mắt rùng rùng...

Thập nương tiếp : « Hay là tình đời lạt lẽo, lo không đủ số ba trăm lượng chẳng ? »

Công tử lau nước mắt, đáp rằng : « Nàng ôi ! Thiết là :

« Trói hùm trên núi âu còn dễ,

« Mở miệng cầu người ý rất khôn !

« Tôi lo chạy đã sáu ngày không ra một lượng, cho nên hồ mặt thấy nàng, không dám về viện. Đến nay vâng lời kêu gọi, đành nuốt nhục mà về là cũng vì quá nhớ thương mà quên mất cỡ ! Chẳng phải là tôi không cố tâm, vốn thiết thể tình lãnh oán. »

Thập nương nói : « Vậy thì lời nói ấy chớ sơ lậu kéo mụ già hay biết. Đêm nay chàng hãy an nghỉ lại đây, để mặc thiếp lo cho. »

Bèn sắm rượu thịt làm cơm cho công tử ăn uống no nê rồi, ngủ đến nửa đêm, Thập nương bèn kêu công tử thức dậy mà hỏi rằng : « Nếu chàng quả lo khôngặng, thì việc chung thân của thiếp biết tính làm sao đây ? »

Công tử nghe hỏi ghen ngào, không nói chiặng hết, hai hàng nước mắt chan hòa. Trời vừa rưng sáng, Thập nương mới nói rằng : « Trong nệm thiếp nằm, còn dành đểặng một trăm năm chục lượng bạc vụn. Vậy thì số bạc ba trăm lượng, thiếp đã chịu hết phân nửa ; còn phân nửa thì chàng phải rán lo. Còn bốn ngày nữa bắt từ hôm nay, xin đừng chậm trễ. Phải lưu tâm cố gắng, đừng để hư việc. »

Nói rồi, Thập nương đứng dậy, lại dỡ nệm lấy gói bạc mà trao cho công tử. Công tử thất kinh, vừa mừng vừa

thẹn vừa cảm động, bèn gọi tiểu đồng ôm gói bạc¹ đi theo mình, qua nhà Liễu Ngộ Xuân, tỏ hết sự tình, mở gói bạc lấy cân cân thử quả nặng đúng một trăm năm chục lượng!

Liễu Ngộ Xuân thất kinh mà rằng: « Nàng này quả thiệt có lòng! Và nếu ở dạng như vậy thì chẳng khá phụ nhau. Để tôi giúp cho anh! »

Công tử đáp: « Nếu dạng ngọc thành, quyết không dám quên ơn. »

Liễu Ngộ Xuân bảo công tử ở nghỉ tại đó, rồi chạy đi các nơi quen biết, trong hai ngày vay hỏi được một trăm năm chục lượng bạc, đem về giao cho công tử mà rằng: « Nay tôi vay mà giúp cho thành sự. Thiệt không vì tức hạ! Và thiệt vì cái chí tình của một nữ nhi hiếm có. Đồ thập nường quả là một khách quần thoa hãn hữu! Không nên phụ! Không nên phụ! »

Lý Giáp lãnh đủ ba trăm lượng bạc rồi, lòng mừng khắp khởi, còn hơn cá khô trên cạn gặp trận mưa dầm, lật đật từ tạ Ngộ Xuân, ra đi vấp lên vấp xuống, chạy bay đến ra mắt Thập nường, thì đã đến ngày thứ chín.

Thập nường lấy làm lạ hỏi: « Ngày trước chàng nói một phen lo cũng không có, hôm nay bạc đâu chạy đủ một trăm năm chục lượng? »

Lý công tử bèn thuật hết tự sự, nhờ Liễu giám sanh nghĩa hiệp, v.v...

Thập nường lấy tay vỗ trán mà rằng: « Khiến cho ta toại kỳ sở nguyện, ấy cũng là nhờ sức của Liễu quân. Ôn này ta phải ghi nhớ. »

Hai người vui mừng, tạ ơn trời đất. Đêm ấy Lý công

1. 150 lượng bạc, cân nặng $37\text{gr}50 \times 150 = 5.625$ grammes (5 ký 625 nặng), nên phải có người vác theo, là đúng phong tục xưa, không nên lấy làm lạ sao công tử không lặn lưng giấu bạc trong mình.

tử ở lại viện, trong lòng khoan khoái, không còn mừng nào lớn hơn.

Bữa sau đúng ngày thứ mười, Thập nương dậy thật sớm, nói với Lý công tử rằng : « Hễ bạc này giao thì thiếp gửi số mạng của thiếp cho chàng và đi theo chàng lập tức không nán lại đây một giây một phút. Vậy thì những xe cùng thuyền đều phải dự bị sẵn cho kịp. Ngày trước thiếp có mượn của chị em đăng hai chục lượng bạc đây, chàng khá cất lấy để làm lộ phí. »

Lý công tử đang lo về nỗi không tiền hành phí song chưa dám hỏi, nay đăng bạc rất mừng, chuyện vẫn với nhau chưa rồi đã nghe tiếng mẹ Bru nhi kêu cửa : « Hôm nay đã đến ngày thứ mười rồi ! »

Lý công tử sửa áo, mở cửa tiếp Bru nhi vào phòng, nói : « Tôi vâng hậu ý của má má, đang muốn thỉnh đến, may lại gặp sang đây. »

Bèn đem ba trăm lượng bạc để trên bàn. Bru nhi không dè Lý công tử chạy đủ số bạc, nên sững sốt xem chừng có ý ăn năn ; Thập nương hiểu ý bèn nói chặn họng : « Tôi ở trong nhà má đã bảy năm hơn, làm ra vàng bạc chẳng dưới số muôn vạn, ngày nay lòng lương, ấy là việc tốt, má lại đòi phải đủ ba trăm lượng không thiếu một phân, vả lại cũng không quá kỳ hạn, nếu nay má thất tín để cho chàng đem bạc ấy đi, thì tôi nguyện tự tận tại đây, chừng ấy người chết của má, má đâu ăn năn cũng không kịp ».

Bru nhi nghe lời nói quả quyết, không sao trả lờiặng, ngẫm nghĩ một hồi, rồi lấy cân ra, cân đủ số bạc, mới cười gằn : « Việc đã lỡ ra rồi, dầu cho cầm mi cũng không ở, mặc ý muốn đi thì đi ; còn những đồ trang sức lúc bình thường, đều phải trả lại hết ! »

Nói rồi liền xô công tử và Thập nương ra khỏi phòng mà khóa cửa lại.

Lúc ấy, tiết trời tháng chín, Thập nương ra khỏi phòng, chưa kịp rửa mặt cài đầu, trong mình mặc chỉ có một cái áo cũ, lay Bưu nhi hai lay, Lý công tử xá má má một xá, rồi vợ chồng dắt tay nhau ra khỏi cơ viện.

Thiệt là :

Lý ngư thoát khỏi câu vàng,

Đuổi đầu vùng vẫy khôn toan trở về !

Công tử bảo Thập nương nghỉ chân một chập đằng kêu một cái kiệu, định qua ngụ dưỡng bên nhà Liễu giám sanh rồi sau sẽ tính. Thập nương nói rằng : « Vả chị em trong viện, bình nhứt ở với nhau rất hậu, lẽ phải tạ từ ; huống chi ngày trước lại có lòng tốt cho mượn tiền phi lộ, không lẽ không một lời cảm ơn. » Nói rồi bèn dắt công tử đến các viện chị em mà từ biệt. Trong bạn chị em, duy có hai người là Tạ Nguyệt Lăng và Từ Tố Tố là tương đắc nhứt. Đỡ Thập nương trước tới viện Tạ Nguyệt Lăng. Nguyệt Lăng thấy Thập nương đầu không giặt trâm, mình mặc áo cũ, thì lấy làm lạ, bèn hỏi thăm duyên cớ. Thập nương thuật đủ mọi điều, lại chỉ Nguyệt Lăng mà nói cùng công tử rằng : « Chị này là người cho ta mượn bạc phi lộ đó, chàng khá tri tạ. » Lý công tử liền bước lại trước mặt chấp tay xá xá mà cảm ơn. Nguyệt Lăng bèn bảo Thập nương vào phòng trang điểm, và cho người đi thỉnh Từ Tố Tố đến viện hội nhau.

Đỡ Thập nương rửa mặt gỡ đầu xong, Tạ Nguyệt Lăng, Từ Tố Tố hai nàng đem vòng vàng trâm rung, hoa tai ngọc, áo gấm, quần hoa, giày thêu đủ thứ¹ giao cho Thập nương trang điểm, cũng con người ấy nhưng rất khác : hôm qua còn là gái yên hoa nay là cô chủ thêm được giải phóng khỏi nơi ô trược, nên nổi mừng vui hiện ra trên nét mặt, xem

1. Thập vật đi hồ và tiền bạc, tiếng nói của chị em tặng biếu, là Thập nương không muốn cho công tử biết, kỳ thật đều của Thập nương gởi các chị em giữ gìn, nay được hoàn lại.

diễm lệ khác thường. Khi ấy, mấy chị em mới bày rượu thịt, mở tiệc khánh hạ, cùng nhau ăn uống chuyện trò thật vui vẻ. Mãn tiệc, Nguyệt Lăng nhường phòng mình cho Lý công tử và Thập nương yên giấc.

Qua bữa sau lại bày tiệc lớn, thỉnh hết các viên, những người bạn thân thưở nay của Thập nương đều tề tựu đủ mặt, cất chén mừng cho hai vợ chồng, kẻ thổi tiêu người khảy đàn, kẻ ca người vũ, bao nhiêu tài nghệ hay giỏi đều đem hết ra giúp vui bữa tiệc song hỷ này. Ăn uống đến nửa đêm, Thập nương đi khắp các bàn từ tạ chị em đủ mặt. Các chị em đồng nói rằng: « Nay Thập nương theo chồng, chị em tôi không biết bao giờ đặng thấy nhau nữa; chẳng hay nhứt định ngày nào ra đi, chị em chúng tôi sẽ theo đưa ít dăm cho phỉ tình¹ thương nhớ. »

Nguyệt Lăng nói: « Ngày nào lựa được, tôi sẽ cho hay sau. Song từ nay A tử theo chồng, ngàn dặm quan san, trong túi trống trơn, bốn phận chúng ta phải lo vừa giúp, chớ để cho A tử gặp bước cùng đồ, như vậy mới phải cho. »¹ Các chị em đều xin lĩnh ý rồi phân tay ra về.

Đêm ấy, công tử và Thập nương nghỉ tại phòng Nguyệt Lăng. Qua canh năm, Thập nương hỏi công tử: « Vợ chồng ta đi đây, tính an thân nơi chốn nào, chàng đã nghĩ trước rồi chưa? »

Công tử đáp: « Hiện nay cha già đang cơn thịnh nộ, nếu hay cười gái yên hoa đem về, ắt như lửa cháy chế thêm dầu, lại càng liên lụy cho nhau. Tôi đang thắc mắc lo lường, và vẫn chưa tìm đặng kế nào toàn hảo. »

Thập nương bàn: « Vả cha con là tánh trời, há dứt cho đành? Tuy vậy, đang cơn nóng nảy thì chẳng nên chọc giận. Chi bằng vợ chồng ta dắt nhau qua đất Tò

1. Thập vật đi hồ và tiền bạc, tiếng nói của chị em tặng biếu, là Thập nương không muốn cho công tử biết, kỳ thật đều của Thập nương gởi các chị em giữ gìn, nay được hoàn lại.

Hàng 1, lựa nơi nào thắng địa, quyền ngu ít lâu, rồi chàng hãy về trước, cầu người thân hữu, tới trước mặt tôn đường, khuyên giải cho hòa thuận, rồi sau sẽ đàm thiếp về nhà, dặng vậy thì đó đây mới là hạnh phúc. »

Công tử nói : « Nàng nói rất phải. »

Sáng ngày, hai người dậy sớm, từ tạ Nguyệt Lăng, qua nhà Liễu Ngộ Xuân mà sắm sửa hành trang. Đồ Thập nương ra mắt Liễu giám sanh, nghiêng mình cúi lạy, tạ đức châu toàn. Liễu Ngộ Xuân lật đật đáp lễ, rằng : « Thập nương chung tình được vậy, chẳng lấy nghèo ngặt thay lòng, ấy mới đáng gọi nữ trung hào kiệt. Chớ như tôi chẳng qua « theo gió thổi lửa », có ơn gì cho xứng đáng. »

Ba người vậy lại ăn uống cùng nhau, hết một ngày nữa.

Ngày thứ, sáng sớm tin sương, chọn được giờ xuất hành, ngựa kiệu mướn sẵn, Thập nương bảo tiểu đồng chạy thông tin trước cho Nguyệt Lăng và các chị em hay. Đến lúc lên đường, kẻ xe người gánh, đem đồ vật đến lăng xăng, gọi là những vật của Tạ Nguyệt Lăng, Từ Tố Tố cùng các chị em tặng biếu Thập nương thượng lộ.

Nguyệt Lăng nói : « Nay Thập nương theo chồng, đường xa diệu vợi, chị em tôi nhớ chút tình bèo nước, có bao nhiêu lễ mọn xin kiếm thâu, hoặc nơi trường đồ có thiếu thốn thì lấy đó mà dùng. »

Nói rồi liền sai từng nhơn đem lại một rương, phong kín kỹ càng, bên trong không biết chứa đựng những gì, Thập nương cũng chẳng hề mở ra coi, mà cũng chẳng chối từ chi hết, duy một điều ân cần từ tạ các chị em để ra đi.

Giây phút, kiệu ngựa sắp đặt sẵn sàng, từng nhơn hối thúc lên đường. Liễu giám sanh bồn thân dặng ba chén

1. Tô Hàng : Tô châu và Hàng châu.

rượu tẩy trần, đưa đến tận cửa Sùng Văn, mỗi người bịn rịn chia tay, có người đến sa nước mắt.

Thiệt là :

*Thuở khác trùng phùng chưa định quyết,
Bây giờ phân thủ thật nên thương.*

Lý công tử cùng với Đỗ Thập nương đến sông Lô hà, bỏ đường bộ xuống đò, may gặp chuyến thuyền Qua châu trở về, bèn mượn phòng tử tế. Xuống đò rồi, Lý công tử trong túi không còn một đồng, vì hai chục lượng bạc của Thập nương trao cho, lớp chuộc áo quần, lớp còn lại bao nhiêu thì mượn kiểu xe hòm rày ráo sạch.

Công tử đang lo buồn bứt rứt, Thập nương nói : « Chàng chớ lo buồn, các chị em hiệp nhau đưa tặng, tưởng không đến nỗi bạc bẽo. »

Nói rồi bèn lấy chìa khóa mở rương ra, công tử hồ thẹn day mặt chỗ khác. Thập nương lấy một túi lụa đỏ bỏ trên ghế mà nói rằng : « Chàng hãy mở ra xem. » Thì đếm chừng năm mươi lượng bạc, Thập nương khóa kỹ rương lại, cũng chẳng cho biết trong rương còn những vật gì, duy nói sơ với công tử : « Các chị em hậu tình, chẳng những là giữa đang thiếu hụt, dầu cho ngày kia mà có nổi trôi Ngô-Việt, thì cũng đủ cho vợ chồng ta phí dụng, mặc tình ngao du san thủy. »

Công tử nửa then nửa mừng mà rằng : « Nếu ta mà chẳng gặp nàng, bây giờ thân ắt còn bình bồng nơi khách địa, chừng đó thác cũng không đất mà chôn ! Nghĩa ấy tình này, dầu đến bạc đầu cũng không dám phụ ! »

Từ ấy về sau, hễ nhắc đến việc đã qua, công tử cảm động hăng sa nước mắt ; Thập nương thấy vậy thường an ủi bằng nhiều lời chí thiết.

Chẳng mấy ngày đò đến bến Qua châu, đậu lại đó nghỉ. Công tử mượn thuyền khác, dọn đồ hành lý qua,

định sáng hôm sau sẽ tách dăm đi nữa. Đêm ấy nhắm đêm rằm tháng mười một, trăng ngời ánh nước. Công tử bèn cùng Thập nương ra ngồi nơi mũi đò, công tử thung dung nói: « Từ ngày hai ta ra khỏi cửa Đô, tôi túng trong một khoang thuyền chật hẹp, trở day đã bất tiện, thêm ngày ngồi bó gối, đêm chong đèn dầu, nên chưa dặng lời chi thông thả. Bây giờ vợ chồng ta riêng chiếm một con đò, có đủ tiện nghi, hết còn kiêng nể, đã xa Tái Bắc, gần đến Giang nam, vậy đôi ta hãy uống chơi một tiệc cho hả hê, ngỏ dặng giải cái tình bức bối. Nàng có thấy chi bất tiện? »

Thập nương rằng: « Thiếp đã lâu cười nói, cũng sẵn có lòng ấy, nay nghe chàng đề nghị, rõ là ý hiệp tâm đầu. »

Công tử bèn sai dọn đồ nhắm rượu để trước mũi đò, cùng Thập nương trải nệm hoa cùng ngồi, cùng chén kể vai lấy làm thích thú. Rượu vừa nóng má, công tử hai tay nâng chén nói với Thập nương: « Ân khanh lành nghề âm nhạc, trong sáu viện đứng đầu, khi mới gặp hằng cho là tuyệt diệu, chẳng định tỉnh thần hồn. Đã hèn lâu chưa được thưởng thức tiếng oanh, hôm nay trăng tỏ, giữa khoảng đêm lặng canh vắng sông sâu, chẳng biết ân khanh có khứng vì tôi cho nghe một bài như buổi mới gặp? »

Thập nương lúc ấy rượu cũng vừa hưng chí, liền lấy giọng, vừa nhịp cán quạt vào be thuyền, ca chơi hai bài: một bài nhắc tích đời Nguyên, người Tri quân Mỹ bá nguyệt đình, giúp Trạng nguyên cầm chén, và một khúc gọi « tiểu đào hồng ».

Thiệt là :

Hơi đến trời cao mây đứng lại,

Giọng vào suối thẳm cá ra chơi!

Ngờ đâu vì một buổi hát ca ấy mà vợ chồng tình rã duyên tan, cũng bởi lọt tai một tên khách nghe trộm. Nguyên hôm ấy có một chiếc thuyền khác cũng đậu

gần đó, trong thuyền có một tên công tử giả hiệu tên là Tôn Phú. Tôn Phú, người quán Tân An, thuộc tỉnh Huy châu, tổ tiên vốn là người Dương châu, làm giàu lớn nhờ nghề buôn muối. Tôn Phú vào trạc đôi mươi, có tánh bốc rời, thường ngày chỉ biết lầu xanh giỡn gái, má đỏ mua cười, lại vốn người khinh bạc, ham đó bỏ đây, mọi việc lấy tiền mua chuộc. Đêm ấy Tôn Phú uống rượu khan một mình, thoạt nghe đặng hơi ca lãnh lót, phù trầm, như phụng hót, như loan sù, khiến tâm thần mê mẩn, bèn ra trước mũi thuyền lắng lắng ngóng nghe, mới biết tiếng ca do nơi chiếc đò đậu gần đó phát ra, ý muốn hỏi thăm thì tiếng oanh đã dứt. Bèn bảo gia nhưn thăm dò tằm tích mới biết là đò của Lý công tử, nhưng chưa rõ ắt tiếng ca của người nào. Tôn Phú nghĩ rằng: Người này quyết chẳng phải lương gia, nhưng không biết làm sao thấy mặt. Đêm ấy Tôn Phú trằn trọc không ngủ... Qua đến canh năm, bỗng gió sông cả dậy, đến rạng sáng mây kéo ùn ùn và tuyết bay mù mịt. Một trận bão tuyết sắp đến, tuy chưa phải đó là xiềng xích nhưng vẫn không cho thuyền nào rời ra khỏi bến, và ấy căn hay kiếp, khiến cho cặp uyên ương Lý-Giáp và Thập nương rồi đây sẽ rẽ thủy chia uyên. Tôn Phú thấy tuyết đùn gió siết làm vậy, bèn dạy trạo phu dời thuyền đậu cặp đò Lý công tử. Tôn Phú đầu đội mào thiêu, mình mặc áo hồ cầu đắt giá, dõ song giả đò xem tuyết, thừa ưá gặp lúc Thập nương cài đầu rửa mặt vừa xong, thò tay ngọc vén rèm đổ nước bồn ra sông: Dạng phấn phút bày khiến tên trộm tình dòm thấy, quả là sắc nước hương trời. Tôn Phú hồn tình điên đảo, lom lom liếc mắt ngó qua chờ cho thấy được một lần nữa nhưng vẫn biệt vô tâm dạng. Tôn Phú ngâm nghĩ hồi lâu, bèn cất tiếng ngâm lớn hai câu thi của bài « Mai hoa » của Cao học sĩ :

« Tuyết mãn sơn trung, cao sĩ ngọa,
« Nguyệt minh lâm hạ, mỹ nhân lai. »

Dịch :

*Trắng sáng dưới rừng, người tốt đến,
Tuyết đầy trong núi, sĩ cao năm¹.*

Một cái bầy vụng về như vậy không ngờ gài được con chim mong muốn ! Quả nhiên Lý công tử nghe tiếng ngấm bèn thò đầu ra cửa rèm, coi thử đó là ai và đã trúng kế Tôn Phú. Vừa thấy Lý công tử, Tôn Phú lật đật chấp tay thưa : « Dám hỏi lão huynh cao tánh đại danh ? »

Lý công tử bày tên họ rồi không lẽ không hỏi lại. Tôn Phú cũng bày tỏ danh tánh, xong hai người cùng nhau chuyện vãn, lại hỏi qua năm ba câu trong sách, lần lần trở nên thân mật. Tôn Phú đề nghị rằng : « Nay gió tuyết ngăn trở, ấy là trời khiến cho đôi ta gặp nhau. Thật là một điều may mắn cho tôi. Ở dưới đò khôngặng thông thả, tôi muốn mời anh đi với tôi lên bờ, đến quán ăn uống một tiệc, chuyện trò chơi cho vui, xin anh đừng ngại. »

Lý công tử đáp : « Bèo nước gặp nhau, dám đâu làm rộn. »

Tôn Phú trả lời : « Anh nói sao vậy. Người trong bốn biển, đâu đâu chẳng là anh em ! »

Bèn bảo đồng nhi che dù qua rước công tử đến thuyền, thi lễ nhau rồi, nhường công tử đi trước, Tôn Phú theo sau, lên bờ đi không bao xa là đến một tửu quán sạch sẽ, hai người lên lầu, lựa một bàn dựa bên cửa sổ, xong truyền tửu bảo dọn rượu thịt ra, Tôn Phú cất chén khuyên mời, hai người đồng thưởng tuyết. Ban đầu còn nói chuyện sử kinh sách vở, sau bắt đầu chuyện hoa khôi danh ky. Tuy là khách qua đàng mới quen, nhưng hai người chí đồng đạo hiệp, người nói người nghe đều một ý, chưa mấy hồi đã hóa ra đôi bạn tương tri. Tôn Phú đuổi kẻ

1. Câu này, T.T.Đ. dịch : *Tuyết phủ non sâu, cao sĩ ngư,
Trắng soi ngàn vắng, mỹ nhân về.*

hầu hạ ra xa, rồi hỏi nhỏ công tử rằng: « Chẳng hay hỏi hôm thanh ca ấy là ai vậy? »

Lý công tử ý muốn khoe, bèn nói thiệt: « Ấy là Bắc kinh danh cơ, tên là Đồ Thập nương đó. »

Tôn Phú hỏi tiếp: « Tôi nghe người ấy đứng đầu trong hàng chị em, sao lại về tay anh dặng? »

Công tử tình thật bèn thuật chuyện từ lúc mới gặp Đồ Thập nương cho đến nay, những điều trắc trở và cực khổ cùng nhau làm sao đều thuật lại cặn kẽ.

Tôn Phú chầm rãi nói: « Anh dặt dặng người đẹp mà về là một điều đại đặc chí. Nhưng trong tôn phủ biết có dung cùng chăng? »

Công tử nói: « Về mặt tiện nội thì tôi không lo. Lo là lo vì lão phụ tại đường, tánh rất oai nghiêm, nên tôi hãy còn dằn dừ đó thôi. »

Tôn Phú nương theo cơ hội, bèn nói: « Anh nói tôn đại nhơn chưa chắc dung dặng, vậy anh tính dặt người đẹp ấy về nơi đâu, và đã bàn tính với người đẹp rồi chưa? »

Công tử châu mày đáp: « Việc ấy tôi đã nghĩ với tiểu thiếp tôi rồi. »

Tôn Phú giả say hỏi tới: « Nếu vậy cục yêu của anh đã có chước màu rồi sao? »

Công tử nói: « Ý nàng muốn đến ngụ nơi Tô Hàng, bảo tôi về trước, cầu người thân hữu nói giúp cho cha tôi đổi giận làm mừng, rồi tôi sẽ qua rước về. Sẵn đây xin hỏi: Trí anh cao sáng, chẳng biết tính như vậy có nên cùng chăng? »

Tôn Phú giả dò ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi làm bộ rầu rĩ mà nói rằng: « Tôi mới gặp anh, kết giao thì cạn mà lời thì sâu, anh nghe sẽ lấy làm lạ, nên không dám nói. »

Công tử đáp: « Tôi nghệt lối đang chờ bậc cao minh chỉ giáo. Anh cần gì phải khiêm nhượng làm chi? »

Tôn Phú rằng : « Vả tôn đại nhơn là ngôi sang phượng diện, ắt là nghiêm trị trong chốn trưởng vi, lúc bình thời đã chẳng cho anh đến chơi chỗ phi lễ, ngày nay há dung cho anh cưới người thất tiết hay sao ? Huống chi những hiền thân quý hữu, ai lại không bợ đỡ chiều ý tôn đại nhơn ? Dầu anh tới cầu cũng uổng lời. Còn như người bất thức thời vụ đến nói với tôn đại nhơn, chừng ấy ý tứ không đành rành, thì cũng không xong việc. Khi ấy anh tới không dặng hòa lạc trong gia đình, lui không biết lấy lời chi mà hồi phục với cục yêu, nếu để tạm lưu luyến nơi đâu hoặc lưu liên san thủy, thì cũng không phải là kể lâu dài. Đến chừng của tư phủ rảo tron, thì hai lẽ tới lui càng khó. »

Công tử rõ biết trong tay năm chục lượng của Thập nương trao cho nay đã tiêu phí hết nửa phần, nên khi nghe nhắc đến « của tư phủ » thì thấm ý gật đầu mà khen phải.

Tôn Phủ lại bồi thêm rằng : « Tôi còn muốn nói một điều tâm phúc, nhưng còn ngại không biết anh khứng nghe cùng chẳng ? »

Công tử đáp : « Vâng tình anh thương đến, xin nói cho biết lời. »

Tôn Phú làm bộ ngập ngừng : « Sơ bất gián thân » (người xa chẳng nên nói xen việc người gần). Thiệt tôi không dám nói.

Công tử nói : « Xin cứ nói đi, không hề chi mà ngại. »

Tôn Phú bần dùng một lát rồi mới phân trần : « Cồ nhơn thường nói : « Hễ đàn bà tánh ở không thường, huống chi là bọn yên hoa » cuốn chiếu nhơn tình sạch » (nói xin lỗi trước anh vậy đó) ! Họ thiệt ít giả nhiều. Đã gọi rằng danh ky trong sáu viện, ắt là biết khắp thiên hạ, hoặc bên Nam Biên đã có người cự ước, nên mượn

sức anh đưa đi đến chốn, đừng thỏa thích với người kia chẳng ? »

Công tử nghe lời nói hơi chỏi tai, vội đáp : « Chắc không phải vậy. »

Tôn Phú lại nói : « Nếu không phải vậy, thì vả lại xứ Giang nam nhiều kẻ gian ngoa, nếu nay để người đẹp ở lại đó một mình, sợ khó tránh sự trèo tường khoét vách. Bằng nay dắt thẳng về nhà thì lại càng thêm chọc giận Tôn đại nhơn, kể anh bày chưa phải là thiện sách. Huống chi cha con là thiện luân đạo trọng, không lẽ tuyệt dặng. Nếu vì ái thiếp mà chọc giận cha già, theo đi bỏ nhà, thì trong bốn biển sẽ gọi anh là người không biết xử sự, chừng ấy vợ chẳng nhìn làm chồng, em chẳng kể làm anh, cha chẳng biết đến con, làm sao anh đứng trong trời đất ? Lời thật mất lòng. Ngày nay anh chẳng khá chẳng suy nghĩ lại cho chính chắn. »

Công tử nghe mấy lời, lật đật đứng dậy hỏi kể rằng : « Cứ theo lời anh thấy biết cao xa, thì xin lấy điều gì hay mà dạy tôi với. »

Tôn Phú nói : « Tôi có một kế rất tiện cho anh, song vì anh mắc mê đắm chút tình chăn gối mà không làm y theo được, thì chẳng uổng lời tôi nói đi chăng ? »

Công tử lật đật đáp : « Nếu anh có chức lành, làm cho tôi dặng vui trong gia đình, thì anh là người ơn lớn của tôi, lại ngại gì mà không chỉ giáo ? »

Tôn Phú nói : « Vả anh là khách bình bông, đã một năm dư, nghiêm đảng chứa giận, song giận anh là giận mê đồ hoa liễu, đem vàng phung phí nuôi phường ca kỹ, ngày nay anh như vậy thì ngày sau ắt anh sẽ làm hư cửa hư nhà, như thế thì mong gì nổi nghiệp tông môn ? Hiện nay anh nắm tay không mà về lại càng chọc cho tôn đường thêm giận. Bằng như nay anh đành cắt đứt tình chăn gối,

« kiến cơ nhi tác », liệu thời cơ mà làm, thì tôi xin ra ngàn vàng cho anh, anh đừng ngàn vàng đem về trả cho tôn đại nhân mà rằng : « Ở tại kinh kỳ đọc sách chẳng hề phí của một ly ! » Tôn đại nhân thấy tiền không mất thì ắt tin bằng lời, từ ấy gia đình hòa lục, không hờ lời chi, thoát trong giây phút, trở họa làm phúc, vậy xin anh chớ phải ba lo ! Chẳng phải tôi tham sắc người đẹp, kỳ thật là vì anh lo giúp trong muôn một vậy thôi ! »

Nguyên Lý Giáp là con người không chủ ý, bình sanh vui đâu chúc đó, nhứt là sợ cha hơn cả, nay bị Tôn Phú nói thấu đến điều hắng giấu kín trong thâm tâm, bèn đứng dậy chấp tay xá mà nói rằng : « Tôi được nghe anh dạy cho mấy lời, như yén ngút mây thấy đặng trời xanh, ơn anh rất lớn. Ngặt vì tiểu thiếp ngàn dặm theo nhau, nghĩa không đành bỏ, xin anh dung cho tôi về dò thương lượng cùng nàng, nếu đặng an lòng, tôi sẽ đến anh phục mạng. »

Tôn Phú nói : « Vậy thì trong lời nói thốt, phải coi theo chiều mà uốn, nói một cách khác, « phải đo miệng cá mà sửa lưỡi câu ». Và nếu nàng thật dạ thương anh, ắt chẳng nỡ để cho anh, cha con chia lìa, và thế nào cũng sẽ tính cho anh nên việc, được về cố hương. »

Hai người nán lại uống thêm một tuần rượu nữa, thì thấy gió hạ mây tan, sắc trời về tối... Tôn Phú giao cho gia nhân lo việc trả tiền, tự mình dắt tay công tử ra chiều thân mật đưa thẳng về thuyền.

Thiệt là :

*Gặp người giả nói ba phân chuyện,
Chớ khá lơi buông một tấm lòng.*

Nhắc lại nàng Đỗ Thập nương, một mình ở lại dưới đèn, bèn bày những trái cây và rượu, muốn cùng công tử đối ẩm cho vui, nhưng trông mãi đến trời sập tối cũng không thấy tăm dạng, bèn khêu đèn ngồi đợi, trong lòng

ngón ngang trăm mối. Chợt khi công tử bước xuống thuyền, Thập nương ra đón, thấy công tử mặt ủ mày chau, xem ý không vui. Thập nương ân cần rót rượu khuyên mời, công tử lắc đầu từ chối, cử chỉ trái với ngày thường, không nói năng một lời, lại đề y y phục leo lên giường mà ngủ. Thập nương trong lòng chẳng đẹp, bèn dọn dẹp chén mâm, rồi vào cởi áo ngoài cho công tử, vừa nhỏ nhẹ nàng hỏi: « Chẳng hay hôm nay chàng đi chơi có nghe thấy việc chi, mà xem chừng trong lòng buồn bã lắm vậy? »

Công tử cũng cứ than thở mà thôi, chớ không hề mở miệng. Thập nương theo hỏi ba bốn lượt xem lại thì công tử đã ngủ mê rồi...

Thập nương tức mình, ngồi nơi đầu giường không ngủ. Qua đến nửa đêm, công tử tựa mình thở một tiếng dài.

Thập nương thừa dịp, hỏi: « Chàng có chuyện chi khó nói lắm hay sao mà cứ than dài thở vắn mãi vậy? »

Công tử bèn dựa mền ngồi dậy, muốn nói rồi lại ngập ngừng không nói, đôi ba lần như vậy, hai hàng nước mắt cứ chảy không thôi.

Thập nương ôm chầm công tử vào lòng, lấy khăn chấm mắt, vỗ về và hỏi: « Vả thiệp với chàng luyện ái với nhau đã hơn hai năm, ngàn cay muôn đắng, nếm đủ tân khổ, mới có ngày này; theo nhau ngàn dặm chưa từng thấy chàng buồn; nay cũng sắp qua sông, gần an hưởng sự vui vẻ trăm năm, rồi bỗng khi không lại ủ ê sầu não? Việc ắt cũng có duyên cớ chi đây. Vả trong đạo vợ chồng là sống thác chung nhau, dầu có việc chi cũng phải cùng nhau bàn bạc. Xin chàng chớ khá nghi ngờ, bầy nói thiệt để cho thiệp chung lo với. »

Công tử bị cật hỏi lắm, thét không chịu đựng, bèn lau nước mắt mà rằng: « Tôi ven trời khốn khó, nhờ ơn nàng không bỏ, chịu uốn theo nhau, thiệt là ân nghĩa rất lớn.

Song lo tới tỉnh lui, cha già tôi là ngôi phương diện, hay câu nệ lễ phép; huống chi tánh khí oai nghiêm, e thêm giận dữ, ắt phải đuổi xua, thì tôi với nàng xiêu lạc biết là tới đâu? Chừng ấy việc vui vợ chồng khó giữ, cái nghĩa cha con lại lìa. Lúc ban trưa nhờ người bạn ở Tân An, tên là Tôn Phú, cùng tôi đi uống rượu, tính giùm việc ấy, nhưng nay lòng tôi như cắt, nghĩ tới không đành ».

Thập nương cả kinh mà rằng : « Như vậy, ý chàng tỉnh sao ? »

Công tử nói : « Bởi vì việc của tôi nên tôi ngu tối. Nhờ Tôn hữu tính giùm một kế kỳ diệu, nhưng tôi e lòng nàng chẳng khứng đó thôi. »

Thập nương hỏi : « Tôn hữu là người nào ? Quả có kế hay, sao lại chẳng theo ? »

Công tử nói : « Tôn hữu tên Phú, người đất Tân An, làm nghề buôn muối, tuy tuổi còn trẻ nhưng trời phú sẵn tánh phong lưu, đêm rồi nghe được tiếng nàng ca hát, buổi sáng hỏi tôi, tôi đã thuật hết mọi việc, nói đến những cơ khó về, ý chàng muốn lấy ngàn vàng mà cưới nàng. Nếu tôi được vàng hồi hương, thì phận tôi đành an lòng lão phụ. Còn phận nàng lại đẹp chữ xương tủy. Ngặt chút tình đầm ấm bấy lâu khó dứt, cho nên mới ưu tư sầu não như vậy. » Nói rồi lụy nhỏ đầm dề.

Thập nương nghe công tử phân vừa hết lời, tức thì buông hai tay xuôi xuống, đôi sắc mặt lại tươi tỉnh như thường, miệng cười chúm chím thản nhiên mà rằng : « Tôn hữu vì chàng mà bày vẽ cao kế, thiệt là người đại anh hùng ! Chàng đã đành ngàn vàng, mà thiếp lại đành về với họ khác ! Khỏi tổn hao của hành lý, ấy là « phát hồ tình, chỉ hồ lễ » (dấy nơi tình, chấm dứt nơi lễ), thiệt là một chức lưỡng toàn ! Chẳng hay ngàn vàng ấy ở đâu bây giờ ?

Công tử lau nước mắt mà rằng : « Vì chưa đăng tiếng « ừ » của nàng, cho nên ngàn vàng hãy chưa đăng qua tay. »

Thập nương nói: « Vậy thì sáng mai mau đi chịu mệnh đi ! Chẳng nên để lỡ cơ hội tốt. Vả ngàn vàng là việc trọng, phải đếm cho đủ trước đã. Hễ giao qua tay chàng rồi, thì thiệp sẽ qua thuyền người, chớ khá để cho con nhà buôn nó khinh dễ ! »

Lúc ấy canh đã điểm tư, Thập nương khêu đèn thêm sáng, gỡ đầu rửa mặt và nói: « Trang điểm ngày nay là rước chồng mới đưa chồng cũ, chẳng phải việc tầm thường ! »

Nói rồi lấy hương phấn và dầu thơm ra trau chuốt nhan sắc, xuyến vàng trâm ngọc đeo giắt nhồm nha, áo gấm quần hoa, đổi thay toàn mới, hương thơm xạ phát, vẻ đẹp càng tăng. Trang sức xong trời đã sáng bết.

Kế lấy Tôn Phú sai tiểu đồng qua thuyền thăm dò tin tức.

Thập nương dòm coi ý công tử dường bộ hơn hờ có sắc mừng thì đứt từng khúc ruột, nhưng ý nàng đã quyết, nên hối công tử qua trả lời cho sớm và ân cần dặn với phải đếm bạc cho kỹ và cho đủ số. Công tử nghe hối thúc, nào biết ắt giáp gì, liền bước qua thuyền Tôn Phú mà trả lời.

Tôn Phú nói : « Giao bạc là việc rất dễ, nhưng trước khi phải rước cho được hành trang người đẹp thì dạ mới tin. »

Công tử trở về, nói lại Thập nương. Thập nương lòng đau như cắt, chỉ cái rương to mà rằng : « Vậy thì hãy sai người đem rương này qua thuyền bên kia. »

Công tử y lời, bảo đem rương qua thuyền Tôn Phú. Tôn Phú cả mừng, liền đem đủ một ngàn lượng vàng qua thuyền công tử mà cân. Thập nương bồn thân đếm đủ số, giao cho công tử thâu cất kỹ cang, rồi bước ra đứng trước

mũi thuyền lấy tay ngoắt Tôn Phú. Tôn Phú mừng rỡ bước ra, nhìn Thập nương thấy mười phần xinh đẹp, còn xinh đẹp hơn khi mới thấy lần đầu. Tôn Phú hồn bất phụ thể, đứng ngó trân trân như người bị hớp hồn.

Thập nương nhích hàm răng ngọc, nói lớn : « Hãy đem cái rương ra đây, trong đó còn giấy dẫn lộ của chàng Lý, cần phải trả lại cho người ta ! »

Tôn Phú lúc ấy kể chắc Thập nương như cá đã vào lờ, không còn nghi ngại chi nữa, bèn hối gia nhơn khiêng rương ra để trên mũi thuyền.

Thập nương lấy chìa khóa mở rương, thấy bên trong chứa nhiều hộp gỗ quý lớn nhỏ khác nhau và xếp đặt có thứ tự. Thập nương kêu công tử lại gần, để xem cho thật kỹ, đoạn lấy tay mở một cái hộp thứ nhứt, thấy trong ấy đựng những thúy vũ, minh châu, diệu trâm, bửu nhĩ¹ tinh

1. Xin kể sơ về ngọc, châu, báu vật xưa theo chỗ tôi hiểu biết :

Thúy vũ : thúy vũ = lông chim trả, lông chim sả, cũng gọi « chim thẳng chải », « chim bôi cá ». Lông nó xanh biếc, ngày xưa quý lắm, vốn là cống phẩm của nước ta dâng qua nước Tàu, dùng để kết mào, và làm trang sức phẩm cho phụ nữ.

Nên ghi lại đây rằng cánh con kim quít (bù rầy cánh màu xanh) cũng là cống vật thời cổ trọng dụng lắm, về sau nầy ý mới làm ra đồ sứ, đồ sành màu lam thay thế (*plumes de martin-pêcheur*).

Minh châu : châu sáng. Châu là hột ngọc sinh ở trong mình con trai, hình tròn, Pháp gọi *perle*, và nước Nhật biết làm trân châu nhưn tạo, bán rất đắt tiền.

Diệu trâm : trâm bằng vàng có đầu hoa chim, bướm bướm, khi cử động biết nhún dịu oặt.

Bửu nhĩ : hoa tai vàng có nhận ngọc quý.

Ngọc tiêu : ống tiêu bằng ngọc. Ống tiêu thời đảng đầu (Trương Lương suy tiêu).

Kim quản : ống sáo bằng vàng. Có thể làm bằng vàng, nhưng theo tôi, kim quản thanh âm kém trúc quản (sáo tre), và có lẽ đây là sáo nạm vàng. Ống sáo thời bên hông.

Cổ ngọc, bảo trân, ngoạn khí : đồ chơi bằng ngọc, bằng vật quý, như văn phòng tứ bảo bằng ngọc thạch, v. v... (*bibelots de jade, jade antique...*)

theo giá vàng ước đến vài ngàn lượng bạc. Thập nương ném phắt hộp ấy xuống dòng sông, cuồn cuộn chảy.

Công tử, Tôn Phú và những người có mặt trong hai thuyền thấy đều sửng sốt.

Thập nương lại vội mở cái hộp thứ nhì, thấy trong ấy đựng những ngọc tiêu kim quản, lại mở luôn hộp thứ ba, thấy đựng cổ ngọc, bảo trân, ngoạn khí, thì giá ước trên muôn lượng bạc. Thập nương đều ném tuốt xuống dòng nước siết.

Dưới thuyền trên bộ, người coi đứng chặt nứn như nệm, thấy đều la tiếc : « Uồng lắm ! Uồng lắm ! », song cũng chẳng biết duyên cớ làm sao.

Thập nương mở tiếp cái hộp thứ tư, thấy đựng những dạ minh châu, ¹ ước chừng một bụm tay, còn bao nhiêu

1. *Dạ minh châu* : hột châu chói sáng, ban đêm chói sáng như ban ngày.

Dạ quang minh châu : đồng một nghĩa như trên, nhưng rõ rệt hơn, đề tỏ là quý hơn nhiều.

Miêu nhĩ thạch : cũng gọi « *Miêu nhĩ nhĩn* », ta gọi « ngọc mắt mèo », Pháp gọi : (œil de chat). Nói chung về *lữ mẫu lục*, *hồng ngọc*, v. v..., tôi thấy Trung quốc ít ngọc hơn Ấn độ, Ba tư, và Âu châu. Vậy tôi liệt kê sơ từ chữ Pháp qua tiếng ta, có :

Agate : một loại mã não.

Ambre : hổ phách. Theo sách Tàu : mủ cây tùng, khi mới là « tòng hương » (bạch tùng du, colophane, dùng thoa cọ kéo vĩ cầm, ta dùng trét hòm. Bạch tùng du ở dưới gốc cây, 100 năm biến thành « *phục linh* », một vị thuốc ; và trên 1000 năm sẽ biến thành « *hổ phách* », đốt không cháy mau như bạch tùng du. Xưa nước ta có nhiều, nay rất hiếm và rất quý. Dùng làm bông tai, nút áo, đốt ống điếu.

Calcédoine : một loại mã não sắc trắng xanh.

Camée : đá chạm, ngọc chạm, trọng dụng bên Âu châu, bên ta, ngọc ở Óc Eo có.

Corindon : cương ngọc thạch.

Cornaline : mã não. Đứng là « hồng mã não » (sắc đỏ).

kia là tử mẫu lục (ngọc màu tía), miêu nhân thạch, mã não, hổ phách, kim cương lớn hột bằng đầu ngón tay, lại những lư hương ngọc thạch chạm tro trổ tinh vi, đồ văn phòng tứ bảo bằng cổ ngọc đời Châu, đời Hán, đủ màu sắc chói rực hào quang, thấy đều vật báu mắt phàm chưa từng thấy và cũng không ai dám đánh giá, nhưng ước lượng cũng đến trên trăm muôn lượng bạc...

Lúc ấy thiên hạ đứng xem đều la ó tiếng ồn ào như sấm dậy.

Thập nương vừa muốn ném hết xuống sông, bỗng Lý Giáp tiếc của quý, ăn năn hối hận, bèn quì xuống ôm choàng lấy chân nàng mà khóc rống lên, còn Tôn Phú, mặt không còn chút máu, không biết làm gì, vẫn đứng xờ rờ và lựa lời khuyên giải, nhưng khiếp sợ quá nên cũng không dám lại gần.

Lúc ấy Thập nương một tay cầm chiếc hộp bạc chạm ngoài có nạm ngọc, trong có đựng một hột dạ quang minh châu lớn bằng hột gà so, chói lòa muôn điệu hào quang, trị giá trên triệu bạc buổi ấy, một tay cầm hộp cổ ngọc thập bảo, vừa xô công tử chẳng cho lại gần, vừa hát hàm mắng lớn Tôn Phú rằng: « Vả ta cùng chàng Lý, nếm đủ đắng cay, chẳng phải là dễ, đến nay mi lấy xảo ngôn yêu từ

...

Diamant : kim cương, hột xoàn, thủy xoàn. Xưa bên Tàu và ta chưa có.

Emeraude : bích ngọc, ngọc màu lam, biếc.

Quartz : thạch anh. Về *quartz*, phải phân biệt như sau :

Quartz blanc : khuê thạch.

Quartz hyalin : phương tinh. *Quartz hyalin violet* : tử phương tinh, v.v... (còn *quartz rose* : hồng phương tinh).

Rubis : hồng ngọc.

Saphir : lam ngọc. (Xin miễn bàn về ngọc thạch : *jade*, thuộc một mục khác ; trong sách Tàu, ngọc thường chỉ về *jade*, nước Tàu có nhiều nhưt. Sẽ nói sau này.

dèm pha, hại cuộc nhơn duyên của hai ta, khiến cho công tử: dứt tình ân ái, bày sự chia lìa; nói thiệt mi là đại cừu nhơn của ta đó! Nếu ta chết rồi, hồn ta oan ức tất linh, quyết đem chuyện này tố cáo cùng thần minh, rồi đây mi sẽ biết! Như vậy mà mi còn vọng tưởng thú vui chẵn gối với ta nữa à? »

Mắng Tôn Phú rồi, Thập nương day lại ngó Lý Giáp, nước mắt đoanh tròn, nhưng đủ can đảm nói một cách rõ rệt, dẫn từng tiếng một : « Thiếp dày dạn phong trần mấy năm, bán mình vì hoàn cảnh, cũng tưởng tích trữ của riêng này bấy lâu, tự mình lựa chọn từ báu vật, dốc chí để dành cho đến ngày nay, muốn lấy đó làm kế trọn đời với người tri kỷ. Từ gặp đặng chàng, non thề biển hẹn, tình cùng nhau an hưởng cho đến thuở bạc đầu. Lúc rời cửa Đô, dối rằng chị em đem cho lễ vật lộ phí, chàng có biết đâu đều là vật của thiếp tích trữ, hơn trăm món báu lạ thiếp để công chọn lựa từ món một suốt bảy năm mấy phong trần, lấy đó làm niềm an ủi, mình tuy không sạch nhưng có ngọc sạch cầm tay cũng vui bớt nhuốc nhơ, nhưng thôi hơi đau triết lý cùng chàng! Chàng có biết chẳng bao nhiêu của này, giá trị chẳng dưới số triệu triệu. Thiệt là thiếp dốc sửa soạn cho lịch sắc chàng, cho được rõ ràng ngày về ra mắt mẹ cha, hoặc như thương thiếp có lòng thấu nập làm trung quĩ, đặng gởi gắm chút thân yếu đuối, được như vậy dầu sống thác cũng không hờn. Đương sắp sửa nói thiệt cùng chàng và toan giao hết của cải cho chàng đưa về hiến phụ thân chuộc tội, dè đâu bụng chàng đối với thiếp không thiệt chữ Thương, nay nghe lời dứa tiểu nhơn phù nghị dèm pha, đành bỏ thiếp giữa đường. Ấy là chàng phụ thiếp một tấm lòng thành, ngày nay mối tình đôi ta đã dứt, chàng có ăn năn cũng muộn, trước mắt thập mục công chúng, thiếp mở rương ra cho chàng thấy, chàng đã

bo bo coi số ngàn vàng của Tôn cừu nhưn là trọng, uổng thiếp giữ mình hơn ngọc, trách chàng có mắt không người. Nghĩ cho thiếp vừa thoát khỏi vòng, lại bị chồng phụ. Nay chúng nhưn có mắt, xin chứng minh vụ này. Thiếp vốn không ý phụ chàng, quả thiệt chàng đành phụ thiếp. Thôi thôi, mối tình đã chết, nói nữa làm chi? Quả bấy lâu thiếp biết lựa ngọc, mà không biết lựa người!»

Khi ấy chúng nhưn tề tựu rất đông, nghe Thập nương tỏ hết nguồn cơn, thấy đều phun nước miếng vào mặt Lý Giáp, mắng nhiếc người phụ tâm bạc hạnh. Lý công tử vừa cay đắng, vừa hồ thẹn, vừa ăn năn, vừa khóc lóc, xăm rắm quý tạ tội với Thập nương, thì Thập nương hai tay ôm hộp dạ minh châu và hộp cổ ngọc, nhảy đùng xuống nước.

Câu chuyện tôi thuật nghe dài đặc là vì văn tôi vụng về, chớ từ khi trăm ngọc đến lúc trăm mình, việc xảy ra chỉ trong tức khắc, khiến cho khi trực hiểu, chúng nhưn ráp lại, kể kêu la, người cứu vớt, thì đã quá muộn: chỉ nhìn thấy mây tối dòng sông, sóng xao cuộn cuộn. Tiếc cho một người như hoa tợ ngọc, chẳng may trong cơn phần uất, nhảy liều xuống nước:

« Ba hồn thăm thăm về âm phủ,

« Chín phách lăm lăm xuống thủy tề.

Đỗ Thập nương chết, để lại những tiếc cùng thương. Lúc ấy tuổi nàng chưa được hai mươi mốt!

Lúc ấy chúng nhưn có mặt thấy đều tha nha thiết xỉ, giành nhau muốn lại đánh xé Lý Giáp và Tôn Phú cho đã nư, khiến hai người lập cập như cây sậy, mau mau thúc hối gia nhưn xô thuyền ra khơi mạnh ai nấy chạy trốn.

Lý công tử vào khoang thấy ngàn vàng còn đó, nhớ lại Đỗ Thập nương, vấp đầu khóc lớn, từ ấy luôn luôn như

người mất hồn, bứt rứt lương tâm hóa người mất tri, trở nên một phế nhơn vô dụng mãi đời.

Còn Tôn Phú, hôm ấy bị kích thích quá, đến mê sảng phát đau, nằm luôn liệt giường liệt chiếu suốt một tháng, đêm đêm hễ nhắm mắt là như thấy Đồ Thập nương hiện hồn về mắng chửi đòi mạng. Không mấy lâu, chẳng đau chi nặng gầy mòn thêm thiếp, cơm cháo không ăn rồi chết, người biết chuyện đều cho là Tôn Phú bị quả báo.

* * *

Câu chuyện kể đến đây, dứt là vừa. Nhưng bản chữ Hán còn nhắc lại tích oán trả ơn đền, rằng: Liễu Ngộ Xuân ở kinh ngời giám mãi hạn, bèn sửa soạn hồi hương. Khi thuyền đến Qua châu, đình lại một đêm, sáng ngày Ngộ Xuân tay cầm bồn đồng thò ra sông múc nước rửa mặt. Rủi sút tay, bồn rơi xuống đáy, Ngộ Xuân tiếc quá vì đó là một bảo vật từ đời Tiên Hán, vừa mua được ở Bắc kinh, định đem về làm vật kỷ niệm, nên mượn ngư nhơn lặn tìm. Ngư nhơn lấy lên vừa cái bồn quý, vừa thêm một hộp nhỏ. Ngộ Xuân trọng thưởng, lui thuyền rồi mở hộp ra xem thì thấy đựng toàn của báu vô giá: minh châu, trân ngọc đủ thứ... Ngộ Xuân mừng rỡ, để hộp trên đầu năm, sắm soi khoải trá như người trúng số. Đêm đến chiêm bao thấy một người con gái từ dưới sông lướt sóng đi lên, xem kỹ lại là Thập nương. Hồn Thập nương lại gần chúc phước cho Ngộ Xuân, rồi đàm việc Lý công tử bạc tình, sao sao kể hết cho Ngộ Xuân nghe. Hồn Thập nương nói tiếp: «Lúc trước thiếp nhờ lòng trượng phu nghĩa hiệp, giúp nhau một trăm năm chục lượng bạc, những ngờ được yên nơi yên chỗ sẽ toan bề báo đáp, nào hay việc chẳng vuông tròn, tuy vậy hằng mến tình dày, ngại ngại không quên. Sáng nay, thiếp khiến ngư nhơn vớt lên dâng trượng phu

hộp nhỏ để nêu tác lòng. Từ đây vĩnh biệt. » Nói rồi biến mất. Ngô Xuân giật mình tỉnh giấc, mới biết Đỗ Thập nương đã ra người thiên cổ, ngùi ngùi than thở, về đến cố lý, chép truyện đề đời.

* * *

Lời bàn của người chép truyện. — Chuyện « Đỗ Thập nương nộ trăm bá bửu sương » đã đầy đủ tình tiết lấy nó, nói nữa bằng thừa. Ở đây tôi muốn nêu lại sự tích này như dọn đường lần cho những nhà ham chơi sắm ngọc. Nhưng không cho nói đến người kỳ nữ này thì cũng tức ! Nghĩ cũng giận và đau đớn giùm cho người hoa khôi bạc mạng, muốn hồi lương mà gặp thẳng không ra gì, bán vợ như bán một món đồ chơi, một cái đồng hồ tay, đeo đã lâu ngày ! Đồng hồ tay, nếu là của kỷ niệm, còn không đành bán, huống hồ người đẹp tự chuộc mình, thêm tốt như ngọc, đã ăn kè ở cận suốt mấy năm, mà thẳng công tử kia chưa biết ý, miệng vẫn nói : « tình không quên, nghĩa chập chồng », miệng nói leo lẻo, thế mà thấy ngàn vàng của Tôn Phú, đành bán vợ cho nó ngay ! Thập nương không tức giận hủi mình sao được ? Nhớ lại tánh phong lưu của nàng, biết tàng trữ ngọc quý, nội bao nhiêu danh từ mới lạ về châu báu cũng đủ làm một bài học đáng tiền !

Lý Giáp ăn ở không ra gì, một tay chôn sống đời một người kỳ nữ hiếm có. Nhưng không có Lý Giáp hư, thì không thấy nổi bật nàng Thập nương : biết lựa ngọc không lầm, mà còn lầm một người « không đáng gọi ngọc hơn ! » Kể về tình thương thì quả tình Thập nương tràn trề dào dề : thương Lý Giáp, đến chết còn thương.

— sơ khởi. đưa đi từ chi đến em, lấy cơ giã từ, để thu

hỏi các món của báu gửi giữ giùm. Lý Giáp là một thằng ngu nên không biết !

— kể đó, đưa tiền xài cho Lý Giáp, từ hai chục lượng, rồi năm chục lượng, là để thử tình. Lý Giáp quả là một thằng đại ngu, nên không hiểu !

— Thập nương, khi bàn bạc cùng chồng, có nói một câu : « ... mặc tình đòi ta ngao du sơn thủy », nếu Lý Giáp là tay tinh đời, ắt hiểu ngay Thập nương trong tay có tiền, tại sao lại mê vàng của Tôn Phú ? Nhưng, như đã nói, Lý Giáp là một tên chí ngu, một công tử rởm, khi Thập nương sai khiêng rương, mở rương, đều day mặt chỗ khác, không tìm hiểu ; lại nữa khi Thập nương nói mí, không chịu nghe và hiểu ý thâm của nàng, rõ là một chàng biết « bốc rời », quân tử giả, then vì gái nuôi, biết thưởng hoa mà không biết giá trị của cành hoa mình đang cầm trên tay.

— Tình thương của Thập nương cao thượng nhứt, là khi sắp chết, còn căn dặn công tử « phải đếm bạc cho kỹ, kéo con buôn nó lừa », lại bòn thân « đếm rồi giao tận tay công tử » vì mình chết là phận mình, nhưng nhứt quyết không để bị Tôn Phú gạt, và vẫn nhớ muốn công tử đem bạc về chuộc tội với cha. Thương như vậy mới gọi là thương. Uổng cho Lý Giáp không hiểu và không xứng đáng mối tình thanh cao ấy.

Nàng Đỗ Thập nương chết, lưu danh một người tài sắc, lịch duyệt. Trong giới yên hoa, từ cổ chí kim, người như Đỗ Thập nương không đếm được bao nhiêu, Đông và Tây cũng vậy. Tôi nghe khi muốn ám chỉ một người đàn bà mất nét làm nghề không tốt, thường nói : « Nó là một con Đỗ Thập nương ». Tôi e dùng danh từ ấy không nhắm diễm, và oan cho hồn người bạc mạng. Theo tôi, Đỗ Thập nương nên liệt nàng trong nhóm người biết chơi ngọc, biết chơi cổ ngoạn, biết giá trị đồ xưa đồ quý báu. Tôi muốn

dành cho nàng một chỗ ngồi xứng đáng trong hàng người
giảo nghiệm ngọc và có mắt tinh đời, phân biệt được giả
chơn.

Tôi cực lực phản đối người nào gọi bất cứ ai cũng là
Đồ Thập nương.

Tôi không viết thêm vì nhớ lại đoạn tả Lý công tử lộ
sắc mừng khi nghe nàng bằng lòng qua thuyền Tôn Phú
và nàng thấy công tử bỏn thân đi báo tin này cho Tôn Phú.
Khi ấy, tình nàng đã chết trong lòng, nên nàng còn sống
làm chi nữa? Cái chuyện liệng ngọc xuống sông không
phải vì ích kỷ đâu, vì có ai xứng đáng hưởng của này? Còn
câu chuyện « đèn ơ Liễu Ngộ Xuân », tôi không tin là dị
đoan chút nào, và vẫn có thể có được lắm.

Giới ciné Trung hoa có đem lên màn ảnh, tường Đồ
Thập nương, nhưng nặng về bề ngoài, không đi sâu nỗi
về mối tình éo le cao thượng này.

22-11-1970

8. — Mãi du lang

độc chiếm hoa khô.

(Chú bán dầu may được vợ xinh)

Vào đời Tống, trào vua Huy Tông, đồng thời với tích Nhạc Phi đại chiến Kim Ngột Truật, ngoài thành Biện Lương, tại làng An Lạc, có nhà họ Sảng, chủ nhơn tên Thiện, vợ là Nguyễn thị, chuyên nghề giã gạo cối và bán đồ lặt vặt hàng xóm : dầu, muối, trà, rượu, v. v...

Sảng Thiện tuổi đã trên bốn mươi, nhưng chưa có trai nối hậu. Vợ chồng chỉ sanh được một gái, quý hơn vàng ngọc, đặt tên là Diêu Cầm.

Nàng Diêu Cầm vừa xinh đẹp vừa thông minh dĩnh ngộ khác thường. Lên bảy, nàng học với thầy trong làng, ngày đọc hơn ngàn câu sách. Lên mười, đã biết làm thi phú, đến mười hai tuổi thì cầm kỳ thi họa bốn thú lão thông, may vá thêu thùa nữ công đều khéo. Ấy cũng bởi một là nhờ cha mẹ dày công dạy dỗ, hai là nhờ thiên tư phú tánh hơn người.

Sảng Thiện không con trai, nên ý định nuôi rể. Ngặt vì nàng Diêu Cầm như hoa tợ ngọc, tài sắc hơn người, nên tuy có nhiều nơi gả ghé, nhưng mắt xanh chưa để lọt khách sàng đông.

Bỗng đâu tai biến bất ngờ, năm ấy rợ Kim qua khuấy nhiễu, và thế giặc rất mạnh, kéo tới vây thành Biện Lương đông như bày kiến. Binh cần vương tuy có đưa về giải cứu kinh đô, nhưng vẫn còn đợi lệnh, trong triều đình đã

bắt lực lại thêm dụ dụ, vua thì phú mặc cho các quan, người trung ở xa, còn bọn nịnh thần thì đã ăn của đút Kim phiên, nên vẫn nghị hòa không cho giáp chiến, khiến nên thế giặc thêm lừng. Rốt lại, binh Kim phá được kinh thành, bắt cóc nhị Đế đam về phương bắc cầm tù...

Giữa lúc ấy, dân gian đại náo, người người kinh hồn vỡ mật, ai nấy đều lo dắt mẹ công con bỏ nhà chạy loạn. Trong đám có Sảng Thiện, tay gói tay xách, đùm đề diu dắt, lớp vợ là Nguyễn thị lớp con gái là nàng Diêu Cầm, lúc ấy tuổi vừa mười hai, chạy theo đám lương dân ty nạn, chỉ mong sống được là may, không màng chi của cải.

Và đời xưa chỉ những đời nay, không cảnh nào cơ cực hãi hùng hơn là chạy giặc. Như chó muông mất chủ, dân tản cư ăn kham uống khổ, chịu đói chịu lạnh, không kể đâu là nhà đâu là yên tĩnh, cứ đồ xô nhau giành chạy tới trước, cầu may khỏi sa vào tay giặc là đủ mừng lòng, ngoài ra thêm nạn cướp bóc, hiếp dâm là thường sự. Cổ nhưn có câu : « *Nguyên tác thái bình cầu, bất tác loạn ly nhưn* » (Thà làm trâu ngựa cơn bình tĩnh, còn sướng hơn người buổi loạn ly), găm lại thật là chí lý.

Đương khi chạy trốn, rợ Kim đâu chẳng thấy, chỉ thấy lũ binh trào thua giặc chạy về, chúng thấy dân lành ty nạn rất đông, nào rương nào gói đùm đề, biết là có nhiều tiền bạc, vả lại thua là thua ai có cầm khí giới, giặc mạnh binh phiên, chớ đây là dân chúng vô cớ, tay không binh khí mà tiền của lại nhiều, nên bọn quân trào thừa dịp giả bộ la ó lên rằng: « *Kia giặc rợ tới đó ! giặc rợ tới đây !* » Rồi nổi lửa lên đốt dọa. Lúc ấy trời nhá nhem tối, nên cảnh thêm hãi hùng. Lòng người đã bắn loạn sẵn, nay nghe chính binh trào hô giặc đến, nên ùn ùn chạy khan, mạnh ai nấy lo thoát thân, chẳng ai ngó đến ai, tha hồ quân binh cướp

giật tiền bạc; bằng ai nóng của chống cự thì đã có dao dài búa lớn chém đầu!

Thiệt là :

.
« Lửa binh đâu đã âm âm một phương.

« Ngất trời sát khí mờ màng,

« Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh...»

(K.V.K.)

Nàng Diêu Cầm bị quan binh rượt, trong lúc chạy hỗn độn, phần vì chơn bó nên luống cuống, rủi vấp té nhào... mấy người cùng chạy đạp nhàu lên, kể gì thân liễu, đến khi chỗi dậy được thì cha mẹ đã lạc phương nào, phần lại đêm ấy tối mịt, cũng không dám kêu la lớn tiếng. Diêu Cầm núp mình bên một ngôi cổ mộ, nín lặng mà chờ sáng. Mãi đến bình minh, nàng ngó ra ngoài, thấy một cảnh rừng rợn, khắp đồng thây nằm la liệt, cái đã cứng đờ, cái còn ngoắc ngoải, còn những kẻ quen thuộc hoặc người trong lân lý, cùng tỵ nạn với mình thì chẳng thấy một ai. Diêu Cầm nhớ đến cha mẹ, rồi buồn tủi, ngồi đó khóc sụt sùi, nửa muốn ra đi tìm kiếm, ngất nỗi không biết đường, nửa lại e đất lạ quê người khó biết ai gian ai gặt gẫm. Hèn lâu, chờ đợi mãi không thấy bóng người, Diêu Cầm gượng đứng dậy khắp khênh lần mò về hướng nam, vừa đi vừa khóc, ước định vài dặm đường, thì bụng đói kêu gào lòng thêm chán nản, nhìn xa thấy có một túp nhà tranh, tưởng chừng có người ở, định đến đó xin ăn nhờ một bụng cơm, bởi vậy mới gượng mà đi và trông cho mau tới, không dè đến nơi thì là một căn chòi rách vách nát, chẳng thấy bóng lửa khói. Diêu Cầm đã chán nản sẵn, nay lại càng thêm ngã lòng, bèn ngồi bệt xuống đất dựa lưng vào vách, khóc than thảm thiết. Tiếng khóc về lâu càng lớn, khiến cho lọt vào tai một khách qua

đường. Người ấy tên là Bốc Kiều, vốn ở gần nhà Sảng Thiện, nguyên là một tên du thủ du thực, quen tánh lương gạt thiên hạ, vừa rồi bị quan binh rượt chạy có cớ nên đi lang thang một mình, bỗng nghe tiếng khóc rả rích nên dò lần tới xem. Diêu Cầm nhìn biết là người cùng xóm, thì lòng mừng khắp khởi, có ngờ đâu lại mắc bẫy bọm Sở Khanh !

Diêu Cầm lau nước đứng dậy chấp tay thưa : Chú ôi, chú có thấy cha mẹ cháu chăng ?

Bốc Kiều nghĩ thầm : Minh mới bị quan binh cướp giựt sạch sành sanh, may trời khiến gặp đặng con này, quả thiệt trời nuôi ta đó ! Nghĩ rồi, Bốc Kiều tương kế tựu kế, bèn nói dối với Diêu Cầm rằng : Cha mi kiếm mi và kiếm mẹ mi đã hết hơi mồn sức, bây giờ đã đi tới phía trước kia. Cha mi có dặn ta như có gặp mi thì làm sao cũng phải dắt mi lại cho cha con gặp nhau. Vậy như mi có muốn theo ta thì hãy đi cho mau, kéo ở lâu chốn này rủi giặc theo kịp thì khốn !

Diêu Cầm mặc dầu thông minh song bản tánh thật thà, nay từ cổ vô thân, nên khi nghe nói làm vậy thì tin bằng lời, vội vàng đi theo họ Bốc.

Bốc Kiều lấy cơm khô trong gói đưa cho Diêu Cầm ăn đỡ dạ, lại nói rằng : Khi ta gặp thì cha mi đi ngày đi đêm, nay ta đưa mi đi tìm, như kiếm theo đường bộ không thấy thì phải dùng dò thuyền mà dò lần theo sông Kiến Khương họa may gặp được. Nay ta với mi đi đường chung chạ, vậy ta quyền gọi mi là con, và mi gọi ta là cha ; bằng không làm như vậy, thì e miệng thế nghi nan rằng bắt con của người đi lạc, té ra làm ơn cho mi để chuốc họa vào mình !

Diêu Cầm sẵn có thiện tánh, nên vâng vâng dạ dạ theo lời.

Từ ấy đi bộ thì đi chung, đi thuyền cũng đi chung, xưng hô với nhau như tình cha con, khiến khách đồng hành ai ai cũng lầm tưởng hai người quả là cha con ruột thịt và không một ai nghi nan chi cả.

Khi đến Kiến Khương, thì được tin Kim Ngột Truật đã độ binh qua sông, liệu bề ở lại đó không yên, lại nghe vua Khương Vương đã tức vị (năm 1131) tại Hàng châu (xưng Cao tông hoàng đế), và nay Hàng châu đã đổi tên lại là Lâm an phủ, bèn quá giang trực chỉ Nhuận châu rồi lên bộ dò đường thẳng đến Lâm an. Tới nơi rồi hai người tá túc tại tiệm cơm, tính ra con đường từ Biện kinh đến Lâm an xa hơn ba ngàn dặm, Bốc Kiều trong mình chỉ vốn vẹn có mấy lượng bạc, nên xài đã hết sạch. Lúc ấy Bốc Kiều suy tới tính lui, trong thân không còn một vật chi cho xúng đáng, duy còn một món hàng «tuyệt phẩm vô giá» là nàng Sảng Diêu Cầm, Bốc Kiều bèn nảy ý quyết tìm nơi mà bán. Vừa nghe tại Tây Hồ là xóm tân tạo, khách tứ chiếng tề tựu nơi đây, và sẵn có một mục tử bà tên là Vương Cửu má đang tìm gái nhan sắc mà mua, nên Bốc Kiều bèn hỏi đường lần tới mời mục Vương bà xin hãy đến tiệm cơm mà coi mắt con gái của mình. Cửu má y lời, theo chơn Bốc Kiều đến quán, thấy được dung nhan Diêu Cầm thì mười phần ưng bụng, song ngoài mặt vẫn còn làm bộ dửng dăng. Bốc Kiều dứt giá năm chục lượng bạc, Cửu má lật đặt ưng lời. Giấy tờ làm xong, bạc cân đủ số. Bốc Kiều trở về chỗ ngụ nói dối với Diêu Cầm rằng: Cha mi hiện đi đâu không biết, tìm kiếm khắp nơi mà không nghe tin tức gì. Nay ta muốn đi qua Tô châu mà kiếm, ngặt vì đường xá xa xuôi, nếu đăm mi đi theo thì tốn hao rất nhiều, bất tiện lắm, nên ta định gởi mi ở đỡ nơi nhà thân thích của ta tại đây, rồi chừng nào có tin lành ta sẽ trở lại dắt mi đi. Bây giờ mi hãy đi với ta đến đó đặng ta gởi gắm đôi lời rồi sẽ lên đường.

Diêu Cầm nghe nói thì tin là thiệt, vội vàng đi theo Bốc Kiều qua nhà Vương Cửu má. Bốc Kiều cũng giả ý nói năm ba câu ân cần rồi mới ra đi.

Vương Cửu má từ khi mua đặng Diêu Cầm thì mừng rỡ khôn cùng, sắm ăn sắm mặc không tiếc, và để ở trên lầu.

Diêu Cầm ở đó được mấy ngày, không thấy dạng Bốc Kiều trở lại, vừa buồn vừa sanh nghi, phần nhớ thương cha mẹ còn mất thế nào, nên khóc mà hỏi Cửu má : Chú Bốc Kiều đi đã mấy ngày rồi sao không thấy trở lại !

Cửu má nói : Bốc Kiều nào mà kêu bằng chú ?

Diêu Cầm thưa : Chú Bốc Kiều là người dắt tôi đến đây hôm trước đó.

Cửu má nói : Sao va lại xưng va là cha ruột của mi ?

Diêu Cầm thưa : Người ấy họ Bốc, còn tôi đây họ Sảng, phải nào cha con ?

Nói rồi bèn thuật hết các chuyện từ nơi Biện kinh mắc nạn giặc giã thất lạc cha mẹ, giữa đường gặp Bốc Kiều đưa mình đến Lâm an tự sự ra sao và các lời Bốc Kiều đã nói với mình ra thế nào cho Cửu má nghe.

Vương má nói : Vậy sao ! Té ra mi là kẻ cô thân, như cua gãy càng. Thôi, để ta tỏ thiệt cho mi rõ : Người họ Bốc đã bán mi cho ta mà lấy năm chục lượng bạc rồi. Nhà ta đây là nhà bán phần buôn hương. Kia trong nhà đã sẵn có ba bốn đứa con nuôi, nhưng mà chưa có đứa nào nên trang tài sắc. Nay ta gặp đặng mi đây, thấy nhan sắc mi dễ coi, nên ta thương mi không khác chi con ruột, từ này về sau, thì mi sẽ đặng ăn mặc phở phê sung sướng mãi đời, miễn mi biết nghe theo lời ta dạy bảo.

Diêu Cầm nghe qua mấy lời ấy thì đã biết mình đã mắc mưu, sa vào chốn lầu xanh rồi nên vùng khóc oà lên.

Vương Cửu má khuyên giải hồi lâu mới nín. Từ ấy mới

đổi tên Diêu Cầm lại là Vương Mỹ, và cả nhà đều lặt nàng là Vương Mỹ nương. Cữu má gia công dạy đàn dạy hát, mỗi món nàng đều xuất sắc. Khi được mười bốn tuổi, thì Mỹ nương xinh tốt như tiên xuống phàm, nào vương tôn công tử, nào thế phiệt danh gia trong đất Lâm an, đều nô nức ước mơ muốn được hiệp mặt cùng Vương Mỹ nương cho toại chí bình sanh, thưởng thức đóa hoa biết nói. Qua đến mười lăm tuổi thì thình giá càng cao, nhưng Mỹ nương vẫn gìn lòng son sắt, càng treo giá ngọc và không chịu làm nghề rước khách.

Cữu má có một hai khi ép uồng thì nàng đòi gieo lều tự tử, bởi vậy Cữu má cũng không dám thẳng tay nài buộc.

Một ngày kia có Kim viên ngoại là người giàu có bậc nhất ở Lâm an, đến ngỏ ý với Cữu má bằng lòng bỏ ra hai trăm lượng bạc xin cho hiệp mặt với Mỹ nương một đêm.

Vương Cữu má nghe nói số bạc lớn thì ham, bèn vào năn nỉ với Mỹ nương nhưng Mỹ nương thẳng thắn trả lời dứt khoát : Muốn cho tôi rước khách, thì trừ ra bao giờ cho gặp cha mẹ tôi, như cha mẹ tôi bằng lòng cho tôi làm việc ấy, thì tôi mới vâng lời. Bằng chẳng vậy, thì thà chịu thác chớ tôi không bao giờ chịu nhục.

Cữu má nghe lời nói xác, lấy làm tức tối, mà không dám ép cho lắm, vì sợ ép bức nàng sẽ liều mình. Ngẫm nghĩ hồi lâu tính ra một kế, bèn làm thình lui ra, nói nhỏ với Kim viên ngoại rằng : Muốn cho đăng việc thì phải làm như vậy như vậy...

Kim viên ngoại nghe được thì có lòng mừng.

Chờ đến tiết Trung thu, Cữu má bày tiệc thưởng trăng, ép Mỹ nương uống rượu thật nhiều, uống đến say mèm, Cữu má diu đỡ nàng lên lầu, vào tới giường nằm thì nàng đã bất tỉnh như chết. Lúc ấy Kim viên ngoại đã đến từ lâu chực chờ sẵn, Cữu mã lật đật đưa viên ngoại lên lầu, mặc

cho ông to giỡn nụ, bướm già ghẹo hoa, sự mơ ước bấy lâu, với hai trăm lượng bạc, lão viên ngoại già thỏa nguyện.

Mỹ nương đương cơn thắm rượu, tay chân mềm nhũn, khi tỉnh giấc nồng, thì thấy mình đã thất thân nơi tay lão già nhiều cửa, nàng rần hết sức vẫy vùng nhưng cũng không phương thoát khỏi, đành để cho « lục ám hồng phi » thì mới chịu « vân thâm vũ tán ». Thiệt là đúng như câu trong Kiều :

*« Một cơn mưa gió nặng nề,
« Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hoa !*

Qua đến canh năm, Mỹ nương tỉnh rượu, biết Vương Cửu má ngấm lập mưu hại mình thất thân cùng tên lão tặc, nên xây mặt vào vách mà khóc, vừa than thân trách phận, vừa hối hận trách mình vì ham mềm môi rượu ngon gói béo mà đành tiết trăm năm lỡ bỏ đi trong một phút !

Kim viên ngoại chẳng biết ất giáp gì, tưởng đâu nàng đã ưng thuận nên xit lại gần tỏ tình luyến ái, không dè bị Mỹ nương quàu vả mặt mày trầy trụa ; viên ngoại rất thẹn, chờ cho đến sáng lật đật hát bài tàu mã.

Vương Cửu má rạng ngày thức dậy lên lầu, thấy Mỹ nương đương khóc thì lại vuốt ve vỗ về và hạ lời chịu lỗi. Mỹ nương chẳng nói chẳng rằng, ôm mặt khóc hoài, bỏ cơm bỏ cháo.

Từ ấy, Mỹ nương chẳng hề bước chân xuống lầu, vẫn cứ nằm dàu dàu trên phòng riêng, thui thủi một mình với một mối sầu khó tỏ.

Vương Cửu má trong khi ấy, lấy làm nóng nảy, nửa muốn thẳng tay đánh ép, nhưng nuôi lâu biết tánh lại sợ làm như vậy ất nàng sẽ liều mình, nửa lại muốn để y như vậy tới đâu hay đó, nhưng cũng tiếc vì biết bao giờ nàng mới ưng rước khách ? Nghĩ cũng tức, mình đã không tiếc tiền bỏ ra

mua là để thâu hoa lợi, mà nay hoa lợi đâu không thấy chỉ thấy ngày ngày cung cấp phụng sự và như vậy mãi thì có ngày hoa kia thốn mồn về tàn, lại có ích chi? Tính tới tính lui chưa quyết lẽ nào, bỗng trực nhớ đến Lưu Tứ nương là hàng em nuôi của mình và có tiếng là tay miệng lưỡi, và cũng thường hay tới lui nhà này và kết bạn với Mỹ nương rất hậu. Vậy ta hãy đến cậy Lưu nương phân điều hơn lẽ thiệt cho nàng rõ, họa may nàng sẽ xiêu lòng cùng chăng? Tính như vậy rồi nên Cửu má liền đi đến Tứ nương, bày tỏ công chuyện của mình và cậy Tứ nương gần công giúp sức, việc đặng thì chẳng dám quên ơn.

Lưu Tứ nương cười mà rằng : Tưởng chuyện chi mà khó, chớ như chuyện ấy hễ tôi giải quyết ắt xong ! Thuở nay ai không nghe danh nữ Tùy Hà ¹ này ! Tôi chẳng nói thì thôi chớ hễ tôi nói ra : dẫu Phật La hán cũng mong lòng cưới vợ, và tiên Hằng nga trên cung trăng cũng dạm dĩa muốn chồng, huống chi là người phàm xác thịt ! Vậy chị hãy yên tâm, việc đó để mặc tôi lo liệu. Duy tôi xin chị một điều : Ngày nay chị cậy tôi giúp lời, thì sau này nếu tôi có yêu cầu chị điều gì thì chị cũng phải nể tình nghe theo.

Cửu má mỗi mỗi đều ưng thuận và mừng rỡ ra về.

Ngày thứ, Lưu Tứ nương qua nhà Vương Cửu má, đi thẳng lên lầu, gõ cửa buồng Mỹ nương mà rằng : Bớ Mỹ nương, mở cửa cho dì vô với.

Mỹ nương nghe tiếng gọi, biết chắc đó là Lưu Tứ nương, nên lật đặt cho vào. Tứ nương vừa ngồi xuống thì thấy trên án thư có một bức chơn dung nét vẽ rất thần tình, nhưng chưa dặm nước màu. Tứ nương ngẫm nghĩa

1. Tùy Hà : mưu sĩ đời Tây Hán, có tài thuyết khách, ngôn ngữ như lưu.

giây lâu rồi khen lớn rằng : Thiệt nên xảo thủ ! Không biết chị Vương Cửu má sau mà có doan có phước quá chừng, gặp được một đứa con đã xinh tốt đẹp dễ, thông minh lanh lẹ, lại thạo đủ các nghề phong lưu, gồm luôn nữ công nữ hạnh, rõ là giá đáng ngàn vàng. Tôi dám chắc nội đất Lâm an này không con gái nhà ai bì kịp ?

Mỹ nương ngắt lời : Thôi đi đi, cười cháu làm chi ? Vậy chớ hôm nay có ngọn gió chi đưa đây mà đi đến đây như vậy ?

Lưu Tú nương nói : Không phải vậy đâu ! Bấy lâu đi cũng có lòng muốn qua đây chơi với cháu lắm, ngặt vì việc nhà lằng xằng ít khi rồi rảnh ; nay đi nghe cháu đã thất thân chịu mở mỗi hàng, nên đi phải như công qua đây, trước là thăm cháu, sau là mừng giùm cho cháu và chị Vương Cửu má.

Mỹ nương nghe tiếng nói đến mấy tiếng « *đã thất thân* » mà gọi là « *mở mỗi hàng* » thì lấy làm hồ thẹn, đến đỏ mặt tía tai, ngồi cúi đầu, không trả lời, nước mắt cứ tuôn như mưa, hết giọt này đến giọt khác.

Lưu Tú nương biết Mỹ nương mắc cỡ, nên nhắc ghế xit lại gần, cầm tay vuốt ve mà rằng : Cháu ôi ! cháu không phải là mít rệu ! Nếu hay mắc cỡ làm vậy thì đời nào mà kiếm được tiền ?

Mỹ nương vội nói và khóc : Kiếm tiền mà ích lợi gì cho tôi chớ ?

Lưu Tú nương thông thả đáp : Cháu nói kiếm tiền không ích gì cho cháu ! Mà theo ý di tưởng thì cháu một ngày một lớn, không lý ở không hoài mà chờ chúng dâng cơm tới miệng ! Lời tục có nói : « *Ở núi nhờ lộc núi ; ở sông nhờ lộc sông* ». Như chị Vương Cửu má, chỉ có bao nhiêu đây gọi là nghề nghiệp, hay sự nghiệp, mà thôi. Lại mấy đứa kia, không có đứa nào bì kịp cháu, vậy thì cháu cũng

như một trái dưa giống trong một đám dưa của chị Cửu má. Thêm nữa, chị Cửu má lại ở với cháu coi cũng hậu hơn mấy đứa kia, là có ý trông cây cháu mau lớn khôn dặng có rước khách kiếm tiền, té ra đi nghe từ khi cháu mới mở mỗi hàng đến nay thì cháu không tiếp một khách nào nữa, cháu không chịu khó nghĩ lấy mà xem, trong nhà thì đông miệng ăn, khác chi «tắm đương lúc ăn lên», mà sao cháu lại làm ngất người ta thế ấy? Nếu một mai túng thét họ nổi giận rồi hành hại thân cháu, đối đãi theo mấy đứa tôi đòi, chừng ấy có phải là khổ cho cháu chăng?

Mỹ nương đáp : Hành hại khắc bạc chi cũng mặc lòng, tôi có sợ đâu !

Lưu Tứ nương tiếp : Này ! Hành hại khắc bạc ấy là việc nhỏ, thôi, cũng chẳng nói làm chi. Vậy mà cháu có biết công việc của nhà nghề hay chăng?

Mỹ nương hỏi : Công việc nhà nghề là làm sao ?

Lưu Tứ nương nói : Trong nhà nghề của chúng ta là : Ăn cũng nhờ con gái, mặc cũng nhờ con gái, cho đến xài phí chi tiêu cũng nhờ con gái. Cho nên hễ may mà mua dặng một đứa như cháu đây, thì chắc là nên nhà nên cửa ; ấy chẳng khác chi tạo được một sở ruộng tốt, mặc sức đến mùa thâu hoa lợi. Bởi vậy, đương khi còn nhỏ thì ngóng trông cho mau lớn, đến chừng thất thân mà mở mỗi hàng thì cũng ví như ruộng tốt đã chín, mỗi ngày đều có hoa lợi vào tay mà chi dụng ăn xài. Lúc ấy mới đưa người ngõ trước, rước người cửa sau, ông này giúp gạo, lão nọ cho tiền, tới lui đông đảo, lai vãng dập diu, như vậy có phải là nổi danh hơn hết trong các chúng bạn chị em mình chăng?

Mỹ nương ngắt lời : Ồi ! Như vậy hồ thẹn lắm, ai mà làm được nà ?

Lưu Tứ nương nghe nói thì bùm miệng cười và tiếp

rằng: Cháu không chịu làm như vậy mà liệu có khỏi dặng hay sao? Cháu ôi, nội nhà thì có một chị Vương Cửu má làm chủ, nếu cháu không nghe lời thì chị Vương lại đánh, mỗi chút chỉ mỗi kiếm chuyện ra tay, chỉ đánh cho đến bán sanh bán tử, khi ấy thì cháu chạy đường nào? Ấy vậy các sự đánh đập hành hải nào có khó chi đâu! Nhưng mà vì thấy cháu thông minh lanh lợi, thân thể yếu đuối mảnh mai, cho nên chỉ không nỡ lòng. Nay vì sợ xấu hổ cho cháu và mất thể diện của cháu, cho nên chị Cửu má mới qua bên dì mà phân trần tự sự với dì rằng: « Cháu không biết điều phải chuyện quấy chi cả. Cầm lòng không biết rằng lòng nổi; cầm đá không biết rằng đá chìm! Khiến cho dạ chỉ không vui, nên chỉ mới cậy dì đến đây mà phân lời hơn sự thiệt với cháu, nếu cháu cứ một hai không nghe thì chỉ lại nổi giận, có phải là: Chửi hết sức rồi đánh, đánh hết sức rồi phạt, chừng ấy cháu có tháp cánh mà lên trời dặng chằng? Cháu ôi, phạm việc gì cũng phải suy nghĩ cho cặn kẽ mới được cho. Bây giờ đương lúc chỉ còn cần dùng và thương cháu, chỉ cậy dì năn nỉ, lấy lời êm tiếng dịu mà nói cho cháu nghe, mà cháu lại không nghe, cháu đợi cho đến sớm đánh tối chửi, day đọa vầy vò cho đến nước rồi thì chịu không kham, chừng mới cam bề rước khách, có phải đã hư thình giá mà chớ, lại bị chị em chúng bạn chê cười, hay chằng? Như thân cháu bây giờ thì cũng như tay đã nhúng chàm, thôi thì phải sao chịu vậy, hãy gượng gạo làm vui, chiều theo lòng người cho qua ngày tháng, là hơn!

Mỹ nương nói: Dì ôi, tôi là con nhà lương thiện, rủi lạc bước vào chốn phong trần làm vậy, như dì có rộng lòng thương cháu, thì xin dì toan liệu thế nào mà nói cho người gả cháu lấy chồng, thì cũng bằng dì lập cửu thập phù đồ. Chớ như dì mà muốn nói cho cháu trái phận hồng

nhân dãi dăng ong bướm, thì thà cháu cam liều một thác, chứ khó nổi vâng lời.

Lưu Tử nương nói : Cháu ôi, việc lấy chồng thì cũng phải, nhưng mà cũng có nhiều bực khác nhau.

Mỹ nương hỏi : Sao lại gọi rằng có nhiều bực khác nhau ?

Tử nương chậm rãi nói : Này ! Để đi kể hết cho cháu nghe : Cũng có lấy chồng mà *thiệt* ; cũng có lấy chồng mà *giả* ; cũng có lấy chồng mà *khổ* ; cũng có lấy chồng mà *vui* ; cũng có *sấn sứt* mà lấy chồng ; cũng có *cực chẳng đã* mà lấy chồng ; cũng có lấy chồng mà *xong* ; cũng có lấy chồng mà *không xong* ; cháu hãy lắng tai mà nghe đi giải bày cho tường tận : Vì sao mà kêu rằng *lấy chồng thiệt* ? Phàm như tài tử thì phải kén có giai nhân ; mà hễ có giai nhân thì phải lựa cho được tài tử. Vậy mới là xứng đôi vừa lứa ; song le việc tốt khó gặp, cho nên trên đời thường tài tử giai nhân ít được hiệp nhau, đúng như câu trong sách : « *Minh quân lương tể tao phùng dị ; tài tử giai nhân tể ngộ nan* ». May mà hai đảng gặp nhau rồi thì kia ư đây mền, cắt không đứt rứt không rời, đảng này ưng cười, đảng kia chịu gả, khác chi hai sam bắt cặp, sống thác cũng không buông nhau : ấy gọi là *lấy chồng thiệt*. Có khi trai kia thích gái, mà gái lại chẳng ưa trai, trong lòng vốn chẳng muốn lấy nó mà ngoài mặt bả bôi nói dối để phỉnh phờ gạt nó lấy tiền, đến lúc gần xong lại tìm đường tháo trút. Lại có kẻ tánh tình khờ khạo tâm trí hôn mê, cũng biết rằng cháu không đành nó, nhưng một hai cũng cười chầu về cho dặng, liều xuất nhiều tiền bạc mua dạ Tú bà, dẫu cháu không đành cũng không được, phải gấn gượng theo vào cửa nó, mà lòng thì không thuận, cố ý không tuân phép nhà, tự tung tự tác, thậm chí đem trai vào phòng trước mặt thẳng nó, thét lăm thì người ta không chịu

nổi, rán rút lắm thì kể được một năm, bằng kém nhịn nhục thì năm sáu tháng, rồi thì má phấn cũng trở lại lầu xanh, huờn cốt khí ở đâu lại về đó, mượn hai tiếng *lấy chồng* đăng mà lường của người cho dễ, ấy là *lấy chồng giả* ! Vì làm sao mà lại gọi rằng *lấy chồng mà khổ* ? Giả như có người kia thương cháu mà lòng cháu không thương lại bị người cậy thế hiếp đáp Tào kê¹, làm cho tào kê sợ họa nên phải đành gả, lúc ấy thì cháu có còn tự do tự chủ nữa đâu ? Tức nhiên cháu phải rơi lụy ra đi, đến khi vào cửa quyền thế rồi, thì sâu dương đáy biển, phép nhà lại nghiêm, day đầu cũng không đăng, quyền vợ giả tôi, mua ngày mua tháng mà ở, ấy kêu là *lấy chồng mà khổ* ! Vì làm sao mà gọi rằng *lấy chồng mà vui* ? Đương lúc cháu cần dùng lựa người, may tình cờ gặp người vừa ý, tánh tình ôn hậu, gia đạo giàu sang, vả lại vợ lớn bao dung, lại không trai hiếp gái, ước ao vào đến cửa người sanh đăng chút trai kế hậu, thì chắc được phần làm bà chủ nhà rồi đó, lấy chồng dường ấy thì ngày nay thông thả, lại còn cậy nhờ về ngày sau : ấy mới gọi là *lấy chồng mà vui*. Còn làm sao gọi rằng *lấy chồng sấn sứt* ? Nghĩa là cháu đương hồi xuân sắc, ai thấy cũng yêu thương, những tay tài tử lui tới dập dìu, cơn ấy mặc sức cho cháu chọn lựa nơi nào cho vừa lòng xứng ý, rồi cháu sẽ chịu lấy làm chồng, ấy gọi là *lấy chồng sấn sứt* đó ! Còn làm sao mà gọi rằng *cực chẳng đã mà lấy chồng* ? Nghĩa là trong lòng cháu thì không muốn hay chưa muốn lấy chồng, nhưng hoặc vì quan trên ép uổng, hoặc vì kẻ

1. Tiếng Miền Nam mấy chục năm về trước, nay cũng đã xưa rồi nên ít dùng và cần phải cắt nghĩa. Tào kê, đúng ra là « tòa kê », tức là « đại gia », nói theo giọng Triều châu, gọi tắt giọng Tiều. Lộp xưa trong Chợ lớn, các chủ tiệm buôn lớn, ưa xưng mình là tòa kê, như nay ta gọi ông chủ. Lâu ngày, bọn chà cho vay đặt nợ và bọn làm chủ gái điếm cũng xưng mình là « tào kê » cho rôm : gái tào kê là gái điếm có số ; anh Bầy tào kê ; và tào kê nay là tú bà.

manh ý thể hiếp cô, hoặc vì nợ nần nhiều lắm, cho nên bắt đắ dĩ phải lấy chồng, không kể chi nên hư, không lựa chi tốt xấu, ai cưới cũng ưng, «đương cuộc giả mê», giả dạng qua ải, dụng điều đỡ ngất, tạm để yên thân, ấy gọi là *lấy chồng mà cực chẳng đã* đó ! Làm sao mà gọi là *lấy chồng mà xong* ? Giả như cháu thanh xuân đã hết, trái mùi trắng gió, nhụy rữa hoa tàn rồi, khi ấy chọn người gầy gánh, chỉ đồng đạo hiệp mà nổi tóc mong được đến già : ấy gọi là *lấy chồng cho xong* ! Còn làm sao mà gọi rằng *lấy chồng mà không xong* ? Giả như cháu gặp một người hình dung tuấn tú, khiến nên đó mẩn đây thương, dục lòng si mê mà lỡ theo nó, ấy là tham vui mà quên tưởng việc ngày sau. Hoặc vì cha-mẹ nó rầy rà, hoặc vì vợ nhà nó ghen ghét, gây nên một cuộc lằng quằng, rớt lại hồng lâu trở lại lâu hồng, chém cha cái số ! Ấy gọi rằng *lấy chồng mà cũng không xong* !

Mỹ nương bèn hỏi : Như nay ý tôi muốn lấy chồng thì phải theo cách nào ?

Lưu Tứ nương nói : Cháu ôi ! Đề di dạy cháu một kế cho vẹn toàn.

Mỹ nương thưa : Nếu di có lòng dạy cháu, thì ơn ấy dầu thác cháu cũng không quên.

Lưu Tứ nương nói : Chuyện lấy chồng thì là rất phải, nhưng nay cháu đã lỡ thất thân rồi, dầu cho cháu lấy chồng gấp nội đêm nay đi nữa, thì cũng không gọi mình là trinh nữ đặng. Bề nào việc cũng đã lỡ ra rồi, phải tùy theo số mạng mình, nay gượng gạo làm khuấy, chiều theo ý người mà nương náu cho qua ngày tháng, làm sao cho người dầu không té lời thì cũng là đủ vốn, khi ấy họa may người có nghĩ đến công khó mà cho cháu xuất giá cùng chăng ? Nếu nay cháu cố chấp nần nần không chịu rước khách, thì di cũng không biết tính làm sao cho đặng. Chi cho bằng cháu hãy

nghe theo lời dì đi. Tưởng tài mạo như cháu, thì thiếu chi là công tử vương tôn, hào môn qui khách, tới mà cầu những điều tuyết nguyệt phong hoa. Như vậy, một là thân cháu được an nhàn, hai là chị Vương được nhờ cậy, ba là cháu có dịp giấu đục của riêng, mua sắm những gì thích ý, dành dụm chắt mót, châu ngọc hột xoàn, trân châu báu vật, lần hồi tụ thiếu thành đa, khi nào có vi kiếng có vốn liếng khá khẩm rồi, khi ấy sẽ chờ cho gặp người tâm đầu ý hiệp, lúc ấy cháu sẽ qua nói một tiếng với dì, dặng dì làm mai và nói phải chăng với chị Cửu má, để cho cháu ra đi lấy chồng. Có phải là sẵn tiền sẵn của, thì có lo chi là chuyện giàu nghèo, theo dì nghĩ, như vậy mới đáng gọi là « vạn toàn chi sách » !

Mỹ nương nghe những mấy lời ấy thì thấm ý mỉm cười mà không nói chi hết.

Lưu Tứ nương coi bộ đã xiêu lòng rồi bèn nói: Mấy lời dì nói với cháu đó đều là lời phải, cháu hãy cứ y theo, rồi ngày sau cháu mới biết ơn dì.

Nói rồi bèn từ giã ra về. (Lúc ấy Vương Cửu má đứng rình nơi cửa lầu, câu chuyện từ đầu chí cuối, thấy đều nghe rõ).

Mỹ nương đưa Lưu Tứ nương xuống lầu, gặp Vương Cửu má tại cầu thang thì đỏ mặt mắc cỡ lật đật trở lên. Vương Cửu má cũng theo Lưu Tứ nương đưa ra nhà trước. Lưu Tứ nương cười mà nói rằng: Cái con làm sao cứng cỏi quá! Làm tôi nói thôi đã đổ bọt oáp! Bây giờ nó đã chịu rồi, vậy chị hãy lựa người mà mở mối hàng cho nó. Để tôi kiêu về, kéo đi cũng đã lâu lắm. Nói rồi liền từ giã ra về.

Nói về Mỹ nương, từ ngày nghe mấy lời Lưu Tứ nương khuyên giải thì nằm đêm nghĩ lại cũng hữu lý. Từ ấy đến sau, mới bằng lòng rước khách. Chừng ấy nhà Vương Cửu

má khách tới lui như chợ, ra vào tấp nập, không giờ nào vắng. Thường thường khách dám đưa trước những mười lượng bạc mà giành giựt để đi nước tiên ! Vương Cửu má đã dặng chì thêm dặng chài, vui mừng không xiết, lại càng trọng đãi Mỹ nương.

Còn Mỹ nương nghe theo lời Tứ nương, vẫn lưu tâm chọn người tri kỷ, song vẫn chưa gặp người mắt xanh.

Ấy là :

*Báu vô giá hãy còn dễ kiếm,
Trai hữu tình rất nổi khó tìm !*

* * *

Bây giờ nhắc lại, thuở ấy, tại thành Lâm an, nơi cửa Thanh ba, trong tiệm bán dầu của Châu Thập lão, có tên Tần Trọng, vừa mười ba tuổi, mồ côi mẹ từ lâu, cha là Tần Lương, nguyên quán tại Bắc kinh, vì cơn binh cách, cha con dắt nhau qua Lâm an mà tỵ nạn, rủi thời sanh nhai vô kế, đến nỗi không còn gạo ăn, bất đắc dĩ Tần Lương phải cắt lòng thương, đem con đến tiệm dầu mà bán cho Châu Thập lão rồi vào chùa mà tu. Ông Châu Thập lão này, vì tuổi lớn mà không người kế hậu, thêm vợ mới qua đời, cho nên từ khi gặp dặng Tần Trọng thì thương như con đẻ, bèn cải tên lại là Châu Trọng, để ở theo trong tiệm mà học việc bán buôn. Ban đầu Châu Thập lão và Châu Trọng, hai cha con ngồi tiệm buôn bán thì đắt hàng lắm, nhưng sau đó Châu Thập lão mắc bệnh già đau lưng ngồi lâu không dặng, nên phải mướn thêm một người tài phú tên là Hình Quyền tiếp với Châu Trọng lo việc buôn bán. Ngày lun tháng qua, đã được bốn năm rồi, Châu Trọng nay đã mười bảy tuổi, hình dung tuấn tú, tuy đúng tác gia quan song chưa toan bề giai ngẫu. Châu Thập lão nguyên có sắm một con tỳ tất

tên là Lan Hoa, tuổi ngoài hai mươi, lòng ưa trăng gió. Thấy Châu Trọng đẹp trai lại tánh tình trung hậu thì đề ý. Nhiều phen đem mỗi nhử cá, lòng mong vui cuộc mây mưa, nhưng Châu Trọng nghiêm trang không ngó ngang chỉ đến, té ra «hoa rơi hữu ý», song «nước chảy vô tình», khiến Lan Hoa nhiều phen thất vọng, túng thế phải tìm qua mỗi khác. Đêm ấy đến trêu ghẹo Hình Quyền, tên này sẵn là tay háo sắc thêm góa bụa lâu ngày, nay gặp cuộc phong tình, thì có khác nào giữa hạn gặp mưa, từ ấy hai đảng thường trộm trao ân ái, lâu ngày hóa dạn, và bởi tánh ăn chung đã quen, sợ e Châu Trọng có ngày gặp được cơ mưu bại lộ thì khốn, cho nên Hình Quyền ra tay trước, bèn dùng kế phản gián định làm cho Châu Trọng phải bị đuổi ra khỏi nhà. Vậy mới bảo Lan Hoa làm tay trong, toa rập cùng nhau xong rồi, ngày kia Lan Hoa nói cùng Châu Thập lão rằng Châu Trọng đổi tánh, thường hay chọc ghẹo mình hoài! Châu Thập lão tuy tuổi gần đất xa trời nhưng lại có ý thâm thương Lan Hoa, nay nghe nói làm vậy thì đồ ghè tương, căm căm đem lòng giận Châu Trọng mà chưa nói ra. Còn Hình Quyền thì lập tâm giấu bạc trong tủ rồi bày chuyện phao vu, nói Châu Trọng bây giờ sanh tâm ham mè cò bạc nên hay ăn cắp vặt, mấy lúc sau này mất bạc đã nhiều lần. Ban đầu Châu lão chưa mấy tin, đến sau tỉnh ra mất bạc đòi ba phen, thì đâm lòng định quyết mới kêu Châu Trọng mà quở mắng thậm tệ. Châu Trọng trong lòng đã biết là tại kế độc Hình Quyền và Lan Hoa bày ra, nên muốn tỏ sự kin của Lan Hoa và Hình Quyền cho Thập lão nghe, song e làm như vậy là hèn nhất, thêm nữa lại sợ Thập lão không tin thì càng sanh oán thù, bèn nghĩ ra một kế mới thưa cùng Thập lão rằng trong tiệm lúc này buôn bán ế ẩm, ở hai người không đủ việc làm, nên mình muốn gánh dầu đi bán dạo, kiếm thêm ít nhiều cũng khá hơn ở tiệm ngồi không ăn hại.

Châu Thập lão có ý muốn cho, bèn đàm việc ấy với kẻ Hình Quyền, tên này tra thuốc độc, bỏ nhỏ với Thập lão rằng: Không phải nó muốn đi gánh dầu mà bán dầu. Kỳ thật vì bấy lâu nó giấu dút của riêng đã nhiều, bây giờ đủ lòng đủ cánh, muốn thừa dịp thoát thân ra khỏi tiệm, đăng kiếm vợ lập nghiệp riêng tư đó!

Châu Thập lão nghe nói than rằng: Minh xem nó như con, mà nó lại sanh lòng bội phản. Thôi cũng phú có hoàng thiên soi xét! Nó cũng không phải ruột thịt chi mình mà mong cầm nó lại! Mặc ý nó muốn đi thì cũng cho nó đi phứt cho rồi.

Đoạn lấy ra ba lượng bạc, gọi Châu Trọng đến mà rằng: Con ở với cha cũng đã lâu; nay con đã khôn lớn rồi, mà trong tiệm buôn bán ế ẩm lắm, không có việc cho con làm. Nay cha cho con ba lượng bạc đây và những áo quần chi của con thì con góp nhóp lại, rồi ra tìm nơi khác mà sanh nhai, chớ cha không muốn dùng con trong tiệm này nữa.

Châu Trọng nghe mấy lời thì biết rằng không còn ở đăng phứt nào, bèn khóc ròng, lạy Châu Thập lão, đủ bốn lạy rồi từ giã ra đi.

Khi Châu Trọng ra khỏi nhà Châu lão, bèn tìm mượn một căn phố nhỏ gần đầu cầu Chúng An, mỗi ngày khóa cửa đi tìm kiếm cha ruột mình là Tần Lương. Té ra kiếm khắp nơi đều không nghe tin tức đâu cả. (Ấy cũng vì khi trước Tần Lương vào chùa đi tu mà không nói cho Tần Trọng biết, cho nên nay Tần Trọng lạc lối không biết đâu mà tìm). Kiếm luôn mấy bữa không nghe tin tức, chẳng biết làm sao túng thét phải ra chợ mua một cặp thùng luôn và gióng gánh rồi ra tiệm bán dầu quen lớn bấy lâu để lãnh dầu mà bán dạo. Mỗi ngày bán hết dầu thì đem vốn về trả cho tiệm, cũng té lời chút đỉnh

cũng đủ tiêu xài, nhưng buồn một nỗi cô quạnh, chưa tìm thấy tấm dạng cha già. Tần Trọng nghĩ rằng nếu ta để họ Châu hoài thì ai rõ được họ ta vốn họ Tần. Dầu cha ta muốn tìm ta đi nữa, cũng không biết tông tích đâu mà hỏi thăm. Nghĩ làm vậy bèn mua viết mực vẽ ngoài hông thùng dầu một chữ « TẦN » thiệt lớn, đầu kia lại viết hai chữ « BIỆN LƯƠNG », có ý cho biết mình là người đế kinh. Từ ấy người xứ Lâm an mới rõ anh không phải họ Châu, và đổi lại kêu anh là Tần Trọng, hoặc Tần Mãi du, hoặc Mãi du lang là tiếng gọi thân thiết sau này của các chị em trong xóm.

Một ngày kia, nhằm tiết tháng hai, Tần Trọng nghe người đồn tại Chiêu Khánh tự có làm một độ chay chín ngày chín đêm, đang cần mua dầu thật nhiều, cho nên Tần Trọng mỗi ngày gánh dầu đến chùa ấy mà bán. Qua ngày thứ chín, tuần chay ngộ đã mãn, dầu cũng đã bán hết, nên Tần Trọng gánh cặp thùng không thông thả mà về, dọc đường ngắm xem phố phường phong cảnh. Đi một hồi như vậy thấm mệt, bèn ghé lại bên tả chùa Chiêu Khánh, đặt gánh xuống đất, ngồi trên bậc đá lề đường, vừa suy nghĩ, chợt ngoái lại bên kia đường thấy một cái nhà của ai không biết, hai cánh cửa lớn sơn son thếp vàng lộng lẫy, trong cửa thì xủ một bức rèm son, song chưa rõ trong nhà chừng dọn ra thế nào. Xảy đâu thấy có ba bốn người khăn áo tiêm iắt từ trong nhà đi ra, lại có một người con gái thanh tân mỹ lệ, cốt cách như tiên, theo tiên chân đến lặn ngổ. Tần Trọng chăm chỉ ngó trân nàng ấy quên thôi, cho đến bóng hồng trở vô khuất dạng hồi nào cũng chẳng hay, càng nhìn thần hồn càng điên đảo, bủn rủn tay chơn như người bị ma quỷ hớp hồn. Nguyên lai Tần Trọng thuở nay là người chơn chất thiệt thà bấy lâu chưa từng quen biết giới yên hoa, nên bữa nay đứng ngó tần ngần hồi lâu

chờ cho có người ra mà hỏi thăm cho biết. Xảy đâu thấy một bà già trong nhà ấy bước ra cùng với một con a huờn đầu còn chưa chóp, hai người song song ra đứng dựa cửa ngó mong, bỗng thấy Tần Trọng, bèn kêu: Chú bán dầu, hãy gánh gánh lại đây.

Tần Trọng nghe gọi lật đật bước lại thi lễ và trả lời rằng: Hôm nay dầu đã bán hết rồi, như di muốn mua thì mai tôi sẽ gánh lại.

Con a huờn xem thấy nơi thùng dầu có đề chữ TẦN bèn nói với Vương Cửu má: Té ra chú bán dầu này họ Tần, vậy chớ má má có nghe người ta đồn rằng Tần mãi du là người buôn bán thiệt thà hơn hết trong thành hay chăng?

Vương Cửu má, vì bà già này quả là Vương Cửu má, hỏi: Tần mãi du là chú này hay sao?

Tần Trọng cung kính trả lời: Dạ phải.

Vương Cửu má dặn Tần Trọng: Nhà tôi đây xài dầu nhiều lắm. Vậy mỗi ngày chú phải gánh tới đây cho thường đặn tôi khỏi mua chỗ khác.

Nói rồi bèn trở vào trong.

Tần Trọng ngẫm nghĩ rằng: Không biết bà già này là người chi của nàng con gái ấy? Thôi để ta mỗi ngày đem dầu lại đây bán, một là lấy lời, hai là ta nhìn con ấy chơi cho mãn nhãn, ấy cũng là một sự may!

Nghĩ làm vậy rồi cười thầm lấy mình và cất gánh lên vai mà đi. Xảy đâu thấy hai người kiệu phu khiêng một cái kiệu rất tốt có che tấm màn bằng lụa xanh lại có một đứa nhỏ chạy theo sau; kiệu ấy khiêng đến cửa nhà ban này thì đề xuống, đứa nhỏ chạy vào trong. Tần Trọng thấy vậy lấy làm lạ, bèn đề gánh xuống mà đứng chờ,ặng xem cho biết là đi rước ai. Giây lát, thấy hai con a huờn một con bung hộp, một con xách gói đem ra giao cho hai người

kiệu phu, và theo sau là nàng lịch sự ban nãy khoan thai bước ra lên kiệu, hai tên kiệu phu bèn khiêng đi liền. Tần Trọng ngó theo một hồi, song còn chưa rõ là người chi và đi về việc gì như vậy ; đứng tần ngần suy nghĩ không ra, rồi cũng cất gánh đi về. Đi chưa mấy bước thì thấy trước mặt có một quán rượu. Tần Trọng thuở nay tuy biết uống nhưng vẫn không ưa rượu. Hôm nay, thấy nàng ấy trong lòng phát vui lên, vui rồi nghĩ lại thấy buồn buồn, cho nên muốn lót bụng vài chén chơi cho hừng chí. Vậy mới đặt gánh nơi trước quán, bước vào lựa một chỗ ngồi ngó ra đường cái và gọi tửu bảo đem rượu ra, rót uống đôi ba chén khan rồi hỏi nhỏ tửu bảo rằng : Này, nhà ai ở đằng kia mà cửa ngõ có sơn son đỏ vậy ?

Tửu bảo thưa : Ấy là hoa viên cũ của Tề Công, nay cho bà Vương Cửu má mướn.

Tần Trọng hỏi tiếp : Còn người con gái vừa ngồi kiệu đi ngang qua đây là ai đó vậy ?

Tửu bảo trả lời : Ấy là một con phấn đầu có danh, tên là Vương Mỹ nương, mà người ta đã tặng cho là hoa khôi xứ này. Nguyên nó là người đất Biện Lương lưu lạc đến đây, ca xướng đờn địch, cầm kỳ thi họa chi chi thấy đều ăn nhứt trong đám chị em. Người giàu sang, khách phong lưu lui tới nhà đó dập dìu, cho nên làm cao. Phải đủ mười lượng bạc ròng mới làm quen với con đó được một đêm, mà những bậc tầm thường thì cũng không mong gì hưởng lạc thú ấy được. Ban đầu chúng ở cửa Thanh Ba, nhưng vì lâu ấy nhỏ hẹp cho nên nó mới đến mướn cái hoa viên ấy dựng dễ bề tiếp khách.

Tần Trọng nghe nói nàng kia là người Biện Lương thì động lòng nhớ cố hương mà càng thêm muốn được gần nàng kia hơn nữa. Uống thêm vài chén trả tiền cất gánh ra đi, vừa đi vừa suy nghĩ một mình : Uống thật ! trong

đời tại sao có một người lịch sự như vậy mà lại lạc loài vào chốn yên hoa như vậy?

Nghĩ xong lại cười thầm : Ủa ? nếu nó không vào chốn ấy thì làm sao mình được thấy mặt nó như hôm nay ?

Càng nghĩ càng thêm sốt ruột, mấy chén rượu ban nãy càng thêm đốt lòng, Tần Trọng chép miệng than rằng : Người sanh một đời, cỏ sanh một mùa. Chớ chi ta đang nằm gần nàng một đêm, dầu có thác cũng không còn thiếu chi nữa !

Rồi lại nghĩ : Ối ! mà mình là người mua gánh bán thùng, dầm mưa chải gió, cực trần ai lai khi cả ngày này qua năm kia mới té lờn chút đỉnh, bạc ở đâu cho đủ mười lượng mà mong những chuyện chơi tiên ? Thiệt là : « Cóc đòi đi guốc, ăn mày thêm xoi vò » ! là mình đây ! Việc ấy không thể được !

Nghĩ tới nghĩ lui rồi lại nói một mình : Ủa ! mà những người đến chơi với nó đều là hạng vương tôn công tử, còn mình đây vốn là thằng bán dầu, dầu cho có đủ mười lượng bạc đi nữa, biết nó có chịu tiếp hay chẳng ?

Biết như vậy, nhưng còn tiếc của, nên suy nghĩ cách khác : Mà ta nghe thiên hạ nói rằng bọn phẩn đầu chỉ biết trọng tiền mà thôi ! Bất kỳ ai, hễ có tiền là chúng tiếp, không chê tốt xấu ! Dầu ăn mày chúng cũng rước, huống hồ mình đây, liền lạc phải người, nhắm chẳng thua ai về phương diện dung mạo, và nếu mình có đủ mười lượng bạc đem đến đó thì nó cũng phải tiếp rước, lẽ nào không ? Ngặt một nỗi nay không biết có phương cách gì cho có đủ mười lượng bạc đây !

Tần Trọng vừa đi vừa nói, suy tới tính lui, một mình mình nói, một mình mình nghe, không khác một người gần mất tri. Bỗng chàng ta nhớ được một kế mừng quýnh mà nói thầm : Thôi ! để ta cứ ngày nay bắt đầu, một ngày

như té lời đặng một phân thì mần năm cũng góp đặng ba lượng sáu. Ba năm sẽ đủ số mười lượng, chớ không chơi ! Còn như may mà một ngày kiếm lời đặng hai phân, thì chừng một năm rưỡi ắt đủ số, cũng chẳng lâu gì đâu ! Thôi, để ta rán chặt mọt dành dùm, một ngày kia cũng phải được như ý muốn.

Vừa đi vừa nói lầm thầm, Tần Trọng về đến chỗ ở mà không hay, mở khóa vào trong, thấy nhà cửa xịch xạc tối tăm, nghĩ lại phận mình thêm buồn, bèn đặt gánh vào góc tường rồi đề y y phục như vậy lên giường nằm dầu dầu, cũng không thèm thổi cơm, để bụng đói mà ngủ đến sáng, với ba chén rượu mơ tiên bào chọt, càng làm thêm sôi mộng ước của một chàng trai chưa vợ thêm muốn những chuyện xây thành trên bãi cát Y pha nho !¹

Rạng ngày thức dậy, thấy khỏe khoắn lạ thường, bèn sửa soạn gióng gánh, nấu cơm ăn một bụng no canh, xong rồi đóng cửa khóa lại, cất gánh dầu lên vai đi thẳng một hơi đến nhà Vương Cửu má. Đến nơi, còn chưa dám bước vô, cứ đứng tần ngần phía ngoài mà ngóng. Giây lát nghe tiếng Vương Cửu má thức dậy, ho hen rồi sai trẻ đi mua mì điếm tằm. Tần Trọng nghe tiếng nói chuyện trong nhà đã giòn giã, bèn tăng hắng lấy giọng rồi mạnh miệng gọi lớn : Vương má !

Cửu má bước ra xem, thấy anh bán dầu, liền cười mà khen rằng : Thiết là người trung hậu, không quên lời hẹn !

Nói rồi sai trẻ lấy bình ra đong đủ năm cân, trả tiền xong, Cửu má ân cần căn dặn : Bình dầu này thấp đặng

1. Mượn ý câu văn Pháp « bâtir des châteaux en Espagne », có nghĩa : mơ chuyện hảo, chuyện khó thành. (Bài toán của Tần Trọng, ít người làm nổi : 1 ngày tiền tặn 1 phân (01,01) ; 1 năm 360 ngày, được 360 phân, tức 3 lượng 6 chỉ. Trong 3 năm, được tròn tròn 10 lượng, để mà chi ? Để mua vui trong ít phút ! Chỉ có bọn gàn mê đồ cổ mới hiểu được Tần Trọng mà thôi !

hai hôm mới hết, vậy thì cứ cách một bữa thì đem dầu đến, như vậy mua khỏi cần tích trữ và khỏi mua chỗ khác.

Tần Trọng gặt dầu rồi gánh gánh ra đi. Buồn! Vì không thấy mặt hoa khôi, nhưng cũng mừng thầm vì bà chủ nhà coi bộ cũng chiều cổ. Dầu một phen không gặp thì hai phen, dầu hai phen không gặp thì là ba phen cũng phải. Xóm ấy không phải chỗ đông đảo, vậy thì mình thẳng qua cửa Tiền đường, luôn tiện gánh lên chùa đặt bán dầu cho mấy ông sư. Ngày ấy các hòa thượng và chư tăng cũng đang trông dầu. Thấy Tần Trọng đến thì mừng, mỗi vị đều mua, một người một ít, lại hẹn với anh bán dầu rằng: Cứ hai ngày đến một lần, khỏi sự từ ngày hôm nay.

Hai ngày giao kết đảng hoàng, từ ấy Tần Trọng cứ ngày lễ thì vào cửa Tiền đường, khỏi cửa thì ghé Vương Cửu má, lấy cơ đi bán dầu đặt ngắm mặt giai nhân cho thỏa tình hoài vọng. Nhưng khi thì gặp, khi lại không. Không gặp thì đào óc tổn công mơ tưởng hão huyền. Còn gặp mặt thì Tần Trọng lăm la lăm lét không dám ngó chán chừng, kéo nón tời xuống che mặt chỉ chừa cặp mắt thèm thuồng, và khi giai nhân đi khuất lại một phen suy nghĩ cơ cầu...

Thiệt là :

Trời cao đất rộng còn có tội,

Tình ấy thương này thật khó cân.

Tần Trọng đến nhà Vương Cửu má thường lắm, cho nên lớn nhỏ trong nhà đều quen mặt, và bên chùa Chiêu Khánh cũng vậy, thậm chí Tần Trọng không cần ngó hình dạng người mua, chỉ xem cái bầu, cái bình hay cái hũ đựng dầu là biết ngay của ai, và vật ấy đóng được mấy cân mấy lượng, lâu ngày quá, không cần cân, cứ đóng theo thói quen, mà vẫn không sai chạy đồng cân, ai nấy vẫn cười chú bán dầu ăn chắc mặc dày, có cái cân sẵn trong tay!

Ngày tháng qua mau thắm thoát, tính đã hơn một năm, ngày nhiều ngày ít, khi dư ba phân bạc, khi dư được hai phân, cùng cực cũng chỉ thủ được một phân, chưa lâu thành đồng! Ngày qua ngày, góp nhóp đã nặng túi, cho đến mình là chủ, cũng không nhớ đếm mình có nhiều ít bao nhiêu?

Một ngày trời mưa dầu, Tần Trọng không đi bán được, lại nhờ túi bạc mình cũng đã to to, trong lòng mừng rỡ, bèn nghĩ rằng: Lúc này rồi rảnh, để mình lấy ra cân thử xem coi đã nặng bao nhiêu. Nhưng vẫn chưa tin cái cân của mình, nên che dù giấy, chạy qua phố thợ bạc ở ngang cửa chợ mượn cây cân tiểu ly cho thật đúng.

Người thợ bạc tưởng là một tên bán dầu tầm thường, bạc có bao nhiêu mà phải mượn cân cho rón chuyện, nên coi bộ hân hủi khinh khi, bèn lấy ra cho mượn cây cân xấu và nhỏ, sức cân chừng năm lượng. Không dè bợm bán dầu trút túi ra: Mẹ ơi! bạc lớn bạc vụn xem cho một đồng vụn chùn thấy ngộp mắt. Sức cây cân không phải! Anh thợ bạc vốn người dễ tiện, nay thấy người nhiều tiền liền đổi sắc vui, không còn khi dễ nữa, và nghĩ thầm lấy mình: « Người khó xem tướng mạo, cũng ví như nước biển khó nổi dòng lưng. » Chững mới lật đặt cất cây cân nhỏ, gác cây cân lớn lên và chỉ rõ mặt cân cho Tần Trọng. Tần Trọng trút hết bạc vụn vắn lớn nhỏ vào giá cân, kéo sợi chỉ có treo dải cân, khi đòn cân thăng bằng rồi, thì sợi chỉ chỉ đúng là MUỖI SÁU lượng tức đúng một cân chẵn chòi!¹ Anh thợ bạc trở mặt ngó một cách rất kính phục.

1. Đây là nói cho gọn, theo cách cân hàng hóa thường, nên tính 16 lượng ra một cân, chớ nếu cân vàng cân bạc, cân vật quý thì hễ 10 lượng là gọi một cân được rồi. Và thường hễ 1 cân vàng là 10 lượng; và mỗi lượng là 37gr50; đúng 600 grammes là 1 cân ta đó (37gr,50 \times 16).

Trong khi ấy, Tần Trọng tinh thầm : Như trừ bạc vốn ra là ba lượng, không cho động địa, thì số chỉ tồn còn lại : THƯỜNG HOA MỘT ĐÊM CŨNG CÓ DƯ ! Lại nghĩ bạc vun khó cầm, và hay hao hụt, người ta hay để ý vì bề bộn, chi bằng sẵn thợ, bảo đúc cho thành nén gọn hơn, nên chi Tần Trọng dạy thợ đúc cho mình : Một nén đúng mười lượng, một đỉnh nhỏ một lượng tám chỉ và một thoi bốn lượng hai, thoi này là bạc bốn. Còn dư vun ra, lớp trả tiền công thợ bạc, lớp mua áo quần mới, sắm giày sắm khăn, đem về giặt sạch, để vào rương có ướp bông ngâu, hương xông xạ ướp đầu đó xong xuôi, đoạn trông mau tối sáng để chọn ngày tốt mặc bộ đồ mới vào đi qua nhà bà Vương Cửu má !

Ấy là :

*Phú quý tuy còn chưa hăng mặt,
Phong lưu dường những đủ vui lòng.*

Đến một ngày kiết nhật, Tần Trọng sửa soạn khăn áo chỉnh tề, lấy bạc lộn vào lưng, khóa cửa lại và đi thẳng một hơi đến nhà Vương Cửu má. Khi ra đi hăng hái bao nhiêu, nhưng khi đến trước cửa, bao nhiêu can đảm đều tiêu tan, trở lại khúm núm sụt sè bao nhiêu. Tần Trọng nghĩ thầm : Ngày thường mình gánh dầu vào nhà người ta mà bán, nay nghiêm nhiên đến làm khách nghĩ lại cũng khó coi !

Mảng lo liệu lảng xăng, bỗng nghe tiếng mở cửa, Vương Cửu má bước ra thấy Tần Trọng bèn nói : Cậu Tần ngày hôm nay sao không đi buôn bán, lại sửa soạn đẹp để đi đâu đó ?

Tần Trọng thi lễ mà rằng : Tôi không đi chỗ nào khác, thiết tình qua đây thăm má !

Cửu má là người thạo việc, giỏi xem hình sắc, nay thấy Tần Trọng ăn mặc sạch sẽ lại nói đến thăm mình thì

hội ý : Có khi bọm này thấy trẻ vặt nhà ta nên phải lòng muốn mua vui một đêm xuân ? Tuy hấn không nhiều tiền, song trời kệ, mình cũng kiếm đặng mớ nào mua nắm rau cho trẻ dùng cũng đỡ ! Vì nghĩ vậy nên tươi cười mà rằng : Cậu đến thăm mụ ắt có chuyện vui, chớ nào không ?

Tần Trọng nói : Tôi không giỏi khoa ngôn ngữ, nên muốn nói mà còn sợ lảm, khó bề mở miệng !

Vương Cửu má bắc cầu : Không hề, muốn nói gì thì nói, xin hãy vào phòng khách đặng dễ phân trần.

Tần Trọng bước vào phòng khách rồi, Cửu má bảo trẻ ở pha trà, con tỷ tất bung nước ra nhìn thấy chú bán dầu mọi bữa nay mặc áo lớn ngồi làm khách lịch, chưa chi bèn ngó nhau cười. Cửu má nạt lui kể ở, mấy đứa nhỏ nín cười lo dẹp đồ trà.

Cửu má ung dung hỏi : Vậy chớ cậu Tần muốn phân điều chi, hãy tỏ cho mụ biết.

Tần Trọng thưa : Không có chuyện chi lạ. Duy tôi muốn mời một cô ở nhà má đến vui với tôi một tiệc rượu.

Cửu má rằng : Cậu lâu nay thiệt thà làm ăn, bây giờ muốn nhấp rượu thưởng hoa, kể cũng phong lưu ra phết !

Tần Trọng nói : Tôi tiện tặn đã lâu, không phải một ngày mà đặng !

Cửu má rằng : Nhà mụ cũng có đôi ba cô dễ coi, chẳng biết chàng chắm cô nào ?

Tần Trọng nghiêm trang thưa : Tôi chẳng lựa cô nào, tình thiệt chỉ xin cho được hoa khôi Vương Mỹ nương vui với tôi một đêm !

Cửu má nghe nói, đem dạ bất bình, sửa giọng và xẵng xồm : Mãi du lang ! Người nói chơi không lựa lời !

Tần Trọng tha thiết : Tôi tình thiệt, không dám nói chơi !

Cửu má giận, nghiêm nét mặt, nói lớn : Mãi du lang !

Người nói quái, không có lỗi tai hay sao? Con của mẹ như ngọc như vàng, lại hiến cho người là bợm bán dầu dáo mà tiền bạc bao nhiêu, nói thiệt, vui phân nửa đêm cũng không đủ tiền!

Nhưng Tần Trọng không nao núng, cũng quả quyết lại: Gần hoa khôi, một đêm ước tốn vài ngàn lượng chẳng?

Lạ thay! Lời nói xằng xớm ấy mà Cửu má không phiền, lại đổi giận làm vui mà rằng: Cũng không bao nhiêu, giá chừng mười lạng bạc, và còn sở phí riêng tiệc vui chưa tính vô.

Tần Trọng nói: Như vậy thì cũng chẳng chi là đại sự!

Nói rồi lần lưng lấy ra một nén bạc rỗng ước đủ mười lượng, trao cho mẹ và lấy thêm một dính một lượng tám chỉ, vừa đưa vừa nói: Xin má lấy riêng dính này sắm cho tôi một tiệc rượu; nhờ má làm sao việc thành tựu, sau này tôi nguyện chẳng quên ơn.

Cửu má thấy nén bạc lớn, tay chẳng muốn buông, song nhớ lại e mất cuộc vui, vốn liếng đi đời nhà ma, ắt có sự buồn tiếc lời thôi, nên nói câu thông đầy đưa cho êm chuyện: Cậu làm ra được bạc này cũng nhọc công không ít. Mẹ xin cậu hãy suy nghĩ lại cho cạn cùng và khuyên chờ khá vội.

Tần Trọng nói chằm bằm: Tôi đã quyết dạ, xin má chờ nhọc lòng lo.

Cửu má cất hai nén bạc vào tủ, còn nói thêm: Tuy mẹ đã bằng lời, nhưng mẹ còn e một nỗi khó.

Tần Trọng hỏi: Má là chủ nhà này, lại còn sợ nỗi chi?

Cửu má đáp: Con gái đẹp của mẹ thuở nay rước những vương tôn, công tử, cùng các mặt hồng nhô qui khách. Những bạc tầm thường buồn bán như Tần tiểu quan làm vậy, sợ e nó không đành ưng!

Tần Trọng nói: Hãy nhờ má má rán công: dầu có

quanh co chiều uốn thì còn má má. Sau này tôi đặng như ý thì ơn sâu má má tôi nguyên tạc dạ.

Cửu má thấy Tần Trọng mười phần quyết chí bèn nhăn đôi mày muối tiêu, giả bộ suy nghĩ hồi lâu rồi mỉm cười mà rằng: Mụ thấy tiểu quan quyết dạ, mụ cũng rán giúp giùm. Để xem duyên phận chàng ra sao, duy mụ xin khuyên một điều: là việc dầu nên cũng chờ vội mừng mau; bằng chẳng đặng thì cũng đừng phiền muộn quá! Con gái cưng của mụ từ hôm qua thì đến thưởng rượu nhà ông Lý học sĩ vẫn chưa về; ngày nay thì đã hẹn đi du hồ lát nữa đây với quan lớn Tri phủ sở tại; ngày mai này thì đi dự nơi thi xã nhà ông Trương sơn Nhon. Kế nữa thì đến phiên công tử con của Hàng thượng thư đã có thiệp dẫn trước, rằng người sẽ đến tại đây. Vậy phần của Tần tiểu quan phải rán chờ lâu lâu một chút! Thôi, tiểu quan cũng đừng đi bán chác chi và hãy tạm nghỉ vài hôm mà sửa soạn cho ra sắc diện. Từ đây tiểu quan phải ăn mặc lựa là sang trọng, cố cho trẻ nhỏ quên mặt, rồi mụ rán giúp chàng thì xong!

Tần Trọng cười nhỏ nhẹ: Tôi xin vâng như lời má má dặn.

Nói rồi từ biệt ra về, nghỉ không bán ba ngày, lo mua sắm y phục tơ lụa như lời Cửu má căn dặn, nhưng lựa thứ nhục nhục cho đỡ tốn, lại thêm thả ra thành thị học đi học đứng cho ra cách điệu con nhà học trò nho nhã.

Thiệt là:

*Vườn hoa chưa rõ phương nào,
Đã lo tập luyện theo màu học sanh!*

Đếm được ba ngày, qua ngày thứ tư, Tần Trọng thức dậy thật sớm, vội qua nhà Vương Cửu má thì cửa lớn chưa mở. Ý muốn ra đi mà không biết đi đâu, vì mắc sửa soạn ăn mặc khác hơn ngày thường, nên không dám qua chùa Chiêu

Khánh sợ e các vị sư tăng đàm tiếu, bèn đi bách bộ ngoài hàng giấy lát rồi cũng quay về nhà Cửu má. Phen này, Tần Trọng thấy trước cửa có kiệu ngựa chực sẵn còn bên trong thì có mấy đứa gia nhân ngồi chơi. Tần Trọng tuy thuở nay quê như đất cục, nhưng nay cũng học được chút ít kinh nghiệm, nên không bước ngay vô cửa, lại gọi người giữ ngựa mà hỏi : Ngựa kiệu này của ai ?

Tên giữ ngựa thưa : Cửa trong phủ Hàng lão gia cho đến rước công tử về.

Tần Trọng đã rõ là Hàng công tử ở đêm nơi đó nay sắp sửa về. Bèn trở ra ghé quán cơm ăn uống, ngồi chơi giấy lát mới trở lại thăm tin, thì ngựa kiệu đã rút lui từ hồi nào, Tần Trọng bước vào vừa đến cửa thì Cửu má mời vô mà rằng : Mụ già cam chịu lỗi ! Ngày nay chàng chưa đặt chuyện vì Hàng công tử đã rước con mụ về dinh đặt thưởng hoa mai đầu mùa. Mụ già cả hèn mọn nào dám cãi ! Công tử lại nói còn ghé qua chùa Linh Ẩn, hầu sư cụ vài ván cờ. Đã như vậy cũng đôi ba phen rồi, mụ không ắt mấy bữa sẽ về, hoặc đôi ba ngày hoặc năm ba hôm cũng chưa chắc. Đối với Tần tiểu quan là sự cầu vui cũng không có gì gấp, vậy xin hãy dẫn lòng, chờ thêm một ít lâu ! Bằng chẳng vậy thì của trao ngày nọ mụ xin giao đủ lại không sai.

Tần Trọng đáp : Chỉ sợ má má không giúp nên chuyện, chờ lâu mấy lâu cũng chờ !

Cửu má cười nói : Mụ đã hứa lời, thôi để mặc mụ lo !

Tần Trọng kiêu về, vừa đứng dậy, Cửu má nói : Mụ dặn Tần tiểu quan, sau có đến đừng đến sớm lắm, hãy đề lỗi giờ thân giờ Dậu sẽ đến ¹, có khách hay không khách,

1. Ngày xưa, chia ra ngày có sáu khắc, đêm có năm canh. Giờ *thân* toán ra từ 15 giờ đến 17 giờ, và giờ *dậu*, từ 17 đến 19 giờ.

mụ sẽ cho biết. Như vậy mụ mới có chỗ diệu dụng, và xin tiểu quan chờ đam lòng phiền.

Tần Trọng cười đáp : Không dám ! Không dám !

Ngày ấy Tần Trọng cũng không buôn bán dặng, qua ngày sau sửa soạn gánh gánh dầu đi qua đường khác bán, không đi đến cửa Tiền Đường, và mỗi ngày bán rồi chiều lại khấn áo chỉnh tề đến nhà Vương Cửu má thăm tin, nhưng cũng chẳng dặng việc chi, cứ đi không về rồi như vậy một tháng có dư. Ngày kia nhằm rằm tháng chạp, vừa khi tuyết xuống gió bắc thổi nà, ngoài đường giá vun thành đông, trời rét như cắt. Mừng vì đường dặng ráo rỏ, Tần Trọng buôn bán hơn nửa ngày rồi đánh áo đánh khăn sửa soạn đi thăm tin như cũ.

Vương Cửu má phen này vui mừng đón rước, lại nói : Ngày nay việc tạo hóa của chàng đã tiện dặng chín phân chín ly rồi !

Tần Trọng hỏi : Còn một ly thiếu ấy là vì cơ chi ?

Cửu má nói : Một ly thiếu ấy là tại con mụ hiện không có ở nhà !

Tần Trọng vội hỏi : Vậy mà có trở về chăng ?

Cửu má đáp : Ngày nay tại nhà Dur thái úy có thiết tiệc thưởng tuyết và bày cuộc du thuyền trên hồ. Dur lão gia nay tuổi đã trên bảy mươi, nên việc gió trăng ắt là không màng đến, nên lão gia có hẹn chừng sắp tối sẽ đưa về. Tiểu quan hãy vào phòng tân nơn mà nghỉ, và uống ít chén rượu cho ấm lòng trong khi đợi chờ.

Tần Trọng nói : Xin phiền má má dắt đường.

Vương Cửu má dẫn Tần Trọng đi quanh co một hồi, qua khỏi vài ba buồng phòng thì đến một cơ ngơi rộng lớn, vừa thanh tịnh, vừa u nhã, chưng bày lộng lẫy, bàn ghế tử giường mỗi mỗi đều tốt đẹp không đầu bì, toàn bằng gỗ quý có cấn ngọc thạch và đá vân thạch có vân

khéo, thêm nào sách xưa và đồ trân ngoạn la liệt đó đây, nào tranh chữ họ Tô (Tô Đông Pha), nào đồ gốm màu xanh nước biển sản xuất tại lò trứ danh Long Tuyền. Ấy là chỗ ở dành cho nàng hoa khôi tỉnh dưỡng, phía trong lại có cửa ả thông với một sân nhỏ xinh xắn giữa có non bộ và trồng đủ kỳ hoa dị thảo, đặc biệt là mấy chậu hoa lục mẫu đơn và hoa lan bích ngọc, tượng trưng sắc đẹp cao nhã của hoa khôi họ Vương. Trên cửa phòng có treo một bức đại tự vốn vẹn hai chữ « Vân Đường » do một tay danh sĩ đương thời viết, trong phòng lại có bày một hương án bằng gỗ trắc trên có để một lư hương cổ đồng quý giá, trong có đốt trầm hương lấy từ Lĩnh nam đem về mùi thơm bát ngát, hai bên hương án có kỷ trà, kệ viết, trên để đồ cổ ngoạn « ngự chế », còn trên vách thì la liệt những tranh toàn chữ tốt thơ hay. Tần Trọng liếc xem rồi lại hồ thảm, xét mình không phải bậc văn nhân nên không dám ngó kỹ. Tần Trọng nói trong bụng: Ở ngoài này mà còn xinh đẹp như vậy, thì trong chỗ chánh của nàng tiên ở ắt là rực rỡ sang trọng biết mấy! Nay mình phí mười lượng bạc, tuy nhiều thật, nhưng được hưởng một đêm vui đầy đủ thì cũng đáng đời, và có đâu là mất!

Cửu mã nhường cho Tần Trọng làm khách còn mình làm chủ, trong giây phút có a hườn xách đèn bùng mâm, dọn ra toàn trân tu hải vị, tuy chưa nếm mà mùi thơm ngon xông lên nức mũi.

Cửu mã hai tay bùng chén mời rằng: Hôm nay trẻ con mù đều mắc khách hết, mù mời Tần tiểu quan hãy ăn uống với mù cho vui.

Tần Trọng vốn người ít rượu, hôm nay đến đây không phải vì ầm thực, vả lại trong lòng đang mơ tưởng một đêm du nguyệt diện với nàng tiên, nên nhấp lấy có, hợp một miếng rượu rồi thôi. Cửu mã ân cần mời dùng cơm,

giấy lát a huồn vào thừa : Nước lá đã nóng, xin mời qui khách tẩy trần.

Tần Trọng lau mình xong, thay y phục lại như cũ, Cửu má khiến trẻ dọn dẹp... Tần Trọng ngồi một mình trong phòng, chờ đến sập tối, chuông chùa Chiêu Khánh gióng thu không mà Mỹ nương vẫn chưa về.

Ấy là :

*Người ngọc phương nào vui thưởng hừng,
Tinh lang mỗi mắt ngóng trông chừnng.*

Tần Trọng ngồi chờ mãi không thấy tăm dạng người đẹp thì cũng hơi sốt ruột. Cửu má biết Tần Trọng buồn nên kiếm chuyện kia đều nọ mà nói cho khuây lảng, lại đem rượu ra ép mời. Cho đến hết canh một (gần tám giờ rưỡi tối), nghe ngoài ngõ có tiếng sột sạt. Vương Cửu má bước ra xem thì quả Hoa khôi đã về tới cửa. Cửu má mừng rỡ bèn ngó lại mà nói với Tần Trọng rằng : Người đẹp đã về tới đó !

Tần Trọng nghe nói thì lật đật đứng dậy, xảy thấy hai con tử tất dỡ Mỹ nương vào nhà, nhưng xem dèo Mỹ nương thắm rượu nhiều, hai con mắt nhường không lên, vào đến trước cửa phòng, mở hý hý ra thấy cô bàn la liệt đèn đuốc tỏ rạng, liền dừng chơn lại hỏi rằng : Khách nào đến uống rượu đây ?

Vương Cửu má tiếp lời : Này con ! má xin giới thiệu người này ngày trước má đã nói chuyện với con : Đây là Tần tiểu quan. Bấy lâu người có lòng yêu mến con lắm, cho nên người đã đem lễ vật đến cho má, mà chờ đã hơn một tháng nay, nhưng con không có rảnh được. Nay may gặp đêm con đặt thong thả, nên má cầm người ở lại, vậy thì con phải tiếp rước cho người vui lòng.

Mỹ nương nói : Bấy lâu tại thành Lâm an này, tôi không nghe tiếng ai là Tần tiểu quan. Người này ắt không phải là người tai mắt, tôi không tiếp y đâu !

Nói rồi Mỹ nương bỏ đi. Vương Cửu má lật đật cản lại, dịu lời : Này con ! Đừng làm như vậy, không nên. Người này má biết, thiệt là người tử tế, lại tánh ý hiền lành, dễ thương lắm, không phải phùng gạt gẫm má con ta đâu.

Nói rồi bèn nắm tay Mỹ nương dắt lại cửa phòng. Mỹ nương bước vào, gần tới cửa nhìn Tần Trọng thì nhớ may đã gặp nơi nào rồi, gương mặt quen quen, song đương lúc say nên không biết rõ đã gặp ở đâu.

Mỹ nương nói với Cửu má rằng : Không đâu, người này tuy tôi không biết cho lắm, nhưng tôi nhớ dường như đã có thấy mặt một đôi khi gì đây. Chắc không phải là người danh tiếng, tôi không chịu tiếp rước đâu ! Má muốn cho người ta cười tôi thúi đầu hay sao ?

Vương Cửu má cố ép : Ấy là Tần tiểu quan lập tiệm bán dầu lớn tại cửa Đông Kim đó. Vì khi xưa má con ta có ở con đường ấy, cho nên con còn nhớ mơ màng vậy thôi. Nay má đã hứa lố với y, con đừng làm như vậy mà mịch lòng, thêm má mang tiếng đã già mà nói không thiệt lời. Vậy con hãy vị tình má, mà tiếp rước y cho qua đêm nay, kéo má mang tiếng không tốt !

Nói rồi xô đại Mỹ nương vào phòng. Mỹ nương đang say cự không lại, túng phải vào phòng mà chào một tiếng, rồi ngồi nơi ghế chằm chỉ nhìn Tần Trọng không thôi, càng nhìn lại càng buồn, nên kêu a huờn bảo đem rượu lại.

Mỹ nương rót ra một chén lớn, lúc ấy Cửu má ngỡ là Mỹ nương rót để mời khách, không dè Mỹ nương rót rồi bung uống một hơi cạn chén. Vương Cửu má thấy vậy thì nói với Mỹ nương rằng : Má xem con đã say rồi, thôi uống nữa làm chi ?

Mỹ nương cãi lại rằng : Không mà ! Tôi đâu có say ! Vừa nói vừa rót uống thêm mấy chén nữa, chừng ấy mới chịu rằng say, đứng dậy định bước qua giường. Song đứng

đà không vững, túng phải kêu a huờn đỡ lên giường, cởi giày vừa rồi, chưa kịp cởi áo ngoài, Mỹ nương nhào đại lên nằm... Cửu má thấy Mỹ nương có cử chỉ như vậy mà xem chừng Tần Trọng không tỏ vẻ tức giận chút nào, cứ ngồi một chỗ ngó xuống hoài, Cửu má bèn bước lại mà nói nhỏ với Tần Trọng rằng: Xin tiểu quan chớ đam lòng phiền, thuở nay hễ tôi nói sao thì con tôi nó hay vậy. Bây giờ nó say lỡ, có một hai điều thất lễ, xin tiểu quan nghĩ tình mụ, chớ nên cố chấp.

Tần Trọng lật đật thưa: Dạ, tôi dám phiền chi đâu.

Vương Cửu má lại rót rượu khuyên mời Trần Trọng, nhưng Tần Trọng một hai từ chối.

Cửu má nói nhỏ: Nó đã thật say! Cờ đã về tay, tôi giao nó cho tiểu quan đó! Nói vậy rồi Cửu má bước lại gọi Mỹ nương mà rằng: Con, sao không dậy cởi áo ngoài ra rồi sẽ ngủ?

Khi ấy Mỹ nương đương giấc mê man, không nghe chi hết. Vương Cửu má thấy kêu gọi không đặng, bèn hỏi a huờn dọn dẹp triệt cỗ bàn, lau sạch trong phòng, rồi bảo Tần Trọng rằng: Bây giờ cũng đã khuya, thôi, Tần tiểu quan hãy đi nghỉ là vừa. Nói rồi bèn bước trái ra ngoài...

Khi ấy, Tần Trọng day lại bảo a huờn chế cho mình một bình trà lớn thật nóng và thật ngon. A huờn vâng lời đem lên một bình trà mới, để nơi bàn rồi bước ra khép cửa, để một mình Tần Trọng ở lại trong phòng với một nàng tiên say, đứng ra với một cái xác tuy chưa chết nhưng không cựa cựa!

Tần Trọng bước lại bên giường, kề tai gần mặt Mỹ nương mà nghe, thì hơi thở đều đều, nồng nàn hơi men, quả nàng say túy lúy, không còn biết gì. Tần Trọng nghĩ thầm: Thường thường người ta dạy: hễ say thì phải nằm

cho kín gió. Nghĩ vậy rồi trong trí định lấy mền đắp cho Mỹ nương, ngất vì nàng nằm vắt ngang trên cái mền gấm, không thể rút ra được vì nếu rút nhẹ thì mền mắc kẹt dưới thân nàng không sao kéo được, bằng rút mạnh tay thì e kinh động giấc ngủ của nàng... Đang cơn bối rối, ngó quanh quất kiếm mền khác, may thời Tần Trọng thấy một cái mền gấm đỏ vắt trên lang cang giường, bèn vói tay rút xuống mà đắp nhẹ nhẹ trên mình Mỹ nương, đoạn bước lại khêu đèn thêm tỏ rõ, tính bề ngồi nhìn mặt nàng cho đến sáng. Tần Trọng bưng bình nước trà lại, để trên giường rồi lên ngồi kề bên mình Mỹ nương, một tay thì gác nhẹ lên trên mình ngọc, một tay thì nâng bình trà nóng ấp một bên bụng Mỹ nương cho thêm được ấm, hai mắt thì nhìn tròn trọc mặt Mỹ nương, phân tách từ lần cong cặp chang mày lá liễu, nét mũi dọc dừa, nhứt là cặp môi son khéo và chạy viền tuyết đẹp, chỉ tức một điều mình chưa làm chủ mà đã trao tay biết mấy nhiều người!

Ấy là : *Tuy chưa vầy cuộc trăng cùng gió,
Song cũng dựng kê ngọc với hương !*

Nãy giờ Tần Trọng mải lo nhìn say đắm nét xinh « muốn cắn » của người thương, nhìn mãi cũng đã thèm rồi, mới bắt qua đề ý đến cái bình trà đang chuyển hơi nóng « hồi dương » cho người đẹp. Quả đây là một vật thể gian hãn hữu. Nó lớn tròn tròn trái dưa cỡ nhì, hình thù ngộ nghĩnh, nằm thấp tròn vo, nhờ vậy mà dễ ôm bên mình không lật đổ, màu xanh đậm lục đậu thật có duyên, nhứt là lần đầu tiên Tần Trọng thấy một sản phẩm lò Long tuyền (céladon de Long-ts'uan) có đề hai câu thi, nét bút như dao cắt :

*Thái bình thiên tử triều nguyên nhựt,
Ngũ sắc vân trung giá lục long ¹.*

1. Buổi thái bình, ngày nguyên đán, đức vua ngự triều,
Xe mây sáu rồng bay, màu sắc đủ năm thứ.

Rõ là đồ « ngự chế » hay vật trong « Nội Phủ » có lẽ do một hoàng tôn lên cấp đem tặng cho hoa khôi, và quả dưới hai hàng chữ có chạm trong men hình ông rồng bốn móng tung bay từ dưới biển lên không trung, đối chiếu bên kia vẽ con cá hóa long mình đơm vảy tia kiêu « vượt vũ môn ». Cái bình quý này đem biếu cho học trò thì chúc cho mau thi đậu làm quan vinh hiển, nhưng nay lọt vào tay hoa khôi có ngờ đâu tác dụng là làm cho ấm một người say ! Nực cười Tần Trọng, cực khổ nhin ăn nhin mặc ngót hai năm trời mới được có một đêm này, thế mà khi gần kề người ngọc lại quên mất phút lạc thú phù du, để ngồi ngắm hoa đèn và phân tách tìm hiểu về cái bình trà quý phái, tuy đẹp mắt, nhưng sánh về sự hữu ích, còn thua xa cặp thùng dầu mỗi ngày đem lại cho mình cơm no áo ấm !

Nói về Mỹ nương, ngủ một giấc cho đến hơn nửa đêm mới thức dậy, trong lòng rạo rực, bèn ngồi trên đống mền mà ựa khan. Tần Trọng lật đật dọn dẹp bình trà và ngồi kề lại mà vuốt ngực cho Mỹ nương. Ừ ập một hồi lâu, Mỹ nương dần không nổi, bèn mửa vọt ra. Tần Trọng không có gì để hứng, và lòng sợ mửa trên đống mền thì lấm dơ, nên vội vàng đưa tay áo của mình ra hứng hết. Mỹ nương say vui không còn biết chi nữa, vẫn mửa như không có ai bên mình và đâu có ai ấy chẳng qua là con đòi, con tử tất phụng sự cho mình hằng bữa ! Mửa đầy tay áo rồi, Tần Trọng cởi áo ra vầy lại bỏ dựa dưới chơn sàng, tay quơ bình trà rót một chén đầy đưa cho Mỹ nương súc miệng, chừng ấy mới nhớ lấy ống phóng sành cho Mỹ nương nhổ vào đó, lại rót thêm vài ba chén cho Mỹ nương uống nóng, đoạn đỡ Mỹ nương nằm xuống, và vừa đặt lưng xuống là Mỹ nương đã ngáy rồi ! Tần Trọng lại tiếp tục ngồi một bên mà nhìn mặt như cũ. Mỹ nương đánh một giấc ngon lành

cho đến gà bắt đầu gáy sáng, mới cựa mình mở mắt, thấy Tần Trọng còn ngồi một bên, bèn hỏi: Người là ai mà sao lại ngồi đây?

Tần Trọng đáp: Tôi là họ Tần.

Mỹ nương nghe nói họ Tần, bỗng sức nhớ lại các việc xảy ra trong đêm, bèn hỏi: Đêm nay tôi say nhiều lắm phải chăng?

Tần Trọng đáp gọn: Không say chi lắm.

Mỹ nương hỏi thêm: Tôi có mửa không?

Tần Trọng trả lời điệu đánh dây thép: Không có mửa!

Khi ấy Mỹ nương vụt ngồi dậy, giấu hai chơn bó dưới mền, nói sau khi rán nhớ: Lạ dữ này! sao tôi nhớ có mửa, lại có uống nước trà nữa? Hay là tôi chiêm bao chăng??

Tần Trọng liệu không giấu được nữa, bèn tỏ thiệt rằng: Thiệt cô có mửa đó! Trong khi cô chưa mửa, thì tôi đã nghĩ rằng người say thường khát nước, nên tôi đã biện sẵn một bình trà mà để dành. Thì cũng y như trí tôi định trước. Cô mửa rồi cũng có uống đầu vài ba chén nước do tôi rót, rồi cô mới nằm xuống mà ngủ lại!

Mỹ nương nghe thuật, thì chưng hửng, vội hỏi: Té ra tôi có mửa?

Chà! Ghê quá! Chẳng là vấy mền hết, còn gì đâu?

Tần Trọng thú thật: Khi ấy tôi sợ cô mửa vấy mền dơ nệm, cho nên tôi đã lấy tay áo mà hứng hết rồi!

Mỹ Nương vội hỏi: Úy! Mệt ời! Bây giờ cái áo ấy ở đâu?

Tần Trọng nói: Cái áo ấy đã gói trọn hơi thơm của cô! Tôi còn giấu nơi kia! Để mai sáng tôi đem về!

Mỹ nương nói: Cha chả! Uổng quá! Làm dơ hư cái áo rồi, còn gì đâu?

Tần Trọng quả quyết: Không hề chi! Ấy là cái áo của tôi, hôm nay may mà được chứa hơi thơm của cô, có can chi đâu?

Mỹ nương nghe bấy nhiêu lời, nghĩ thầm : Từ lâu nay ta chưa hề gặp một người nào cư xử chí tình với ta được như vậy.

Nghĩ như vậy cho nên Mỹ nương đã có bốn năm phần cảm mến Tần Trọng rồi.

Trời đã sáng trắng, ánh sáng theo kẹt cửa chen vào từ sọc dài dài, Mỹ nương dậy đi qua phòng có để bình tiêu, bước được ít bước trực nhớ lại người này hay là Tần mãi du đây chăng? Bận trở vô bèn hỏi Tần Trọng rằng : Ông hãy tỏ thiệt với tôi, ông là ai, sao đêm nay ông lại ở đây ?

Tần Trọng liệu bề không giấu được, bèn tỏ thiệt tên họ mình, và kể hết đầu đuôi mối nợ, từ ngày thấy mặt nàng hai năm trước lúc nàng ra cửa lên kiệu, rồi từ ấy đam lòng tư tưởng, cho nên tiện tặn chắt mót tiền bạc đã suốt hơn hai chục tháng dài, nay mới đặn một đêm toại chí.

Mỹ nương càng nghe càng thêm kính trọng và từ kính trọng lần đến yêu thương... Mỹ nương thành thật : Té ra nội đêm nay tôi mắc say rượu mà không tiếp rước chàng được chút nào, vậy thì uổng tiền của chàng trong đêm nay lắm.

Tần Trọng vội đáp : Cô chẳng khác chi tiên, nay tôi đặn gần mà khỏi chịu lời quở trách, ấy cũng là phúc lớn, còn mong gì nữa ?

Mỹ nương khuyên giải : Chàng ôi ! Chàng là người mua gánh bán bưng, dầm mưa chải gió, chịu cực chịu khổ lắm mới có được bấy nhiêu lượng bạc ấy, sao không để mà nuôi dưỡng trong gia quyến mình ? Vả chốn này là nơi vương tôn công tử ăn chơi hoang phí, như chàng vậy tưởng không nên lai vãng nơi này mà làm chi !

Tần Trọng trả lời: Tôi cô thân, cũng không cha mẹ vợ con chi cả!

Mỹ nương ngẫm nghĩ giây lâu, rồi hỏi nhỏ nhẹ: Bây giờ chàng về, rồi chừng nào, đến bao giờ, chàng đến chơi nữa?

Tần Trọng thành thật: Cô ôi! Như bực tôi mà dặng dựa hơi hương của cô trong một đêm thì cũng đã toại chí bình sanh rồi, còn trông mong đến đây làm chi nữa?

Mỹ nương nghe nói, tưởng trong lòng: Mấy thuở mà gặp dặng một người có thủy có chung như vậy: đã trung hậu lại thật thà, có tình có nghĩa, lại biết che xấu khoe tốt, phong lưu cốt cách, thiệt là muôn người chưa được một. Tiếc thay và uổng cho va là người trong giới mặt lợi, bán buôn ty tiểu, chớ chi va được là người hay chữ văn nhân, thì dầu nghèo hèn chi, mình cũng nhào vô nâng khăn sửa đắp mới là đành dạ.

Đương còn ngẫm nghĩ, thì có a hườn bưng nước nóng đem lại cho Mỹ nương và Tần Trọng rửa mặt. Tần Trọng rửa mặt xong thì liền xin kiếu mà về.

Mỹ nương cầm lại mà rằng: Khoan đã! Hãy ở lại một giây phút nữa cho tôi nói vài lời, chẳng hề chi mà ngại.

Tần Trọng đáp: Cô ôi! Dễ tôi lại không biết thẹn hay sao? Như tôi đây mà đeo bông dâm đến chốn này thì cũng đã là vượt bực lắm rồi. Song vì lòng yêu mến quá độ nên tôi mới làm gan đến đây, chớ cũng e người ngoài thấy dặng, một là làm mất danh tiếng của cô, hai là người ta chê cười tôi sao không biết xét bốn phận. Vì lẽ ấy cho nên tôi mới kiếu mà về cho sớm, dễ đâu tôi lại không muốn ở lâu dặng gần hơi thơm của cô mãi mãi hay sao?

Mỹ nương nghe mấy lời thì gác đầu, liền bảo a hườn lui ra, rồi mở rương lấy hai mươi lượng bạc làm hai nén, trao cho Tần Trọng, dặn rằng:

— Bạc này, xin chàng hãy đem về mà làm vốn, đừng cho ai biết.

Tần Trọng năn năn không chịu lãnh.

Mỹ nương năn nỉ rằng: Chàng ôi! Bạc này không nhọc chi mà có, xin chàng đừng chê và hãy tạm nhận lấy mà dùng. Ấy là tôi đền chút tình chàng thương tưởng đến tôi, xin chàng chớ từ. Nếu ngày nào chàng có thiếu dùng, xin chàng hãy đến đây, tôi sẽ có thể tư trợ cho nhau. Còn cái áo hời hôm tôi đã làm dơ đó, xin chàng hãy để lại đây cho a huân nó giặt rồi sẽ đem trả cho chàng.

Tần Trọng đáp: Cái áo ấy chẳng cần gì cô phải đem lòng lo ngại. Thôi, để tôi đem về tôi giặt lấy tôi, không hề gì đâu. Còn bạc của cô cho tôi đó, thì thiệt tôi không dám nhận lãnh.

Mỹ nương nài: Tôi đã nói với chàng hết lời, mà chàng không nghĩ đến tôi hay sao?

Nói rồi lấy bạc nhét vào tay áo Tần Trọng, vừa cười vừa xô, bảo Tần Trọng đi đi.

Tần Trọng thấy ý ân cần lắm, nên phải vâng lời, rồi kiếu mà về.

Tần Trọng xuống lầu, Vương Cửu má thấy về sớm thì kêu mà rằng: Tần tiểu quan sao mà về sớm lắm vậy?

Tần Trọng cười đáp: Tôi phải về, vì việc nhà còn mẹ mê. Nói rồi bèn bước lẹ. Từ ngày ấy, Mỹ nương cứ tư tưởng đến Tần Trọng hoài, lại tiếc vì hôm ấy mình quá say nên có nhiều cử chỉ không đẹp, không nói được lời chi cho mát dạ Tần Trọng và không được cùng nhau hưởng lạc thú ái ân. Con mắt thăm về lâu, không được gần Tần Trọng khiến Mỹ nương mơ tưởng sự muốn càng tăng nhiều.

* * *

Bây giờ nhắc lại Hình Quyền từ ngày ra đọc thủ đuổi

Tần Trọng ra khỏi nhà Châu Thập lão, còn lại một mình tự tung tự tác, tự thông với con tử tất Lan Hoa, không còn kiêng dè chi cả. Lại thấy Châu Thập lão đau nằm một chỗ, không nói đâu được, hai người càng ỷ y mặc sức tung hoành. Một đêm kia, hai người toa rập nhau xong, bèn vơ vét hết tiền bạc trong tủ mà dắt nhau trốn biệt. Rạng ngày Châu Thập lão rõ được tự sự, mướn người tìm kiếm mà không ra manh mối. Chừng ấy thắm mật, nghĩ lại ăn năn khi trước bởi nghe lời Hình Quyền mà đuổi con nuôi mình là Châu Trọng. Bây giờ thương nhớ, hỏi thăm lại, có người mách Châu Trọng còn ở nơi đầu cầu Chúng an kiều bán dầu dáo, Châu lão mới cạy lân nhơn đến khuyên lơn mời về. Tần Trọng hay tin cha nuôi mình đau nay đã hết giận, bèn dọn đồ trả phố gánh gánh trở về. Vào nhà ra mắt Châu lão, cha con ôm nhau khóc ròng. Từ ấy Châu lão mới giao phú sổ sách tiền bạc cho Tần Trọng và Tần Trọng sẵn có hai chục lượng bạc của Mỹ nương tặng, thêm thoi bạc bốn lượng hai chỉ bạc bốn, tâng tiu như đồng tiền cái, bửu bối giần kho, nay cũng nhập vô chung để lo buôn bán. Từ ấy Tần Trọng lại đổi tên mình là Châu Trọng như khi trước.

Chưa được nửa năm, cha con tình càng đằm thắm, không dè bệnh Châu lão càng ngày càng nặng, thuốc thầy đều chạy, không mấy lâu Châu lão mạng chung. Châu Trọng than khóc tang chế như cha ruột, lo việc tổng táng xong rồi, ai nấy đều khen Châu Trọng là người có nghĩa. Từ ấy, việc buôn bán càng ngày càng phát, Châu Trọng một mình coi không xiết, mới cạy người bạn hàng quen tên là Kim Trung, kiếm mướn một người làm công trong tiệm, đặng đỡ tay chơn, mà phải trọng tuổi và tin cậy được. Một ngày kia, Kim Trung đưa đến một người hơn năm chục tuổi, chịu ở làm công. Nguyên người này, không

ai khác hơn là Sảng Thiện, quán ở Bắc kinh, thân An lạc, năm trước vì chạy giặc lạc mất con gái là nàng Diêu Cầm, còn lại vợ chồng bấy lâu trôi nổi khắp nơi, mà cũng không gặp con, nay nghe đồn Lâm an như dân đông đúc dễ làm ăn, nên vợ chồng diu dắt nhau đến, rồi thời tiền bạc hết sạch, nay nghe Kim Trung chỉ bảo mới tìm đến Châu Trọng chịu ở mượn, Châu Trọng hỏi thăm quê quán, nhìn là người đồng hương, Châu Trọng thấy tình cảnh, rơi lụy tỏ lòng phận mình cũng lưu lạc chưa gặp lại cha, và khuyên vợ chồng Sảng Thiện : Thôi, chú cũng không có nhà cửa chi để nương náu, vậy hãy ở đây với tôi, tôi cũng bảo bọc luôn, rồi sau này dọ lần tin tức linh ái, như gặp được thì sẽ liệu thể khác.

Vợ chồng Sảng Thiện cảm ơn không cùng.

Từ ấy, Châu Trọng một ngày một phát, nhiều người thấy tánh nết thì thương muốn đem con gả cho, song Châu Trọng không đành nơi nào cả, vì tuy không nói ra chớ trong bụng dố chờ cho gặp được người nào tuyệt sắc giai như Vương Mỹ nương thì mới vừa lòng.

Ấy là :

*Từng xem biển thẳm, khôn rằng nước,
Trừ bỏ non Vu, chẳng phải mây!*

* * *

Bây giờ trở lại chuyện Vương Mỹ nương ở nhà Vương Cửu má, đương lúc thanh danh càng nổi, sớm đàn tối hát, miệng nhảm cao lương, mình chê gấm vóc, tuy vẫn kén chọn, nhưng vẫn chưa gặp được người vừa lòng xứng ý. Người thì bãi buổi ngoài miệng, muốn chơi hoa mà không lòng dạ yêu hoa ; người thì tráo trở hững hờ, thích giỡn nguyệt mà không lòng kính nguyệt. Mấy khi ươn yếu, khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, Mỹ nương một mình mình biết,

một mình mình hay, đèn lờ soi bóng, lạnh lẽo một thân, không ai ngó ngang hỏi thăm, những khi ấy lại càng tưởng nhớ đến anh Tần tiểu quan, nghĩ chừng nào càng thương đáo đẽ, lại thường trách phận than thân, hờn sao kém duyên bạc phước ! Một người hữu tình khả ái như Tần tiểu quan lại khiến mình không gặp được hai lần ! (Có lẽ kiếp đào hoa của Mỹ nương gần mãn hạn nên khiến nàng có những cảm tưởng hoàn lương ấy).

Chuyện đầu còn đó, bây giờ kể lại trong thành Lâm an, thuở đó có một công tử tên là Ngô Bác, cha là Ngô Nhạc, làm quan Thái thú nơi đất Phước châu. Nay Ngô Bác trở về thăm nhà, đem theo tiền bạc rất nhiều, mà tánh người lại ưa tửu sắc. Từ khi về Lâm an, nghe đồn danh tiếng Hoa khôi Vương Mỹ nương, thường sai gia nhân hẹn ngày đặng có đến mà xem mắt, song Mỹ nương đã có nghe nói tánh tình công tử không mấy tốt cho nên không chịu tiếp và mượn cớ này cớ khác, từ chối hoài. Một đôi khi Ngô Bác đi theo chúng bạn đến nhà Vương Cửu má mà Mỹ nương cũng lánh mặt không cho gặp.

Lúc ấy nhằm tiết Thanh minh, người người nô nức hội đạp thanh, kẻ đi tảo mộ, người đi thưởng xuân, duy có Mỹ nương, luôn mấy ngày liên tiếp du sơn du thủy hoài nên cũng chán chê, hôm nay định thừa dịp này trốn khách ở lại nhà để họa cho xong những bài thi đã lãnh, và vẽ cho rồi những bức tranh còn bỏ dở bấy lâu ; bởi tính như vậy nên Mỹ nương gọi a huờn lại mà dặn rằng ngày nay dầu có khách nào đến cũng đừng cho vào, đồ thừa ta đi vắng. Căn dặn đàng hoàng, Mỹ nương mới ngồi lại làm thi. Xảy nghe có tiếng ồn ào, ngó ra thì thấy Ngô Bác dắt mười mấy đứa đầy tớ, đứa nào cũng mặc mày hung ác, xông vào nhà trên, rằng rước Mỹ nương đi du hồ. Nhon thấy a huờn cản trở cho nên bọn ấy đập phá đồ đạc, xô

cửa a vào phòng riêng của Mỹ nương, té ra cửa phòng khóa chặt, mười mấy tên ác nô ấy không kè chi hết cứ phá cửa vào bắt đại Mỹ nương kéo đưa không còn lễ phép chi cả!

Vương Cửu má thấy nguy hiểm đã lánh mặt đằng nào, để cho mấy đứa ấy kéo Mỹ nương bỏ đại xuống thuyền đưa ra Tây Hồ. Tội nghiệp cho Mỹ nương, từ ngày vào nhà Vương Cửu má thì được cưng như cưng trứng, hững như hững hoa, chưa từng bị ai húng hiếp bao giờ, nay gặp sự lẳng nhục làm vậy thì cứ che mặt khóc hoài! Còn Ngô Bác thì ngồi giữa thuyền, nét giận hằm hằm, khoát nạt gia đình xô thuyền ra giữa dòng và chèo đi tít tót. Ngô Bác lại khiến một đứa ở cầm roi biếu Mỹ nương phải nín. Và bắt chấp thân ngà vóc ngọc, tên ác nô một mặt cầm roi vóc xuống, một ra dấu cho thuyền trực chỉ đến hồ Tâm đình, đến nơi Ngô Bác dạy gia đình dọn mâm chén lên đình mà thiết tiệc. Chừng ấy Ngô Bác mới bảo gia đình rằng: Bây hãy xuống kêu con khốn ấy lên dùng rượu!

Gia đình xuống mời, song Mỹ nương nắn nắn không ưng, hai tay ghệt lấy cột chèo mà tri lại, miệng thì kêu khóc không thôi. Ngô Bác thấy vậy nổi giận bồng thân xuống khoang thuyền tri kéo với Mỹ nương, nhưng Mỹ nương vẫn tay tri miệng la. Ngô Bác càng làm dữ, thì Mỹ nương lại càng la lớn. Cuồng trí quá Ngô Bác khiến gia đình cõi hết vòng vàng trăm xuyến, Mỹ nương chồn vờn muốn nhảy xuống nước mà liều mình, song bị chúng ôm siết chặt không phượng vùng vẫy. Ngô Bác bèn nói với Mỹ nương rằng: Mi muốn liều mạng mà hại ta mang họa, nhưng ta có sợ mi đâu! Nếu mi thác rồi, bất quá ta tốn chừng ít lượng bạc mà thôi. Đừng! Đừng có làm nư mà uổng mạng. Như mi biết khôn thì nín đi, ta sẽ thả mi về!

Mỹ nương nghe nói tha về thì mới chịu nín.

Ngô Bác khiến gia đình chèo thuyền qua mé hồ, ngoài

cửa Thanh Ba, lựa nơi vắng vẻ, lột hết giày vớ của Mỹ nương, bày hai chơn bó ra, trắng lóa như hai mục măng non nhớt... Gia đình ôm Mỹ nương bỏ đại trên bờ mà rằng : Đó ! mi có giỏi về được thì về ! Chớ không ai thêm diu mi đi đâu !

Nói rồi liền xô thuyền ra hồ, cùng nhau hỷ lạc.

Thiệt là :

*Chơi hoa bẻ nhụy thương nhiều kẻ,
Tiếc ngọc thương hương dễ mấy ai.*

* * *

Mỹ nương bị lột giày, tháo bỏ đồ bó chơn ra, thì bước một bước cũng đau thấu đến óc, không đi đâu đặng, bèn ngồi bẹp xuống bờ hồ mà khóc rấm rứt. Nhưng duyên trời khéo định, may sao khiến cho ngày ấy Châu Trọng, nhơn đi tảo mộ Châu Thập lão, về ngang qua đó, xảy nghe tiếng đàn bà khóc than thảm thiết, bèn phẫn theo tiếng khóc để xem. Té ra, tuy đầu bù tóc rối khó nhìn, nhưng mặt ngọc mày hoa không xa lạ. Châu Trọng biết quả là Vương Mỹ nương thì cả kinh, bước tới hỏi rằng : Thưa cô có phải là hoa khôi nương tử hay chăng ? Vì sao thân thể đến như vậy ?

Mỹ nương đang ngồi khóc, nghe có tiếng hỏi, ngược mặt lên nhìn, thì ra tần ngần trước mặt quả là người nhân tình mình ước ao bấy lâu.

Đương cơn nguy ngập mà bỗng gặp được người mình hoài vọng, thì khỏi nói, Mỹ nương mừng rỡ không khác chết đi sống lại. Mỹ nương bèn tỏ hết đầu đuôi rồi nhào đại vào lòng Châu Trọng, ôm lấy người thương mà khóc oà ! Châu Trọng thấy vậy, cầm lòng không đậu, cũng khóc theo.

Khi ấy Châu Trọng mới mở dây lưng của mình, xé ra làm hai, bảo Mỹ nương để cho mình bó hai chơn lại kỹ

cang, rồi Châu Trọng đỡ Mỹ nương đứng dậy, lấy khăn lau mặt mày, vuốt tóc tai cho Mỹ nương, an ủi Mỹ nương đừng khóc nữa, rồi mới chạy đi mượn kiệu, đoạn diu dắt đưa Mỹ nương lên kiệu, còn mình đi bộ theo sau, hộ tống đến nhà Vương Cửu má.

Cửu má đang ngồi rầu rĩ, xảy thấy Tần Trọng bước vào, lại có Mỹ nương trên kiệu vừa bước xuống, thì mừng rỡ cầm bằng ai cho ngọc, định chắc Mỹ nương nhờ có Tần Trọng giải cứu nên mới về được như vậy, vì vậy ân cần cầm Tần Trọng ở lại, không cho về, và sai dọn tiệc ăn mừng đoàn viên. Tần Trọng uống vài chén rượu rồi từ giã xin về. Mỹ nương hai tay ôm ghì lại không cho về, mà rằng: Bấy lâu tôi thương nhớ, mà không biết làm sao đặng gặp. Hôm nay ông trời xui khiến, gặp đặng đây lẽ nào tôi buông!

Cửu má ân cần năn nỉ Tần Trọng ở nán lại đêm nay đến sáng ngày sẽ về không muộn.

Tần Trọng trong lòng mừng như chết, song còn làm bộ « chín hấu mại hơi »¹.

Đêm ấy, Mỹ nương trổ hết tài hay, ngâm thơ đàn hát, không sót món nào. Còn khỏi nói anh Mãi du lang thì

1. *Chín hấu mại hơi*: đây là một thành ngữ, nay ít dùng, xưa tôi thường nghe ông già bà cả nói liền miệng. Nguyên trong tục lệ đánh bài « cảo hấu » (*cảo* là *cửu*, là chín, *hấu* là *hảo* là tốt), khi chia bài xong, bắt lên, trong bốn người chơi, nếu cả bốn đều hô « mại » (tức là « không »), thì đồng hè bỏ bài xuống chia lại ván khác; ngược bằng có một người « không chịu mại » thì phải đánh luôn; nay trong một ván nào đó, mình bắt bài được « chín hấu » mà vẫn miệng nói « mại » để chờ một người khác, bài khá tốt, không chịu mại, rồi đánh luôn và mình bài tốt hơn sẽ thắng trước thì đó là mình « chín hấu mại hơi ». Một tỷ dụ: đưa con gái tới tuổi lấy chồng, cha mẹ hỏi ý kiến mà còn không chịu, thì cha mẹ thường nhieếc: Hừ! đã « chín hấu mà còn mại hơi ». Một ông kia, muốn làm thủ tướng mà đợi ép mời thì ông ấy, cũng « chín hấu mại hơi »!

thần tình diên đảo, nửa mê nửa tỉnh, thùng gánh đều quên, chỉ nhớ mình được lên cung Quảng Hàn !

Mãi đến canh khuya, hai người mới đàm nhau vào trướng loan, chung vui gối phụng. Bao nhiêu nỗi nhớ tình thương, hai người đêm nay đều kể hết, một đằng là gái kinh nghiệm, một đằng, tuy thân đi bán dầu, mà vốn trai tân, không biết ai đã hơn ai ?

Mỹ nương nói cùng Tần Trọng rằng : Thiếp có một điều tâm phúc, muốn tỏ thiệt cùng chàng, xin chàng đừng từ chối.

Tần Trọng đáp : Nếu nàng có việc chi cần dùng đến tôi, dầu vùi tro đạp lửa, khó đến bực nào đi nữa, tôi cũng chẳng từ nan !

Mỹ nương tiếp : Nay thiếp muốn kết nghĩa cùng chàng, chẳng hay chàng bằng lòng chăng ?

Tần Trọng lật đật đáp : Biết bao giờ có chuyện như vậy ? Xin nàng đừng chế giễu tôi tội nghiệp ! Nàng nói như vậy càng làm cho tôi đau khổ và thêm thẹn bấy nhiêu.

Mỹ nương tha thiết : Ấy là lời thiếp nói thật tình, sao chàng lại gọi là giễu ngạo ? Từ lúc thiếp nên mười bốn tuổi, bị Vương Cửu má ép uống phục rượu, cho nên mới ra nông nỗi này. Song từ ấy cho đến nay, thiếp quyết lòng lấy chồng tử tế đặng làm ăn mà thôi. Nhưng mà bấy lâu thiếp chọn chưa được người tri kỷ, cho nên thiếp chưa dám trao thân gởi phận, vì gặp toàn là những bợm tham tài hiếu sắc, giỏi việc vùi liễu vấp hoa thì có, chứ thật tình biết thương hương tiếc ngọc thì không. Thiếp nói thiệt, bấy lâu thiếp vẫn lọc lừa kén chọn, mà chưa gặp đặng ai cư xử được tử tế và thật tình như chàng. Vả lại thiếp có nghe chàng chưa định bề cang lẹ, vậy xin chàng đừng nệ rằng thiếp là phường yên hoa, xin cho thiếp vào nâng khăn sửa traps cho chàng, mà cùng nhau nối tóc đến già,

thì ơn ấy thiếp xem bằng tái tạo. Chàng dầu hẹp lượng không đành, thì thiếp quyết dùng ba thước lụa liềm mình trước mặt chàng đây, đừng mà tạ tình tri kỷ, thì còn hơn là thiếp thác nơi tay quân vô loại lúc ban trưa, vì chết như vậy vô danh, lại còn bị thế gian sỉ tiếu !

Nói rồi nhào vào lòng Tần Trọng, nức nở khóc than.

Tần Trọng ôn tồn khuyên giải : Mỹ nương ôi ! Xin nàng đừng khóc lóc mà tôi xốn xang không chịu nổi ! Như thật nàng có lòng thương tôi dường ấy, thì là phước đức của tôi to lớn biết là ngần nào ? Lẽ đâu tôi lại từ chối ? Song le nàng nghĩ lại coi : thân giá của nàng thì cao quý, mà thân phận của tôi thì quá thấp thỏm, nên e việc chẳng được thỏa lòng chăng ?

Mỹ nương nói : Việc ấy thì khỏi lo ! Vì bấy lâu thiếp đã tính có ngày tòng lương, cho nên thiếp đã chặt một dự trữ đợi chờ như ngày hôm nay có sẵn số tiền mình chuộc lấy mình, vậy xin chàng mưa quan tâm việc ấy.

Tần Trọng nói : Nếu nàng có sẵn đủ tiền mà chuộc lấy mình thì bấy lâu thiếu chi tay rường cao cột cả, sao nàng không chịu ưng mà nương dựa tấm thân ? Còn thân tôi hàn vi như vậy e nàng chịu cực không nổi chăng ?

Mỹ nương đáp : Dầu mà mặc vải ăn rau đi nữa thì thiếp cũng cam tâm.

Tần Trọng nói : Tuy lòng đã quyết, song còn e má má không đành.

Mỹ nương đáp : Phải đó ! Vậy ta phải làm như vậy, như vậy....

Hai người mải lo chuyện văn mà trời sáng không hay.

Rạng ngày Tần Trọng ra về. Còn Mỹ nương xưa nay có gởi mấy rương bạc vàng châu báu cho những người tương tri là Hàng công tử và người giúp việc cho Tề Thái

úy, hôm nay Mỹ nương lại nói xin lãnh về và đem thẳng lại nhà Tần Trọng mà giao hết cho cất giữ. Việc rồi, Mỹ nương từ giã Tần Trọng, lên kiệu đi lại nhà Lưu Tứ má mà bày tỏ ý mình nay muốn cải thiện ra lấy chồng và xin Tứ má hãy nhớ mấy lời đã hứa năm xưa.

Lưu Tứ má nói : Khi trước quả dì có hứa với con như vậy, song nay con còn nhỏ tuổi, gấp gì lấy chồng ? Lại nữa người mà con đành bụng đó là ai ?

Mỹ nương nói : Thì bấy lâu cháu vâng lời dì dạy, nên cháu cứ chọn cho được theo cách *lấy chồng mà vui*, chứ không phải như mấy cách kia đâu. Nay cháu xin dì chịu khó đến nói giùm với Vương Cửu má cho xong. Này, cháu không biết lấy chi mà đền ơn dì, vậy cháu kính dâng cho dì mười lượng vàng ròng để dì dưỡng già ! Như dì nói với Cửu má đăng rồi thì còn một lễ người ta cậy dì đứng làm mai dong nữa là khác !

Lưu Tứ má thấy vàng nhiều thì mừng rỡ mà rằng : Con đừng lo chi hết, để mặc dì liệu định. Hễ dì nói thì Cửu má phải nghe theo. Nay con phải ở lại đây để cho dì qua đó bàn chuyện trước đã. Ừ ! còn như xong rồi, liệu người ta đã có sẵn bạc mà chuộc con hay chẳng ?

Mỹ nương nói : Việc ấy cháu đã xếp đặt rồi, dì đừng lo ngại.

Lưu Tứ má hỏi thêm : Vậy chứ chị Cửu má có biết con qua nhà dì hay chẳng ?

Mỹ nương lắc đầu đáp không.

Lưu Tứ má nói : Vậy thì con hãy ở nhà đây sai trẻ dọn cơm ăn đi, đừng chờ dì. Hễ nói được rồi thì dì sẽ về cho con hay lập tức.

Dặn dò xong xả, Tứ má lên kiệu qua nhà Cửu má. Vương bà mừng rỡ đón rước vào nhà, trà nước xong, Lưu Tứ má bắt qua gay câu chuyện Ngô Bác.

Cửu má thuật hết tự sự trước sau.

Tứ má nói : May không chút nữa chị đã mất hết vốn liếng rồi ! Mà theo tôi, việc ấy cũng chưa gọi là xong đâu, vì tôi nghe nói Ngô Bác còn muốn làm thiệt hại cho chị nữa, vì xem như va giận con nọ đã lâu ngày lắm !

Vương Cửu má nghe nói thì thở ra mà than rằng : Thiệt đó chút ! Con này cũng lạ lắm. Ai đời, người ta cũng là người tử tế không phải là hèn hạ, phung cùi sứt mẻ chi, thế mà nó cứ nặn nặn quyết một không chịu tiếp người ta. Tôi đã khuyên lơn nó hết tiếng, mà nó cứ nói giết nó thì giết, làm gì nó thì làm, chớ nó nhứt định không khứng tiếp rước. Thiệt là khổ tâm cho tôi lắm vậy. Khi nó còn nhỏ, tôi nói gì nó còn nghe lời ; từ ngày nó lớn lên, có danh tiếng rồi, kẻ ưa người chuộng, muốn chi đăng nấy, tôi kèm chế nó không nổi nữa, nên mới sanh ra sự thù oán làm vậy.

Lưu Tứ má thừa dịp mở hơi : Tưởng làm sao kìa ! Chớ chị khiến nó không nổi thì còn cầm nó mà làm chi ? Coi có chỗ nào muốn chuộc nó thì cho người ta chuộc phứt mà lấy vốn lại, chớ lâu nay chị lấy lời cũng đã nhiều rồi, bằng như chị còn tiếc, tôi e nếu có chuyện gì xảy ra thì ăn năn không kịp !

Vương Cửu má gặc đầu, nói : Thôi, di nói tôi nghe cũng lọt vào tai, vậy di làm ơn coi có nơi nào đành chuộc nó thì chỉ giùm cho họ tới đây mà chuộc phứt nó đi cho rồi.

Lưu Tứ má nói : Lời chị nói như vậy mà có chắc hay không ? Chớ để tôi nói lỡ với người ta thì không dễ đâu !

Cửu má quả quyết : Sao lại không chắc ! Còn chứa nó trong nhà nữa đăng mang họa hay sao ? Vả lại nếu như có chỗ nào rồi mà nó không đành, thì xin di làm ơn nói cho nó bằng lòng đi đã.

Lưu Tứ má hỏi chắc : Còn như xong rồi, thì định cho chuộc bao nhiêu ?

Cửu má cười đáp : Di nó cũng biết cửa hàng nhà tôi thuở nay mua rẻ thì có, bán rẻ thì không ! Vả lại như con nào cà, chớ như nó thì nội xứ Lâm an, ai ai cũng nhìn nhận nó là hoa khôi, có lý nào mà rẻ đặng ? Sao sao cũng phải đủ ngàn lượng vàng ròng thì mới đặng cho !

Tứ má nói câu thông : Thôi, chị nói vậy thì hay vậy. Đề tôi nói thử với người ta coi ra thế nào đã, rồi sẽ trả lời chị sau.

Đến đây, hai người từ giã, Tứ má lên kiệu ra về.

Thiệt là :

Mở miệng chẳng thua tài Lục Giả.

Buông lời nào kém sức Tùy Hà.

Lưu Tứ má về đến nhà bèn thuật hết các chuyện lại cho Mỹ nương nghe và hỏi : Việc đã chắc được nửa phần rồi, vậy mà con đã có đủ ngàn lượng vàng như Cửu má đòi hay chưa ?

Mỹ nương trả lời : Vàng bạc đã sắm đủ rồi, vậy ngày mai tốt ngày, xin đi lại đặng nhà tôi mà tính phút cho rồi, kéo dài lâu, tôi sợ e sanh ra điều trục trặc.

Lưu Tứ má nói : Vậy thì mai này cũng sạch ngày, đi phải đi nữa mới xong.

Mỹ nương từ giã Lưu Tứ má mà về, đến nhà Cửu má vẫn làm thinh như không hay biết chuyện chi hết.

Ngày thứ, Lưu Tứ má đến nhà Vương bà, Cửu má hỏi rằng : Vậy chớ công chuyện ấy ra thế nào, mà di nó qua đây sớm vậy ?

Tứ má đáp : Chuyện ấy cũng được tám chín phần xong, nhưng mà tôi còn chưa được nói với nó. Vậy chị đừng lên, đề tôi dò ý nó coi thử thế nào.

Nói rồi liền lên lầu vào phòng Mỹ nương, cùng nhau trò chuyện hồi lâu, Lưu Tứ má mới hỏi Mỹ nương rằng :

Còn cái đó, số bạc một ngàn lượng vàng đó, bây giờ ở đâu?

Mỹ nương chỉ mấy cái rương da mà rằng: Đều ở trong mấy cái rương da đó cả! Nói rồi bèn lại mở mấy cái rương ấy ra, thì thấy đầy nhóc những bạc phong kỷ lưỡng trong gói, mỗi gói là năm chục lượng, tính ra giá vàng, hiệp cộng đủ số một ngàn lượng vàng.

Lưu Tứ mã thấy của nhiều, chóa mắt, cứ ngồi mà chắt lưỡi hoài.

Mỹ nương hiểu ý, lấy ra hai đôi vòng bằng vàng y và một cây trâm vàng đầu chim phụng, hai tay dâng cho Tứ mã, cười mà rằng: Cái này là lễ đi cho bà mai, hứa hôm trước đó!

Lưu Tứ mã mừng rỡ vô cùng, lật đặt thân vào túi áo, đoạn xuống lầu nói với Vương Cửu mã: Này chị hãy lên mà nhận lãnh vàng bạc. Nó nói thôi để nó chuộc lấy thân nó mà thôi!

Vương Cửu mã bước lên thấy vàng bạc nhiều quá, mà lại cũng không phải của người ngoài đem đến chuộc, nên có ý muốn nói ngược, còn đang ngẫm nghĩ chưa kịp mở lời thì Lưu Tứ mã, đã đi guốc trong bụng Cửu mã, nên chặn lời trước: Này chị! Bạc này là của cháu nó lo xa, biết tiện tận chắt mót mà có được của ấy, không phải là phần của mình. Thôi chớ khá đam lòng tham; vả lại mình là người lớn, nó đã kêu mình bằng mẹ, hễ nói ra thì phải nhớ, đừng có nuốt lời mà con cái nó khinh khi.

Vương Cửu mã bị Lưu Tứ mã chặn họng, đành làm thinh không nói chi đặng. Lưu Tứ mã hỏi mấy con a hườn rước người đến làm tờ, ký tên đâu đó dâng hoàng, Vương Cửu mã lo đếm vàng bạc y số, còn Lưu Tứ mã và Mỹ nương thì tom góp đồ tế nhuyễn của riêng tây, luôn và những bảo vật của vương tôn công tử tặng biếu mà đề vào rương, Cửu mã không cản trở và vui lòng cho lấy đi,

công việc xếp đặt xong rồi, Mỹ nương làm lễ lạy hai lạy từ tạ Vương Cửu má, rồi theo Lưu Tứ má lên kiệu mà về ở nơi nhà Tứ má vài ngày, chờ cho Tần Trọng chọn đăng giờ lành đem kiệu và lễ vật đến rước về nhà. Lưu Tứ má cũng đưa Mỹ nương về đến nhà Tần Trọng. Bữa tân hôn, vui vẻ cả nhà, có đủ mặt Vương Cửu má, Lưu Tứ má và chị em trong viện cũ.

Cảm động nhứt là trong các món đi hồ, Cửu má vẫn kèm cái bình tích Long tuyến diêu, mà nói : Đầu dây mối nhợ, xích thẳng vốn thật là vật này.

Qua ngày sau, vợ chồng Sảng Thiện đến làm lễ ra mắt bà chủ mới, khi giáp mặt thì nhìn nhau, mừng mừng tủi tủi, hỏi lại nguồn cơn, cha, mẹ và con gái ôm nhau khóc oà. Tần Trọng khi ấy mới rõ hai người ấy là song nhạc của mình, bèn quì lạy làm lễ. Những người lân cận hay đăng chuyện đều lấy làm lạ và cho rằng phải có tay trời già xếp đặt mới nên. Ngày ấy Tần Trọng bày tiệc ăn mừng đoàn viên rất lớn.

Đúng ba ngày, Mỹ nương biểu chồng đem lễ vật đến tạ ơn những người cố cựu tương tri mà mình gửi vàng gửi bạc lúc trước, vẫn không quên gửi lễ hậu biểu Cửu má và Tứ má hai người. Ai nấy đều khen Mỹ nương là người xử sự khéo, toàn chung toàn thủy.

Được một tháng, Mỹ nương mở những rương vàng bạc ấy ra, cộng trên ba ngàn lượng vàng, không kể những kỳ trân, dị bảo, cổ ngọc, trân ngoạn nếu trị giá ra vàng, không biết bao nhiêu mà kể. Từ ấy mua nhà tậu ruộng, tu bổ và sắm thêm các món đồ cần thiết trong tiệm, lập thêm một nhà buôn lụa và một nhà giã gạo, bán thập vật hàng xén, đều giao hết cho vợ chồng Sảng Thiện coi sóc. Không đầy một năm vợ chồng gây dựng một sự nghiệp rất to, trong nhà tôi trai tớ gái không thiếu. Hạnh phúc tràn trề.

Ngày kia Tần Trọng trực nhớ lại chùa Chiêu Khánh là nơi mình gánh dầu lên bán những năm trước, nên sai người gánh dầu lên thắp đèn lễ Phật. Lại nghe đồn có chùa Thiên Trước rất lớn và linh thiêng, bèn sắm sanh lễ vật hương đăng trà quả mà đi lạy Phật, lại sai người gánh dầu theo thắp đủ ba tháng để huân nguyện của mình năm xưa. Khi Tần Trọng đến chùa thì các thầy đều ra tiếp rước. Trong số ấy cũng có Tần Lương là cha của Tần Trọng. Song Tần Lương đã tu hành khổ hạnh, lại ăn mặc nâu sồng, cho nên Tần Trọng nhìn không được. Còn Tần Trọng thì nay đã giàu có sung sướng nên phát tướng, khiến Tần Lương không nhận ra. Đến khi thấy thùng dầu đi cúng, có đề hai chữ *Biện Lương* và một chữ *Tần*, thì sanh nghi, mới lại thi lễ mà hỏi thăm Tần Trọng rằng: Tôi xin hỏi hí chủ vậy chớ thì chủ phải là người Biện Lương chăng và vì sao tại nơi thùng dầu lại có đề chữ *Tần* là nghĩa gì vậy?

Lúc ấy, Tần Trọng cũng hỏi lại rằng: Xin lỗi, thầy có phải là người Biện Lương chăng và quý danh của thầy là chi?

Tần Lương bèn đồ hết sự tích của mình lại cho Tần Trọng nghe, Tần Trọng lật đật ôm lấy Tần Lương mà khóc oà lên, rằng: Bất hiếu tử Tần Trọng là con đây! Đoạn kể hết các việc của mình cho cha nghe, rồi xin rước Tần Lương về phụng dưỡng cho trọn đạo làm con, song Tần Lương một hai quyết ở lại chùa tu hành cho trọn kiếp. Cực chẳng đã, Tần Trọng phải vâng lời. Sau đó đem tiền bạc lên tu bổ liêu viện và gởi gắm cha mình cho vị trụ trì, mới yên tâm.

Từ ấy cứ rằm và mồng một thì Tần Trọng đều đến chùa mà vấn an sức khỏe của cha và thường cung cấp đồ chay cho chùa. Một đôi khi cũng dắt Mỹ nương lên chùa ra mắt và thăm viếng cha mình.

Tần Trọng đổi họ lại là họ Tần thiết thọ, tuy không quên cúng quải cha nuôi là Châu Thập lão một cách chu đáo.

Vợ chồng ở với nhau trên hòa dưới thuận, gia đạo càng ngày tấn phát. Sau Mỹ nương sanh đặng hai trai, đều học giỏi, thi đỗ và làm quan vinh hiển.

Truyện không nói Bốc Kiều và Ngô Bặc, một tên bán người, một tên hiệp người, hậu quả ra sao?

7-12-1970

Lời bàn của người chép truyện.

Bàn cho phải lẽ, sự tích « *Mãi du lang* » thuộc về « *Tinh sử* », miệng ăn mắm muối, không ai bùm được, sẽ nói là chuyện của một con điểm hạng sang nhè đi lấy làm chồng một thằng bán dầu và bán dạo, và như vậy, không dính dấp chi đến « *Thú chơi cổ ngoạn* » này.

Nếu luận như vậy thì tập sách này chỉ còn nên vứt vào thùng rác. Nhưng đời không phải chỉ toàn những hạngham được tặng viết máy stylo hơn được tặng sách để đọc, và dầu vậy mặc dầu, tôi cũng xin mạn ngôn chép vào tập này, riêng dâng cho hàng thức giả, sự tích Tần mãi du, một quái kiệt, tuy nghèo thiếu, nhưng khi muốn đạt thành một ý chí nhứt định, thì không kể gì núi sông hiểm trở, khó cách mấy cũng san bằng cho được mới nghe :

Thứ nhứt. — Tần mãi du có cặp mắt tinh đời. Thân đi gánh dầu bán dạo, lại dám trộm ngó trong giới yên hoa hạng sang, lại đề bụng chắm, — biết ai không?, — nhè con phấn đầu số 1, con hoa khôi nổi tiếng một thuở trong giới Bình Khang.

Thứ hai. — Muốn không chưa đủ, Tần mãi du ky cóp góp từ đồng xu phân bạc, dành một số tiền « *mồ hôi nước mắt* » để đoạt cho kỳ được sở vọng, — ngủ với nàng tiên : Sau hai năm chi thủ, cực trần ai lai khí, — anh chàng

được hưởng một đêm lạc thú, tức gần người ngọc, để ôm về một cái áo dơ! Không thừa dịp mó động cái xác không hồn của một gái say, phí công hai năm chặt một đề ngòi ngấm hoa đèn và ôm bình trà ấp cho người mộng tưởng, lạc thú ấy có kém chi cái khoái của anh chơi đồ cổ, túi không tiền mà mơ ước muốn có cho được về mình, một bộ chén trà « *Khánh Xuân thị tử* », trước kia ở phủ chúa Trịnh, nhưng nay lạc loài ở tủ chè một nhà bán đồ cổ, miệng nói « của ông bà không bán », nhưng trước sau gì, trả tới giá, thì buông, dầu đúng của tổ tiên, miễn được tiền thì bán.

Về gan lý, có thể nói cả hai đều gan lý, và cả hai có cái đom của những ai, tuy bạch thủ, nhưng muốn « nuốt sao trên trời ».

Tần mãi du, giá thử lấy cặp mắt ấy, cái bản lĩnh ấy, đem qua nghề sưu tập đồ cổ, ắt giựt giải nhứt trong tay.

Nhà chơi đồ xưa phải bắt chước gương anh bán dầu, và chờ thấy khó mà sớm ngã lòng. Như vậy sau này mới trông mong mua sắm được của quý.

Bao nhiêu kỳ trân, dị bửu, cổ ngoạn, châu báu trên đời, chẳng qua, cũng đồng chung số kiếp hoa khôi. Một năm tro tàn. Sức bực đồ của ông Gia Long mà nay còn tâu tán. Nhưng không phải vì suy nghĩ như vậy rồi nản chí. Còn sống được, giữ được, là còn chơi. Và khi chết, hoặc món đồ bề mặt, thì thôi, cũng đừng tiếc, đừng buồn, vô ích. Hoa khôi là trang sức phẩm của tạo hóa. Đồ kiều đi sứ đam về, là một dấu tích của một thời đại. Không sắm để chơi cũng hoài.

Nếu có Tần mãi du là tay háo sắc độc đáo, một hảo tình lang của Vương Mỹ nương Diêu Cầm, thì cũng có hạng Ngô Bác nặng tay vui hoa vấp liễu, và biết đâu chừng, Ngô Bác lại là người ơn của Tần Trọng, một mai nhơn không ăn được đầu heo của Tần, ấy thôi.

Thậm chí gã Bốc Kiều buổi trước gặt Diêu Cầm đem đi bán, bề ngoài là một tên vô cùng ác độc, đáng tội. Nhưng bề trong, luận cho chí lý, phải được biết ơn, mới phải. Không có thằng Bốc Kiều thì bất quá cô Diêu Cầm sẽ có chồng, có con, sống một cuộc đời bình thản vô sự, mà đâu có được tên ghi trong bộ Kim cổ kỳ quan?

Không có tên đảng tử thách thức thì đâu có tích Hàn Tin lòn trôn giữa chợ, nhưng có tài kinh thiên động địa, nhắc đời.

Không có Bốc Kiều, Ngô Bặc, làm sao có chuyện ly kỳ một cô gái, học trong sách, tính ở theo sách, mà không được. Thân vào chốn nhơ mà biết khéo xoay chiều, chuyển nhơ thành sạch; ngày thường giao thiệp với vương tôn công tử để học vẽ phong lưu, ky cóp một gia tài kết xù rồi giao lại luôn và thân phận cho anh bán dầu gánh gánh, một khi trong lòng đã vừa ý. Như vậy mới xứng đáng với sự chí tình của một Tần Trọng, từ một tên binh dân, một chệp gánh dầu bán dạo, mà phỏng tay trên được một hoa khôi, vì cao thượng ăn đứt các vương tôn công tử.

Những tú bà, Sở Khanh, chuyên nghề mua gái tốt bỏ vào lầu xanh, những Vương Cửu má và Lưu Tứ nương, xã hội xưa như xã hội nay, biết bao giờ tẩy sạch? Không có những người ấy, đâu có chuyện Mỹ nương, vì say rượu, mới gặp anh chồng tốt? Mấy tay chạy rong xóm cùng hóc chợ, lượm lặt những di vật của báu các nhà sa sút, tóm thâu những di tích ông bà trong nhà tang khó, cũng đồng một loại với những ma má, trong truyện « chú bán dầu may được vợ xinh ».

Không đợi gì giàu mới được nắm gần hoa khôi. Một khi nắm được cơ hội, tốt, chú bán dầu cũng xinh xoàng ra phết! Nhờ hành động khác hơn các hàng tầm thường là

bọn tay cầm hoa mà mũi không biết mùi, nên rốt cuộc chú được lọt mắt xanh người đẹp.

Nhà chơi đồ xưa hãy nhớ kỷ tích này và hãy đấu duyên cùng sự may rủi.

Bàn rộng thêm chút nữa, sự tích này, do tác giả quá vo tròn, nên hơi meo méo. Có lý nào chạy tản lạc vì giặc loạn, rồi đoàn tụ lại đủ? Bởi muốn quá khéo nên hóa vụng dở. Thôi thì hãy đề đó, nhắc lại chuyện lịch sử để găm chơi sự đời:

Lịch sử là một cái vòng tròn, chạy quanh quanh vô tận, hết hiệp rồi tan, tan rồi lại hiệp, đầu đầu cũng trở lại nơi mức khởi hành!

Sự tích hoa khôi Mỹ nương thuộc dưới đời Huy tông hoàng đế, triều Bắc Tống (Hoei-tsong, Pé-Song). Từ xưa đến nay, không ông vua nào hoạn nạn khổ sở, chịu mang tiếng tằm, nhiều bằng vua Tống Huy tông này. Đọc sách khảo cứu Pháp của ông hàn lâm René Grousset viết, mới biết thương cảm cảnh ngộ ông vua Tàu này.

Gian nan một bức, mà đời sau không ai chịu hiểu tình cảnh ông.

Nếu đề ông làm nhà phong lưu tài tử, vẽ tranh mà chơi, chơi ngọc để di dưỡng tâm trí, thì không ai hơn. Ngày nay, bên Mỹ quốc, một bức tranh Tàu có chữ ký Huy tông hoàng đế, thì giá bán bằng một gia tài lớn, trên mấy trăm triệu bạc ta. Nhưng éo le là giả nhiều hơn thiệt. Đề cho ông làm họa sĩ là như vậy. Nhưng đặt ông làm hoàng đế, nhưt là làm hoàng đế buổi loạn ly, thì hỏng hết. Nào Thái úy Cao Cầu lộng quyền, trước nhờ giỏi tài đá cầu mà được vua trọng dụng, rồi sau lợi dụng uy quyền mà lộng hành, làm hư việc nước. Nào tể tướng Thái Kinh, trước là một danh sĩ, văn hay chữ tốt (đời Tống có bốn điệu chữ truyền đời là chữ của Tô-Huỳnh-Mễ-Thái: Tô

đông Pha, Huỳnh lô Trục, Mễ nguơn Dương và Thái Kinh), vậy mà sau trở nên một nịnh thần không ai bì. Nào là Cao nha nội, con của Cao Cầu, binh sanh chỉ cậy oai cha bắt gái tơ đề hiếp, giựt vợ người ngay. Nào là Lương Trung thơ, con rể Thái Kinh, được làm quan ngoài cõi, chỉ biết vợ vét cho đầy túi tham, v.v... Và tại sao xã hội đời ấy đòi truy đến thế? Chỉ vì hết *hưng* đến *phế*, hết buổi thái bình thì tới buổi loạn ly : cai trị không khéo thì dân chịu nạn.

Vua Huy tông, hoạn nạn nhứt đời, tưởng không ai hơn. Và sanh bất phùng thời, cái ngôi vua cao quí kia chỉ làm cho ông, đã khổ lại càng thêm khổ :

Lên ngôi năm 1101 (Tân ty), Huy tông thoái vị năm 1125 (Ất ty), ông lên làm Thái thượng hoàng, nhưng nào được yên, ông bị Kim phiên Ngột Truật bắt giải đi đày năm 1127 (Đinh mùi), đày dưới giếng loạn và khô, cho không phương trốn thoát và ông mất dưới giếng ấy vào năm 1135 (Ất mao) thọ 54 tuổi. Chỗ ông bị đày là Ngũ Quốc Thành (Ou-Kouo-tch'eng), nay đổi lại, gọi Ninh cổ tháp (Ning-Kou-T'a), xứ Cát Lâm (Ki-lin). Cùng một lượt bị đày qua phiên quốc, bắc địa, là vua Khâm tông (K'in-tsong), lên ngôi năm 1126 (Bính ngọ), năm sau 1127 (Đinh mùi) bị đày, vua Khâm tông mất năm 1156 (Bính tý), thọ 61 tuổi. (Thọ làm chi đề thêm nhục).

Thuở đó, bên Trung quốc đại loạn, giặc nổi tứ tung ; lớp giặc ngoài Kim phiên Ngột Truật, dấy binh mong đoạt giang san nhà Tống, lớp giặc trong, trộm cướp nổi dậy khắp xứ, đảng lớn hơn hết là nhóm Lương sơn bạc, Tống Giang cầm đầu, trong truyện Thủy Hử.

Nào phải một mình nàng Sảng Diêu Cầm (Vương Mỹ nương) là khổ. Cái buổi Kim phiên phá thành bắt hai vua là vào lối năm 1127, khiến dân chúng chạy giặc và Sảng Thiện lạc con.

Đồng thời có tích ông Nhạc Phi, đem binh triều ra cự với giặc, gần thắng được thì giặc lo tiền cho Tần Cối ở trong tráo gièm siểm, với vua, một ngày phát ra ba đạo kiêu chiếu đòi Nhạc Phi về, bắt giết oan, khiến nước bị giặc chiếm, dân bị giặc giết, trung cho lắm mà vua không hiểu, bản án Nhạc Phi bị giết, đến nay sử chưa ráo mực. Cho hay Tần Cối có gian thì mới thấy Nhạc Phi trung. Cũng không nên giận đời, bánh xe luân chuyển chỉ biết quay vòng vòng, không khi nào thôi và vẫn tái diễn những pho tuồng cũ.

Mỗi lần có chiến tranh, đều mỗi có chuyện Mỹ nường và chuyện chú bán dầu, nhưng hơi nào viết chép.

Cái bình tích Long tuyến điều, nếu ngày nay còn giữ được, thì là một bảo vật quý vô giá : từ lối năm 1127 đến nay 1970, là được 843 năm.

8-12-1970

9.—Luận về tục bó cổ của đàn bà Tàu đời trước và luận về nữ trang

Vừa lạ đời, vừa dã man, vừa đau đớn nhiều nhứt cho người đàn bà ngày trước bên Trung hoa là tục bó cổ của phụ nữ. Không biết thuở đó thấy đẹp về phương diện nào, thậm mỹ chỗ nào mà tục bó cổ ấy lưu lại không biết mấy ngàn năm, mãi cho đến năm 1912, nhờ Cách mạng lật đổ nhà Mãn Thanh từ 1911, tục này mới được bãi bỏ theo.

Ngày nay còn sót lại nhiều bà lão cao niên còn giữ đôi bàn chân tật nguyên nhỏ xíu, mỗi lần đi đứng, bộ tịch cóm róm lúm cùm, trông theo mắt ngày nay không thấy nét đẹp của những người này ngày xưa ra thế nào.

Đành rằng người Trung hoa vì chút sĩ diện hão, cố ý khóa lấp và không viết gì về cổ tục này mà họ cho rằng xấu, ngoài ra sách khảo cứu Anh Mỹ thì tôi không đọc được, kỳ dư sách vở Pháp văn cũng không thấy nói đến.

Theo bác sĩ Chippaux, thì tục này đã có từ đời nhà Ân Thương¹ vì theo truyền thuyết, Đắc Kỷ là hồ ly tinh và Hồ

1. Bác sĩ Chippaux diễn thuyết tại hội Đông Dương học hội (Société des Etudes Indochinoises, trụ sở tại viện Bảo tàng trong vườn bách thảo), ngày 15-1-1950, đề tài là « Du petit pied de la Chinoise » (về cổ bó của đàn bà Tàu), nguyên văn chữ Pháp đăng trong tạp san của hội, số đệ tam cá nguyệt thứ nhứt năm 1950.

Qua ngày 11-6-1950, tôi có trả lời ông Chippaux trong một bài Pháp văn nói cùng một chỗ và in cùng một tạp san, số đệ tam cá nguyệt, nhan là « Autour du petit pied de la Chinoise » (chung quanh cái cổ bó của đàn bà Tàu).

Hai bài này đều là phiếm luận, không đi sâu vào đề cho lắm. Cần xem trong nguyên văn hơn là dịch lại tiếng Việt.

Hỷ My là trĩ kê tinh biến hình người, tuy biến được hết, nhưng không thể giấu chơn chồn (Đắc Kỷ) và chơn chim trĩ (Hồ Hỷ My) được.

Thuyết này không được vững chắc. Vả lại bài khảo cứu của bác sĩ Chippaux nói nhiều về phần khoa học, từ thớ gân khớp xương của bàn chơn bó biến chuyển ra thế nào, v.v... và ít đi sâu về phần nguồn gốc của cổ tục này. Nay muốn dịch ra Việt ngữ cũng khó vì thiếu nhiều về danh từ chuyên môn.

Nhà học giả Trung hoa là Lâm Ngữ Đường thì ghi rằng tục bó cẳng rất thịnh hành vào đời Ngũ Đại Tàn Đường (907-960 s.k.n.) và theo ông, có lẽ tục ấy có vào buổi rất loạn ly này.

Tôi xin tiếp: như vậy, buổi ấy bày ra tục bó cẳng để cho quân giặc châu quận khác không đến bắt cướp đàn bà lừa đi về châu quận họ, vì nên nhớ đời ấy xê dịch toàn bằng chơn cẳng chớ rất ít đủ xe cộ để chuyên chở đàn bà và của cải cướp giựt được. Nhưng quân giặc chúng không cướp đem đi xa thì chúng hiếp dâm và có khi tàn sát tại chỗ, vì đời ấy mạng người đàn bà không đáng kể.

Như ta thấy, đời Tống, trong truyện Mãi Du lang, nàng Diêu Cầm cũng vì cẳng bó nên khi tên ác công tử lột vải bó bày cẳng đau ra thì không đi đứng và chạy đi đâu được, đành ngồi một chỗ mà khóc, may thời có anh bán dầu lại cứu.

Trong một bộ sách Tàu, nhan là Tử Sử Thanh Huê, viết rõ là năm Ung Chánh thứ năm, nhằm năm 1728 Tây lịch, phong tục bó cẳng tràn đồng và khắp Trung hoa, đàn bà phải bó cẳng mãi cho đến năm 1912 như trên đã nói, mới được thoát ly tục dã man này.

Cứ thời kỳ nào tao loạn nhứt trong lịch sử Trung hoa, thì đàn bà bó cẳng nhiều nhứt, thà đau mà còn ở lại với

chồng con cha mẹ hơn là không bó bị giặc bắt dân đi xứ xa lạ không thấy mặt chồng con.

Từ một tục lệ khó chịu, lâu ngày quen dần, lại trở nên một cái thói « bắt buộc phải theo », người nào rủi không bó lúc nhỏ để lớn lên càng không bó được nữa thì tủi hổ vô cùng, vì xã hội không kể vào hạng tai mắt. Chỉ có hạng bần nô, làm đầy tớ, nô dịch, mới không được phép bó cẳng mà thôi.

Cũng trong bộ Tử Sở Thanh Huê nói trên, soạn vào năm 1728, thì thời ấy trước có nàng danh cơ tên Yều Nương (thế kỷ thứ X) có bàn chơn nhỏ nhứt trong thiên hạ. Sách tả bàn chơn ấy « quật thượng tác tân nguyệt trạng », ý nói chơn nhỏ và cong như mảnh trăng non lưỡi liềm.

Nhưng trong sách sử Trung hoa còn nhiều câu véo von để diễn tả cái đẹp của cẳng bó. Xin lược kể một vài điển dễ nhớ :

— Đời Đông Châu, dưới trào vua Tề Tuyên Vương (332-314 tr.k.n.) (truyện Chung Vô Diệm) có nàng Hạ Nghinh Xuân, có biệt tài nhảy múa trên sân có rắc bông gòn. Vũ rồi khám xét xiêm y, không có bông dính, vì chơn nàng rất nhỏ không vướng víu vào đâu cả, chỉ phớt trên sân láng mà thôi.

— Đời Hán (thế kỷ I trước kỷ nguyên), có Triệu nữ, đời tặng là Triệu Phi Yến, vì nàng múa nhẹ nhàng như chim én bay liệng.

Đặc biệt nhứt là nàng Phan Anh Phi, sống lối năm 501 sau kỷ nguyên, (chính là đời Ngũ Đại), vì chơn nàng thật nhỏ, khi rón rén bước trên sân vua thì hình như hoa sen nở dưới bước nàng đi, thành thử vua tấm tắc khen : « Kim liên bộ bộ », mà cũng vì bốn chữ nên thơ này mà biết bao nhiêu gái đẹp chịu đau rán bó cẳng để được chơn mình thoăn thoắt như gót sen vàng.

Bà Dương Quí Phi, ái cơ của vua Đường Minh Hoàng (713-762) cũng có bàn chơn xinh xinh rất nhỏ.

Đời Tống có nàng Su Yok-Yeng (tôi không biết dịch ba chữ này) chế ra cách thêu và đính ngọc quý vào chiếc giày tú hài và rắc bột trầm hương vào trong giày và gọi hương hài. Nhưng xét ra bàn chơn bó lâu ngày tự nhiên có mùi đặc biệt, có lẽ mấy chú Ba Tàu đời xưa ưa mùi này nên ép đàn bà bó cẳng từ kiếp này qua kiếp khác, từ đời này qua đời kia. Mùi ấy, lúc nhỏ, tôi đã được nghe trong hai câu nói lái để diễn tả bàn chơn con gái Tàu lớp trước : « cũi cẳng » là cẳng cũi, và « mắng ấy cũi thẳng nanh cò » là mầy ăn cẳng thúì no cãnh !

Tục bó cẳng được ghi lại để đời trong truyện bất hủ « Mạnh Lệ Quân ».

Nhưng khảo ra nàng Mạnh Lệ Quân này không có trong sử nhà Nguyên và chỉ có trong óc phong phú của tác giả là nữ sĩ Đoan sinh, đầu đời Thanh, có chồng là họ Phạm, vì việc thi cử bị người vu thác phải tội đi đày, từ đó nàng Đoan sinh một lòng thủ tiết, viết ra bộ Tái Sanh Duyên để gọi cái cảnh « biệt phượng ly loan » và tả cái thèm muốn ước ao của một cán quốc anh hùng muốn được như câu thơ bà Hồ Xuân Hương : « Ví đây đôi phận làm trai được »...

Năm 1902, bà Tây Thái Hậu hạ sắc hủy bỏ tục bó cẳng.

Các nhà trí thức lập ra một hội để giải phóng người đàn bà Tàu, lấy hiệu là Thiên Túc Hội.

Năm 1903, ở tỉnh An huy, lập thêm một hội từ chối không để đàn bà giữ tục bó cẳng và gọi là « bất đoản túc hội ».

Nay xét trong văn chương Việt ta, tuy không có tục bó chơn, nhưng không thiếu câu văn nhắc nhở đến, nhứt là trong Kiều, tỷ như các câu :

— « Hồng in mặt, tuyết pha thân, Sen vàng lãng dăng như gần như xa » ;

— « Thì trần thức thức sẵn bày, Gót sen thoãn thoát dạo ngay mái tường » ;

— « Tiếng sen sẽ động giấc hòe, Bóng trắng đã xế hoa lê lại gần », v.v...

Ngộ nhứt là ba câu như sau :

1.— « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết gót con như bùn. » — Câu này chứng tỏ lòng hiếu thảo và nhớ công ơn cha mẹ.

2.— « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết gót con đen sì ». — Câu này một nghĩa với câu trên.

3.— « Còn cha gót đỏ như son, Một mai cha chết, gót còn như xưa. — Câu này tỏ ý chí của người con, tuy vẫn hiếu không đổi, nhưng không vì cha thác, mà đổi cách sinh sống. Và câu này, theo tôi được nghe, có lẽ là của ái nữ của ông nghệ Nguyễn Đình Tân, mới được xuất sắc mới mẻ như vậy.

Nghĩ ra xã hội phong kiến cổ Trung hoa vô cùng ác độc, vì đã đưa ra các vấn đề sau đây, tôi xin tóm tắt trong một câu : *Đàn bà là gì ?*

Xin thưa : Từ chơn nhỏ để không đi xa (khuê môn bất xuất), giữ tiết trinh (tòng nhứt nhi chung), thỉnh thoảng vài ca ái tình vụng trộm, để non, phá thai, vì là người phạm chớ không ai là tiên thánh, người nào sung sướng dư ăn thì bịt răng vàng đi đến sửa sắc đẹp, ham nữ trang nhỏ chột trái với món kia thì chột càng to càng hay, ấy là đàn bà.

Không trách bọn tu mi hủ lậu châu xưa, trong xã hội Tàu, ban đầu bị quân hồng mao đầu độc bằng nha phiến, sau họ lại lấy độc khử độc, ép đàn bà của họ phải bó cẳng, và nếu sung sức quá thì cho phép tha hồ làm bạn với phù

dung, đến khi thân bại lực kiệt thì họ cho tìm thú vui an ủi bằng mặc sức sả nữ trang, của mất bao nhiêu họ cũng không từ nan, nhưng phải giữ một lòng trung thành, một tấm kiên trinh với họ !

Chung qui, xã hội Tàu trước cuộc cách mạng năm Tân hợi (1911) thì :

— đàn ông hút nha phiến, làm nô lệ cho bàn đèn ; thêm giữ cái đuôi sam, cho đến khi bị cách mạng cắt, đã không biết mừng, lại nắm cái đuôi đứt lia khóc ròng vì tưởng đó là tượng trưng của hình vóc tóc da do cha mẹ sanh và của triều đình Mãn Thanh là triều đình của ông bà họ để lại ;

— đàn bà thì bó chơn, làm nô lệ cho thắt chong chóng ích kỷ. Và cái gì lâu đời thì thành tục « nên giữ », thậm chí khi cách mạng ép buộc không cho tiếp tục bó chơn, họ cũng lén lút bó lén, xem đó là một cách trung trinh với chế độ đàn áp và theo sách Khổng Mạnh đã dạy.

Vì thế đã có một tác giả hạ một câu hơi quá đáng là :
— Ngày xưa, người đàn bà Tàu, khi đẻ ra đã bị rẻ rúng coi khinh với câu : « Nhứt nam viết hữu, thập nữ viết vô » ; lúc còn con gái thì dưới quyền mẹ chồng ; được dễ thờ hơn một chút khi hạ sanh cho bên chồng một trai nối dòng ; khi sồn sồn trở nên mẹ chồng thì giỏi tài ăn hiếp dâu, tức vợ của con trai mình ; và người đàn bà vừa làm dâu và trở nên mẹ chồng ấy chỉ được chút ít tự do hoặc cầm đầu một gia đình, là chờ dịp chồng chết.

Người đàn bà ấy thường được khuyến khích bằng những tấm biển sơn son phết vàng do vua ban với những chữ giả dối, giấu hình dấu dạng :

« Tiết phụ khả phong », « Liệt phụ khả phong », « Hiếu phụ khả phong », v.v...

Một người bạn Trung hoa có thuật chuyện lại rằng

ngày xưa nơi một tỉnh nọ có một ông mới thi đậu tẩn sĩ, sẵn mẹ vừa được sáu mươi chẵn và được sắc phong «liệt phụ», bèn thiết tiệc ăn mừng ba cái may trong nhà, giữa, tiệc vui vậy, người con chỉ hiểu vào trong định mời mẹ ra cho các lương bằng nâng chén rượu mừng, bỗng thấy mẹ mình đã thất cổ trong phòng, với một bức thơ tuyệt mạng, vồn vện có vài hàng chữ: «Mẹ không thể sống với sự nhục trong lương tâm, vì bấy lâu đề đê nén tấm lòng, mẹ đã dùng bao nhiêu vải dòn nhét nay còn lại trong rương nhỏ kia kia! Chữ «Liệt phụ khả phong» mẹ không dám nhận».

* * *

Một đàng khác, chiến tranh xưa nay thường đi cặp với phụ nữ.

Trải qua sử sách, ta thấy từ cổ chí kim, và từ đông chí tây, nói về ngày xưa nước này gây chiến tranh với nước kia là chỉ vì để cướp đàn bà sau nữa là của cải, hay nói cách khác, đàn bà phụ nữ là ngòi thuốc nổ của chiến tranh là mối ngon của sự đánh giặc, vì ngoài vấn đề lớn lao «sinh vi tướng, tử vi thần», «quê hương thủy thổ quốc gia», v.v..., còn nhiều chi tiết phụ thuộc làm vui lòng chiến sĩ: «Anh hùng tính», «nước cường binh mạnh», «vô địch», còn cái vui thấy cỗi xa lạ, đàn bà xa lạ, của cải xa lạ, v.v.... Mục đích xưa nhất của chiến tranh là đi bắt đàn bà: đẹp thì làm thê thiếp, xấu thì làm nô tỳ: Hòn Chiêu Quân hòa phiên, Thạch Sanh chém Chăn, Lý Thông, «ai đem công chúa lên thang mà về», Rodrigue và Chimène, Roméo và nàng Juliette.

Chiến tranh tiến bộ từ nấc thang; binh bộ với dao vẫn bị binh mã kỵ với trường thương trị; rồi binh mã kỵ bị binh ngự chiến xa khuất phục; kế đó chế ra phi cơ ở trên trời dẹp tan đám chiến xa, và sau lại phi cơ phản lực cơ đều bị nguyên

tử lực chế trị. Chiến tranh đến độ bom nguyên tử lấy ra dùng thì cả hai bên đối địch đều nát tan, không còn chi mà cướp giựt: Của cải tan ra tro bụi, người sống không còn, đàn bà đẹp sẽ trở thành phế nhơn. Người đàn bà ấy từ xưa sửa sắc đẹp trong bóng nước bờ ao, nay nhờ sự tiến bộ của khoa học đi lần từ chiếc gương đồng qua gương thủy tinh, nay bắt chấp tạo hóa, miễn có tiền muốn đẹp cách nào cũng có: Chột mắt mua mắt chai thay thế, sứt môi thì giặm vá may khâu, mũi thấp nông cao, răng lồi mài bớt, mông giả, ngực giả, màu hồ có mất, tân tạo mấy hời, người đàn bà ấy cũng hết còn là mục đích chính của người chiến binh, vì tàn sát nhau triệt để bằng binh khí tối tân, bên thắng cũng như bên bại sẽ đưa nhau vào cõi chết và khi ấy chiến tranh sẽ trở nên vô mục đích.

Điển hình, nhơn vật điển hình hơn hết là anh chàng Don Quichotte, đóng vai hiệp sĩ nghĩa khí, giáp sắt trụ thân, cỡi con ngựa ốm, tay xách kích dài, đi gây sự và chiến đấu cùng cánh quây của cây quạt gió, dễ bị hạ mã, bị thương tích, để lại đời sau nhắc ngạo cái gương nhong nhong quân tử đạo sống theo sách vở nhiều hơn sống cho mình và cho thực tế, hoặc giả sống trong mộng với cảnh hiệp sĩ gàn trước khi ra quân phải qui hai gối cho ý trung nhân ban phép lành và làm người đỡ đầu hộ mạng.

Sự tích chàng nông Don Quichotte, xin đề cho các cô nữ học sinh tân thời nghiên cứu và làm bài luận nạp cho các bà ế chồng và các cô giáo mang kinh cận thị đọc và chấm. Nay xin nói phớt qua rằng trong sách Đông Tây, khi nói về chiến tranh, trong lời ăn tiếng nói, thông dụng cũng như kể về các thành ngữ, từ ngữ năng dùng, đều mượn rút trong ngữ vựng nói về phụ nữ, tỷ như: hăm đồn, hăm thành, hăm địch, hăm trận, v.v...

Luận về nữ trang, tức những trang sức phẩm để làm tăng giá trị của người đàn bà, đã gọi là phái đẹp, thì găm ra bà công tước de Noailles đã hạ vồn vện : *Bijoux = ? Inutiles, mais irremplaçables* (A. de Noailles). Không biết phải dịch làm sao cho đúng và hết nghĩa ? Nếu dịch sát : *đại chi vô ích* (inutiles), *mà* (mais), *vô phương thay thế* (irremplaçables), thì nghe tức tối và mừng mán quá : đồ nữ trang là những vật đại chi vô ích mà vô phương thay thế ? Dịch như vậy còn Tây quá và chưa thoát. Theo tôi, ba chữ này phải dịch dài dòng, mặc kệ là lằng nhằng, miễn được rõ nghĩa là tốt hơn : *Nữ trang* là những món không dùng vào đâu được cả, ăn thế cơm không xong, đến khi ngộ biến cũng không đủ đem lại ta-bùa hộ mạng hay chơn hạnh phúc, nhưng trên đời nếu không có nữ trang, ắt không biết lấy gì thay thế để làm cho mỹ nơn cười và bằng lòng. *Nữ trang* = vật vô ích nhưng không món gì thay nó cho vừa ; thuở thái bình giá trị cao hơn vàng, con bác loạn đòi một chén cơm không ai thềm đòi.

Sơ khởi, nữ trang, trang sức phẩm là một cái lá bùa hộ mạng cho người thuở ăn lông ở lỗ, có khi là một sọ khô của một địch thủ mình đã giết được, sau khi thấy nặng nề, bỏ đi thế vào là một chiếc răng, nanh, một khúc xương mài, lần hồi thay vào là một cục đá cuội tìch thâu trên mình kẻ thù, rồi đá chạm, rồi ngọc thạch, bửu bối, thủy xoàn, kim cương...

Xỏ lỗ tai trước nhứt để làm thêm xấu, xỏ lỗ mũi, để không tiện trao tình hôn hít, cạo răng cạo tai làm xấu xí, banh môi dưới cho thười lười ra, cho địch thấy ghê tởm mà bỏ rơi không bắt bớ đem đi, cũng như đeo sợi dây xiềng sắt tượng trưng, rồi sợi dây đồng, dây bạc, dây vàng, ban đầu sợi dây rất lớn và rất nặng, sau thu nhỏ lại thành sợi bạch kim thật khéo, sợi hoàng kim có đính ngọc có đính

xoàn, treo lủng lẳng hột kim cương, công hạn mã, công đồ mồ hôi xót con mắt của anh chồng hy sinh cho vợ, hy sinh tối đa có khi đến vô khám vào tù, miễn vợ mình đeo y như thiên hạ, những trang sức phẩm ấy, xét ra cho thấu đáo, nên đẹp bỏ mới thật hiểu nghĩa hai tiếng văn minh, vì găm lại toàn là di tích của xiềng xích, dấu hiệu của sự nô lệ ngày xưa.

Nàng Salammbô, theo G. Flaubert, khi còn là trinh nữ, khóa hai chơn trong một sợi dây xiềng vàng, biểu hiệu sự trong sạch của một người tân nữ dành thân ngà ngọc thờ người tương lai, và khi chồng cưới, đêm tân hôn, thì tân lang sẽ lấy hai tay bứt đứt sợi dây vàng kia, gọi giải phóng cho người gái mình lựa chọn làm bạn trăm năm.

Trong nhóm đồng bào Việt gốc Miên ở Nam Việt, ý nghĩa của nữ trang càng thêm rõ rệt, khi người con gái Thổ, lúc chưa chồng, thì mặc áo « tằm vong » cổ khoét lòi ngực ý như khoe cái bông thơm chưa có chủ, đến sau có chồng cưới rồi thì may thêm nút khép bầu cổ kia lại để cho thế gian lối xóm biết mà thôi chộc ghẹo vì hoa kia nay đã hữu chủ. Một tỷ dụ khác như đôi bông tai vàng của cô gái Miên cũng có nhiều ý nghĩa : Lúc chồng đi hỏi thì dâng lễ hỏi đôi bông vàng kiểu « búp mù u » (vì trong Nam không có hoa bạch mai nên dân bản xứ mượn bông búp mù u thay thế), lấy đó làm biểu hiệu sự thành hôn chi mỹ của người bạn đời mình chọn lựa, sau lại khi đi lễ cưới, thì sẽ đi lễ cưới bằng đôi bông khác, mặt bông sẽ có nhận miếng kiếng (của nhà nghèo) hoặc nhận xoàn nhận ngọc, (khi gia thế dư dả), và đó là đôi bông mãn khai của người thiếu nữ đến tuổi lấy chồng. Khi xét cho cận kề, trang sức phẩm là tàn tích của cái gì gọi là nô lệ, vậy ngày nay ta nên bớt xa xỉ khi sắm mua vật nữ trang đắt giá, và từ đây nên đeo diện bằng nữ trang gọn ghẽ và ít

tổn tiền, tưởng phải hơn. Có nhiều khi mang trong mình quá nhiều nữ trang sự ủng hộ tinh thần đâu chưa thấy, chỉ thấy những vật ấy đục lòng tham quân gian và có hại cho sanh mạng người đeo là khác.

Trong một quyển sách Pháp¹ có tả sự tích sau đây:

Hoàng thân Conrad III, sau lên ngôi vua năm 1138, khi vây thành Weinsperg ở xứ Đức quốc, ông có ý định muốn làm cỏ hết dân sự trong thành nhưng vì thấy tướng thủ thành là công tước de Wurtemberg can đảm và chống cự với mình một cách anh dũng hiếm có, nên ra lệnh tha hết cho những phụ nữ trong thành luôn và bà công tước, lại có thêm nhã ý cho phép các phụ nữ ấy được mang « của quý » nào họ tự chọn lựa lấy. Nào ngờ bà công tước de Wurtemberg tương kế tựu kế, khi cửa thành mở hoát, công tước phu nhơn cầm đầu và tất cả các phụ nữ trong thành đều bắt chước theo, mỗi bà đều công trên vai hoặc đai mang sau lưng, đức lang quân của mình, như vậy vừa cứu mạng cho chồng, vừa cao kế sau này muốn sắm bao nhiêu của quý lại không được?

Truyện kể tiếp hoàng thân Conrad III, khi chứng kiến cảnh cảm động vợ cứu chồng ấy, chỉ có nước nhìn nhận lời cam kết trước và đều tha hết những địch thủ cũ của mình, luôn cả công tước de Wurtemberg.

Đề kết luận bài này, không chi quý trên đời hơn là chồng đối với vợ, hay vợ đối với chồng một khi tương đắc, và không chi ghét và thù nhau hơn một khi tương khắc.

Mồng một Tết Tân hợi (27-1-1971)

1. Trích trang 124 quyển « Recueil de bons mots historiques », Paris, Maurice Glomeau, éditeur, in năm 1918.

10. — Bá Nha, Tử Kỳ

Bá Nha, họ Du tên Thụy, người quê ở Sính đô nước Sở, nay là phủ Kinh Châu tỉnh Hồ quảng, sống vào đời Xuân thu Chiến quốc.

Tuy là người nước Sở, nhưng Bá Nha sang làm quan bên nước Tấn, đến chức Thượng Đại Phu, và Tấn và Sở thời ấy giao hảo thân thiện nhau.

Một hôm Bá Nha phụng mạng vua Tấn sang nước Sở để siết chặt thêm tình thân hữu giữa hai nước. Bá Nha được vua Sở trọng đãi, truyền bày yến tiệc sai quần thần khoản đãi.

Sính đô là đất quê hương, sau bao năm xa cách, biết bao kỷ niệm thời thơ ấu được gọi lên với những ngày vô tư lự sống yên vui dưới mái gia đình với những cây tòng cây bá, mới ngày nào chỉ được ba gang tay nay đã ôm không giáp, đủ thấy cái định luật biến chuyển vẫn đi tới không ngừng và không kể trên mái tóc người viễn xứ, trên giòng đời xa cũ cũng đã phủ một màu tang không phai không chạy chối.

Sau các yến tiệc, Bá Nha thừa lúc rảnh việc quan, đi thăm viếng mộ phần họ hàng bạn bè và tấm lòng quyến luyến nơi quê cha đất tổ càng làm tràn ngập trong thâm tâm và thấm thía hơn lúc nào... Nhưng vì nhiệm vụ chưa thành, Bá Nha không dám lưu luyến nơi nhau rún, cho nên việc quan vừa xong, Bá Nha vào lạy từ vua Sở. Nhà vua ban cho rất nhiều vàng bạc lụa là và truyền chỉ dùng chiếc quan thuyền lớn tiên đưa về Tấn.

Bá Nha có sẵn một tâm hồn phong lưu tài tử, nay trên đường về mặc tình ngắm xem phong cảnh thỏa thích.

Một hôm thuyền đến cửa sông Hán Dương, gặp tiết trung thu, trời rộng sao thưa, một vành trăng tròn treo lơ lửng trên không, Bá Nha sai cắm thuyền dưới chân núi để vui với cảnh đẹp hải hồ. Mặt sông bấy giờ trong vắt như một tấm kính thủy tinh bất tận, gió lồng trắng ngàn, chiếc thuyền bập bênh đưa theo lượn sóng. Bá Nha lòng thấy lâng lâng, bèn truyền đồng tử lấy trầm để thêm vô lò hương và đem túi đàn đặt trên án gỗ quý.

Bá Nha mở túi gấm, hai tay nâng cây dao cầm ra đặt ngay trên án, vừa vặn trục so dây vừa đàn thử một bản, hơi trầm quện gió, cảnh tịch mịch làm cho tiếng đàn như đưa vút tận trên không. Trong lúc đang hứng thú, bỗng tơ đồng đứt đoạn một dây. Bá Nha giật mình tự nghĩ : « Dây đàn thình không bỗng đứt, ắt có người quân tử đang nghe nhạc đâu đây. » Bèn truyền tả hữu lên bờ xem cho ắt chất. Tả hữu vâng mạng vừa định lên bờ, bỗng có tiếng người từ trên nói vọng xuống :

— Xin đại nhân chớ lấy làm lạ, kẻ tiểu dân kiếm củi về muộn, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn tuyệt diệu nên chân bước không đành đó thôi.

Bá Nha cười lớn mà rằng :

— Người tiền phu nào đó dám đại ngôn dùng tiếng « nghe đàn » trước mặt ta đây ? Sao có ngông cuồng vu khoát đến thế ? Nhưng thôi, ta cũng bất chấp, và các người cứ tha cho hẩn đi !

Nhưng Bá Nha lại nghe một giọng trong trẻo nhưng đầy vẻ ngạo nghễ từ trên gành đá đáp lại :

— Đại nhân nói như thế là sai. Đại nhân há chẳng nghe câu : « Thập thất chi ấp, tất hữu trung tin »¹. Hễ trong

1. Trong một ấp gồm mười nhà, thế nào cũng có người trung tin.

nhà có quân tử ở thì ngoài cửa có quân tử đến. Nếu nay đại nhân khinh khi trong chỗ quê mùa núi non như vậy không có người hiểu và biết nghe nhạc, thì hà tất đại nhân phi phạm tiếng đàn tuyệt diệu kia nơi chốn thâm sơn cùng cốc này !

Bá Nha biết mình đã lỡ lời nên lật đật bước ra trước mũi thuyền hỏi lên :

— Nếu người trên bờ thực biết nghe đàn, vậy có biết ta vừa khảy khúc gì đó ?

Có tiếng diu diu bớt gay gắt đáp xuống :

— Dạ thưa, đó là khúc « Khổng Vọng Vi » của Trọng Ni than về cái chết của học trò là Nhan Hối, nhưng vì đàn đứt dây nên chưa tấu câu chót. Khúc ấy như vậy :

Khả tịch Nhan Hối mạng tảo vong,
Giáo nhân tư tưởng, mấn như sương,
Chỉ nhân lậu hạng, đàn biểu lạc,
Lưu đặc hiền danh vạn cổ cương ¹.
(câu này chưa đàn)

Dịch :

*Khá tiếc Nhan Hối sớm mạng vong,
Dạy người tư tưởng, tóc như sương,
Đàn, biểu ngộ hẹp vui cùng đạo,
Lưu mãi danh hiền với kỷ cương.
(câu này lúc này chưa đàn)*

Bá Nha nghe xong, trong lòng sáng khoái, bèn vội vã sai từng nhơn thả đò dài để rước người lạ mặt xuống thuyền cùng nhau đàm đạo.

1. 4 câu thi này, trong Thành ngữ điển tịch của Diên Hương, bản Phương Lai 1953, tr. 29 dịch :

Khá tiếc Nhan Hối mạng vẫn ôi ! Nhớ thương mái tóc bạc như vôi,

Đai cơm bầu nước vui quê hẹp, Đề tiếng hiền danh biết mấy đời.

Nhưng còn lạ gì với bọn đầy tớ nhà quan, suốt đời khúm núm hầu hạ chủ nhưng ra đường là hách dịch nạt nộ. Khi chúng lên bờ thấy trước mặt là một gã tiểu phu nón lá áo vải, tay còn cầm chiếc đòn gánh, lưng có giắt búa bừa củi, chùn lại đi thảo hải, thì liền ra mặt « lính lệ » hống hách :

— Xuống thuyền cho mau ! Nhớ kỹ, lão gia có hỏi thì phải qui trả lời cho có lễ phép, không thì bị đòn nhé !

Người tiểu phu như không nghe những lời khinh ngạo ấy, thản nhiên bước xuống thuyền, đặt đòn gánh và cây búa nơi mũi thuyền, đoạn bước vào khoang yết kiến Bá Nha, nhưng chỉ xá dài mà không lạy.

Bá Nha thấy thế cũng ngạc nhiên, song vội đưa tay đáp lễ và nói :

— Xin quý hữu miễn lễ cho.

Chào hỏi xong, rồi như muốn thử tài năng người tiểu phu xem thực chất đến đâu, nên Bá Nha sai đồng tử đặt ghế bên cạnh chỗ mình ngồi để mời, thì quả nhiên người tiểu phu không chút ngượng nghịu cũng không khiêm nhường cho lắm, cứ tự nhiên ngồi xuống. Phân ngôi chủ khách xong, Bá Nha liền hỏi :

— Hiền hữu biết nghe đàn, chắc là biết ai chế ra cây dao cầm, và chơi đàn có những thú gì tuyệt diệu ?

Gã tiểu phu thông thả đáp :

— Đại nhân đã có lòng hạ cố hỏi đến câu này, không lẽ kẻ tiểu dân này không nói ra những gì tự thâu thập được từ bấy lâu. Theo chỗ tôi hiểu biết thì cây dao cầm có sự tích dài dòng như vậy :

Xưa kia vua Phục Hy đề ý thấy có năm sắc sao chiếu xuống một cây ngô đồng thiên niên thọ và có chim phụng hoàng thường đến đậu trên cây đó. Nhà vua dự biết phụng là chúa các loài chim, phi trúc thực không ăn, phi Lẽ tuyền

không uống, phi ngô đồng không đậu,¹ nay cây ngô đồng này hấp thụ tinh hoa của tinh tú trên trời, là một gỗ linh có thể chế làm đồ nhã nhạc. Nhà vua liền sai người hạ cây ngô đồng xuống, cắt ra làm ba đoạn để phân thiên-địa-nhân, tam tài. Vua lại sai tách ra : đoạn ngọn, cây non, tiếng quá trong và quá nhẹ, nên chưa dùng được. Vua sai để riêng ra. Kế đó, vua phán đoạn gốc, gỗ quá già, tiếng quá đục và quá nặng, cũng không dùng được, nên vua cũng sai lấy ra. Còn lại khúc giữa, tiếng vừa trong, vừa đục, có thể dùng được, tốt lắm, nên vua sai đem ra giữa dòng nước chảy ngâm đó bảy mươi hai ngày, đoạn lấy lên phơi trong chỗ mát cho gỗ thật khô, rồi chọn ngày lành tháng tốt, kén tay thợ tuyệt khéo là Lưu Tử Kỳ chế thành nhạc khí, bắt chước nhạc cung Dao trì, nên đặt tên cây đàn ấy là Dao cầm.

Cây đàn Dao cầm dài đo được ba thước sáu tấc một phân, án theo ba trăm sáu mươi một (361) độ chu thiên ; mặt trước rộng tám (8) tấc, án theo bát tiết ; mặt sau rộng bốn (4) tấc, án theo bốn mùa ; bề dày hai (2) tấc, án theo lưỡng nghi ; đầu như đầu Kim đồng, lưng gò như lưng Ngọc nữ, trên chạm hình long trì, phụng chiểu, thêm gắn phím vàng, tra trục ngọc. Cây đàn gồm mười hai (12) phím tượng trưng mười hai tháng trong một năm, lại có một phím lẻ ở giữa tượng tháng nhuận ; trên mắc năm (5) dây, ngoài tượng ngũ (5) hành, trong tượng ngũ (5) âm : cung, thương, dắc, vũ, chủ. Vua Thuấn gảy đàn năm dây (ngũ huyền), ca bài Nam Phong, mà thiên hạ đại trị. Châu Văn Vương bị Trụ Vương cầm tù nơi Dữu lý, con trưởng là Bá Ấp Khảo thương nhớ không nguôi, bèn thêm một dây tiếng nghe u uất ai oán, gọi đó là dây văn (văn huyền). Lúc Võ Vương

1. Chim phụng ăn thì lựa trái cây tre, uống thì lựa suối nước chảy và khi đậu thì lựa cây ngô đồng.

hưng bình phát Tru, trước ca sau múa, khi ấy lại thêm một dây nữa tỏ sự phấn khích phấn khởi, và gọi đó là dây võ (võ huyền). Như vậy trước kia có năm dây, sau thêm hai dây nữa là bảy dây cả thảy, nên cũng gọi văn-vũ-thất-huyền-cầm (cung, thương, dắc, vũ, chủ, văn, vũ).

Đàn ấy có sáu « ky », bảy « không » và tám « tuyệt ».

Sáu ky là : 1) ky rét lớn, 2) ky nắng lớn, 3) ky gió lớn, 4) ky mưa lớn, 5) ky sét lớn, 6) ky tuyết rơi nhiều. Những lúc như vậy, không đàn.

Bảy không là : 1) không đàn, khi nghe có tiếng bi ai đăm tang ; 2) không đàn, khi trong lòng nhiều loạn ; 3) không đàn, vì có việc bận rộn ; 4) không đàn, vì thân thể không sạch ; 5) không đàn, vì y quan không chỉnh ; 6) không đàn khi lò hương không đốt, để lạnh ; 7) không đàn, khi không gặp khách tri âm.

Tám điều tuyệt là : thanh, kỳ, — u, nhã, — bi, tráng, — du, trường, tức : thanh cao, kỳ diệu, u uất, nhàn nhã, bi đát, hùng tráng, xa vời dằng dặc. Trong tám tuyệt gọi đủ cả tình cảm. Đàn ấy đạt tới tận thiện tận mỹ của nó. Đàn lên, có thể hồ nghe nin kêu, vượn nghe nin hót, thật là một thứ nhã nhạc tuyệt vời.

Bá Nha nghe rồi đem lòng kính phục, cho gã tiểu phu là một bậc kỳ tài :

— Hiền hữu quả là một người tinh thông nhạc lý. Trước kia Khổng Tử đang gảy đàn, Nhan Hồi bước vào thoảng nghe có tiếng u trầm, biết lòng thầy có ý tham sát, hỏi ra mới biết đang đàn, Khổng Tử bỗng thấy một con mèo vồ con chuột nên ý niệm ấy xuất ra tiếng tơ đồng. Vậy thì trước kia thầy Nhan nghe tiếng đàn mà độ được lòng người, còn hiền hữu ngày nay, khi nghe hạ quan đàn, lòng tư lự gì, hiền hữu có thể đoán biết được không ?

Người tiểu phu đáp :

— Xin đại nhân cứ gảy cho tôi nghe một khúc, nếu may ra có cảm thông được thì đó cũng là điều may mắn.

Bá Nha nổi lại dây đứt, gảy lên một khúc, gợi ý tại non cao.

Tiêu phu nghe rồi, mỉm cười, nói :

— Đẹp thay ! ý chí cao vút ! ý tại cao sơn !

Bá Nha nghe nói, ngưng đàn, và định thần lắng trí, gảy một khúc khác, gợi ý vào nước chảy...

Tiêu phu lại khen :

— Đẹp vậy thay ! Bao la trời nước, thiệt là một khúc : ý tại lưu thủy.

Bá Nha thấy tiêu phu rõ thấu lòng mình như soi gương trong, thì lấy làm kính phục, liền gác đàn, vái nhường tiêu phu ngồi lên thượng khách, sai đồng tử dâng trà. Xong rồi, lại dạy bày tiệc rượu, hai người đối ẩm.

Bá Nha chấp tay cung kính hỏi :

— Xin cho biết cao danh quý tánh và tiên sinh qui ngụ nơi nào ?

Tiêu phu đứng lên cúi mình thi lễ và đáp :

— Tiêu dân họ Chung tên Huy, tự Tử Kỳ, nhà tại thôn Tập hiền, gần núi Mã yên. Xin hỏi đại phu cao danh quý tánh và trị nhậm nơi nào ?

Bá Nha kính cẩn đáp :

— Tiệp quan họ Du tên Thụy, nhân vì có công vụ nên đi ngang chốn này. Xét mình tài mọn đức sơ không đáng với lộc nước ơn vua, còn tiên sinh tài năng xuất chúng, học vấn cao siêu lẽ ra nên xuất thân đoạt lấy công danh, phò vua giúp nước, lưu danh muôn thuở mới phải. Cớ sao tiên sinh lại cam ẩn dật nơi chốn núi non này mà làm gì ? Thiệt là uổng phí thiên tài.

Tử Kỳ nói : — Tiêu dân trên còn cha mẹ già, dưới lại không có anh em nào khác, phận làm con phải lo đền

chữ Hiếu. Nay kiếm củi sống qua ngày lo phụng dưỡng song thân trước đã. Dầu được đến tam công cũng không đủ đổi lấy một ngày hiếu đạo.

Bá Nha nói : — Một người chí hiếu như túc hạ, trên đời chưa dễ gì gặp. Chẳng hay năm nay thanh xuân được bao nhiêu ?

Tử Kỳ đáp : — Tiểu dân năm nay được hai mươi bảy tuổi.

Bá Nha vồn vã nói : — Hạ quan hơn tiên sinh một tuần (mười năm), nếu không chê bỏ, xin kết làm anh em cho khỏi phụ cái nghĩa tri âm mà đời tôi chưa từng gặp.

Tử Kỳ khiêm nhượng đáp : — Đại nhơn là một bậc công khanh thượng quốc, còn tiểu dân đây là một kẻ quê mùa áo vải, năm tháng ra vào chốn sơn lâm cùng cốc, xin đại nhân miễn cho, vì gà đâu dám sánh phụng.

Bá Nha nghe Tử Kỳ nói câu ấy, lòng buồn rười rượi và thật tình nói :

— Nếu hạ quan có là chim phụng thì cũng chỉ là một con phụng hoàng tốt mã. Nếu nay được kết nạp với bậc cao hiền thì thật là vạn hạnh. Còn giá trị con người không phải ở chỗ giàu sang phú quý mà là ở chỗ đức hạnh tài năng kia chớ.

Nói xong Bá Nha sai kẻ tả hữu gây lại lò hương, rồi cùng Tử Kỳ lạy tám lạy nhận nhau làm anh em khác họ, Bá Nha lớn tuổi hơn làm anh.

Lễ kết giao xong rồi, hai người lại cùng nhau đối ẩm, một người tuổi trẻ nhưng đọc sách nhiều, một người kinh nghiệm và đỉnh chung đã từng, mặc sức cởi mở, vượt khỏi những hình thức khách sáo, để trở lại cái thiên chân thuần túy của con người tự nhiên.

Hai người đàm luận mãi không biết chán, đến khi trăng đã lặn màu, sao trên trời lặn lần chỉ còn sót lại một vài

đốm trắng, tiếng gà rừng eo óc chào bình minh, hai người vẫn còn đắm say trong tình giao cảm mà quên hẳn cả vấn đề thời gian.

Khi thủy thủ lên bảu xin cho thuyền lên đường để kịp con nước, Tử Kỳ vội đứng dậy cáo biệt.

Bá Nha giọng run run, nhìn Tử Kỳ mà nói :

— Lòng tôi quá cảm mộ, chưa muốn rời hiền đệ, vậy xin mời hiền đệ cùng đi với tôi qua một đoạn đường, để cùng du sơn du thủy và trò chuyện cùng nhau vài ngày cho được thỏa lòng kính yêu quyến luyến. Hiền đệ có ưng không ?

Tử Kỳ bùi ngùi đáp : — Lẽ ra tiểu đệ phải đưa tiễn hiền huynh vài dặm mới phải ; ngặt vì cha mẹ của tiểu đệ ở nhà đang trông, xin hiền huynh thứ lỗi.

Bá Nha nói : — Vậy thì hiền đệ về nhà xin với song đường qua Tấn Dương thăm chơi, chắc bá phụ với bá mẫu cũng không nỡ từ chối.

Tử Kỳ nói với giọng luyến tiếc : — Tiểu đệ không dám phụ lời hiền huynh, song việc này không dám hứa chắc ; vì vạn nhất nếu tiểu đệ không xin phép được thung đường thì thành ra thất hứa với nhơn huynh, ấy là tội của tiểu đệ rất lớn.

Cảm lòng hiếu của Tử Kỳ, Bá Nha nói : — Hiền đệ thực là một bậc chí thành quân tử. Nếu vậy, để sang năm, ngu huynh sẽ đến đây thăm hiền đệ.

Tử Kỳ hỏi : — Sang năm, đại huynh sẽ đến vào hồi nào ?

Bá Nha tính đốt tay rồi nói : — Hôm qua là Trung thu, hôm nay là mười sáu. Vậy sang năm ngu huynh sẽ đến đúng trong hai ngày đó.

Tử Kỳ đáp : — Nếu vậy thì sang năm cũng đúng vào ngày này tiểu đệ xin đợi hiền huynh nơi gành đá này.

Tử Kỳ nói xong toan cáo biệt, Bá Nha giữ lại, và nói :
— Hãy khoan, hiền đệ thử thả một chút đã.

Dứt lời, Bá Nha quay lại sai đồng tử lấy ra hai nén vàng ròng, rồi hai tay nâng cao lên trước mặt, nói : — Đây là món lễ mọn của ngu huynh cậy hiền đệ dâng lên bá phụ và bá mẫu để tỏ tình cốt nhục, xin hiền đệ chớ nên chối từ.

Chẳng dám phụ lòng tri ngộ, Tử Kỳ nghen ngào cầm hai nén vàng, lạy biệt mà bước ra khỏi thuyền. Bá Nha tiễn đến đầu thuyền; giọt lòng chan chứa, cầm tay Tử Kỳ không nỡ rời nhau.

Khi thuyền đã nhổ neo, Bá Nha còn đứng lẳng lẳng nơi mũi thuyền, trông bóng Tử Kỳ khuất dạng trong cánh rừng thưa, Bá Nha mới lui vào thuyền an nghỉ.

Đường về vẫn đẹp, lá hồng vẫn rơi lả tả trên rừng, dưới nước sóng bạc muôn trùng nhấp nhô, núi xanh cây biếc, nhưng Bá Nha một tấm lòng thương nhớ khôn nguôi, đắm đắm đôi mắt trông về một góc trời xa thẳm, nên cảnh dầu đẹp, Bá Nha vẫn thờ ơ cùng cảnh.

Đường đi sứ ngày xưa thật là nhiều khê. Đi đường thủy mấy ngày rồi bỏ thuyền lên bộ đi thêm mấy ngày nữa mới đến kinh đô là Tấn Dương, Bá Nha vào bệ kiến vua Tấn phục mạng, nhiệm vụ đã xong.

Thì giờ thấm thoát rất mau... Mới ngày nào gió thu rào rạc tiếng sáo biệt ly còn văng vẳng bên tai, nay tơ liễu trường đình lại đổi lá, ngọn gió heo may từ phương bắc thổi về rát da mặt, báo hiệu một mùa thu nữa.

Bá Nha nhớ ngày ước hẹn với Tử Kỳ nên vội vã vào triều xin vua Tấn cho về Sở thăm nhà. Vua chuẩn tấu, Bá Nha sửa soạn túi đàn, đem theo vài tên đồng tử sai vật rồi thông thả xuống thuyền ra đi.

Bá Nha dặn trước thủy thủ phải đi sao cho đúng ngày

Trung thu thì thuyền phải đến Hán Dương và phải đậu dưới chơn núi Mã yên nơi gành đá năm trước, đã có ghé. Thuyền đến nơi, thì bóng ô đã ngậm non đoài, lòng sông khói sóng dâng lên nghi ngút, quyen mấy cánh chim đi ăn về trễ còn sập sần bay lẻ tẻ trong sương mù.

Thủy thủ vào bảu thuyền đã thả neo, Bá Nha ra đứng trước mũi thuyền, ngó mong đây đó, thấy mây nước chập chùng, nhìn ra quả đây là nơi gặp gỡ Tử Kỳ năm trước. Bá Nha đứng trông về hướng núi Mã yên thì thấy đánh cao hun hút, mây đeo lưng chùng, nhìn vào rừng thưa thì cây tro tro như cũ, mịt mờ trong màn sương đặc của một buổi hoàng hôn tịch mịch: trời nước núi rừng. Tịnh không thấy một bóng người nào in trên ánh sáng còn nán lại của cảnh tà dương lạng lẽ.

Bá Nha nghĩ bụng: — Năm ngoái vì tiếng đàn mà gặp được tri âm. Đêm nay ta lại đàn nữa, hẳn Tử Kỳ nghe tiếng ắt lại tương kiến.

Nghĩ rồi, sai tiểu đồng đặt văn kỷ trước mũi thuyền, đốt hương xông trầm, Bá Nha ra ngồi trước án, lấy cây Dao cầm ra thử dây, vắn trức, lên dây đúng rồi, bèn định thần đem hết tình nhớ nhung lưu luyến gởi vào âm luật và mấy dây tơ giéo giắt. Nhưng lạ thay, trong tiếng đàn lại có hơi ai oán phát ra. Bá Nha lấy làm kinh dị, ngừng tay suy nghĩ: «Cung Thương trời tiếng ai oán thảm thê đến bậc này, hay là Tử Kỳ bạn ta đã gặp nạn lớn! Thế này sáng mai ta phải lên bờ dò hỏi mới đặng.»

Đêm ấy, Bá Nha trần trọc với ngọn cô đăng, không sao nhắm mắt suốt canh trường, lòng bồi hồi thồn thức theo nhịp sóng nhấp nhô vô tình cứ trôi đi không trở lại.

Trời vừa tờ mờ sáng, Bá Nha đã dậy, truyền đồng tử mang đàn theo mình lên bờ, lưng giắt mười nén vàng ròng, trông chơn núi Mã yên tiến bước.

Ra khỏi triền núi, hai bên cây cối um tùm, có đến mấy con đường băng ngang qua lại; không biết nên theo ngã nào, Bá Nha bèn ngồi lại trên tảng đá nghỉ ngơi, chờ xem có người đi qua để hỏi thăm ắt chất.

Một chặp sau, phía đường bên phải bỗng thấy một ông lão tay chống gậy trúc, tay xách nỏ tre, xăm xăm đi tới. Đợi lão trượng đến trước mặt mình, Bá Nha ra chào thi lễ.

Lão trượng ung dung đáp lễ và hỏi: — Chẳng hay tiên sinh có điều gì dạy bảo?

Bá Nha cung kính hỏi: — Thưa lão trượng, chẳng hay trong mấy con đường này, đường nào về Tập hiền thôn?

Lão trượng đáp: — Cả hai đường đều đưa đến thôn Tập hiền; đường bên phải đến thôn Thượng Tập hiền, còn đường bên trái thì đến thôn Hạ Tập hiền. Vậy tiên sinh muốn đến thôn nào?

Bá Nha hỏi lại: — Thưa lão trượng, Chung Tử Kỳ ở về thôn nào?

Vừa nghe nhắc đến ba tiếng Chung Tử Kỳ, ông già bỗng sa nước mắt như mưa, ông ta sụt sùi kể:

— Chung Tử Kỳ chính là con của lão. Năm ngoái cũng vào ngày này tháng này nó đi đồn củi về muộn có gặp một người nước Tấn là Bá Nha tiên sinh. Vì chỗ đồng thanh tương ứng hai người kết nghĩa anh em. Lúc giã từ, Bá Nha tiên sinh có tặng cho con tôi hai nén vàng; con tôi về nhà dùng tiền ấy mua sách đọc, bất kể giờ khắc. Không ngờ, vì ban ngày đồn củi mệt nhọc, ban đêm lại không dưỡng sức thức đêm lo học hành không kể giờ giấc nên chẳng bao lâu mắc bệnh lao nặng mà qua đời rồi.

Nghe vừa tới đó, Bá Nha nước mắt đầm đìa và nghẹn ngào không thốt ra lời.

Chung lão thấy thế lấy làm lạ, hỏi tiểu đồng: — Tiên sinh đây là ai vậy?

Tiểu đồng thưa : — Thưa lão trượng, đây là quan Thượng Đại Phu nước Tấn, Du Bá Nha đó !

Chung lão vừa nghe nói, thốt ra hai tiếng « Ồi trời ! » rồi cũng nghẹn ngào không nói gì được nữa. Cả hai người chỉ nhìn nhau và thông cảm nhau bằng mấy dòng nước mắt, hai thứ lệ khóc con khóc bạn, tuy khác nhau nhưng chảy cùng một nhịp thồn thức bởi hai trái tim cùng đau đớn.

Sau lại, Chung lão gấn gượng thi lễ và nói :

— « Lão đội ơn đại nhân không chê bần tiện. Con lão lúc sắp mất dặn lại : « Con, lúc sống không vẹn đường hiếu dưỡng của kẻ làm con, khi chết không trọn nghĩa tri giao của kẻ làm người, xin được chôn xác nơi cửa núi Mã yên để thực hiện lời ước hẹn với quan đại phu nước Tấn là Du Bá Nha. » Vì thế, theo lời trăng trối ấy, lão đã đem chôn nó nơi bên ven đường ở chân núi. Con đường tiên sinh đi đến, bên mặt có năm đất nhỏ, đó là mồ của con lão đó. Hôm nay vừa đúng một trăm ngày, lão mang vàng hương đến thăm mộ, mới đang gặp tiên sinh, ấy cũng là lòng trời dun rui. » Nói rồi mũi lòng lại khóc lớn.

Bá Nha lau nước mắt nói : — Sự đời thật khó lường và sống chết chỉ trong chớp mắt. Nay đã đến thế này, hạ quan xin theo lão trượng đến trước mộ phần lay mấy lay cho vẹn tình thương nhớ.

Nói rồi, Bá Nha sai tiểu đồng xách giỏ thể cho Chung lão, rồi cùng nhau kẻ trước người sau, đồng trở lại nơi chân núi. Chung lão lê gậy trúc dẫn đường, Bá Nha nối gót theo sau, Bá Nha thấy năm đất bên đường cỏ xanh chưa che kín, lòng trào lên một mối thê lương. Bá Nha sửa lại mũ áo, sụp lạy dưới đất, khóc rằng :

— Hiền đệ ời ! lúc sống thông minh anh tuấn, nay thác khi thiêng ắt còn phảng phất đâu đây ; xin chứng

giám cho ngu huynh một lay ngàn thu vĩnh biệt.

Lay xong, phục bên mồ nước nở hồi lâu, rồi gọi tiểu đồng mang đàn đến. Bá Nha nâng cây Dao cầm đặt lên phiến đá trước mộ, ngồi xếp bằng tròn trên đất và tấu khúc « thiên thu trường hận ».

Tiếng đàn vừa trỗi, bỗng thấy gió ngàn rit lên thêm mạnh, mây đen che khuất mặt trời, khu rừng như u u minh minh rờn rợn, tiếng chim kêu bi đát như hòa với tiếng đàn bi thương ai oán lạ lùng.

Giây lát, trời lần lần sáng lại...

Bá Nha hỏi Chung lão : — Có lẽ hồn linh lang hiển hiện đó ! Chẳng hay lão bá có biết cháu tấu khúc gì không ?

Chung lão đáp : — Lúc nhỏ lão cũng có biết chút ít về cầm thảo, nhưng nay tuổi già, con chết, rầu buồn, tâm thần hỗn loạn, không còn định được khúc gì.

Bá Nha thưa : — Cháu vừa đờn khúc đoản ca đề viếng người tri âm, tài hoa mạng yếu. Nay xin đọc lại thành lời văn đề lão bá nghe :

*Ức tích khứ niên xuân,
Giang thượng tằng hội quân ;
Kim nhật trùng lai phỏng,
Bất kiến tri âm nhân ?
Đản kiến nhất phần thổ,*

Bản dịch Tr. Th. Đ.
Năm qua, nhớ một chiều thu,
Trên sông, trong chiếc cô chu
 gặp người.
Năm nay, trở lại thôi rồi...
Tri âm đâu vắng ! Trăng trôi
 lạnh lùng...
Núi hoang, một năm mồ phong,

Bản dịch của ông Phan Hồng Trung
*Nhớ từ thuở mùa thu năm ngoái,
Trên tròng giang gặp bạn cố
 nhân.
Năm nay lại đến Giang Tân,
Dòng sông lạnh ngắt, cố nhân
 đâu rồi !
Buồn chỉ thấy năm mồ bên núi,*

(Xem tiếp trang 311)

Ân nhiên thương ngã tâm.

Thương tâm ! phục thương tâm !

Bất giác lệ phân phân...

Lai hoan, khứ hà khô ?

Giang bạn khởi sầu vãn.

Tử Kỳ ! Tử Kỳ hề !

Nhĩ, ngã thiên kim nghĩa.

Lịch tận thiên nhai vô túc ngữ,

Thử khúc chung hễ bất phục đàn.

Tam xích Dao cầm vị quân tử.

(chép theo nguyên văn trong bản Tr. Th. Đ.)

Đọc xong bài đoản ca, Bá Nha vái cây đàn, rồi hai tay cầm giờ lên cao rồi đập mạnh xuống tảng đá. Đàn vỡ ra

• • •

Muôn năm đeo vết thương
lòng tai đây!

Lòng đau đòi đoạn tháng ngày,

Giọt thương hồ cạn, lại đầy
tâm tư.

Sầu vân lớp lớp trầm phù,
Đến vui, đi những mịt mù...
khộ đầu!

Tử Kỳ, em hỏi đi đâu ?

**Mấy vàng so được cao sâu nghĩa
này?**

Bề hồ đi hết chưa say,

Tơ đàn thôi dứt từ đây phím
lòng!

Đàn ôi, năm sợi tơ đồng,

Thiên thu xin gửi theo cùng
cố nhân!

(Trích Kim cổ kỳ quan, bản Quế Phong 1956) (trương 47-49, tập 1).

...

Cõi ngàn năm chia cách đau
lòng.

Ôi! thương tâm! Ôi! thương tâm!

Sự sùi lai láng bao dòng lệ
rơi!

Mây sầu lấp loáng chân trời,
Đêm vui đòi lấy một đời khô
đau.

Tử Kỳ! Tử Kỳ đâu?

Ngàn vàng khôn chuộc được
bầu tâm giao.

Thôi từ đây, với phím đàn,

Ngàn thu trôi hết mơ màng cổ
nhân.

(Trích bản Kim Cổ kỳ quan của ông Phan Hồng Trung dịch, Khai Trí x.b. quyển 1, tr. 50-51).

muôn mảnh, trục ngà phím đồng vắng tứ tung.

Chung công không kịp cản ngăn, hoảng kinh hỏi :

— Sao tiên sinh giận gì mà hủy cây đàn tối cổ mà không tiếc vậy ?

Bá Nha đọc luôn bốn câu thơ để đáp lại lời ông lão hỏi :

Thốt toái Dao cầm phượng vĩ hàn,
Tử Kỳ bất tại, hương thùy đàn ?
Xuân phong mãn diện giai bằng hữu,
Dục mệnh tri âm, nan thượng nan...!

Bản dịch Tr. Th. Đ. :

*Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đàn vắng Tử Kỳ, đàn với ai ?
Gió xuân khắp mặt bao bè bạn,
Muốn kiếm tri âm ôi khó thay !*

(bản kể trên, tr. 50)

Bản dịch Ph. H. Tr. :

*Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đã vắng Tử Kỳ đàn với ai ?
Gió xuân bốn mặt, bao bè bạn,
Muốn tìm tri âm thật khó thay !*

(tr. 52 bản kể trên)

Chung lão thở dài nói : — Nguyên do như vậy, thì ra nhạc nghệ là một bộ môn văn hóa cao đến tuyệt độ.

Bá Nha hỏi : — Chẳng hay lão bá ở tại thôn Tập hiền nào ?

Chung công đáp : — Hàn xá ở thôn Thượng Tập Hiền, xin mời tiên sinh hạ cỗ.

Bá Nha thở ra rồi thưa : — Tôi nay thương cảm trong lòng, không dám theo lão bá về quê phủ, sợ e gợi thêm nỗi đau lòng cho bậc trượng nhân. Nay sẵn có mười nén vàng đem theo, xin kính dâng lão bá, nửa để cung dưỡng bá phụ,

bá mẫu, nửa để tạo mấy mẫu lương điền làm xuân thu tế tự mộ Tử Kỳ. Rồi đây khi về đến triều Tấn quốc, tôi sẽ dâng biểu cáo quan xin về quê cũ; lúc bấy giờ tôi sẽ cho người đến rước bá phụ và bá mẫu về sưởi ấm những ngày tàn cảnh đông thiên thiếu con ruột phụng dưỡng và tôi sẽ thay thế đưa con đã mất ấy. Từ đây, Tử Kỳ tức tôi và tôi tức là Tử Kỳ của bá phụ và bá mẫu vậy.

Nói xong, Bá Nha lấy vàng dànng hai tay lên Chung công rồi khóc lay mọp xuống đất mà đi. Chung công cảm động vô cùng và nhận lãnh vàng của một người thành thật, tốt như vàng thoi ngọc chuốt, một người suốt đông tây cổ kim không đâu có, tượng trưng cho tình bằng hữu tương thân tương ái, một cặp tri âm biết nhau một lần để thương nhau trọn kiếp, và muôn thuở nêu danh.

Mồng ba Tết Tân hợi (29-1-1971)

Lời bàn của người chép truyện. — Trong các cổ tích nêu cao tình bằng hữu, từ Tây sang Đông, từ xưa chí nay, có chuyện kết giao giữa Bá Nha và Tử Kỳ là thâm hơn hết. Trải qua mấy đời từ phong kiến đến cách mạng, không một ai không nhìn nhận là tình bè bạn đến mức đó là cùng. Tử Kỳ mến Bá Nha vì làm quan mà cư xử lỗi bình dân, Bá Nha cảm Tử Kỳ vì tuy lam lũ nhưng cao kiến.

Tử Kỳ không từ chối vàng vì phục cái nghĩa kim bằng. Bá Nha đập đàn, một là vì trên thế gian đã không còn người nghe, thêm nữa đập đàn là gởi qua thế giới bên kia cho người bạn tốt, cái vật liên lạc giữa mình và bạn.

Tích Bá Nha đoạn cầm, nhiều người nhắc và ưa thích, nhưng ít ai để ý đến ý nghĩa của sự gởi qua âm giới một vật mình đã xem là sở hữu của người chết từ ngày người ấy biết chơn giá trị của món vật kia. Cũng như trong tích treo gươm nơi mộ cũng cùng ý nghĩa trả cho người chết một vật người ấy đã ưa thích lúc sanh tiền. (Ngày xưa

không có lối ăn cắp vặt, chớ ngày nay treo gương ngoài trời là mời mấy thằng tay nhám lấy đi liền đó).

1.— Trong bài khởi đầu « Thú chơi cổ ngoạn », tôi đã có nói về các kiểu đồ sứ có dân tích « cao sơn, lưu thủy ». Đặc biệt là có một tô sứ kiểu uống trà Huế, hiệu đề chữ Nhứt, có bài thơ nôm tứ tuyệt, mở đầu là câu :

« Hai gã bạn tri âm, Vui thay một khúc cầm, Non cao cùng nước biếc, Rặng đề ít ai ngâm ».

Đó là một di tích quý của đất Thần kinh, một lần nữa tôi xin mách còn thấy vài tiệm Sài gòn đề bán, không mua uổng vậy.

Còn hai kiểu kia :

2.— « Cao sơn lưu thủy trường, Nhứt khúc ngộ tri âm » ;

3.— « Tơ đồng khinh tháo lộng, Lưu thủy ngộ tri âm », Hai kiểu này, rải rác còn thấy bán hoài, không vội gì mua sắm, để sau sưu tập chưa muộn.

4.— Một kiểu sau rốt, xin nêu ra đây cho người may phước, họa may tìm gặp. Đó là kiểu đĩa bàn số 132 nơi tề xá, hiệu vẽ ấn vuông có hai hoa sen ở giữa, không đề một chữ nào, vẽ Bá Nha ngồi đàn dưới thuyền, và trên gành có Tử Kỳ khoan tay đứng chăm chỉ nghe. Đây là đĩa đời Khang Hy (1662-1722), thật cổ, thật quý, và thật hiếm lắm.

Mồng ba Tết Tân hợi

11. — Cặp tri kỷ lạ đời trong truyện Tam Quốc: Châu Du và Gia cát Lượng

(Bài này tôi viết từ năm 1951 và đã đăng trong tập kỷ yếu của hội Khuyến học Nam Việt năm ấy, lúc ông Đoàn Quan Tấn còn làm hội trưởng và thường nhóm họp chúng tôi tại nhà khi thết cơm khi bàn suông việc đời. Ông đã mất từ năm ngoái, như nay bàn về cái tình đậm đà giữa Bá Nha và Tử Kỳ, tôi xin đăng bài này lại đây, tuy biết bài đã quá thời gian, nhưng tôi chỉ muốn thừa dịp nhớ lại một người anh cả mà tôi luôn luôn nhớ và kính mến, cũng như tôi luôn luôn nhớ và luyến tiếc tập kỷ yếu của hội Khuyến học Nam Việt (nay cũng không còn), hoặc các anh em lương hữu tuy còn mà rất ít khi gặp nhau.

* * *

Sau đây là nguyên văn bài về Châu Du và Gia cát Lượng, đầu đề mục nói chuyện trong mục văn hóa của Đài Phát Thanh Tiếng nói Quốc Gia Việt Nam ngày thứ sáu, 2 tháng 11 dương lịch 1951 :

Dẫn. — Giới cựu quan trường trong thời Pháp thuộc, vào hàng cổ lão về hưu sót lại, vẫn còn một vài ông, ngoài đức tánh liêm khiết, được học rộng uyên thâm Nho, Pháp, thêm được ngón phong lưu tài tử, không hổ mặt tiền nhân, ông Lê Thành Long, ở Phước Tuy, là một.

Hôm nào cao hứng, người hát chơi tại nhà ông Đoàn Quan Tấn, nhiều câu theo điệu hát bội cổ điển.

Như một cây cổ tùng lấy tàn che mát được một đám rừng già, khi ông đứng vuốt râu hoa râm, cất giọng hát lời « Quan Vân Trường hạ bút phê tờ quân lệnh trạng, lớp Phục Huê Dung đạo », tôi ngồi có cảm giác từ đây sẽ hiểu được thêm rằng phong lưu của các quan đảng cựu, mà cụ Nguyễn Công Trứ lúc về trí sĩ là tượng trưng, vẫn còn tồn tại trong xã hội hiện thời.

Phải có điểm phúc lạ lòng mới được thấy cái bóng vang chớp nháng này.

Trong tập kỷ yếu 1951 của Hội Khuyến Học Nam Việt, hôm nay, tôi xin kính cần dâng bài này tặng ông Lê Thành Long, không khác một tên học trò khép nép đem bài nộp cho vị lão sư, nếu người để mắt xanh vào là vạn hạnh.

V. H. S. (1951)

* * *

Đọc Tam Quốc, xem đến những hồi Châu Du và Khổng Minh đối đãi với nhau, nghiệm lại mới thấy nhiều chỗ lạ, cần phải suy nghĩ nhiều mới thấu đáo nỗi chơn tình u ẩn giữa hai người này.

Mặc dầu ai khó tánh đến đâu cũng phải chịu rằng nhà làm truyện Tàu rõ khéo, nhứt là trong bộ Tam Quốc, cách xếp đặt từng nhân vật đối với nhau vừa mới lạ, vừa tài tình vô cùng.

Đối với những người đọc truyện lần đầu, chưa kịp suy xét, thì thấy không ai hiềm kỵ Gia cát Lượng bằng Châu Du, — gọi thù nghịch nhau mới phải, — thế mà khi Châu Du chết, Lượng qua điều nơi Sài Tang khầu, khóc thật tình đến kẻ bộ hạ của Du cũng ăn năn cho chủ mình có một người bạn tốt mà không ngờ, và bài văn tế khóc Châu Du, tuy dịch lại Việt văn, đọc còn thấy cảm động vô cùng.

Vậy hôm nay, tôi xin hãy cùng khảo xét tình tri kỷ khúc chiết giữa hai nhơn vật này, tưởng cũng không ra ngoài phạm vi văn hóa.

Lớp Khổng Minh nhị khí Châu Công Cần, tương kế tựu kế gạt được Ngô Hầu (Tôn Quyền) rước bà Quận chúa (Tôn phu nhơn) về cho ông Lưu hoàng thúc, vì vậy Châu đô đốc (Châu Du) tức giận, đem binh muốn rượt theo bắt bà Quận chúa trở lại, không dè thêm thất trận, và thêm rầu buồn... Châu Du thua chạy, mới có mấy câu hát sau đây tỏ tâm lý của mình đối với Gia cát Lượng :

Châu Du viết.— Khổng Minh chơn diệu kế, Gia cát thị tiên tri, (âu là) sách thần mã bôn tri, sắc tây môn trực đáo.

Hứa loạn viết.— Tây môn diệu vọng tâm sanh lộ, đương dữ thiên binh phá trận đồ. Thán giả thiên thương dung Gia cát. Ai ta địa bạch diệt Châu Du. Ngã kế bất thành hà diện mục, phản hồi Ngô quốc thị lưu ô.

Châu Du hựu viết.— Thiên độ Lượng, Thiên độ Lượng,
Địa mai Du, Địa mai Du.

Trời không giúp vận Đông Ngô, Mìn sao đặng trừ an Lưu thị.

Đây vẫn cùng mưu quỷ, ngàn năm uổng tiết ô danh,
Thống hận nễ Khổng Minh, cảm nhục ngô thái quá.
(Như tôi) : Tử trận trung chi sá, nguyện một mất một còn.

Mình hết thừa mưu khôn, quyết đành lòng sanh tử.

Châu Du thổ huyết, viết,— Huyết lưu bất tận, thổ tại đơn trung. Nhứt đán mạng tảo vong, ngô thử kim hựu hủy.

... Nhưng Châu Du chưa chết phen này và phải đợi đến lớp giả kế mượn đường Kinh châu để qua đánh Tứ Xuyên, đến lúc đó, lại cũng bị Khổng Minh chọc tức một

phen thứ ba nữa, trong truyện gọi là « Khổng Minh tam khí Châu Du », các ngài ắt có đọc Tam Quốc rồi, nên tôi không kể lại chi cho tốn giấy, phen ba này Châu Du chết thiệt, và trước khi tắt hơi, ngất đi một hồi, đoạn lần lần tỉnh lại, ngẩng cổ lên thở dài một tiếng rồi than rằng « Thiên sanh Du, hà sanh Lượng ? »

Câu này truyền tụng đến ngày nay và cũng đã Việt hóa đến thành một câu cổ ngữ, thậm chí đàn bà đến trẻ em đều biết, và bất ngờ hôm nay đã giúp tôi làm tài liệu bình vực thuyết « nên còn dùng chữ nho trong văn Việt và chưa phải lúc bỏ chữ Hán ngay hiện tại ».

Đến như bản dịch của Phan Kế Bính đã viết : « Giời hời giời. Giời đã sinh ra Du, sao còn sinh ra Lượng ? » Hở giời ? », tôi lại thấy dấu dịch giọng Bắc hay giọng Nam, nay ta đọc đều thấy mỗi giọng có cái thâm thúy riêng của nó.

Tiếp theo đây là bài văn tế của Khổng Minh điệu Châu Du, trích lục trong bản dịch Phan Kế Bính, xuất bản tại Hà nội năm 1909, quyển 3 tr. 508 (in tại nhà in Imprimerie Express, lần đầu).

“ Văn tế rằng :

*Than ôi ! Công Cần ! chẳng may trời hại,
Thọ yểu số trời, lòng ta ái ngại,
Rót chén rượu này, lòng ta xót xa,
Người có khôn thiêng, chứng giám cho ta.
Thương người thuở bé, chơi với Bá Phủ,
Trượng nghĩa khinh của, nhường nhà cho nhau.
Thương người trẻ trung, có chí cao xa,
Gây dựng nghiệp bá, riêng một sơn hà.
Thương người sức khỏe, trấn ở Ngô Trung,
Cảnh Thăng mất vía, Tôn Sách yên lòng.
Thương người đẹp trai, sánh với Tiểu Kiều,*

Rề tôi nhà Hớn, xứng đáng trăm chiều.
Thương người khí khái, ngăn việc hàng Tào,
Trước tuy chấp cánh, lần lần bay cao ;
Thương người khôn ngoan, Tưởng Cán đến dụ,
Chén rượu thanh thoi, Tào man mắc mọ.
Thương người có tài, văn võ kiêm toàn,
Hỏa công giặc Tháo, chuyển nguy thành an ;
Tưởng người khí ấy, anh hùng ghê gớm,
Lệ tuôn hai hàng, thương người mất sớm ;
Bụng người trung nghĩa, hồn người anh linh ;
Tiếng ba mươi tuổi, ngàn thu dương danh.
Ruột ta rầu rĩ, thương người tình thiết,
Trăm thảm ngàn sầu, kẻ sao cho xiết.
Trời Ngô mù mịt, ba quân xót xa,
Chủ thì sùi sụt, bạn cùng thán ta.
Lượng tôi bất tài, xin mọ cầu mưu,
Giúp Ngô chống Tào, phò Hán yên Lư.
Cũng mong cùng người, cứu giúp nhau cùng ;
Kẻ mất người còn, ruột xót đau lòng.
Than ôi ! Công Cần, đã biết nhau rồi.
Thôi nói chi nữa, thế là xong đời !
Người có khôn thiêng, soi thấu vi thềm ;
Từ rày thiên hạ, ai kẻ tri âm ?
Than ôi ! đau đớn thay ! xin về hăm hưởng.

Phan Kế Bình

Bản dịch trên đây, như tôi đã nói, là bản giọng Bắc ;
để tiện so sánh, tôi xin trích lục luôn đây, bản giọng Sài
gòn in năm 1913, dưới ngòi bút Nguyễn Liên Phong, có
người nói của Nguyễn An Cư, cho đến nay vẫn chưa rõ
ắt : (Tam Quốc diễn nghĩa, bản Nguyễn Liên Phong, do
Đình Thái Sơn xuất bản, in nhà in de l'Union, Sài gòn
năm 1913, cuốn thứ 14, trang 720) :

Hỡi ôi ! Công Cần ! chẳng may mất sớm như
vầy !

Tuy biết dài vẫn tại trời, song không lẽ chẳng
thương ;

Lòng tôi chua xót, dâng rượu một chung,

Hồn ông có linh, hưởng đồ tôi tế ;

Điều ông khi bé, kết bạn Bá Phù,

Trượng nghĩa khinh tài, nhường nhà cho ở ;

Điều ông còn nhỏ, oai tợn chim bằng,

Lập an nghiệp bá, chiếm cứ Giang Nam ;

Điều ông sức mạnh, xa trấn Ba Khưu,

Kiểm Thăng nép sợ, dẹp giặc không lo ;

Điều ông phong nhã, kết tóc với Tiều Kiêu,

Rẻ tôi của nhà Hớn, chẳng hổ trào này ;

Điều ông khi khái, cản trở việc nạp con tin,

Trước không đuổi cánh, sau cũng vầy vùng ;

Điều ông lúc ở Ba Dương,

Tướng Cán chưa non, huy sai nghinh ngạn,
nhã lượng chí cao ;

Điều ông tài lãnh, võ văn thao lược ;

Hỏa công phá giặc, xua mạnh làm yếu ;

Tướng ông năm nọ, hùng tư đã phát,

Khóc ông mất sớm, cúi đất máu sa,

Lòng nên trung nghĩa, khí khái anh linh ;

Mạng chung ba kỷ, danh rạng muôn đời ;

Thương ông tình thiết, sâu tràng chi xiết,

Gan ruột rã rời, trời cao mù mịt ;

Ba quân thấm thương, chúa vì thương khóc.

Bạn vì lụy tuôn. Tôi thiết bắt tài,

Xin kể cầu mưu, trợ Ngô cự Tào,

Giúp Hớn an Lưu, thế lực cậy nhau,

Đầu đuôi tương trợ, dầu còn dầu mất, nào sợ
nào lo ;

*Hỡi ôi Công Cẩn. Thác trước biệt rồi,
Lo giữ lòng ngay, mờ mờ vực vực,
Hồn đó có linh, xét soi dạ mỗ,
Từ đây thiên hạ, đã hết tri âm.
Hỡi ôi, thương thay,
Có linh xin hưởng !*

(Bản Tam Quốc 1913, Sài gòn)

Trong truyện nói Khổng Minh tế xong, cúi đầu xuống đất khóc, nước mắt ràn rụa như mưa. Các tướng bảo nhỏ nhau : « Người ta cứ nghi Khổng Minh không hòa nhau với Công Cẩn, nay xem tình thương xót thế này, mới biết rằng người ta nghi lầm ».

Còn Lỗ Túc thấy Khổng Minh thương khóc, cũng ứa nước mắt mà nghĩ rằng : « Khổng Minh vẫn là người tử tế, chỉ vì Công Cẩn hẹp lượng, cho nên chết đó thôi ! »

Truyện kể tiếp, khi Khổng Minh điếu tang rồi, lui về thuyền, sắp sửa nhổ neo, bỗng có người đến kéo tay cười to lên rằng : « Anh này to gan thật ! Anh đã làm tức cho Châu Du chết, lại còn xỏ mà đến viếng tang : Anh khinh Đông Ngô không ai biết gì chăng ? » ¹

Khổng Minh giật mình trông lại thì là một người tri kỷ của mình thuở nay hâm mộ là Bàng Thống, tức Phụng Sồ tiên sanh, bấy lâu vì chưa gặp vận nên còn mai một bên nước của Ngô Tôn Quyền.

* * *

Đến đây tôi xin cáo lỗi vì đã đi quá xa đề ; để trở lại

1. Tôi chép đoạn này ra đây cho những người đã đọc truyện Tam Quốc rồi, tôi xin miễn cắt nghĩa lời nói trên đây vì tránh dài dòng lời thôi, lòng chỉ mong những bạn chưa đọc Tam Quốc hãy tìm mà đọc và khoan hiền làm rằng đây là lời nói xỏ lại Khổng Minh. Các bạn rán tìm hiểu lấy, biết đâu sẽ khám phá ra nhiều từ mới, có dịp tôi học thêm. S.

tôi xin có đôi điều tìm hiểu cái tình tri kỷ éo le giữa Châu Du và Gia cát Lượng.

Nhơn dịp tôi xin phép kể ra đây sơ lược những hạng bằng hữu cõ kim có thể giúp ta thấu đáo mỗi manh bài toán nhân tâm khúc chiết này.

Theo sách Á Đông dạy, luận về tình bằng hữu thì cốt lấy « Đức » đãi nhau, lấy « Tin » làm đầu, và lấy « Nhân Nghĩa » làm gốc.

Lời xưa thường vi : « Chơi với bạn tốt như vô nhà có bông thơm, hoa quý (như nhập chi lan chi thất), trái lại, làm bạn với kẻ xấu như vào chỗ chứa cá ươn (như nhập bào ngư chi tử).

Bạn chia ra ba bảy đường : có bạn « khẩu đầu », chơi với nhau ngọt ngào môi ngoài miệng, chớ trong lòng dạ chứa gươm dao chưa biết chừng ; có bạn « tửu nhục », lấy chén rượu miếng ăn làm trọng ; có bạn « kim tiền », lấy bạc vàng làm hơn.

Đến như bạn tốt thì có :

— *bạn tri âm*, lấy tích Bá Nha — Tử Kỳ, đã kể trong bài trước, Bá Nha đàn, Tử Kỳ đứng nghe mà biết lòng biết dạ nhau ;

— *bạn tri kỷ*, như Quản Trọng với Bào Thúc Nha. Quản Trọng ba lần bị đuổi mà Bào Thúc không khi, vì biết Quản Trọng chưa gặp vận ; Quản Trọng hùn vốn ít mà chia lời nhiều, Bào Thúc không giận, vì biết Quản Trọng nghèo và có mẹ già. Trọng từng khóc : « Cha mẹ sanh ta, Bào Thúc biết ta ! »

— *bạn « tri tâm »*, như Qui Trát với Từ Quân. Từ Quân thấy gươm của Qui Trát đeo bên mình, khen gươm đẹp và đem lòng muốn. Nhưng Qui Trát còn bận đi sứ phương xa nên chưa cho được. Khi trở về thì Từ Quân đã mất, Qui Trát đến viếng mộ và treo gươm qui nơi mộ Từ

Quân gọi « biết lòng » và thủ tin với nhau, dẫu rằng người bạn ấy đã mất rồi ;

— *bạn đồng tâm*, là tích bảy ông hiền ở « rừng Trúc ». Lại nữa như Tiết Nhơn Quý và Vương Mậu Sanh đời nhà Đường cũng là một cặp bạn đồng tâm tốt. Sau khi Nhơn Quý hiền đạt, Mậu Sanh đi lễ tân quan một cặp chóc, tưởng chứa rượu, ngờ đâu vì nghèo quá không tiền mua, Mậu Sanh lấy nước thay vào. Cũng tưởng nhà quan lớn thiếu gì rượu người khác đi lễ, có dè đâu buổi trùng phùng, Nhơn Quý nhớ ơn Mậu Sanh, nên sai quân khai chóc để cho mình nếm rượu của bạn tốt, Mậu Sanh tỏ thiệt, Nhơn Quý cả cười sai quân cứ việc múc cho mình đầy ba tô lớn, uống một hơi ráo cạn ; cười rằng : « Người sanh tình nghĩa trọng, uống nước lòng thêm trong ».

— *bạn sanh tử*, tức tích Đào Viên, Lưu Quan Trương tam kiệt : « Chẳng nguyện đồng năm đồng tháng sanh, chỉ nguyện đồng năm đồng tháng tử ».

— *bạn đồng chí*, như Hường Tú với Kê Khương, là hai chú thợ rèn tâm đầu ý hiệp, người này nhúm lò là người kia xách búa qua đập sắt giúp; kẻ này vừa lấy đàn ra sắp đàn thì kẻ nọ về lấy sáo qua cùng đàn hòa nhịp, trời khúc vui vậy ;

— *bạn đồng đức*, như Lão Quân với Khổng Tử, đạo đức ngang nhau ;

— *bạn vong niên*, tức là bạn quên tuổi nhau, như Khổng Dung đời Tam Quốc chơi với Nễ Hoành, một già một trẻ, một sang một hèn, mà vẫn kính nhau ngang bực vì trọng tài chứ không kể tuổi ;

— *bạn mạc nghịch*, như Kiềm Lao với Tử Tang Hộ và Mạnh Chi Phấn, ba người ấy, vui mừng giận lo, đều có nhau ;

— *bạn vãn kính*, trong sách dịch là bạn « cắt hòng »,

do tích Lạn Tương Như với Liêm Pha. Lạn Tương Như lập công lớn, Liêm Pha ganh tài thì Lạn lánh mặt, sau Liêm biết được, tự hối lấy dây trói mình xin tội, vì hai người đồng một lòng giúp nước, nếu tranh nhau thì kẻ mất người còn, mất lực lượng của nước nhà, nên kết bạn « văn kinh », nguyện dầu bị cắt họng cũng quyết không bỏ nhau ;

— *bạn thần giao*, là bạn nghe danh mà chưa biết mặt. Nguyễn Tịch và Kê Khương nghe tiếng người Sơn Đào mà chưa biết mặt, sau ba người gặp nhau, kết làm « thần giao chi hữu », nghĩa là bạn có thần xuôi khiến gặp nhau ;

— *bạn tử hữu*, lấy tích Dương Giác Ai với Tả Bá Đào. Hai người cùng đi thi, đi ngang qua trường núi dài gặp bão tuyết, Tả Bá Đào vừa đói vừa rét, lương thực lại cạn, nhắm cùng đi không nổi và sẽ cùng chết vô ích, nên Tả Bá Đào lột áo ấm và trao gói cơm khô cho Dương Giác Ai khuyên cứ tiếp tục lên đường, để mình nằm lại đó chịu chết. Sau Dương thi đỗ, về ngang mộ bạn dừng lại khóc tế, đêm nằm chiêm bao thấy bạn hiện hồn cho hay có con quỷ dữ đánh đập xua đuổi hồn Bá Đào. Mấy phen Dương tìm cách giúp Bá Đào chống với quỷ, nhưng đều không hiệu nghiệm, vì âm dương cách bức, sau rốt, Dương tự vịn trên mộ Bá Đào để hồn mình theo hồn họ Tả, chống cự mới lại hồn quỷ kia. Dương muốn sống thác được gần Tả, để đền cái nghĩa nhường cơm nhường áo lúc sanh tiền. Luận về cao nghĩa, tích tuy có dị đoan nhưng nên ghi lại để nhắc đời làm gương bạn khó kiếm ;

— *bạn tương thức*, là quen biết nhau vì tánh tình và chí khí. Cũng lấy tích trong Tam Quốc. Trình Phổ và Châu Du đều là tướng của Đông Ngô. Từ ngày Du được phong Đô đốc, thì Du càng hạ mình đối xử nhỏ nhen với Phổ. Phổ biết được thêm kính trọng Du và cùng kết bạn « tương

thức». Trình Phở có câu: «Tình ta cùng Công Cẩn, giả như rượu bột, càng uống vào, càng lâu, càng thấm, đến như say từ hồi nào không hay biết được».

— *bạn tình giao*, là bạn xét mình mà kết bạn, lấy tích Phạm Thơ và Tu Cồ, đời Đông Châu. Phạm Thơ bị vua Ngụy nghi oan, tra khảo cực hình, Tu Cồ không một lời can thiệp, thế là rất lỗi với bạn. Hai người xa cách, nhưng sau gặp nhau lại nơi nước Tần, lúc bấy giờ Phạm Thơ làm đến bậc Tướng quốc, mà Tu Cồ không biết. Phạm Thơ đề thử bụng Tu Cồ, bèn giả ăn mặc rách rưới, đến nhà trạm tìm ra mắt Tu Cồ, thì Tu Cồ cho cơm ăn rượu uống tử tế và cỡi áo ấm cho mặc, nhờ vậy sau này Phạm Thơ nghĩ tình tha giết, dung nhau vì chút nghĩa còn nhớ tình xưa;

— *bạn sai đẳng*, là sang làm bạn với hèn. Tích Quán Trọng làm tướng quốc cho nước Tề, gặp Ninh Thích là người chăn trâu mà không tỏ ý khi dễ, dùng xe rước về phủ, kết làm anh em và tiến cử cho vua dùng người hiền tài. (Tích Tiêu Hà đời Hán làm bạn với Hàn Tín thuở chưa đạt vận cũng là «sai đẳng chi giao»)... v.v...

— Ngoài ra, còn bạn văn hữu, thi hữu, đồng liêu, đồng niên, đồng dân, đồng hương, đồng lý, đồng nghiệp,... thì như tên đã đặt, tưởng không cần thích nghĩa thêm rườm. (Đồng dân là bạn cùng một tuổi dân).

Sở dĩ tôi kể dài dòng như trên, nhắc lại bao nhiêu tình bằng hữu được biết là để kết luận rằng không thấy chỗ nào nhắc hai người thù nhau mà có thể ghép làm anh em được. Hai chữ «tri kỷ» có nghĩa là «biết mình». Xét lại trong Tam Quốc, biết lẫn tài nhau, không ai hơn Châu Du biết tài Khổng Minh và Khổng Minh thấu đáo tài sức Châu Du, hai người không khác chuột mẹ biết trước bụng cha mèo, như tay cờ cao thủ đón trước người cao cờ khác những hai ba nước tấn.

Trong truyện kể biết bao phen Châu Du muốn hại Khổng Minh. Phen nhứt, mượn cơ sai Khổng Minh đi đoạt lương Tào Tháo, dốc lòng mượn tay giặc dữ giết đi để khỏi mang tiếng mình có bụng sát hại người có tài, nào ngờ Khổng Minh dùng mẹo tài tình đoạt lương cáo già Tào Tháo đem về nạp y số cho Châu Du mà không hề hấn chi đến tánh mạng. Phen nhì, Châu Du lại ra lệnh cho Khổng Minh coi sóc việc vớt tên cho đủ số và cho kịp ngày cần dùng: Nghĩ cho ngày giờ hạn định thì eo hẹp, còn số tên đòi hỏi thì quá mức làm kịp, thế mà không tốn một sức mọn, Khổng Minh gặt cho bên trại Tào bắn tên qua đoàn ghe mình, mà trên mỗi chiếc đều có bện rơm dày hai bên hông sẵn để chờ hứng tên ấy, rồi đúng kỳ chở hết về nạp cho Châu Du còn quá hơn số đã định, thật là thần xuất quỷ một, một cách « mượn tên Tào để bắn lại Tào » hay nói cách khác, khác nào « mượn giáo Tào để đâm chặc ».

Lần sau rốt, muốn dụng hỏa công nơi trận Xích Bích, Châu Du còn phải nhờ một ngọn gió thuận chiều để đốt giặc cho tiện, thì cũng lại là Khổng Minh « cầu gió được gió » và đến chừng Châu Du sai tướng mạnh tới Thất tinh đàn quyết lấy đầu Gia cát thì ông Gia cát đã có hồ tướng Triệu Vân chực sẵn rước về hiệp vây cùng Huyền Đức từ lâu! Ba phen khổ kế mà không động đến một mảy lông Gia cát Lượng, Châu Du lòng ác độc kể ra thật vô ngần. Mà cũng chẳng qua vì biết tài mình còn kém xa Khổng Minh nên đành phải hạ Khổng Minh cho kỳ được để còn lại một mình mình, dễ tung hoành làm anh hùng một cõi. Chớ chi Gia cát Lượng cùng phò một chúa với Du thì Du ắt đổi ngay tánh đổ kỵ ra tình « tương thức » y như đã đối đãi với Trình Phổ rồi!

Xem Tam Quốc đến đoạn này phải nhìn nhận là Châu Du đối với Khổng Minh không được quân tử lắm, có thể

nói là không tốt chút nào. Vậy mà khi Châu Du nhắm mắt qua đời, thì Khổng Minh qua Sài Tang điều tế, ý xem Đông Ngô như cỗi không người. Cái gan anh học trò trói gà không chặt này, ai biết cho? Thật không uổng danh đề lại: « Gia cát lực vô phước kê, quốc tác Hớn trào quân sư » (Khổng Minh sức trói gà không chặt, tài đến quân sư nhà Hớn).

Trong bài văn tế của Khổng Minh viết có hai câu chót: « Tùng thử thiên hạ, cánh vô tri âm » (Từ rày sắp sau, khắp cả thiên hạ, không còn người nào đáng mặt tri âm với tôi nữa), thật là một câu đáng phải sống đời đời, và đó là câu nòng cốt dập tắt lửa phiền hờn của bao nhiêu mãnh tướng Đông Ngô.

Mà chẳng phải Khổng Minh đại khờ chi mà không biết Châu Du hăm hăm muốn ăn tươi nuốt sống mình. Không nhớ trong một cuốn sách nào, đọc hồi nào, duy tôi nhớ đại lược có câu như vậy: « Chẳng những người nào mến ta mới gọi là tri kỷ; mà người nào ghét ta ấy cũng là tri kỷ (năng ky ngã, giả diệc tri kỷ); chẳng những người nào muốn dung ta ấy là tri âm, mà người muốn giết ta (dục sát ngã), ấy cũng là tri âm ».

Ngoài ra còn một câu như vậy nữa: « Dầu biết được ta mà dùng chẳng được hay là tuy dùng ta mà dùng chẳng trọn tài ta, thì trở lại chẳng bằng ghét ta, mới là biết ta vậy ».

Trong ngụ ngôn Pháp có chuyện con gấu và tảng đá. Nguyên có người kia ghét đời, không chơi với đồng loại để rồi làm bạn với một con gấu. Gấu thấy ruồi muỗi đậu trên mặt chủ mình, đuổi cách nào cũng không được, gấu giận bèn cất tảng đá lên cao khỏi đầu và đập xuống thật mạnh cho chết tiệt ruồi muỗi không dè làm chết luôn bạn quý: hạng ngu xuẩn này thà đừng có là hơn và trên đời thà gặp

kẻ địch thù minh minh chánh chánh, biết mình biết ta và
nể trọng nhau, như vậy mà ngộ hơn kết giao với một thằng
bạn ngu xuẩn, hại mình mà không hay biết, giết mình mà
không ngờ.

Song le, những thứ bạn báo đời kiêu này lại là phần
đồng, và có như vậy mới thấy chỗ thâm thúy của mối tình
tri kỷ thật oái oăm nối kết giữa hai ông Châu Du và Gia
cát Lượng.

12. — Ô bốn tử

(Đây là một án lạ kỳ trích trong bộ truyện « Long Đồ công án » hay là « Bao Công thăm án » do hai ông Nguyễn Ngọc Thơ và Đinh Thái Sơn dịch và xuất bản, bản nhà in Xưa Nay, Sài Gòn, năm 1929, in lần 3) : (nhưng tôi phỏng theo và viết lại, không sát bản chánh).

* * *

Lúc ông Bao Công còn làm thái thú tại Định châu, là nơi sản xuất đồ gốm danh tiếng gọi Ting-tcheou, có xảy ra một vụ án lạ nhưt.

Thuở ấy có một người giàu có vạn hộ, tên là Lý Hạo, quê ở phủ Dương châu, bỗng nghĩ ra một ý và qua Định châu định buôn bán đồ gốm. Đến nơi, Lý Hạo đi chơi cho biết vùng ngoại ô và ghé một tửu quán cách thành độ mười dặm ăn uống, không dè quá chén say mềm, nên bận về, trời chạng vạng tối, thêm đường vắng, Lý Hạo té nằm mê man không hay biết gì hết.

Xảy có hai tên du thủ tên là Đinh Thiên và Đinh Vạn đi ngang qua đó, lại đỡ Lý Hạo dậy, sờ lưng thấy có vàng thì động lòng tham, mới toa rập nhau thừa dịp Lý Hạo say, hỏi gì cũng không biết, bèn khiêng Lý Hạo bỏ trong rừng sâu, lục lưng lấy hết vàng, đếm được một trăm lượng, liền chia đồng với nhau, về nhà đưa vợ giấu cất kỹ cang, như vậy cũng đủ ác rồi, đàng này hai đứa còn bàn luận ra tay độc. « Nếu người đó tỉnh lại và ra phủ đường tố cáo thì ắt có chuyện khó dễ, chi bằng làm cho biệt tích là hay hơn ». Tỉnh rồi

hai đứa trở vô rừng đập chết tài chủ và đem thầy Lý Hạo chắt củi khô đốt cháy ra tro... Phi tang rồi, hai đứa về nhà mới là yên bụng.

Không ngờ, như đã nói vùng Định châu là nơi làm đồ gốm da đen, ngày nay mỗi món còn sót lại, giá bán ức vạn, nên khiến cho thợ đi tìm đất tốt nắn đồ từ khi lại nhè ngay chỗ Lý Hạo bị đốt, đào lấy đất đem về nắn làm nên một cái chậu, khi hầm chín thì da đen sì, nên gọi Ô bồn.

Sau đó ít lâu, có một lão trượng tên là Dương lão ở Định châu, mua ngay cái chậu ấy đem về nhà để trong phòng ngủ để ban đêm tiểu trong đó cho tiện, khỏi mất công ra ngoài tối vì già cả sợ té và sợ trộm lên vô nhà. (Cái chậu dùng việc đó, gọi là « niệu khí », Pháp gọi « urinal », ngày nay có nhiều người mới tập chơi đồ cổ không biết mua về tâng tiu để trên tủ thờ thiệt là buồn cười.)

Dương lão mua chậu về, dùng được ít hôm, bỗng đêm nọ nằm chiêm bao thấy hồn một người hiện về nói : « Tôi thiệt là một người lữ khách quê ở phủ Dương châu bị giết oan, có sao ông nhè trong miệng tôi mà đái ? »

Dương lão thức dậy, mồ hôi ra ướt đầm mình, làm gan khêu đèn thêm tỏ, hỏi cái chậu đen kia rằng : « Như người thiệt hàm oan, thì cứ nói, lão liệu mà minh oan cho, vì Bao đại nhơn làm thái thú ở đây, xử việc như thần ».

Cái chậu không nói, nhưng Dương lão vừa đi ngủ, nhắm mắt thì lại thấy hồn về mách bảo : « Tôi thiệt là người ở phủ Dương châu, họ Lý tên Hạo, qua phủ này buôn bán, vì ăn uống say té nằm giữa đường vắng, bị hai tên Đinh Thiện, Đinh Vạn cướp hết một trăm lượng vàng lại giết tôi đem thầy vào rừng đốt thành tro đất, sau bị thợ làm lò chén đào đất ấy làm ra cái chậu ông đựng nước

tiểu này. Thật là oan ức. Vậy xin ông đem cái chậu đến trước mặt Thiết diện tướng công dâng tôi kêu oan, được vậy tôi sẽ phù hộ và giúp ông làm ăn thêm khá.» Dương lão rất kinh sợ và rạng ngày, quả ông đem cái chậu ấy đến nạp trước công đường và thuật tự sự cho quan thái thú nghe. Bao Công dạy đem cái chậu để dưới bệ, ông hỏi thì không nghe ai trả lời chỉ hết, nên giận quở Dương lão rằng : bày điều huyền hoặc rồi dạy đuổi ra.

Dương lão bị quan quở trách đem chậu về nhà rất giận, nhưng tối lại cũng chiêm bao thấy hồn về nói : « Xin ông chớ phiền, vả chăng tôi là hồn ma rất sợ ánh sáng, thêm nữa giữa công đường sát khí oai nghiêm, làm sao tôi nói được. Vậy ông chịu khó cho tôi mượn một cái áo đen gói tôi lại và xin Bao đại nhơn đặt tôi trong phòng ngai nằm, khi ấy tôi mới cho Bao đại nhơn thấy tôi được ».

Dương lão làm y như lời, sáng ngày lấy cái áo đen cũ gói kín cái chậu lại rồi vào quì lạy Bao Công thuật lại hết điềm chiêm bao vừa thấy.

Bao Công, vì trọng hình pháp nên đem chậu về nhà làm y lời dặn, quả nhiên đêm ấy ông chiêm bao thấy y một điềm như Dương lão đã thuật. Bao Công cả kinh sáng ngày sai Trương Long, Triệu Hồ là hai tên công sai thân tín cầm lệnh bài đi bắt Đinh Thiên, Đinh Vạn đem về quì dưới bệ ; Bao Công hỏi : « Hai người bày mưu ám hại Lý Hạo ra làm sao, nay có Dương lão đầu đơn, phải cứ thiệt khai ngay ». Nhưng hai tên ấy già hàm chối ngay và nói : « Thật hai tôi không biết việc ấy ». Tra khảo cách mấy chúng cũng một mực chối hoài, Bao thái thú liền dạy giam hai tên ấy vào ngục, một mặt sai lính dò vợ hai đưa nó đến mà cật hỏi thì chúng nó cũng không chịu khai. Bao Công nói : « Chúng bày chối vô ích, vì chồng hai người đã cung khai với ta rằng đã đồng mưu giết Lý Hạo, lấy một trăm

lượng vàng, rồi thiêu đốt thầy người ra tro, còn vàng thì giao hai người chôn giấu. Vì chòng hai người khai như vậy, nên ta đòi hai người đến, và hai người như muốn chòng nhẹ tội, thì nên chỉ chỗ giấu cho ta, bằng cứ chối cãi hoài thì tội càng thêm nặng ».

Hai người đàn bà tưởng cứ sự đã bại lộ nên đồng khai : « Vàng bây giờ còn chôn bên vách nhà ». Bao Công cho lính dắt hai người đàn bà về nhà đào quả nhiên số vàng còn gần đủ số. Khi ấy Bao Công truyền dẫn hai tên gian nhor nơi khám lên và hét lớn : « Đây là số vàng hai người cướp của Lý Hạo, tang cứ rõ ràng còn đợi gì mà không khai thiệt ».

Hai tên ấy thấy như vậy thì ngó mặt nhau không nóiặng một lời, Bao Công bèn lên án : hai tên Đinh Thiên, Đinh Vạn, kiến tài ám nhĩn, phạm tội sát nhor thì phải đền mạng, trảm quyết. Còn Dương lão can đảm dám tâu bày sự thiệt, nên thưởng hai chục lượng bạc. Hai người đàn bà thì phát phối sau khi bị đả trượng. Số vàng và cái chậu Ô bồn tử, thì đòi thân quyến Lý Hạo cho lãnh về, muốn chôn hay thờ cái chậu tùy ý.

* * *

Lời bàn. — Chuyện Ô bồn tử, muốn tin cùng không, không ép. Song ngày nay các nước Âu Mỹ đã có cách thử đồ cổ vật bằng phương pháp gọi « carbone 14 » tức nhờ lượng độ thán khí carbone đeo theo món vật muốn thử mà biết chừng số tuổi của vật ấy xưa ước mấy trăm năm, v.v...¹ Suy ra phương pháp này cũng rút trong nguyên tắc

1. Tôi chỉ nghe nói phương pháp này và học lại đây như kéc, chớ chưa từng thấy tận mắt. Nhưng những người nói với tôi thì cho rằng phương pháp này cũng tạm tạm vậy thôi chớ cũng không

mà cổ nhân ta đã có kinh nghiệm tuy chưa đi tới mức khoa học. Ấy là cái gọi là « hơi hướng, hơi hám » của món đồ. Tỷ như đồ của người cha dùng, khi người cha ấy chết, thì phải gói vào nhà thờ, phủ thờ, là một cách loại trừ món vật ấy trong đồ dùng của người con kế vị. Như vậy người con tức nhiên phải sắm đồ vật mới để dùng và cất lên đồ vật cũ làm kỷ niệm, một mặt như vậy nghệ thuật mới phát triển, một mặt khác như vậy mới hiểu ý nghĩa của sự thờ phượng. Tôi nói đây là sơ lược vậy thôi, một khi khác sẽ đi sâu vào vấn đề hơn. Ngoài ra ngày nay ta còn thấy nhiều người tin rằng có món đồ thì « hên », dùng nó đeo nó thường gặp điều may, còn món khác lại « xui », dùng nó, đeo nó thường gặp chuyện không may không lành. Ấy chẳng phải dị đoan đâu. Theo tôi đó là kinh nghiệm nhiều đời, cũng ở trong vòng « hơi hướng và hơi hám ».

Ngày nay chúng ta đã đi xa vào khoa học và bớt tin sự may rủi, sự có hay không có ma quỷ, v.v..., nhưng tại sao còn rất nhiều người tin ở sự người đàn bà này có số « sát phu », còn người đàn ông kia lại có tướng « sát thê », thiệt là trong vòng lẫn lộn, tôi xin chịu phép và nhờ người cao minh dạy cho.

Có thứ áo, mặc vào là tốn tiền, hao của, (tôi ghét nhất là bộ đại phục, chỉ mặc khi có việc, như dự đám cưới, đi đưa đám ma), có thứ áo mặc vào thì cháy vì tàn thuốc, có thứ mặc để làm việc đem tiền vô, nhưng đây là ngoài

...
nên dựa theo đó một cách quả quyết lắm. Tỷ dụ như đối với những vật tối cổ đào được từ đời Ân Thương hoặc Tiền Hán thì còn được, vì số sai lạc xê xích đến mấy trăm năm, cũng tạm cho là đúng và tin được; đến như đồ sứ đồ gốm tỷ như đời Kiền Long (1736-1795) trở lại đây thì còn gần quá, không đoán theo phương pháp này được vì trừ với số xê xích thì có còn gì? Cho nên đối với tôi, tôi tin ở nhãn lực và kinh nghiệm hơn. Lại nữa nếu máy móc quá thì nghệ thuật chơi cổ ngoạn xuống dốc chờ không tiến rồi.

đề, và miễn bàn. Áo người chết ngày xưa rất kiêng và người sống không mấy khi lấy ra dùng lại.¹

Một điều khác nữa là ngày xưa rất kiêng kỵ không bao giờ dùng lư hương bát hương cũ để thờ ma mới hay ông bà của mình, cũng vì sợ « hơi hám » của hồn người chủ của những vật ấy còn vẫn vút theo vật này. Nghe đâu sau biến cố năm Mậu thân (1968) ngoài Huế đô có nhiều người ham mua lư hương cổ các chùa miếu bị thất lạc và đã gặp nạn dữ đến chết uổng mạng, hoặc hao tài tổn của hoặc kiện tụng lôi thôi. Người không tin dị đoan thì vẫn ham đẹp ham của rẻ nên vẫn mua, nhưng xét cho cùng, không thiếu gì vật khác, lựa phải mua chỉ những vật của người ta đã thờ phượng nhiều đời. Có người lý luận cùn, thì cho rằng nếu thần thánh thật linh thì đã vắn hòng bể cổ quân gian, nhưng nói như vậy cũng chưa đúng, vì có lý đâu vì mất vừa hương, các vị ấy đành hại một sanh mạng?

Người chơi đồ cổ có lương tâm nên tránh đừng mua những vật ấy là tốt hơn, một là không giục quân gian tái phạm, hai là đạo ai nấy giữ, mình động chạm tôn giáo của người còn tôn giáo của mình ai động được chẳng?

Vấn đề còn dài, luận chưa cạn, xin hẹn tập sau, khi người học chơi đồ ngoạn đã biết thưởng thức và say mê vì nghệ thuật chứ không vì lòng tự tôn và tham vật quý của người khác.

1. Cũng vì lẽ này cho nên ngày nay măng bào xưa và áo mảo triều phục cũ còn lại rất hiếm, bởi ít nhà dám đề dành, quên rằng đó là kỷ niệm qui của tổ tiên.

Để bổ túc tạp san số 1 về Thú chơi gà.

Hiếu Cổ Đặc San số 1 phát hành từ tháng 5 năm 1970, đến ngày 15-1-1971, tôi mới nhận được của em tôi là Trầm Xừ, từ Xoài Cả Nả ở Sóc trăng gửi lên hai trương tài liệu sau đây nói về phép nuôi gà nòi và tương gà nòi. Hai trương đặc sệt những danh từ chuyên môn, người ngoài ngó vào, không hiểu muốn nói gì, nhưng tôi vẫn chép ra đây y nguyên văn, để cho người thức giả dùng, vì Trầm Xừ là một thầy gà khét tiếng vùng Tài Sum, vì mến tôi mà gửi lên, và ai muốn hiểu thêm xin hay tìm y mà xin giải thích. Bỏ đi thì uổng lắm, nên cứ chép.

9-3-71

* * *

Sơ lược về vẩy gà (theo cổ truyền)

Vấn trên gối, gọi là vẩy Ấn thiên.

có nhiều chỉ gọi là *Ấn thiên chỉ.*

Vấn eo giữa gọi là *Ngân chài.*

Vấn giữa chân gọi là *Vấn cán (không tốt)*

Vấn xéo ngang cựa : *Vấn nhều.*

Vấn ngang chấu : *Vấn khâu.*

Vấn dưới chấu : *Phủ địa,*

có nhiều chỉ : *Phủ địa chỉ.*

Gạt thập trên gối X hay ngang cựa (Rất tốt).

*Huyền ngang cựa, nhỏ chừng nào càng tốt (có đúm đen :
Huyền đúm).*

Huyền khai nhỏ, Huyền khai nhỏ rồi Huyền tiếp o-o-o gọi là : nhứt cách nhứt chiếu.

Khai ngang cựa. Đầu đầu rẽ quạt, Nức nội (Xỏ nội).

Nhều chỉ. Liên giáp chỉ. Thần vương (Ba vảy dính bởi chỉ nhỏ giữa)

Liên giáp lớn (nội). Đại giáp. Nhứt thần. Hàm Long.

Nguyệt cung. Thập điền. Hoa thị. Hoa Cúc. Huyền số 8.

Vạm ngón trở. Vạm sỏ mức đầu tâm (Tốt nhứt).

Nhơn tự ngón trở, ngón giữa cũng tốt.

Vạm xác chấu, gọi là duyên trường hay là may độ.

Vạm ngậm xác chấu, gọi là Yển (ngó không thấy).

Vảy Ba hàng đến khỏi cựa, gọi là Vảy chân thầy.

Ngoài ra còn có những vảy riêng biệt : Vảy dép. Vảy cổ.

Vấn khâu đeo vòng dính liền sau phía hậu.

Lông tượng, Lông thép, Lông ba có chòm (Ba lông dính một gốc).

Lông cước (giống dây cước). Lông dim mốc (giống đuôi vịt trống).

Gà điều tha rất tốt. Gà gáy non (gà con biết gáy). Gáy Ba đội.

Gà gáy ra lửa (có ngọc). Gà không chun dưới sàng nhà (gà linh).

Gà không lưỡn (gà Sấu). Gà Hắc Hàm. Hắc lưỡn. Kêu con...

Gà ré, Gà la — mỗ la, Gà Bà Cẩu. Gà Phụng Hoàng Kê. Gà

thế. Gà te. Chân nhứt nguyệt. Mắt nhứt nguyệt. Cựa nhứt

nguyệt. Cựa đôi mồi. Chân vắn. Chân võ. Chân thắc. Chân

hồng sa. Chân chấm muối.

Nhứt thì chấm muối quăng ra, nhì thì lắt mắt, thứ ba né lông.

Mồng gà phải lớn phủ mũi, gọi là trường thụ. (Đầu rồng mỗ vua).

Về hình dáng, sắc diện, gân lực, v.v... còn nhiều cách lựa gà khác nhau, tùy theo kinh nghiệm (Thiên cang — Địa hành).

Về chọn ngổ : Gà lông đá ăn gà thịt. Gà gân đá ăn gà lông.

Các thứ linh kê: *Thần kê. Hồ kê. Long kê. Lân kê. Tử mi*
(ngủ ngáy sè cánh, chết giả).

Vảy trung. Vảy nịnh. Vảy vua. Anh hùng thứ nhứt, thứ nhì.
Về mặt nhiệm: Vảy tử. Mồng tử. Chết lông. Chết thịt. Trả
độ. Hết thời.

Đồ giống gà và nuôi gà con, ngay từ lúc mới nở đến biết gáy, tro lông màu, có cựa đến khi đá được, thật là một lối chơi cổ truyền rất độc đáo của những người thích chơi chọi gà, đá gà.

Loại trừ gà có vảy không dùng được (không muốn thịt thì cho): vẩn cán, liên giáp ngoại, huyền ngoại, treo chuông, bề biên giữa chân, khai hậu, xịa ngoại, khai kê (đầu đầu nhìn miệng), lép thành, vạm ngoại, đứt dây giống, lép độ tiền, độ hậu, đường nước hỏ, vảy đóng không đều không khít, lỗ móng, chẻ chấu, mồng lồ.

Gà bệnh rồi mạnh lại, bị gió, không đá được.

* * *

Bài thơ khen gà nòi

Loại gà nghĩ lại cũng hùng anh!

Năm đức trời ban đã sẵn dành.

Đầu đội kim khôi mang giáp gấm,

Chân tra giáo nhọn bọc đai xanh (đai thế cho
vảy).

Trống thời anh dũng tài tranh đấu,

Mái lại hiền hòa giới dưỡng sanh.

Gan dạ đến trường thà sống thác,

Đêm trường báo hiệu lúc sang canh.

Vô danh thi

* * *

Tài liệu của ông Trầm Xừ, chợ Đại Tâm, Sóc Trăng.

MỤC LỤC

Số	Tự	Trương
	Tự	7
1	Thú chơi cờ ngoạn	9
2	Vì sao tôi ham sách và thích đồ cờ ngoạn	53
3	Nước Việt Nam yêu quý	61
4	Chuyện con voi già trong Sở thú.	77
	Dẫn	91
5	Văn Nhược Hư (chuyện một người thích vật cổ quái) .	95
6	Thu Tiên (chuyện một người thích trồng hoa). . . .	133
7	Đỗ Thập Nương (chuyện một người phụ nữ biết chơi ngọc)	189
8	Mãi Du Lang độc chiếm hoa khô (Chú bán dầu may được vợ xinh)	223
	Lời bàn của người chép.	279
9	Luận về tục bó cẳng của đàn bà Tàu và luận về nữ trang	285
10	Bá Nha, Tử Kỳ.	297
11	Cặp tri kỷ lạ đời trong Tam Quốc: Châu Du và Gia cát Lượng	315
12	Ô bôn tử (tích Bao Công xử án một vạm bằng đất hăm). .	329
	Đề bổ túc bài Thú chơi gà trong Hiếu cổ đặc san số I .	335
	Mục lục	338